

Ba Phút Sự Thật Phùng Quán



Lời nói đầu

Phùng Quán (1932- 1995) là nhà văn để lại nhiều dấu ấn khó quên trong lịch sử văn học Cách mạng Việt Nam từ nửa sau thế kỷ XX. Anh là một nhà văn chiến sĩ trọn đời trung thành với lý tưởng mà mình đã chọn từ thuở thiếu thời: Đi theo Vệ quốc Đoàn chiến đấu vì Tổ quốc vì nhân dân. Dù phải vượt qua vô vàn tai ương đau khổ suốt 30 năm trời, từ sau vụ "Nhân văn giai phẩm"; dù phải đi lao động cải tạo từ Thái Nguyên, Việt Trì, Thanh Hóa, Thái Bình, không nhà cửa, lấy nhau có hai con rồi mà 20 năm ròng không có chỗ trú thân. Tên không được in trên sách, phải "cá trộm, rượu chui, văn chui".

Thế mà anh không hề thù oán ai, vẫn cặm cụi viết và vẫn viết "dòng đầu thẳng ngay như dòng cuối", luôn xung tưng đất nước, xung tưng nhân dân, xung tưng cách mạng, xung tưng tình yêu bằng những tác phẩm văn chương cuốn hút bốc lửa và thiêi tha, nhân bản. Phùng Quán đã để lại trong lòng bạn bè, đồng nghiệp một nhân cách cao cả, một lòng tin yêu đồng đội và nhân dân sâu sắc, một tấm gương lao động hết mình, tới hàng chục tác phẩm thơ, trường ca, truyện thơ, tiểu thuyết được nhiều thế hệ bạn đọc mến mộ...

Một Phùng Quán - Văn với tiểu thuyết "Vượt Côn Đảo". Cho đến bộ tiểu thuyết ngót ngàn trang "Tuổi thơ dữ dội", được tái bản lần thứ chín (lần tái bản gần đây nhất do Nhà xuất bản Kim Đồng thực hiện năm 2005). Tuổi thơ dữ dội được đạo diễn Vinh Sơn dựng thành phim cùng tên làm xúc động hàng triệu khán giả Việt Nam trong và ngoài nước. Phim được giải thưởng của Liên hoan phim Việt Nam và Tổng Cục Chính trị, Bộ Quốc phòng. "Tuổi thơ dữ dội" xuất hiện 32 năm sau sự kiện "Nhân văn", được giải thưởng Hội Nhà văn, chứng tỏ sự thủy chung, gan ruột trước sau như một của ngôi bút Phùng Quán đối với con đường mà anh đã chọn!

Một Phùng Quán - Thơ coi "thơ là lý lịch, là mạng sống đời tôi"; với những bài thơ gan ruột như bài thơ "Lời mẹ dặn" nổi tiếng một thời:

Yêu ai cứ bảo là yêu

Ghét ai cứ bảo là ghét.

Dù ai ngon ngọt nuông chiều

Cũng không nói yêu thành ghét.

Dù ai cầm dao dọa giết

Cũng không nói ghét thành yêu...

Và những bài thơ "Hôn", "Trăng Hoàng Cung", "Đêm Nghi Tàm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe"... đọc lên như nghe lời kinh cầu nguyện cho thân phận con người:

Thơ ai như thơ ông

Mỗi chữ đều như róc

Từ xương thịt cuộc đời

Từ bi thương phần uất...

Đã đi với nhân dân

Thì thơ không thể khác

Dân máu lệ khôn cùng

Thơ chết áo đắp mặt?...

Ngoài tiểu thuyết, trường ca, thơ, Phùng Quán còn có hàng chục bài ký thấm đẫm chất nhân văn viết về những người thân, về đồng đội, đồng nghiệp nổi tiếng của mình như Tố Hữu, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Hữu Đang, Văn Cao, Hồ Việt, Phùng Cung, Trần Đức Thảo, Tuân Nguyễn...; viết về những chiến sĩ cách mạng Cuba; những hồi ức về những ngày đánh Pháp ở Huế, những ngày đi lao động cải tạo ở công trường Cổ Đàm, Thái Bình.v.v... Một số bài viết đã được giới thiệu trên các báo, nhưng cũng có những bài viết chưa công bố bao giờ.

Chúng tôi chọn lọc và tập hợp những bài viết ấy thành cuốn sách "Phùng Quán- Ba phút sự thật". Tất cả những áng văn ấy được viết với một giọng văn pha hài rất chuyên nghiệp, kết cấu khúc chiết, dẫn người đọc đi từ bất ngờ này đến bất ngờ khác. Đọc "Phùng Quán - Ba phút sự thật" bạn đọc sẽ hiểu thêm số phận bi tráng mà cao thượng của những người trí thức; càng hiểu thêm sự nhân hậu của cây bút, "một đời lao碌, một đời cay cực, một đời thơ" Phùng Quán.

Để có được cuốn sách, chị Vũ Thị Bội Trâm, người vợ thủy chung, người mà khi yêu Phùng Quán, gia đình và cơ quan khuyên "không nên lấy đũa nhân văn", đã khẳng khái: "Tôi tin anh ấy là người tốt, thời gian sẽ trả lời". Chị Bội Trâm năm nay 74 tuổi, cách đây hơn 20 năm chị bị ung thư vú, thể mà đêm đêm lục tìm, đọc và chép lại lờng tờ di cảo của chồng, để giúp chúng tôi có thêm những bài viết mới của Phùng Quán. Từ hơn 11 năm nay, có tư liệu nào về Phùng Quán, của Phùng Quán là chúng tôi sưu tầm cho bằng được, rồi cất giữ, chờ ngày công bố. Chúng tôi tin rằng cuốn sách "Phùng Quán - Ba phút sự thật" sẽ mang đến cho bạn đọc nhiều chi tiết mới mẻ, cảm động về đời thường của những nhân vật "nổi tiếng" mà lâu nay chúng ta ít có điều kiện tìm hiểu. Đọc sách chúng ta càng trân trọng tài viết ký và tấm lòng thủy chung như nhất của Phùng Quán.

Phùng Quán là nhà văn có số phận đặc biệt. Tên tuổi và cuộc đời anh luôn gắn liền với những giai thoại pha chút huyền thoại. Vì vậy chắc chắn còn một số bài viết và tác phẩm của anh bị "thất lạc" đâu đó trong giới bạn bè. Chúng tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được những lai cảo của anh để bổ sung trong những lần tái bản sau.

Gác Phở Minh, Xuân Bính Tuất

NGÔ MINH

Ký của Ngô Minh

Nhà xuất bản Văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh, 2006

1. Ba phút sự thật

Trong cuộc đời làm văn của tôi, tôi mắc phải một khuyết điểm trầm trọng: Diễn đạt dài dòng.

Người đầu tiên dạy cho tôi sự hàm súc, cô đọng trong nghệ thuật ngôn từ là một thanh niên Cuba. Anh tên là Angtônô Êchxêvania, biệt danh là Măngđana (Quả táo). Anh mới 22 tuổi, sinh viên khoa ngữ văn. Ngày đó đất nước Cuba còn sống dưới chế độ độc tài Batitsta. Thói dối trá, đạo đức giả, lừa bịp được bọn Batitsta chọn làm quốc sách cai trị dân. Quốc sách này được lũ khuyến ưng văn hóa, văn nghệ tô vẽ, dệt gấm thêu hoa, nên ngày càng trở nên độc hại, ru ngủ không ít người Cuba vốn hào hiệp, cả tin, nhiệt tâm và lương thiện.

Măngđana tham gia tổ chức bí mật nhằm lật đổ chế độ Batitsta. Anh cùng với mấy người bạn thân tín trong tổ chức hoạch định một kế hoạch xé toạc bức màn quốc sách lừa mỵ của bọn độc tài và nói rõ sự thật với nhân dân. Kế hoạch khá mạo hiểm: Đánh chiếm Đài phát thanh quốc gia vào giờ phát thanh ca nhạc, giờ mà không một người dân Cuba nào không ngồi bên máy thu thanh. Sau khi đã dự liệu tính toán kỹ lưỡng đến cả những chi tiết nhỏ nhặt nhất trong kế hoạch đánh chiếm, Măngđana cùng với bạn anh biết chắc rằng chỉ chiếm nổi đài phát thanh trong vòng 3 phút, có nghĩa là 180 giây đồng hồ, sau đó bọn bảo vệ dài sẽ tiêu diệt anh... Vậy là bài nói chuyện của anh sẽ phải chấm hết ở giây đồng hồ thứ 181. Anh đặt tên cho kế hoạch mạo hiểm này là "Ba phút sự thật".

Điều làm Măngđana lo lắng nhất không phải là việc đánh chiếm Đài phát thanh, cũng không phải là cái chết. Cái khó là anh phải nói được sự thật với nhân dân chỉ trong vòng ba phút!

Kết quả, Măngđana cùng các bạn anh, với lòng dũng cảm siêu phàm và tn thông minh tuyệt vời của tuổi trẻ, đã thực hiện chiến công thần kỳ này một cách toàn vẹn đúng như kế hoạch đã định: Bài nói của anh chấm hết vào đúng vào lúc những loạt đạn tiểu liên bắn thẳng vào ngực anh, vào tim anh ở giây thứ 181.

Sau ngày Cách mạng Cuba thành công, Angtônô Êchxêvania được nhà nước xã hội chủ nghĩa Cuba truy tặng danh hiệu Anh hùng dân tộc. Chiến công của anh được nhà thơ Nga Xô viết Éptusenkô viết thành bản tráng ca nổi tiếng "Ba phút sự thật". Câu chuyện về Măngđana dạy tôi một bài học lớn về nghệ thuật ngôn từ. Cả những đề tài lớn lao nhất như sự thật, như chân lý,

đều có thể diễn đạt nó trong vòng 180 giây đồng hồ với điều kiện tác giả phải sẵn sàng đem mạng sống trả giá cho những giây đồng hồ quý báu đó.
Sài Gòn 13-2-1993

2. Xông đất nhà thơ Tố Hữu

Sáng mừng một Tết năm Canh Ngọ. Như thường lệ, vợ chồng chúng tôi xuất hành vào 9 giờ sáng, đến chúc Tết các gia đình họ hàng nội ngoại. Năm đó chúng tôi quyết định xông đất đầu tiên gia đình nhà thơ Tố Hữu.

Trong mối liên hệ gia tộc, tôi gọi nhà thơ bằng cậu. Theo phong tục miền Bắc, tôi phải gọi bác, vì nhà thơ là anh em cô cậu ruột với mẹ tôi. Cậu là con út trong gia đình, hàng cháu chúng tôi vẫn quen gọi cậu út. Mọi năm, trên đường đi chúc Tết, tôi thường vẫn đi xe đạp ngang qua trước cổng biệt thự của nhà thơ trên đường Phan Đình Phùng. Cảnh tượng tưng bừng, tấp nập trước cổng biệt thự tôi không tả nổi; chỉ đoán chắc cả Hà Nội cũng chỉ năm bảy nhà sánh kịp mà thôi. ô tô con đủ hình dáng, màu sắc, nhãn hiệu, choáng lộn như vừa xuất xưởng, đổ một hàng dài san sát. Những bó hoa tươi thật lớn, thật rực rỡ, được đưa từ trên xe xuống... Công an mặc lễ phục đi lại dọc vỉa hè. Lính cảnh vệ oai nghiêm bồng súng đứng gác bên cổng sắt đồ sộ. Người ra người vào nườm nượp, mặc toàn đồ lớn, nét mặt hồng hào rạng rỡ, đầy vẻ trịnh trọng có pha chút khúm núm. Ngang qua đó, không hiểu sao tôi cứ có cảm giác sờ sợ, đầu không khiến mà chân cứ tự động đạp xe dạt sang bên kia đường.

Nhưng Tết này, trước cổng biệt thự của nhà thơ quang cảnh vắng teo. Không có chiếc ô tô con nào, không công an cũng chẳng lính cảnh vệ. Cái cổng sắt mọi ngày nom như hẹp hẳn lại, hai cánh cửa khép hờ, ai vào cứ việc đẩy cửa mà vào y như thể dân thường. Hai vợ chồng chúng tôi xuống xe đạp dừng tần ngần một lúc trước cổng sắt.

"Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo

Nền cũ lâu đài bóng tịch dương...

Hai câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan bỗng đột ngột hiện ra trong trí nhớ của tôi với toàn bộ vẻ đẹp u trầm và sâu sắc đến kinh người của nó.

"Tết này là đúng ba mươi hai cái Tết anh không đến chúc Tết cậu" - tôi nói với vợ, tay khẽ khàng đẩy cánh cổng sắt. Chúng tôi dắt xe qua khoảng sân lóm đóm những mảnh rêu, dựa xe vào tường dãy nhà ngang dài tít tắp, cuối dãy nhà là gara ô tô. Dãy nhà ngang này, mới năm ngoài năm kia, còn người ra người vào tấp nập, vang vang tiếng chuông điện thoại, tiếng "Alô, tôi nghe đây", tiếng máy chữ lách cách liên hồi; trong gara ngựa một chiếc ô tô đen choáng lộn, nhìn thẳng ra cổng với cặp mắt đèn pha sáng quắc, uy nghi. Bây giờ các cửa phòng đều đóng kín, trong gara đậu một chiếc xe con nhỏ thó, màu trắng đục.

Tôi bâng khuâng đưa mắt nhìn cây táo già và cây hồng tơ đứng sát bên rào sắt trước tiền sảnh biệt thự. Đây là hai cái cây nổi tiếng đã đi vào thơ.

Cành táo đầu hè rung rinh quả ngọt", "Quả sơn nhún nhảy đèn lồng cành tơ". Nhìn cây tôi bỗng chạnh nhớ đến anh lính trẻ thương binh Hoàng Cát viết văn. Chỉ vì cây táo này mà có lần anh phải mang họa vào thân. Anh viết truyện thiếu nhi "Cây táo ông Lành" và đã bị trừng phạt vì có dụng ý nói xấu cán bộ lãnh đạo cao cấp. Giá hồi đó anh đổi thành "cây nhót hay cây ôi ông Lành" chắc đã không phải khổ. Tôi nghĩ vậy và thảm tiếc cho anh. Chúng tôi bước vào phòng khách rộng lớn, thấy nhà thơ đang tiếp mấy vị khách ăn mặc xuềnh xoàng như chúng tôi, trong đó có một phụ nữ đứng tuổi, gương mặt thanh thoát, sắc sảo, cởi mở. Sau đó tôi mới được biết người phụ nữ này là chị Nê, vợ đồng chí Võ Chí Công.

"Thưa cậu, năm mới vợ chồng cháu xin đến chúc Tết, mừng tuổi cậu mợ và các anh chị...". Sau ba mươi hai năm không gặp lại, nhà thơ vẫn nhận ra tôi. "Vợ chồng Phùng Quán" nhà thơ nói như muốn giới thiệu luôn với mấy người khách - "Sao lâu nay cháu không đến cậu?" Giọng nhà thơ ân cần, có pha chút trách cứ của bậc bề trên.

Tôi thoáng một giây bối rối, nhưng nhờ mấy chén rượu xuân trước lúc xuất kích, nên đầu óc tôi trở nên mẫn tiệp. "Thưa cậu" - tôi chấp tay cung kính, ý thức sâu sắc rằng tôi không chỉ nói riêng với nhà thơ mà với cả khách khứa đang có mặt - "Cháu biết như vậy là rất có lỗi với cậu, nhưng mong cậu hiểu cho. Trước đây, lúc cậu còn là uỷ viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng thứ nhất, cháu chỉ đến với mục đích duy nhất là để thăm, chúc Tết cậu mợ, nhưng bạn hữu và những người quen biết cháu sẽ đình ninh Phùng Quán đến để cầu cạnh, xin xỏ Tố Hữu điều gì, và Tố

Hữu gọi Phùng Quán đến để sai bảo điều gì. Tấm lòng thật của cháu dù biện minh đến ngàn lần cũng chẳng ai tin. Miệng lưỡi thế gian dữ dần lắm cậu ạ. "Ai biết đâu ma ăn cỗ!". Bây giờ mọi việc đã xong rồi, vợ chồng cháu lại được đến chúc Tết cậu mẹ...".

Nhà thơ nhìn tôi với ánh mắt vừa thương hại vừa cười cợt. "Thôi, được rồi, hai vợ chồng ngồi xuống đây - nhà thơ chỉ hai cái ghế trống sát bên cạnh. Tôi là anh của mẹ Phùng Quán" - nhà thơ giới thiệu tôi với mấy người khách, trong đó có anh Hồ Ngọc Đại, nhà giáo dục cách tân nổi tiếng. Chúng tôi niềm nở bắt tay nhau. "Cậu có đọc bài thơ "Đêm Nghi Tâm đọc Đỗ Phủ cho vợ nghe" - nhà thơ nói - Bài thơ được lắm". Tôi thực sự ngạc nhiên trước lời khen về bài thơ đó. Đến chúc Tết nhà thơ tôi ngại nhất là chuyện này. Tôi thầm hy vọng nhà thơ chưa đọc.

Em ơi nếu Từ Mỹ - Nhà ở rộng mười gian - Rào sắt với cổng son - Thềm cao đá hoa lá - Chắc ông không thể làm - Mưa thu mái nhà tóc...

Những câu thơ như thế có thể làm nhà thơ nghĩ rằng có sự ám chỉ cá nhân... Lời khen bất ngờ này toát ra vẻ đẹp trong trắng của tâm hồn nhà thơ: với thơ bao giờ cũng hoàn toàn vô tư.

Nhân nhắc đến chuyện thơ, chị Nê bỗng ngừng câu chuyện với người khách ngồi cạnh, quay sang hỏi nhà thơ với giọng thẳng thắn bộc trực: "Sao lâu nay anh ít làm thơ thế? Anh đừng để tâm gì nhiều đến những chuyện đã qua. Tôi nói thật, mất đi mười ông Phó Thủ tướng tôi cũng chẳng tiếc bằng mất một nhà thơ như anh. Tuổi thanh niên tôi lao vào hoạt động cách mạng một phần cũng do đọc thơ anh. Ngày đó, bao nhiêu bài thơ trong tập Từ ấy tôi thuộc lòng. Hồi bí mật, bọn mật thám bắt tôi, chúng nó tra tấn treo ngược tôi lên, bắt tôi khai báo. Tôi trả lời chúng bằng cách đọc thơ anh, đọc bài này tiếp bài khác, đọc suốt đêm. Sáng hôm sau chúng nó sợ phải cời trói cho tôi... Không phải chúng nó sợ tôi đâu, mà sợ thơ anh đấy...".

Cũng là người làm thơ, nghe người phụ nữ kiên cường này nói về sức mạnh lớn lao của thơ, tôi thầm ao ước cả đời mình chỉ nhận được một phần mười của lời khen tặng đó - "Mọi năm, Tết nào anh cũng có thơ Xuân - chị Nê lại hỏi tiếp - Sao vài năm nay anh không có thơ Xuân?". "Tết này tôi cũng có làm một bài, ngắn thôi, thơ tứ tuyệt...". Vợ tôi nói: "Xin cậu đọc cho chúng cháu nghe với". Nhà thơ cười cười, đọc bài thơ với giọng Huế đặc sệt: "Đầu đề bài thơ là "Anh bộ đội mua đồng hồ". Xin lưu ý là "anh bộ đội" nghe: Có anh bộ đội mua đồng hồ - Thiệt giả không rành anh cứ lo - Đành hỏi cô nàng, cô tìm tìm; từ "tìm tìm" của tôi là đất lắm đấy. "Giả mà như thiệt khó chi mô!". Nhà thơ đọc lại lần thứ hai, nhấn mạnh từng từ một.

Khách khứa nghe cũng đều cười tìm tìm, nhưng không ai bình luận gì hết. Tôi thì đoán họ đều như bị hẫng. Vì giọng thơ khác lạ biết bao so với giọng thơ quen thuộc của nhà thơ trước đây. Chào 61 đỉnh cao muôn trượng, câu thơ sáng khoái của nhà thơ trong "Bài ca Xuân 61" được nhiều người hệt vào những câu thơ sấm ngữ. Riêng tôi, bài thơ này làm tôi nghĩ ngợi phân vân: có lẽ nào một nhà chính trị, một nhà thơ từng trải, thông minh như cậu mà mãi cho đến lúc bước vào tuổi bảy mươi mới bắt đầu ngấm cái đòn-giả-thật? Hay cậu đã ngấm từ lâu nhưng phải đến hôm nay, khi không còn hệ lụy gì nữa, mới có dịp bộc bạch với mọi người? "Các cháu ăn mút đi - nhà thơ quay sang nói với vợ chồng tôi". "- Thưa cậu cháu không quen ăn ngọt. Cậu có rượu chi ngon cho cháu uống, cháu xin uống ngay". "Rượu à? Cạnh cái chân lò sưởi có chai rượu gì đó người ta biếu, cháu xem có uống được không?". "A, Rượu Nga? Ararat". Tôi vặn nút rút một ly đây và uống cạn - Rượu ngon tuyệt cậu ạ. Thế mà vừa rồi nghe đâu Goochbách lại ra lệnh cấm rượu, Goochbách cùng tuổi với cháu, tuổi Tân Mùi". "Cấm rượu, nhà thơ dẫn giọng - Do đó mới làm thiệt mất của đất nước một trăm mấy chục tỷ rúp". Gương mặt của nhà thơ đang vui vụt sa sầm, cặp mắt đang vui chợt lóe lên ánh tức giận trước một tổn thất quá lớn về của cải của một đất nước mà nhà thơ yêu mến từ thuở thiếu thời và đã từng viết nên những vần thơ xao xuyến lòng người. Nhà thơ nói tiếp: "Sự đúng đắn và lối bịch nhiều khi chỉ cách nhau một sợi tóc".

Sau khi khách khứa ra về, chỉ còn lại ba cậu cháu. Tôi đã uống đến ly Ararat thứ năm. Rượu bắt đầu ngấm làm tôi trở nên mạnh dạn. Tôi hỏi nhà thơ câu hỏi tôi muốn hỏi từ lâu: "Thưa cậu, cháu rất muốn biết, bây giờ thực sự cậu mong muốn điều gì?". Một thoáng trầm ngâm, nhà thơ nói: "Cậu ao ước còn đủ sức khỏe, đạp một chiếc xe đạp về trong quê mình, sống lại kỷ niệm của thời ấu thơ, thời hoạt động sôi sục của tuổi thanh niên, rồi đặt những bài về như Mẹ Suốt, Ba mươi năm đời ta có Đảng, Nước non ngàn dặm... tìm đến nơi có đồng bào, bà con tụ tập, đọc lên cho bà con nghe... Cậu mong muốn được làm người hát rong của nhân dân".

Nhà thơ ngồi yên lặng một lúc lâu. ánh mắt nhà thơ trở nên tĩnh lặng thâm trầm như mặt vực nước của một dòng suối lớn lắng lại sau khi chảy qua biết bao ghềnh thác dữ dội của cuộc sống

và cách mạng. "Nhưng cậu còn bận vào việc phải hoàn thành công tác Đảng giao. Vả lại sức khỏe cũng kém đi nhiều, nên cái điều ao ước đó e khó lòng thực hiện được..."

Nghe nhà thơ tâm sự mất tôi tự dưng mờ lẹ, lòng quặn thắt cảm thương người cậu của tôi sang Xuân này, bước vào tuổi bảy mươi đã trở lại nguyên vẹn một nhà thơ, một NHÀ THƠ viết hoa.

Có lúc nhà thơ đã đạt đến chức Tam Công trong bộ máy quyền lực của đất nước, nhưng cuối đời lại chỉ mong ước được làm một nghệ sĩ hát rong của nhân dân mà không hy vọng thực hiện được. Trong khoảnh khắc đó, lần đầu tiên tôi lĩnh hội được hết vẻ cao sang của thi ca đích thực.

Vợ chồng tôi xin phép cậu ra về để còn đi chúc tết nhiều gia đình khác. Nhà thơ đứng lên tiễn chúng tôi và dặn: "Khi nào có thì giờ hai vợ chồng đến chơi với cậu. Cậu thường rảnh vào buổi chiều". Nhà thơ khoác vai tôi một bên, vợ tôi một bên lững thững đi ra cổng. Bước xuống khỏi những bậc tam cấp nhà thơ nói với vợ tôi: "Thằng Quán nó đại...". Khi ra gần đến cổng sắt, nhà thơ dừng lại, nói tiếp như vẫn không dứt dòng suy nghĩ của mình: "... mà cậu cũng đại...". Mấy ly rượu Ararat làm cái lười tôi trở nên phóng túng, tôi bật cười to: "Thưa cậu, thì chính cậu đã viết điều đó thành thơ từ nửa thế kỷ trước: Ai nên khôn mà chẳng dại một đôi lần!"

Xuân Tân Mùi, 1992

3. Cuộc viếng thăm bất chợt nhà thơ Tố Hữu

Cách đây ba năm, vào dịp hè, tôi được thư của nhà thơ Phạm Hồ mời đến nói chuyện với các cháu dự Trại sáng tác văn học thiếu nhi do Trung ương Đoàn phối hợp với Hội Nhà văn tổ chức. Tôi đã đến trò chuyện với các cháu về tác phẩm Tuổi thơ dữ dội, và cùng với ban lãnh đạo trại tổ chức cho các cháu xem phim dựa theo tác phẩm. Sau lần đó, các cháu thường kéo đến nhà tôi chơi, đọc cho tôi nghe thơ, truyện mới sáng tác. Tình bằng hữu, thi hữu trẻ già này cho đến hôm nay vẫn còn nguyên vẹn.

Một buổi tối trời lạnh, mưa lất phất, một tốp bảy cháu kéo đến nhà tôi. Ba cháu ở Hà Nội, hai cháu đồng bằng sông Cửu Long, một cháu Tây Ninh, một cháu Tây Nguyên - người dân tộc Êđê, "Chà, trời mưa gió tối tăm thế này mà các cháu chịu khó đến chơi, làm bác cảm động muốn chết!" – Tôi cười nói. Một cháu người Hà Nội láu lĩnh tiếp lời: "Bác đừng chết vội, Bác phải còn viết tiếp Tuổi thơ dữ dội cho chúng cháu xem". "Bây giờ thế này nhé. Cách đây không xa, có cái quán bán xôi nóng thịt kho, ngon lắm. Hôm nay bác đang có tiền, bác xin khao mỗi đứa một bát. Đồng ý chưa Ta đi đi không họ bán hết mất". Cháu gái ở Tây Ninh rụt rè thưa: "Chúng cháu được bác Định Hải cho biết, bác là cháu của nhà thơ Tố Hữu. Chúng cháu muốn được bác dẫn đến thăm nhà thơ, nghe nói nhà cũng ở gần đây...". Tôi hơi sửng một chút. Tôi đang ứng xử với các cháu theo cung cách của người già với con nít. Các cháu lại đang đặt cho tôi một yêu cầu nghiêm túc của người lớn. Tôi hỏi: "Nhưng các cháu nghĩ thế nào mà lại cương quyết từ chối việc hấp dẫn là ăn xôi nóng thịt kho để đến thăm nhà thơ vào cái lúc đêm hôm mưa gió thế này?". Một cháu ở đồng bằng sông Cửu Long nói: "Chúng cháu ao ước được gặp nhà thơ đã làm ra thơ Mẹ Tơm, Mẹ Suốt, Sáng tháng năm, Bác ơi, NƯỚC NON NGÀN DẶM..."

"Đó là một lý do đẹp! Nhưng... tôi nhìn lên đồng hồ - tám giờ. Bây giờ đến thăm nhà thơ kể cũng hơi muộn. Bác chỉ sợ nhà thơ đã đi nghỉ, không tiếp... Nhưng nếu các cháu đã quyết tâm như vậy, bác cũng xin dẫn đường. Nếu nhà thơ đồng ý tiếp thì bác cháu ta vào. Nếu không thì bác cháu ta kéo nhau đi ăn xôi nóng với thịt kho". Cháu gái người Êđê có gương mặt rất xinh, và cái miệng cười rất hóm, cúi xuống ngắm cái lọ hoa cắm mấy bông hồng bạch để trên bàn nói: "Bác cho cháu xin bông hồng nhỏ này nhé". Cháu cầm bông hoa hát lên một câu gì đó bằng tiếng Êđê nhưng vẻ mặt lại nghiêm trang như lời đọc phù chú. Cháu bẻ từng cánh hoa một, vừa bẻ vừa nói theo kiểu bói hoa: "Tiếp - không tiếp - tiếp - không tiếp... Cuối cùng cháu reo lên vẻ mừng rỡ thật sự: Nhất định nhà thơ sẽ tiếp bác ạ". Thế là mấy bác cháu tôi đội mưa đội gió từ Hồ Tây đến đường Phan Đình Phùng. Các cháu đứng nép sát vào nhau trước cánh cổng sắt, im thin thít, có vẻ hồi hộp lắm. Tôi cũng hồi hộp không kém, vừa nhẩm lại câu bói hoa của cháu gái Êđê, "Tiếp - không tiếp..." vừa đưa tay bấm chuông. Lát sau có một người đàn ông đi ra mở cổng. Tôi lễ phép hỏi: "Xin lỗi anh, nhà thơ Tố Hữu có nhà không ạ?". "Có ạ". "Không biết nhà thơ đã đi nghỉ chưa?". "Vừa mới đi nghỉ". Tôi thoáng một chút bối rối, đưa tay vuốt nước mưa trên mặt, nói: "Tôi muốn nhờ anh vào nhà thưa lại với nhà thơ, có các cháu ở Trại sáng tác văn học thiếu nhi, người Hà Nội, miền Nam, Tây Nguyên... muốn được gặp thăm nhà thơ. Nhà thơ

có thể tiếp được không?". Một lát sau, anh trở ra: "Nhà thơ mời các cháu vào". Anh đi trước dẫn đường. Tôi đi theo anh. Các cháu xúm quanh, níu chặt lấy hai cánh tay tôi, như kiểu trẻ con sợ bị lạc đường, líu ríu băng qua cái sân rải sỏi ướt nước mưa và loang lổ bóng cây. Đèn phòng khách bật sáng. Chúng tôi bước vào. Các cháu đứng đôn vào một góc, nét mặt lo lắng, căng thẳng, ngóng về phía cửa ra vào.

Một phút sau, nhà thơ từ trên gác xuống, ăn mặc chỉnh tề như sắp đi dự họp hoặc đến nói chuyện với một cơ quan nào đó, nét mặt tươi cười. "Cậu ạ! ông ạ!" Chúng tôi líu ríu, cung kính chấp tay chào. "Các cháu ngồi xuống cả đi, sao lại đứng thế" - nhà thơ chỉ hàng ghế trước mặt, và ngồi đối diện với các cháu. Người nhà bưng khay trà, bánh ngọt kẹo ra, bày lên bàn. Tôi đứng dậy thưa với nhà thơ lý do cuộc viếng thăm bất chợt này, và giới thiệu với các cháu nhà thơ. Nhà thơ hỏi các cháu về trại sáng tác, sở trường sáng tác của mỗi cháu, kết quả của trại... Nhà thơ chăm chú nghe các cháu trả lời. Không khí phút chốc trở nên cởi mở, đầm ấm, giống cảnh tượng một người ông âu yếm trò chuyện với đàn cháu nội, ngoại từ các nơi xa về thăm.

Chính giữa phòng là cái lò sưởi xây. Trên bệ đặt một chiếc nhà rông, pho tượng Lênin, và một cặp ngà voi tuyệt đẹp gắn trên giá gỗ. Một cháu người Hà Nội xuýt xoa: "Sừng con gì mà đẹp quá". Cháu gái người Êđê nói với bạn: "Không phải sừng - ngà voi đây". "Thưa cậu, cháu này ở Tây Nguyên, người dân tộc Êđê - Tôi chỉ cháu gái nói - cháu 15 tuổi vừa làm thơ vừa sáng tác cả ca khúc. Nhà thơ nói: "Ngày trạc tuổi cháu, bác cũng đã làm thơ - nhà thơ cười - nhưng không được vào trại sáng tác mà làm thơ như các cháu đâu... Quê cháu có gần làng Rô không? Hồi trẻ bác đã từng sống và hoạt động ở đó...". "Thưa ông, bản cháu các làng Rô khá xa nhưng cháu đã được đến thăm làng Rô mấy lần., đi thực tế sáng tác. Cháu nghe người làng Rô kể hồi ông còn trẻ măng đã đến vùng này tuyên truyền, gây cơ sở cách mạng. Một cụ già làm nghề bẫy sập voi, thương ông như con đẻ. Cụ già hứa bẫy được con voi có cặp ngà thật đẹp để tặng ông. Khi cụ già bẫy được voi thì ông bị bọn Pháp bắt vào nhà tù. Cụ già trước lúc mất, trao cặp ngà voi cho người con trai cả và dặn: "Cặp ngà này là để tặng cho một người cộng sản và là một nhà thơ, tên là Tố Hữu. Con phải giữ cẩn thận và phải tìm được cho được Tố Hữu trao tận tay. Có như vậy cha chết mới được yên lòng". Người con sau đó đi du kích đánh Pháp, bị Pháp đánh trọng thương. Trước lúc hy sinh người con trao lại cặp ngà voi cho con trai nhỏ của mình, dặn lại lời trăng trối của ông nội. "Con cứ tìm đi rồi sẽ gặp người cộng sản Tố Hữu. Cha tin chắc nhà thơ đó vẫn sống và đang sống đâu đó trên đất nước này...". Hồi đánh Mỹ ông đi chiến trường miền Nam, làm thơ "Nước non ngàn dặm", trở lại thăm làng Rô. Cháu nội cụ già sẵn voi lớn lên nối nghiệp cha làm du kích đánh Mỹ gửi cặp ngà voi đến, trao tận tay ông... "Thưa ông có phải đúng cặp ngà voi này không ạ?". "Đúng đấy cháu ạ". Cháu gái Tây Ninh viết truyện ngắn, đứng lên, mắt rưng rưng: "Thưa ông từ ngày cháu đi học cấp một, cháu chỉ thăm ao ước một lần trong đời được nhìn thấy tận mắt "Đứa con của vạn nhà - Em của vạn kiếp phù sa - Anh của vạn đầu em nhỏ - Không áo cơm cù bất cù bơ". Thế mà đêm nay không ngờ..." Cặp môi nhỏ của cháu chợt run lên, nghẹn lời, lặng lẽ quệt nước mắt. Cháu gái người Êđê lấy trong túi áo ngực ra bốn quả táo vàng ươm xếp vào cái tách trà, hai tay cung kính bưng lại đặt trước mặt nhà thơ: "Cháu xin phép được tặng ông mấy quả táo ạ". Nhà thơ cầm một quả táo lên ngắm nghía hỏi: "Cháu nghĩ thế nào mà lại tặng táo?". "Dạ thưa vì ông đã làm được câu thơ đẹp như quả táo. Cảnh táo đầu hè rung rinh quả ngọt ạ". "Cảm ơn cháu - nhà thơ trầm ngâm nói - quả táo thế hệ bác còn bé tí, đến thế hệ các cháu nó đã lớn lên bằng ngần này... Cuộc sống thật là tốt đẹp".

Tôi nói: "Thưa cậu, hai giờ chiều mai, trại sáng tác của các cháu làm lễ bế mạc. Nếu cậu không bận việc cháu xin thay mặt trại mời cậu đến dự với các cháu?". "Hai giờ chiều à? Được, cậu sẽ đến. Tổ chức ở đâu thế? "Dạ Hội trường khách sạn Khăn quàng đỏ đường Hoàng Hoa Thám. Cháu sẽ xin đến dẫn đường". "Cậu sẽ hỏi anh lái xe, chắc anh ấy biết chỗ thôi".

Trên đường trở về nhà, các cháu nở ra một cuộc tranh luận về thơ khá sôi nổi.

Đúng hai giờ chiều hôm sau nhà thơ đã có mặt ở hội trường. Tôi đến muộn mấy phút. Bước vào đã thấy nhà thơ ngồi sau dãy bàn kê trên bục đối diện với các cháu, cùng với nhà văn Vũ Tú Nam, nhà thơ Phạm Hồ, và đồng chí cán bộ lãnh đạo Trung ương Đoàn. Nhà văn Vũ Tú Nam đứng lên giới thiệu: "Trại sáng tác chúng ta hôm nay được một vinh dự và một phần thưởng rất lớn. Nhà thơ Tố Hữu đến thăm chúng ta. Về tuổi tác thì nhà thơ vào bậc ông nội, ông ngoại của các cháu. Nhà thơ là người đã sáng lập ra Hội Văn nghệ Việt Nam, sáng lập ra Hội Nhà văn - và trại sáng tác của chúng ta hôm nay cũng là một phần công lao đóng góp của nhà thơ...".

Tôi từ hàng ghế cuối cùng bước lên cùng dãy bàn, chấp tay nói: "Xin phép ban lãnh đạo trại, cho tôi được mạn phép nói một lời, trước khi nhà thơ trò chuyện với các cháu". Tôi kể vắn tắt cuộc viếng thăm nhà thơ tối qua. Và chính nhờ cuộc viếng thăm bất chợt này mà nhà thơ hôm nay có mặt với chúng ta. Kính thưa nhà thơ Tố Hữu, các vị đại biểu, và các cháu. Sau cuộc viếng thăm nhà thơ tối qua, trên đường cùng các cháu trở về nhà, tôi bỗng nhận ra một điều vô cùng thấm thía: "Thì ra nhân dân không quên một điều gì hết, việc hay cũng như việc dở. Việc dữ cũng như việc lành. Bất cứ ai làm được một việc tốt cho đất nước, dù việc nhỏ cũng được ghi khắc vào ký ức nhân dân. Nguồn ký ức này được truyền từ đời này sang đời khác, thế hệ này sang thế hệ khác. Giống như một dòng sông chảy lặng lẽ, tha thiết trong tiềm thức của nhân dân, vì càng chảy qua nhiều thế hệ dòng sông càng được thanh lọc, mỗi ngày mỗi thêm sâu thẳm, thêm xanh đậm, thêm rộng lớn... Lòng biết ơn là một phẩm cách vô cùng lớn lao của dân tộc chúng ta". Nhà thơ Tố Hữu trò chuyện với các thế hệ nhà văn nhà thơ tương lai về thơ, về cuộc đời, với giọng chan chứa hy vọng và niềm thương mến. Nhà thơ tặng mỗi cháu một tập thơ Từ ấy vừa được tái bản không rõ lần thứ bao nhiêu.

1993

(*) Bài viết này là di cảo của Phùng Quán, được bà Vũ Thị Bội Trâm (bà quả phụ Phùng Quán) vô tình phát hiện trong két tủ khi chuyển nhà từ bên Hồ Tây về chung cư Vĩnh Phúc. Phía trên bài viết bằng chữ bút sắt với nét mực tím này có đề rõ "Kính gửi Ban Biên tập Tiền Phong Chủ nhật". Bà Trâm đã chuyển di cảo đến đúng địa chỉ mà tác giả muốn gửi gắm. Và đã được báo Tiền Phong Chủ nhật đăng trên số 32 ngày 10-8-2003. Vậy là sau gần 10 năm bài viết mới đến được nơi cần đến. (BT)

4. Một thoáng Văn Cao

Hồi còn đánh Mỹ, tôi làm việc ở Vụ Văn hóa quần chúng. Chị Băng, vợ anh Văn Cao làm ở Ban B, cùng trong ngôi nhà 51- Ngô Quyền, Bộ Văn hóa. Hồi ấy giá gạo ngoài ở Thái Bình lên đến 3 đồng một ký. Người Thái Bình đói kéo nhau về Hà Nội ăn xin. Một buổi trưa tôi ngồi uống nước chè chén 5 xu (ghi sổ nợ) ở cái quán xé bên cửa Bộ. Chợt nhìn thấy Văn Cao cùng với Đoàn Văn Chúc - Giảng viên Trường Đại học Văn hóa vịn vai nhau, chênh choáng, xiêu vẹo đi ngang qua. Tôi ới ới gọi hai anh vào uống nước, hút thuốc. Lâu không gặp Văn Cao, tôi sững sờ thấy gương mặt anh bạc trắng như tờ giấy, hai má hóp sâu, chòm râu lơ thơ làm cho khuôn mặt anh càng thêm nhợt hoắt. Trong quán lúc này có bốn năm người khách. Họ đều nhìn anh. Và tôi biết chắc là họ không biết anh là ai.

- Anh hút thuốc lào đi. Tôi đưa điếu cày cho anh, nói với chị chủ quán: - Chị cho tôi gói thuốc lào Văn Cao chậm rãi thông điếu, hỏi chị chủ quán:

- Thuốc lào của chị là thuốc lào Tây hay thuốc lào ta?

Chị chủ quán ngơ ngác:

- Làm gì có thuốc lào Tây ạ?

Tôi cười giải thích:

- Ý anh ấy muốn hỏi thuốc lào của chị là thuốc lào mậu dịch hay thuốc lào chui. Thuốc lào mậu dịch là thuốc lào Tây.

Chị chủ quán nói:

- Thế thì thưa ông anh, thuốc lào Tây ạ, em không có thuốc lào ta.

Một ông khách móc túi lấy gói thuốc lào bọc trong túi giấy bóng, đưa cho anh:

- Tôi có thuốc lào ta đây. Chính hiệu Tiên Lãng, mời ông ăn thử.

Văn Cao đỡ gói thuốc lào, vê một điếu bỏ vào nõ, nói với ông khách:

- "Ăn thuốc" đó mới đúng là ngôn ngữ của người ghiền thuốc lào - Văn Cao rít một hơi tận sức, từ từ nhả khói - Đúng là chính hiệu Tiên Lãng, ông cho tôi xin thêm điếu nữa?

- Mời ông cứ tự nhiên.

Văn Cao hỏi tôi:

- Quán có tiền đó không, cho mình vay 5 đồng. Hai thằng từ sáng đến giờ chỉ toàn rượu suông, muốn đi ăn bát cháo.

- Em chỉ có ba đồng, anh cầm tạm.

Văn Cao bỏ tiền vào túi. Hai người đứng lên, lại vịn vào nhau, xiêu vẹo dắt nhau đi.

Ông khách cho thuốc Lào á ngại nhìn theo hai người đi khuất ở ngã tư Ngô Quyền - Trần Hưng Đạo:

- Nhìn cái nước da trắng bệch của ông ta mà tôi phát sợ. Chắc chẳng còn sống được bao lâu nữa.

Tôi hỏi ông:

- Ông có biết ông ấy là ai không?

- Không, tôi đoán là dân ở Thái Bình mới lên. Từ hôm gạo lên 3 đồng một ký, dưới đó nhiều người đứt bữa...

Tôi nói:

- Ông ta là người đã viết một bài hát mà mỗi lần hát lên, cả nước phải đứng nghiêm, kể cả cụ Hồ.

Ông khách trợn tròn mắt:

- Ông ta là nhạc sĩ Văn Cao?

- Đích thị là Văn Cao!

Ông khách đang uống dở hớp nước, ngồi ngẩn ra một lúc lâu như người bị nghẹn, rồi buông lửng một câu:

- Thế thì còn ra thế nào nữa...!

Lát sau chị Băng từ trong cửa Bộ đi ra. Vừa nhìn thấy tôi, chị túm lấy hỏi:

- Từ sáng tới giờ anh có thấy anh Văn đi ngang qua đây không?

- Anh vừa đi cách đây hai mươi phút. Anh hỏi vay tôi năm đồng, tôi chỉ có ba đồng đưa cho anh.

- Có khổ thân tôi không! Ở nhà khách người ta đợi suốt từ sáng tới gần trưa.

- Khách ở đâu đến mà quan trọng thế? Chắc là nhà báo quốc tế đến phỏng vấn anh về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác.

Chị Băng nhăn nhó khổ sở:

- Khách từ Hà Giang xuống, ở Xí nghiệp chế biến chè. Họ muốn nhờ anh Văn vẽ cho cái nhãn chè. Người ta đem xuống 50 đồng với 10 gói chè loại 1. Chờ mãi không được thế là người ta đem tiền, đem chè đi nhờ họa sĩ khác.

Nghe chị kể tôi cũng thầm tiếc cho anh. 50 đồng với 10 gói chè Hà Giang loại 1. Chao ôi, thật đáng tiếc!

Hôm sau tôi gặp Văn Cao, kể lại chuyện hôm qua, hỏi anh:

- Sao anh lại bỏ dở một cái đơn đặt hàng ngon lành thế? Hay anh quên?

- Mình nhớ chứ, chỉ cần ngoạch trong nửa tiếng là có 50 đồng... Nhưng mình bỏ đi lang thang uống rượu sông với thằng Chúc và phải hỏi vay con gái.

Anh lắc đầu:

- Mình rất cần tiền mà cũng vô cùng chán tiền...

Tôi được quân đội cách mạng giáo dục từ ngày còn là một thiếu niên: "Nhân tài là báu vật của Tổ Quốc. Những người lính chúng ta có nhiệm vụ phải chăm nom, săn sóc, bảo vệ họ như con người của mắt mình".

Năm tôi 17 tuổi là lính trinh sát của Trung đoàn 101. Tôi được cử vào đội bảo vệ cho một nhóm văn nghệ sĩ có tên tuổi ở vùng tự do khu Bốn đi thực tế chiến trường. Chính uỷ trung đoàn Trần Quý Hai đã đến chỉ thị và dặn dò chúng tôi như vậy. Lúc đó chiến trường Thừa Thiên bom đạn đầy trời, chặt đất. Sau hơn một tháng đội chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên giao. Hơn một chục trận càn vây ráp lớn nhỏ nhưng bọn giặc không đụng được cái lông chân của văn nghệ sĩ. Đội bảo vệ chúng tôi có 8 người, hy sinh mất hai. Còn tôi thì bị thương ở cẳng chân, suýt nữa phải cưa trên đầu gối. Bao nhiêu năm tháng trôi qua, tôi đã trở thành người lính già đầu bạc, nhưng lời dặn dò của chính uỷ ngày đó vẫn còn tươi nguyên trong ký ức của tôi.

Năm nhạc sĩ Văn Cao 60 tuổi, tôi có làm bài thơ chúc thọ anh, trong đó có đoạn như sau:

Chúng tôi thường mơ đến anh

Như trẻ nhỏ mơ đến những anh hùng, truyền thuyết

Chúng tôi thường mơ

Một hôm nào đó nhạc sĩ Văn Cao bị bốn

bề vây súng giặc

Chúng tôi sẽ xông ra lấy ngực che đạn

cho anh

Chúng tôi thường mơ

Trên chiến trường quê hương Trị Thiên
Chúng tôi sẽ đánh một trận lừng danh
đất nước
Trên sông Hương, sông Thạch Hãn, sông Bồ
Đề anh về anh viết trường ca
Như Trường ca Sông Lô!...

5. Chuyện vui về triết gia Trần Đức Thảo (1)

Anh Cao Xuân Hạo, nhà ngôn ngữ học, bạn tôi từ mấy chục năm nay. Anh vừa là học trò, vừa là hàng xóm của triết gia Trần Đức Thảo, trước ở ngõ Hàng Chuối và sau này ở khu tập thể Kim Liên.

Anh kể:

- Mình đang ngồi dịch sách bỗng ngửi thấy mùi cháy khét. Nhìn sang buồng thầy Thảo, thấy khói tuôn ra các ngách cửa. Mình hốt hoảng xô cửa vào. Cả gian buồng mờ mịt khói. Lạ lùng nhất là thầy Thảo đang đứng bên cửa sổ, giữa đám khói, hai tay vung vẩy, miệng lầm bầm đọc thoại, như đang trình bày một vấn đề gì đó với cả đám đông vô hình trước mặt. Mình gọi giật: "Anh Thảo! Anh Thảo! Buồng anh cái gì cháy thế?". Anh Thảo giật mình về ngơ ngác như vừa bị đánh thức khỏi cơn mê ngủ: "Cháy à? Cái gì cháy; ở đâu nhỉ? Ờ... ờ... khói ở đâu mà nhiều thế?". "Thì khói ngay trong buồng anh chứ đâu". Mình xông vào giữa đám khói, tìm quanh gian buồng. Một lúc mới phát hiện ra cái bếp dầu nằm khuất sau tủ sách, trên bếp một cái xoong nhôm bị nung đỏ rực. Té ra thầy nấu cơm, cơm cạn, quên cả đậy vung, quên cả tắt bếp. Xoong cơm nấu một bữa ăn cả ngày, cháy thành than và đang bốc mùi mù khét lẹt. Phải vất vả lắm mình mới tắt được cái bếp dầu nóng rẫy, và bưng được cái xoong than cơm ra khỏi buồng. Mình không bưng thì thầy có thể dùng tay không mà bê cái xoong... "Anh đang làm gì mà mãi mê thế?". Mình hỏi. Thầy gỡ cặp kính ra khỏi mắt, lau lau vào vạt áo, nói: "Mình đang chú giải một chương hết sức lý thú và quan trọng trong toàn bộ trước tác của Hê-ghe-n...". Rồi thầy ngồi luôn vào bàn viết... như không còn nhớ gì đến vụ hỏa hoạn chết người suýt nữa xảy ra.

Thầy ở tầng gác ba. Các gian buồng ở khu tập thể được thiết kế rất giống nhau. Một buổi trưa thầy đi chợ về, tay xách cái làn đựng mớ rau muống, mấy bìa đậu phụ, chai nước mắm... Mỏi trèo lên đến tầng hai, thấy gian buồng cạnh cầu thang cửa khép hờ, thầy đẩy cửa bước vào; cửa buồng của thầy cũng thường khép hờ như vậy.

Người đăng trí thì thi thoảng cũng có thể vào nhầm buồng. Nhưng vừa bước vào họ đã nhận ra ngay. Thầy Thảo thì không. Mặc dầu vật dụng trong buồng này sang trọng gấp mười vật dụng trong buồng của thầy. Riêng cái giường của thầy, hẹp mà trải chiếu chiếu mốc meo. Còn buồng này giường rộng gấp đôi, trải vải hoa sặc sỡ. Thầy thân nhiên để cái làn xuống nhà, nằm lãn ra giường, mắt lơ đãng nhìn lên trần nhà, và thượng cả hai chân lấm bụi lên vải hoa. Chị chủ nhà quét tước ngoài hành lang, bước vào, trở mắt nhìn: "Anh Thảo vào chơi lúc nào mà em không để ý?". Thầy hơi ngẩng đầu lên, nhìn chị chủ nhà, mặt nhăn lại, nói: "Xin lỗi chị, tôi vừa đi về hơi mệt. Có gì cần trao đổi, mời chị đến chiều...". "Nhưng đây là phòng nhà em kia mà?". Thầy hốt hoảng ngồi dậy, nhìn quanh buồng, về ngơ ngác: "Ừ nhỉ, chết thật! Đúng là tôi nhầm... Thành thật xin lỗi chị...".

"Một hôm, thầy gọi mình sang - Hạo kể - Tôi đọc em nghe cái này, rồi em góp ý kiến xem, tôi viết thế đã được chưa"... Mình chuẩn bị để nghe một thiên khảo luận triết học.

Nhưng té ra là một bức thư gửi Ủy ban nhân dân khu phố và ban lãnh đạo khối phố. Thư được viết với văn phong chuẩn mực, chính xác của một thiên bút ký triết học. Nội dung tóm tắt của bức thư như sau: "Sau khi bố tôi mất, trong khu phố có dư luận Trần Đức Thảo đối xử với bố không tốt, bố ốm không thuốc men; chăm sóc không chu đáo nên bệnh tình ngày càng trầm trọng... Tôi xin thanh minh là dư luận đó không đúng. Tôi đã nuôi dưỡng bố tôi rất tận tình, lúc bố tôi ốm, tôi lo chạy chữa thuốc men đầy đủ, mặc dầu hoàn cảnh kinh tế rất eo hẹp. Nếu cần thiết, Ủy ban cho người đến điều tra các hộ hàng xóm để xác minh ý kiến trình bày của tôi v.v...". Mình ngồi ngẩn ra, nhìn thầy và tự hỏi: "Không biết thầy đã điền chưa đây?". Mình hỏi: "Nhưng việc này cần thiết gì mà thầy phải mất công đến như vậy?". Thầy nhìn mình, mắt chớp chớp sau cặp kính trắng, có vẻ lầy lăm lạp sao cậu học trò mình lại đặt ra một câu hỏi ngu ngốc thế? Thầy cẩn thận

gấp bức thư đút vào phong bì, nói: "Việc này theo tôi rất cần thiết. Để chính quyền người ta khỏi hiểu nhầm đạo đức của người trí thức".

Sau ngày ông cụ mất ít lâu, thầy muốn dẹp bỏ những vật dụng thường dùng của bố, vì gian buồng quá chật chội. Nhưng một mình thầy không đủ sức chuyển những vật dụng khá nặng từ tầng gác ba xuống sân.

Một buổi trưa, thầy đi đâu về, thấy mấy chị buôn chè chai đồng nát ngồi tùm tùm trên bãi cỏ, soạn xếp những vật dụng mua được. Thầy quan sát có rất nhiều thứ mà mình đang muốn bỏ đi. Thầy nói với các chị: "Tôi có một số đồ đạc bỏ đi giống những thứ này, nhưng không mang xuống được. Tôi muốn nhờ các chị khiêng giúp, có được không?".

Các chị vui vẻ nhận lời ngay. Giường, tủ buýp-phê, ghế đầu, ghế tựa, chậu thau, chần màn, áo quần, giày dép... được đưa xuống, chất thành một đống lớn. Các chị lại còn giúp thầy quét tước gian buồng khá tươm tất. Thầy rất cảm động trước lòng tốt và nhiệt tình của các chị. Thầy nói: "Tôi muốn phiền các chị mang những đồ đạc đó ra khỏi sân. Vứt ngổn ngang ở đó, bà con trong khu tập thể họ phê bình làm mất trật tự, vệ sinh công cộng. Tiền công bao nhiêu, các chị cho tôi biết". Các chị nói: "Chị em chúng tôi thấy hoàn cảnh bác neo đơn, dọn dẹp giúp bác, chẳng phải công xá gì đâu ạ". Một giáo sư đại học ở tầng trên, nhìn xuống đống đồ đạc dưới sân, tiếc ngẩn người: "Giường tủ, chần màn còn tốt thế kia, sao ông ấy lại không nhờ mình khiêng giúp!". Còn thầy thì phấn khởi ra mặt vì khỏi tốn đồng tiền công nào mà giải quyết được một việc sức mình không sao giải quyết nổi.

Thầy gọi Cao Xuân Hạo sang xem gian buồng vừa được dọn sạch đồ đạc gặt gù đặc ý: "Bà con lao động thật tốt, thật từ tâm, thật đáng kính trọng".

Để có đến hai năm tôi không đến khu tập thể Kim Liên. Lần này trở lại, tôi ngạc nhiên thấy cái quán của bà cụ móm dưới gốc xà cừ, mà mười năm trước tôi thường ghé hút thuốc uống nước, vẫn còn nguyên ở đó. Tôi vào quán uống chén rượu thay bữa ăn sáng. Bà cụ đang rôm rả nói chuyện với mấy anh xích lô, chắc là những khách quen... "Con cháu nhà tôi nó vừa sấm được cái ti vi màu nội địa. Tối hôm kia, bắt dây dợ xong, bật lên thấy đang chiếu cánh tang lễ một ông tên là gì gì Thảo đó. Người ta giới thiệu cái ông Thảo này là nhà triết học nổi tiếng thế giới, làm đến sáu, bảy chức, chức nào cũng dài dài là, chắc là toàn chức to được tặng huân chương Độc lập hạng hai. Ông ta sang tận bên Tây mà chết, cả Tây cả ta đều làm lễ truy điệu, toàn bộ cấp cao, có danh giá đến dự... Trong khu nhà B6 đằng kia cũng có một ông tên Thảo, nhưng lỗi thời nhếch nhác quá mấy anh công nhân móc cống. Mùa rét thì áo bông sù sụ, mùa nực thì bà ba nâu bạc phếch, quần ống cao ống thấp, chân dép cao su đứt quai, đầu mũ lá sùm sụp, cư ời cái xe đạp "Ơ-giô con vịt" mà mấy bà đồng nát cũng chê. Thật đúng như anh hề làm xiếc? Mặt cứ vác lên trời, đập xem thịnh thoảng lại tùm tùm cười một mình như anh dở người... Một buổi trưa nắng chang chang, ông ghé vào quán uống cốc nước chè xanh, tôi hỏi: "Ông đi đâu về mà nắng nom vất vả thế... ế... ế...". Ông nói: Lên chợ Hàng Bè mua củi đun. Tôi hỏi: Thế củi ông để đâu cả rồi? Ông quay lại nhìn cái "poócbaga", mặt cứ ngẩn tò te. Chỉ còn có sợi dây buộc! Củi ná rơi đâu hết dọc đường, chẳng còn lấy một que... Nghĩ cũng tội, già ngàn ấy tuổi đầu mà phải nấu lấy ăn, không vợ, không con... Đấy, cũng là Thảo cả đấy, mà Thảo một đảng thì chết danh, chết giá, còn Thảo này thì sống cơ cực trần ai". Bà cụ chép miệng thương cảm: "Một vài năm nay không thấy ông đạp xe ngang qua đây, để chết rồi cũng nên...".

Tôi uống cạn chén rượu, cười góp chuyện: "Cái ông Thảo mà bà kể đó chính là cái ông Thảo người ta chiếu tang lễ trên ti vi...". Bà già bịu môi: "Ông đừng tưởng tôi già cả mà nói lờm tôi!".

Chú thích:

(1) Trần Đức Thảo (1917 -1993)

6. Hành trình cuối cùng của một triết gia

Cái chết là một điều khủng khiếp. Không ai không nguyên rửa cái chết. Nhưng lần này tôi phải tạ ơn cái chết. Vì một lẽ, nhờ cái chết mà tôi và rất nhiều người khác trong nước, qua các báo chí: Nhân dân, Văn nghệ, Giáo dục thời đại... được biết rằng đất nước chúng ta đã từng sinh ra một triết gia tầm cỡ quốc tế... Vì đây là "một con người siêu việt của Việt Nam đã đành, mà còn đáng cho nền văn hóa Pháp tự hào. Con người đó cũng có phần cấu thành của chung nhân loại" (Lời giáo sư đại học Nguyễn Đình Chú trong một bài viết của ông).

Chúng tôi được biết nhiều tác phẩm triết học của triết gia đã được xuất bản ở Pháp, ở Anh, ở Mỹ, ở Tây Ban Nha, ở Nhật, ở Đức, ở Hunggari... Một số nước ở châu Âu đề nghị được mời triết gia sang nước họ để viết thêm những tác phẩm triết học khác, Viện Hàn lâm Đức muốn mời triết gia sang để trao đổi vấn đề con người, về Hêghen. Chúng tôi được biết, ngay sau khi Cách mạng tháng 8 thành công, trong một cuộc họp báo tại Paris một phóng viên hỏi triết gia: "Nếu quân đội viễn chinh Pháp đổ bộ lên đất nước ông, thì nhân dân ông sẽ đón tiếp như thế nào?". Triết gia trả lời: "Nổ súng!". Và vào năm 1949-1950, khi những người lính chúng tôi, nhiều người vừa đọc vừa đánh vần và không ít người chưa thoát nạn mù chữ, thì tại đất Pháp, triết gia luận bàn với ông J.P. Sartre - một trong những cây đại thụ triết học và văn học Pháp về chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa hiện sinh. Triết gia ấy đã bảo vệ một cách kiên quyết sự đúng đắn toàn vẹn, vô song của chủ nghĩa Mác... Triết gia đã cầm vũ khí triết học chia lửa cùng quê hương trong cuộc kháng chiến trường kỳ. Cảm thấy như vậy vẫn chưa đủ, năm 1952, triết gia đã từ bỏ tất cả vinh quang, tiền bạc, tiện nghi và phương tiện nghiên cứu học thuật, trở về Tổ quốc theo con đường Paris - Luân Đôn - Praha - Matxcova - Bắc Kinh - Việt Bắc để cùng được ăn rau tàu bay chấm muối với chiến sĩ và cùng run những cơn sốt rét rừng... Và triết gia đã nhận công tác tại Văn phòng Tổng bí thư rồi ủy viên ban Văn sự địa - nay là Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Phó giám đốc Trường Đại học Sư phạm Văn khoa, chủ nhiệm khoa Sư trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, chuyên viên cao cấp Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia.

Năm nay đã ngoài bảy mươi tuổi, triết gia đã bay sang Pháp để hoàn thành tác phẩm triết học Mácxit quan trọng của đời mình: "Vấn đề con người và chủ nghĩa lý luận không có con người". Triết gia đã trút hơi thở cuối cùng nơi đất khách quê người, khi tác phẩm còn viết dở dang... Triết gia có tên là Trần Đức Thảo. Lần này triết gia trở về Tổ quốc trong khoang hành lý máy bay, chiếm một chỗ hết sức khiêm nhường. Triết gia đã hóa thân thành tro nằm trong cái bình bằng kim loại sơn màu xanh thẫm hơi giống một chiếc cúp bóng đá và cũng to bằng cỡ đó.

Về đến Hà Nội, vì không gia đình vợ con và không có cơ quan nào và trường đại học nào trước đây triết gia đã từng công tác và giảng dạy nhận về để nhờ hoặc để quản, nên triết gia phải tạm trú dưới cái gầm cầu thang của nhà tang lễ thành phố 125 đường Phùng Hưng, Hà Nội.

Được biết tin này tôi tìm đến thắp hương và lễ triết gia với lòng ngưỡng mộ sâu sa đối với một nhân tài của đất nước.

Gầm cầu thang nhà tang lễ thành phố tựa tựa cái hang và được ngăn thành ba hốc, mỗi cái hốc là một phòng dành cho cả các bình tro hài cốt tạm trú trước khi có người đến nhận. Ba phòng trú phần thiết kế và trang trí nội thất đều giống nhau. Mỗi phòng rộng chừng bảy, tám thước vuông. Trần phòng thấp, đổ dốc về phía trong theo độ dốc cửa cầu thang. Một cái bệ xi măng, quét vôi vàng và giữa trần là một quạt đen ám khói hương. Bên trên trần là những bậc cầu thang lên tầng hai của ngôi nhà. Tiếng giày, tiếng guốc lên xuống, lên xuống rậm rịch...

Triết gia tạm trú ở phòng số ba, kể từ ngoài cửa vào. Tuy các phòng không đề số phòng, nhưng không có cửa nên cũng dễ tìm. Bình tro đặt trong cái hộp các-tông xung quanh phết giấy điều. Trước bình tro là bát hương, sau bình tro, trên tường dán tấm giấy điều với mấy chữ nho nguệch ngoạc. Lúc tôi đến thì hai phòng một, hai đều bỏ trống, và hình như đã lâu không có ai thuê, vì cả hai bát hương đều gầy guộc chân hương.

Nhìn cái bệ xi măng, bát hương, hộp các-tông đựng bình tro, tấm giấy điều dán trên tường với mấy chữ nho nguệch ngoạc, nghe tiếng giày guốc rậm rịch, sát ngay trên đỉnh đầu, tôi bỗng chợt nhớ câu thơ của Oantơ Uýtman trong tập "Lá Cỏ" thiên tài của ông: Nếu chết, tôi xin phó thân cho bùn đất để tái sinh làm ngọn cỏ tôi yêu, hãy tìm dưới đế giày của các bạn. Tôi được biết, triết gia là người chiếm kỷ lục thời gian tạm trú ở đây. Năm mươi ngày đêm. Và mỗi ngày đêm tiền thuê phòng là 5 ngàn đồng. Tôi nói vui với một cán bộ của công ty: "Thế này thì giá tiền phòng đất bằng khách sạn ba sao rồi còn gì, Anh ta cãi: "Đất sao bằng. Tiền phòng khách sạn ba sao mỗi ngày đêm ít nhất là một trăm năm chục ngàn. Nếu khách quốc tế thuê, trả bằng đô thì giá còn cao hơn...". Tôi nói: "Nhưng diện tích phòng các anh là diện tích tranh thủ, chưa đầy mét vuông, không gian chỉ hơn nửa thước khối. Khách thuê phòng không phải dùng đến giường, đệm, chăn màn, ti vi, tủ lạnh, điện thoại riêng, máy điều hòa nhiệt độ, toa-lét, nhân viên phục vụ... tính chi li, theo tôi còn đắt hơn cả khách sạn 5 sao".

Triết gia phải tạm trú lâu như vậy là để chờ quyết định trên, có được đưa vào Mai Dịch hay về Văn Điển. Tôi tính rằng nếu tro trong bình kia biết nói thì tro sẽ nói: "Người cách mạng không nên đòi hỏi hưởng thụ quá những tiêu chuẩn mà cách mạng đã quy định. Tôi mới đủ tiêu chuẩn Văn Điển sao lại cứ đòi hưởng vượt tiêu chuẩn Mai Dịch? Thói đặc quyền đặc lợi đã làm hư hỏng biết

bao nhiêu con người tốt! Nên đưa tôi đi sớm ngày nào hay ngày ấy để đỡ tốn kém tiền của nhân dân!"

Sau năm mươi ngày chờ đợi, tốn mất hai trăm năm chục ngàn tiền phòng, triết gia đã được trên quyết định đưa về mai táng tại khu A Văn Điển, khu vĩnh viễn, hưởng thụ đúng tiêu chuẩn quy định. Sáng ngày 20-6-1993, tôi may mắn được cùng với bà con thân thích, mấy người học trò xưa, người vợ cũ từng tốt nghiệp đại học Sorbonne của triết gia, và một số cán bộ lãnh đạo của Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, đưa tiễn triết gia đoạn hành trình cuối cùng của đời ông.

Khu A nghĩa trang Văn Điển có hàng nghìn ngôi mộ xếp thành hàng thẳng tắp, được xây giống nhau, giống hệt những căn hộ khép kín của các khu nhà lắp ghép.

Các hàng mộ cũ đều đã kín chỗ, nên mộ của triết gia "được đánh giá là một trong những nhà triết học hàng đầu của thế kỷ" "Tuần báo Văn Nghệ tháng 5- 1993), tác giả phương pháp hiện tượng học của Husserl, hiện tượng học và chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguồn gốc ngôn ngữ và ý thức triết học đã đi đến đâu là ngôi mộ mở đầu cho một hàng mới.

Nhìn ngôi mộ đơn độc đang xây trát dở dang, tôi thầm nghĩ "Triết gia nằm ngay ở đầu hàng lại hóa hay, giống như ở tầng trệt của khu nhà tập thể cao tầng. Ông sẽ tránh được cái nạn và o nhảm mộ người khác, như ngày còn ở khu tập thể Kim Liên, ông ở tầng ba nên ông thường xuyên vào nhằm phòng ở các tầng dưới".

Mộ của ông khá đặc biệt. Bình tro được đặt trong tiểu sành, tiểu sành được đặt dưới khuôn huyệt bên trên có nắp bê tông đậy kín. Như vậy là ông được mai táng theo cách các nhà giàu có xưa: trong quan ngoài quách. Đây có lẽ là sự xa xỉ độc nhất trong cuộc đời triết gia quá u thanh bạch của ông, mà nếu biết được, tôi tin chắc ông sẽ kịch liệt phản đối

Lúc bình tro hạ huyệt, tôi châm nén hương lễ ông, và khẩn thềm: "Anh Thảo ơi, xin anh đừng quá nghiệt ngã với bản thân đến thế... Với tất cả công tích, tài năng, trí tuệ trác việt và những tác phẩm triết học mà anh đã trọn đời dâng hiến cho Tổ quốc, cho nhân dân, cho sự toàn vẹn vô song của chủ nghĩa Mác, thì anh cũng có quyền được hưởng một chút xỉu xa xỉ như vậy...".

7. Nhà thơ với tề tham nhũng

Cách đây đã nhiều năm... Một buổi trưa mùa hè, tôi ra bãi An Dương phía ngoài đê sông Hồng, tìm thăm nhà thơ Đoàn Phú Tứ, tác giả bài thơ bất hủ Màu thời gian. Năm đó nhà thơ đã ngoài 70 tuổi. Nắng hè thiêu đốt nóng đến ngạt thở. Tôi thật sự kinh khiếp khi thấy ông tóc bạc trắng, cời trần, thản nhiên ngồi đọc sách trên bức phản gỗ mộc, mặ cho mồ hôi chảy đầm đìa trên mặt, trên lưng, giọt giọt từ chòm râu xuống những trang Ngôi nhà búp bê của Íp-en. Ông đặt sách xuống tiếp tôi ông gần như dốc ngược chai rượu mới được đầy một chén, và sẽ cho tôi một nửa. Tôi đọc ông nghe bài thơ vừa mới viết về đề tài kháng chiến. Đọc đến câu: Giữa chiến khu võ vàng đói khát, Cả tiểu đội tôi chỉ còn mắt với răng..., ông đặt chén rượu đã uống cạn xuống, ngắt lời tôi: "Chỉ vì những người lính - chỉ còn mắt với răng" các cậu mà năm đó mình đã đụng độ với thằng Trần Dụ Châu... Cậu có biết Trần Dụ Châu không?" Tôi nói: "Những người lính chống Pháp bọn em, ai mà không biết Trần Dụ Châu...". Hắn là Đại tá Cục trưởng Cục Quân nhu, trông coi việc ăn mặc cho toàn quân. Ngày đó chúng tôi thường gọi: "Màn Trần Dụ Châu", vì mỗi cái màn lính hắn ăn cắp mất hai tác vải, nên hể ngồi lên là đầu đụng trần màn; "Áo mền trần thủ Trần Dụ Châu" vì hắn ăn cắp bông lót trong áo, trong mền và thay vào bằng bao tải... Nét mặt ông vụt sa sầm khi nghe tôi nhắc lại những chuyện đó. Kỷ niệm một thời hào hùng đánh giặc cứu nước bất ngờ ập đến, cặp mắt già nua của nhà thơ lóe ánh giận dữ. Ông kể:

Mùa đông năm 1949, ông ở chiến khu Việt Bắc. Là nhà thơ, ông còn là đại biểu Quốc hội khóa I. Ông cùng với một đoàn nhà văn đi thăm và ủy lạo các đơn vị bộ đội vừa đánh giặc trở về. Ông đã khóc nức lên khi thấy các chiến sĩ bị thương thiếu thuốc men, bông băng, và hầu hết chiến sĩ đều rách rưới, "võ vàng đói khát", "chỉ còn mắt với răng", mà mùa đông năm đó tiết trời chiến khu lạnh tới mức nước đóng băng... Ông trở về cơ quan chân ướt chân ráo thì nhận được thiệp mời của Trần Dụ Châu, đến dự lễ cưới mà hắn đứng ra tổ chức cho cán bộ cấp dưới đặc biệt thân cận, phụ trách công tác vật tư, tên là Lê Sĩ Cửu.

Ông bước vào phòng cưới mà cứ ngỡ mình nằm mê. Cái hội trường dựng bằng tre nửa, lợp lá gồi, sáng trưng những dây bạch lạp to bằng cổ tay. Trên những dây bàn dài tít tắp, xếp kín chim quay, gà tần, vây bóng, nắm hương, giò chả, thịt bê thui, rượu tây, cốc thủy tinh sáng choang,

thuốc lá thơm hảo hạng. Ban nhạc sống của nhạc sĩ Canh Thân được mời từ khu 3 lên tấu nhạc réo rắt...

Trần Dụ Châu mặc quân phục đại tá choáng lộn, cưỡi ngựa đến dự cưới, theo sau hắn là một vệ sĩ cao lớn, súng "côn bặt" đeo xệ bên hông. Tân khách ngồi chặt kín hội trường, mắt hau hau nhìn bàn tiệc. Rượu vang đỏ rót đầy các cốc. Vị chủ hôn Trần Dụ Châu oai phong, đồ dẫn, đầy quyền uy bước ra tuyên bố làm lễ thành hôn cho đôi vợ chồng mà hắn đỡ đầu, và trịnh trọng mời tân khách nâng cốc... trong tiếng nhạc vang lừng. Nhìn thấy nhà thơ ngồi ở bàn đầu, hắn liền tươi cười giới thiệu: "Đám cưới hôm nay có một vị khách đặc biệt là ông Đoàn Phú Tứ, nhà thơ cự phách của nhóm Xuân Thu Nhã Tập. Xin mời nhà thơ nổi tiếng lên đọc một bài thơ mừng cô dâu chú rể và quý vị tân khách".

Đoàn Phú Tứ đứng lên, mắt đăm đăm nhìn cốc rượu vang đỏ như máu đầy tràn trước mắt... Ông bỗng thấy giận run lên với ý nghĩ: "Bọn võ biền đốn mặt đầy quyền uy này, đã quen coi thi sĩ là kẻ nô bộc, và thơ là món đồ trang sức, một thứ gia vị cho bữa ăn tội lỗi của chúng thêm ngon miệng... Chúng sẽ được thơ dạy cho một bài học đích đáng!...". Ông ngẩng lên, nhìn thẳng vào mặt Trần Dụ Châu, nói lớn, nhấn mạnh từng từ một cho tất cả những người dự tiệc cưới đều nghe thấy: "Tôi xin tặng vị chủ hôn, cô dâu chú rể và tất cả các vị có mặt hôm nay, một câu thơ hay nhất mà tôi vừa chợt nghĩ ra"... Khắp các bàn tiệc dậy lên tiếng xì xào tán thưởng: "Hoan hô Xuân Thu Nhã Tập! Hoan hô thi sĩ Đoàn Phú Tứ!". Chắc phải hay hơn câu nghìn trùng e lệ phụng quân vương (1) ... Chờ cho tiếng xì xào im hẳn, nhà thơ nói tiếp: Câu thơ đó như sau: "Bữa tiệc cưới chúng ta sắp chén đầy hôm nay, được dọn bằng xương máu của chiến sĩ! – "Láo", Trần Dụ Châu mặt vụt tái nhợt quất to. Tiếp liền theo đó là tên vệ sĩ của hắn xông tới tát bốp vào mặt nhà thơ. Nhà thơ lặng lẽ rút khăn tay lau mặt, ném khăn xuống đất, rồi nhỏ vào cốc rượu đỏ như máu đầy tràn trước mặt, và dĩnh đạc bước ra khỏi phòng cưới.

Ngay đêm hôm đó, nhà thơ viết một bức thư dài gửi lên Hồ Chủ Tịch, trình bày toàn bộ sự việc. Một tuần sau tòa án quân sự được thiết lập cũng tại khu vực hội trường đó. Trần Dụ Châu bị điệu ra trước vành móng ngựa, cúi đầu nhận hết mọi tội lỗi, và lãnh án tử hình vì tội tham nhũng. Hồ Chủ Tịch đã tự tay ký vào bản án tử hình. ĐÓ là bản án tử hình đầu tiên mà Người đã ký, kể từ ngày Người lên nhậm chức Chủ tịch nước (2).

"Thế còn chú rể Lê Sĩ Cử?". Tôi hỏi. "Hắn tự sát trong nhà tù để khỏi phải phơi mặt trước vành móng ngựa". Tôi nâng chén rượu chưa kịp uống, dâng lên nhà thơ và nói: "Vô cùng cảm ơn anh. Anh đã làm vinh quang cho thi sĩ của đất nước. Người đầu tiên đứng lên chống hiểm họa tham nhũng tàn hại đất nước không phải ai khác, mà chính là thi sĩ, mà đã chống một cách can đảm, dũng dội và quyết liệt biết chừng nào!".

Chú thích:

(1) Câu thơ trong bài Màu thời gian.

(2) Tôn trọng tác giả đã quá cố, chúng tôi in nguyên bản thảo, song nhận thấy có một vài điểm cần nói thêm. Theo tư liệu của Bảo tàng Hồ Chí Minh thì thời gian xảy ra vụ án Trần Dụ Châu là cuối năm 1950. Trong biên bản cuộc họp Hội đồng Chính phủ các ngày 15, 16 và 17-11-1950 do Hồ Chủ Tịch chủ tọa, mục thứ 35 kiểm điểm vụ án này. Tại đây Người đã phát biểu: "Chúng ta sinh ra trong một xã hội phong kiến và thực dân. Xã hội ham danh, ham lợi. Danh lợi dễ làm hư người. Danh lợi là tập quán. Bây giờ chúng ta dùng cán bộ để cải tạo xã hội mà không có chính sách cải tạo cán bộ, đấy là khuyết điểm".

Điều nữa là chúng ta không có sự phê bình và tự phê bình. Chúng ta hay nể nả nhau nên chỉ biết mình thanh liêm là đủ. Quan niệm thanh cao tự thủ thế là không đủ. Tất cả chúng ta phải phụ trách trước nhân dân".

Một điểm nữa mà theo pháp luật, bản án tử hình chỉ do tòa án xử. Chủ tịch nước chỉ ký sắc lệnh đối với đơn xin ân xá. Trước vụ án Trần Dụ Châu đã có một sắc lệnh do Người ký bác đơn xin ân xá một án tử hình xảy ra ở miền Trung.

Chưa thấy có sắc lệnh nào của Người liên quan đến vụ án Trần Dụ Châu.

(Chú thích của Tạp chí Xưa & Nay, số 31-9 -1996)

8. Chút nghĩa cũ càng

(...) Cách hơn một tháng trước, vợ tôi đến thăm chị Khiêm lúc này đã ốm liệt giường. Ngoài căn phòng biếu người ốm, tôi gửi biếu nhà thơ nửa lít rượu. Nhà thơ hỏi vợ tôi: "Thằng Phùng Quán

chết rồi hay sao mà lâu nay nó không đến thăm tôi?.. Chị Khiêm đưa mắt lườm chồng, nói: "Đừng chấp lão ta làm gì... mồm miệng lúc nào cũng độc địa như thế...". Vợ tôi kể lại chuyện này và có ý giận sự độc mồm độc miệng của ông. Nhưng tôi thì rớm nước mắt vì cảm động. Tôi thấy đằng sau lời rủa độc ấy là tình thương quý của ông đối với tôi - "Minh là cái con khỉ gì mà được nhà thơ Đoàn Phú Tứ thương quý làm vậy?". Tôi thảm nghĩ thế và lòng xốn xang tình cảm biết ơn...

Bây giờ nhà thơ đã qua đời. Nhớ lại tất cả những chuyện đó, tôi càng buồn rầu hơn vì vô phương giúp đỡ gia đình ông trong cảnh tang gia cùng quẫn. Tôi lục lọi khắp nhà xem tìm được vật gì sớm mai đem bán. Nhưng cảnh nhà tôi cũng chẳng hơn gì cảnh nhà ông. Vật dụng có giá trị nhất trong nhà tôi là cái xe đạp mi-ni cũ nát, đem bán chưa chắc đã nổi hai chục nghìn.

Cái khó ló cái khôn. Trong đầu tôi chợt lóe lên "sáng kiến": Nghe nói Đoàn Phú Tứ đã từng là đại biểu Quốc hội khóa I, vậy mình sẽ lên thẳng Quốc hội xin tiền làm ma cho ông. Sáng kiến có vẻ hay đấy, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy khó lòng thực hiện nổi. Tôi lấy tư cách gì để lên tận Quốc hội xin tiền cho ông? Tôi không phải là bà con ruột thịt, không phải họ hàng, cũng không phải là bạn của ông... Tôi không có chức danh gì trong các đoàn thể văn học nghệ thuật... Xuất thân là một người hnh trình sát của một trung đoàn thiện chiến, tôi thường bị kẹt vào những tình huống hiểm nguy tưởng chừng không lối thoát, nhưng cuối cùng vẫn thoát. Quân đội đã rèn giũa cho tôi từ thuở thiếu mên cái ý chí: hãy tìm cho ra một kẽ hở ở những chân tường kiên cố nhất, để chui qua.

Một giờ sáng, trần trọc trên Chòi ngắm sóng, tôi đã tìm ra kẽ hở đó. Nhưng kẽ hở này là một hạ sách, vì nó vi phạm nghiêm trọng đạo lý con người và nhà văn: Nói dối. Nghĩ vậy, tôi cảm thấy chùn tay. Nhưng thời gian gấp quá rồi, chỉ còn một buổi sáng ngày mai... Tôi tự an ủi: Mục đích sẽ biện hộ cho phương tiện. Tôi bật đèn, tìm giấy bút và sáng tác một bức thư:

"Kính gửi đồng chí Lê Quang Đạo, Chủ tịch Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Kính thưa đồng chí, tôi xin báo với đồng chí một tin buồn: ông Đoàn Phú Tứ, nhà thơ, nhà viết kịch, nhà dịch thuật, và đồng thời là đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, thọ 80 tuổi, đã từ trần ngày hôm qua. Họa vô đơn chí. Vợ ông là chị Nguyễn Thị Khiêm vừa mất cách đây hai tháng. Sau ngày vợ mất, ông Đoàn Phú Tứ tìm gặp tôi và nói: "Minh cảm thấy như ngọn đèn đã cạn dầu, lụi tắt, chưa biết tắt lúc nào. Tám mươi tuổi rồi, chết không phải là điều đáng sợ, chỉ sợ một nỗi đến lúc nằm xuống, các con chẳng biết lấy gì để làm ma cho bố. Bởi vậy mình uỷ thác Phùng Quán một việc. Nếu mình nằm xuống, thì Quán hãy viết thư kêu ông Chủ tịch Quốc hội, trình bày hoàn cảnh gia đình mình, và chuyển lời mình đến với ông: "Nếu Quốc hội còn nhớ đến tình cũ nghĩa xưa, thì xin ông một cỗ áo quan và một chút tiền để mai táng". Bây giờ ông Đoàn Phú Tứ đã nằm xuống. Tôi xin chuyển đến đồng chí lời uỷ thác của ông. Mong đồng chí lưu tâm giải quyết. Hai giờ chiều mai, gia đình ông Đoàn Phú Tứ sẽ đưa ông về Văn Điển. Nay kính thư, Phùng Quán".

Trong cuộc đời làm văn của tôi, chưa bao giờ viết một đoạn văn nào mà tôi phải đắn đo, cân trọng đến như bức thư này. Tôi chép đi chép lại bức thư nhiều lần, cân nhắc từng chữ một, sửa chữa, thêm bớt.

Tôi chép lại bức thư với nét chữ nắn nót, đề địa chỉ người nhận, với dòng chữ trong ngoặc đơn: "Kính nhờ Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam chuyển".

Đồng hồ chỉ 3 giờ sáng.

Tôi đến Trụ sở Hội Nhà văn vào đầu giờ làm việc May mắn nhà văn Xuân Thiều cũng vừa đến. Tôi trao bức thư và nói gần như năn nỉ: "Anh cố gắng chuyển thư đến tay anh Đạo vào buổi sáng nay, anh ấy mới giải quyết kịp". Xuân Thiều xem bức thư rồi trao lại cho tôi, nói: "Không ăn thua đâu Quán. Chuyện tiền nong đâu có thể giải quyết một cách chóng vánh, dễ dàng như vậy?".

Tôi buột miệng đọc câu thơ của Uytman: "Dù cho ai thất vọng về người - Ta, ta vẫn đời đời tin tưởng" Tôi nói: "Đã thế tôi sẽ lên thẳng Quốc hội gặp anh Đạo". Tôi dắt xe đến thẳng chòi gác, cố lấy dáng đi thật chững chạc.

Anh công an gác trước Trụ sở Quốc hội (33 Ngô Quyền) bước ra hỏi:

- Cụ đến có việc gì ạ?
- Báo cáo đồng chí, tôi muốn gặp Chủ tịch Lê Quang Đạo.
- Chắc cụ muốn đưa đơn kiện phải không?

Tôi đoán anh ta cho tôi là một lão nông từ làng quê lên. Mà các cụ ở nông thôn đã tìm lên đến tận Quốc hội thì chỉ có mỗi việc là đệ đơn kháng cáo những chuyện bê bối của chính quyền địa phương.

- Không, đồng chí ạ. Tôi không có chuyện kiện cáo gì đâu. Chỉ cần gặp ông Chủ tịch để đề đạt một công việc cần thiết.

- Thế thì mời cụ dựng xe đàng kia rồi vào gặp bác thường trực.

Ông già thường trực sau khi nghe tôi trình bày vắn tắt, liền trả lời với giọng Quảng Trị đặc sệt:

- Ông Lê Quang Đạo và ông Vũ Mão mới về Hải Phòng chiều qua để kiểm tra việc chuẩn bị bầu cử hội đồng nhân dân các cấp...

"Thế thì không ăn thua gì rồi anh Tứ ơi... Anh đen quá, đen cho đến chết. Anh dịch "Đỏ và đen" mà số anh chỉ nhận được toàn phần đen... Tôi đã hết sức với anh, nhưng số phận đã được an bài... Mong vong linh anh đừng giận tôi".

Tôi đưa phong thư và bộ "Tuổi thơ dữ dội", nhờ ông thường trực chuyển giúp cho Chủ tịch Lê Quang Đạo ông ta lên mục kính, đọc tên tôi trên phong bì thư. Ông ngẩng mặt lên hỏi: "Có phải Phùng Quán "Vượt Côn Đảo" không?"

- Đúng rồi...

- Đạo ni nom già hớm hí. Cậu quen tớ rồi à?

Tôi chăm chú nhìn ông, lòng lầy lăm lầy: "Ở một nơi uy nghiêm như thế này sao lại nảy nòi ra một anh quen biết hạng người như mình?"

- Thật tình mình không nhớ được... Tôi bối rối nói.

- Vô đây uống chén nước đã, rồi ta nhắc cho mà nhớ. Cậu là lính "Trăm lẻ một", tớ là lính "Chín lăm". Cậu có nhớ trận phục kích đoàn công-voa gần đồn Hòa Lục Nam, chiến dịch Phan Đình Phùng năm 1952 không?

- Có, có, nhớ rồi...

- Lúc thu chiến lợi phẩm, cậu với tớ giành nhau khẩu ga-răng, cậu đập tớ một cú giữa bụng, tớ nện cậu một cú vô quai hàm, nhớ chưa?

- Nhớ rồi, nhớ rồi... Mà ngày xưa tớ nom cậu to con hơn...

- Xí... già thì người phải teo tóp lại như trái mướp khô... Rứa cậu gặp ông Đạo có việc chi?

Tôi trình bày tóm tắt câu chuyện và nói: "Thế mà ông Đạo lại đi vắng..., có hết hơi không?..."

- Cậu cứ ngồi đó, chưa chi đã chủ bại. Tớ thấy hỏi còn làm lính "Trăm lẻ một" cậu coi bộ cứng cổ hơn... Để tớ gọi điện thoại cho ông Phó Tổng biên tập báo "Người đại biểu nhân dân", hỏi ý kiến ông ta, liệu có giải quyết được không?

Người chiến hữu cũ của tôi gọi điện thoại, quay lại nhìn tôi gật gật: "Ông ấy mời cậu lên gặp. Điều ni là có hy vọng đấy. Chừ cậu đi lên tầng gác hai, thấy gian phòng ngoài cửa có tấm biển đề Tổng biên tập. Ông ta đang ngồi ở đó".

Phó Tổng biên tập báo "Người đại biểu nhân dân" kém tôi vài tuổi, tên là Thọ. Anh Thọ không những biết Đoàn Phú Tứ mà còn biết cả chuyện ông là người đầu tiên đã ra tay chống tệ nạn tham nhũng, trong vụ Trần Dụ Châu và Lê Sĩ Cửu, từ thời chiến khu Việt Bắc.

Đọc xong bức thư gửi đồng chí Lê Quang Đạo, anh Thọ nói: "Đây không phải là chuyện nghĩa cử mà còn liên quan đến ảnh hưởng chính trị... Anh Phùng Quán ngồi đây chờ tôi mười phút, tôi chạy đi mời một số cán bộ chủ chốt của cơ quan. Chúng ta sẽ cùng họp bàn cách giải quyết trong khi anh Đạo đi vắng". Lát sau tôi được mời vào phòng họp.

Ngoài anh Thọ có Vụ trưởng Vụ Tài chính, Vụ trưởng Vụ Chính sách, một chuyên viên đặc trách những việc đột xuất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bức thư gửi lên đồng chí Lê Quang Đạo được anh Thọ đọc to lên cho tất cả cùng nghe. Vụ trưởng Vụ Chính sách trạc năm mươi tuổi, người cao gầy, ánh mắt sắc sảo, nói: "Trước khi bàn bạc cách giải quyết, chúng ta phải cần kiểm tra xem ông Đoàn Phú Tứ có phải là đại biểu Quốc hội không đã..." Ông đứng lên ra khỏi phòng họp một lúc rồi trở vào, tay cầm cuốn sổ dày cộp, bìa bọc vải có chữ mạ vàng. Ông đặt cuốn sổ trước mặt tôi, giới thiệu: "Đây là Kỷ yếu danh sách đại biểu Quốc hội từ khóa I đến nay. Tên đại biểu được xếp theo vần A, B, C. Đoàn Phú Tứ, ta tra vần T. Ông lật giờ kỹ yếu tìm vần T. Chúng tôi cùng chụm đầu trên ba trang vần T. Không có tên Đoàn Phú Tứ. Tôi tái mặt... Dò tìm lại lần nữa. Có tên Nguyễn Đình Thi, Phan Tứ... nhưng Đoàn Phú Tứ thì không. Tôi hoảng sợ thật sự. Thật ra, việc Đoàn Phú Tứ là đại biểu Quốc hội khóa I thì tôi cũng chỉ nghe nói vậy thôi, chứ chưa bao giờ hỏi thẳng ông... Nếu Đoàn Phú Tứ không phải là đại biểu Quốc hội thì những con người sắc sảo này sẽ nhận ra ngay sự gian dối của bức thư. Như vậy thì tôi đã tự chuốc lấy một hoàn cảnh hết sức lố bịch. Tôi chột nghĩ: vẫn

còn một tia hy vọng. Tôi nói: "Nhưng nhà thơ Đoàn Phú Tứ chỉ là đại biểu có mấy năm, sau đó ông bỏ thành..." Vụ trưởng Chính sách nói: "Đây là Kỷ yếu. Trong sổ này có cả tên Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh".

Lúc này tôi chỉ muốn chui xuống đất. Tôi lắp bắp, ấp úng: "Việc này tôi nghe các anh ở Hội Nhà văn nói chắc lắm. Có lẽ để tôi về hỏi lại anh Nguyễn Đình Thi xem sao. Anh Thi cũng là đại biểu Quốc hội khóa I...". Miệng nói, chân tôi dậm đứng lên, cốt làm sao rút được ra nhanh khỏi gian phòng họp. Bất chợt tôi nhìn thấy trong sổ Kỷ yếu có mục: Những đại biểu Quốc hội đào nhiệm. Tôi hỏi hợp nói: "Thử tra cứu mục này xem có tên ông Tứ không?"

Ngón tay trở tôi lần dọc theo các hàng tên... "Đoàn Phú Tứ đây rồi!" - Tôi nói gần như reo. Vụ trưởng Chính sách xem xét lại lần nữa, rồi gật đầu: "Qua khâu kiểm tra, ông Đoàn Phú Tứ đúng là có danh sách trong đại biểu Quốc hội. Nhưng ông đã đào nhiệm từ năm 1951. Chúng tôi không còn trách nhiệm gì về ông, nên không có chính sách cấp tiền tang lễ cho ông..."

- Chính sách đất nước quý trọng nhân tài - Tôi nóng nảy ngắt lời ông. - Tuy ông đào nhiệm, nhưng trước đó ông là nhà thơ đầu tiên đứng lên chống tệ tham nhũng. Và ông đã chống một cách thật can đảm. Ông đã vạch mặt Trần Dụ Châu, đại tá Cục trưởng Cục quân nhu phê phờ trên xương máu chiến sĩ. Trần Dụ Châu đã bị xử bắn như chúng ta đã biết...

Cảm thấy chừng ấy lý lẽ cũng chưa đủ thuyết phục họ, tôi liền vận dụng đến thơ. Tôi nói: "Một nhà thơ cộng sản người Đức tên là Bectôn Brếch, từng viết những câu thơ đầy sức giáo huấn:

Một người đấu tranh một giờ là một người tốt. Một người đấu tranh nhiều ngày là một người tốt hơn

Một người đấu tranh nhiều năm là một người tốt hơn nữa

Một người đấu tranh suốt đời thì rất hiếm...

Thật ra đoạn thơ này còn có câu cuối cùng:

"Những người đó mới thật cần thiết cho chúng ta", nhưng tôi đã cắt bỏ câu này để cho việc trích dẫn thơ có lợi cho mục đích của tôi. Tôi nói tiếp: "Như vậy nhà thơ Đoàn Phú Tứ là "một người tốt hơn nữa", vì ông đã đấu tranh nhiều năm".

- Thơ hay quá! Mọi người trầm trồ, đề nghị anh đọc lại cho chúng tôi chép.

Tất cả cùng mở sổ tay, rút bút bi. Tôi đọc chậm rãi từng câu theo kiểu thầy giáo đọc chính tả cho học sinh... Vụ trưởng Tài vụ hỏi:

- Đồng chí nhà thơ cộng sản này là Đông Đức hay Tây Đức?

- Cộng hòa dân chủ Đức, người đã sáng lập ra Đoàn kịch nói quốc gia Béc-lanh.

Tôi không ngờ thơ lại có sức mạnh thuyết phục đến như thế. Vụ trưởng Vụ Chính sách hăng hái nói:

- Đúng, chúng ta cần phải gửi tiền đến để góp phần tổ chức tang lễ cho nhà thơ, mặc dầu chưa có chính sách về những trường hợp như thế này. Chúng ta cần phải linh động chính sách.

Vụ trưởng Tài vụ có vẻ nghĩ ngợi lung lăm, ông nói: "Nhưng ký duyệt những khoản tiền đột xuất như thế này thì phải đồng chí Lê Quang Đạo, hoặc đồng chí Vũ Mão... Mà bây giờ cả hai đồng chí đều đi vắng..."

Anh Thọ nói: "Nếu chưa kịp gửi tiền thì chúng ta có thể gửi một vòng hoa đến viếng". Vụ trưởng Tài vụ gật đầu: "Việc mua vòng hoa thì quyền hạn tôi có thể giải quyết được". Nhìn lên đồng hồ đã 11 giờ, ông đứng lên: "Các đồng chí cứ ngồi đây nói chuyện. Tôi cho người đi đặt vòng hoa thì mới kịp".

Vụ trưởng Chính sách băn khoăn: "Không biết nên đề lên vòng hoa như thế nào... Vì ông Tứ không còn là đại biểu Quốc hội nữa...". Tôi nói: "Theo tôi có thể đề: "Kính viếng hương hồn nhà thơ Đoàn Phú Tứ - Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước. Quốc hội gửi vòng hoa viếng một nhà thơ nổi tiếng, việc này vừa hợp với đạo lý vừa có ảnh hưởng chính trị tốt không những chỉ trong nước mà cả ở nước ngoài". Mọi người đều tán thành cách giải quyết của tôi. Anh Thọ gọi điện cho họa sĩ phụ trách "mi" của báo "Người đại biểu nhân dân", để yêu cầu tạm xếp công việc "mi", viết ngay một "băng-rôn" vải đỏ chữ vàng với nội dung trên.

Vụ trưởng chính sách hỏi tôi địa chỉ của nhà thơ. Tôi nói: "Nhà ông ở bãi An Dương, hơi khó tìm. Tôi sẽ làm người dẫn đường. Đúng 1g30 tôi sẽ có mặt ở đây để cùng đi với các đồng chí".

Đồng hồ chỉ 12 giờ. Tôi thấy mệt lả và đói mềm người. Nhưng tôi tính toán: nếu trở về nhà ăn cơm rồi đạp xe đến thì không kịp mất. Tôi quyết định ở lại đây buổi trưa. Tôi ghé vào phòng thường trực ngồi chơi với người chiến hữu cũ của sư đoàn, hút thuốc lào và ôn lại những kỷ niệm chiến trường để dụi bớt cơn đói.

Đúng 1g30, chiếc Vonga đen choáng lộn mang biển số Văn phòng Quốc hội, chở một vòng hoa lớn, vắt chéo tấm băng-rôn đỏ nổi bật dòng chữ nhũ vàng do một họa sĩ trang trí viết: "Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước - Kính viếng hương hồn nhà thơ nổi tiếng Đoàn Phú Tứ" chạy về phía bãi An Dương.

(...) Nhiều năm tháng đã trôi qua. Mộ nhà thơ Đoàn Phú Tứ đã được các con cải táng... Nhưng lòng tôi sao vẫn ray rứt mãi không yên. Trong sự việc này, tôi đã phạm hai lần nói dối. Càng luống tuổi, càng sống, càng chiêm nghiệm tôi càng không tin rằng "mục đích có thể biện hộ cho phương tiện". Trên khắp thế gian, người ta đã phạm biết bao nhiêu tội ác chỉ vì cái lập luận đáng sợ này. Những lỗi lầm mà tôi đã phạm phải trong công chuyện nhà thơ Đoàn Phú Tứ, có nguồn gốc sâu xa của nó. Năm tôi mười tám tuổi, là lính trinh sát của Trung đoàn 101. Tôi được cử vào đội bảo vệ một đoàn văn nghệ sĩ từ vùng tự do Liên khu 4, vào Thừa Thiên đi thực tế chiến trường. Trong đoàn này có nhiều nghệ sĩ nổi tiếng: Thanh Tịnh, Phạm Duy, Bửu Tiên...

Đội bảo vệ chúng tôi có 8 người, vừa làm công tác bảo vệ, vừa dẫn chương trình, trinh sát. Trước khi lên đường nhận công tác, Chính uỷ Trung đoàn Trần Quý Hai đến gặp chúng tôi, chỉ thị: "Nhân tài là vốn quý của đất nước. Một đất nước không có nhân tài thì đất nước đó sẽ lụn bại. Bởi vậy các đồng chí phải bảo vệ văn nghệ sĩ như bảo vệ con người giữa mắt mình". Chúng tôi đã thi hành chỉ thị của Chính uỷ hết sức nghiêm chỉnh. Ngày đó chiến trường Thừa Thiên bom đạn đầy trời, giặc càn quét iên miên. Suốt hai tháng, đạn giặc không đựng đến được cái lòng chân đoàn văn nghệ sĩ. Đội bảo vệ chúng tôi hy sinh mất hết hai chiến sĩ, còn tôi bị thương ở cẳng chân, suýt bị cưa phía trên đầu gối.

Do được ở gần đoàn văn nghệ sĩ, cánh lính bảo vệ chúng tôi cũng tập tọng bắt chước các anh, làm thơ. Tôi cũng có làm được vài câu nô nôm na như sau:

"Nếu các anh bị bốn bề vây súng giặc - Chúng tôi sẽ xông ra lấy ngực che đạn cho các anh...".

Do đó về sau này, mỗi lần nhìn thấy các anh văn nghệ sĩ có tên tuổi, có tài năng phải sống khổ cực như nhà thơ Đoàn Phú Tứ, tôi lại chợt nhớ đến lời dạy của Chính uỷ năm nào... Khốn nỗi, bây giờ muốn che chở, bảo vệ nhân tài, không còn cần đến ngực, đến máu (thứ chúng tôi có sẵn) như ngày ở chiến trường. Mà cần tiền - thứ chúng tôi hoàn toàn không có - Bởi vậy, tôi phải sử dụng đòn liều mạng, mà trong thâm tâm tôi biết đó là một biện pháp rất tồi tệ, không thể nào tha thứ được. Tôi coi thiên hồi ức này là sự tạ tội trước hương hồn nhà thơ Đoàn Phú Tứ - vì nội dung điều nói dối của tôi không phù hợp với tính cách con người ông; đồng thời đây cũng là lời tự thú với đồng chí Lê Quang Đạo mà tôi hết lòng kính trọng, với các anh ở cơ quan Văn phòng Quốc hội và Hội đồng Nhà nước, và với độc giả!

Tôi trông chờ vào sự phán xét dù nghiêm khắc đến đâu. Tôi hy vọng có như vậy tôi mới được cứu rỗi.

Hồ Tây - 1993

9. Hằng Nga thức dậy

Phùng Cung (1) xuất thân là người viết văn xuôi, sở trường truyện ngắn. Anh viết truyện ngắn từ hồi còn ở chiến khu Việt Bắc.

(...) Anh còn một tập truyện ngắn, đâu như tám truyện thì phải, cũng một dòng "ngựa, voi", chưa kịp ra mắt bạn đọc thì đã bị cái khách quan khắc nghiệt "bảo lưu" cùng với tài năng của tác giả.

Truyện nào viết xong anh cũng đưa tôi đọc. Truyện nào cũng làm tôi say mê vì vẻ đẹp của ngôn từ. Cái kho ngôn từ dân dã của anh dường như vô tận. So với tất cả văn xuôi của tôi đã in ra, tôi có cảm giác mình là người nước ngoài viết tiếng Việt. Sau mười hai năm cách ly đời thường, Phùng Cung như xa lạ với môi trường văn nghệ. Được trả tự do. Việc đầu tiên là anh cùng với vợ sửa lễ "Tạ ơn cao rộng cho được sống để trở về quê quán". Rồi yên phận hăm hui, anh tránh thật xa mùi bút mực. Anh xoay trần làm nghề đập đinh, phụ với vợ thêm nghề bán rán, nuôi ba đứa con trai đang sức ăn, sức lớn. Song hình như mùi dầu nhờn, rỉ sắt, mỡ rán vẫn không át được mùi bút mực. Những lúc rảnh tay, anh ngồi buồn thiu, thỉnh thoảng chấm ngón tay vào đáy chén trà cạn, viết một từ gì đó lên mặt bàn...

Tôi thường đạp xe từ Nghi Tàm lên phố Mai Hắc Đế thăm anh, khi mang cho con diếc, con trôi vừa câu trộm được, khi mang bó rau muống cấy ở vệ hồ. Trong khi đó, thật bất ngờ, anh sáng tác thơ. Đọc thơ anh, có bài chỉ vài ba câu, tôi bỗng thấy thiên nhiên quanh tôi vụt giàu có lên bất ngờ và trở nên đẹp xao xuyến tận đáy lòng - những vẻ đẹp từ trước đến nay tôi vẫn nhìn mà

không thấy. Mới đây, Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam quyết định trích quỹ sáng tác của Hội làm món quà tặng sáu hội viên (trong đó có tôi) đã phải chịu nhiều thiệt thòi trong 30 năm qua. Hội in cho mỗi người một tập thơ bao cấp, tác giả tự chọn những bài thơ vừa ý trong thơ mình, dày từ hai trăm trang trở lại. Năm anh bạn đang dựng bản thảo. Tôi cả đời chưa bao giờ được in riêng một tập thơ càng hăm hở chuẩn bị.

Và bản thảo đã chuẩn bị xong, chỉ còn mang đến nộp. Trước khi nộp tôi đem đến anh Cung để tranh thủ một vài nhận xét. Nhân dịp này tôi đã đại dốt đọc lại tập thơ tích lũy của anh. Đọc xong, lòng hăm hở của tôi chùng lại. Tôi không còn muốn in thơ nữa. Tôi tự nhủ: in làm gì khi chưa có cặp mắt biết nhìn như Phùng Cung?

Thoảng mùi ruộng ải
Thóc giống cựa mình
Nắng vắt ngọn tre đuôi én
Đứng đỉnh điệu cu cườm
Lay nhịp gió may.
(Mùa gieo mạ)

Dưới mắt anh, cảnh vật hiện ra sinh động đến thế! Ngòi bút của tôi đâu còn dám đua chen.

Thấy tôi chán nản, anh Cung động viên khéo:

"Thời cơ chế thị trường, dư luận khách hàng mới là khuôn vàng thước ngọc. Hãy cứ cho ra rồi lắng nghe dư luận".

Trái với tình thế của tôi có điều kiện in rồi mà còn đắn đo, tình thế của anh Cung lại là muốn in mà không có điều kiện. Anh dí dỏm gọi mỉa mai tập bản thảo thơ anh là "Hàng Nga ngủ trong rừng".

Như mọi người đã thấy, ngày nay ở nước ta xuất bản thơ là việc khó khăn lắm. Bạn muốn in thơ?

Xin mời! Cứ việc bỏ tiền ra mà in. Nhà xuất bản chỉ có thể tham gia bằng cách chịu một phần trách nhiệm về nội dung và đứng ra xin giấy phép xuất bản, với điều kiện bạn trả tiền lệ phí. Một nhà thơ nghèo như Phùng Cung, năm nay đã sáu mươi nhăm tuổi có lẽ đến lúc "chọn đất sạch dọn mình vào vĩnh viễn" cũng không hy vọng thơ mình được người đọc thưởng thức qua những dòng chữ in. Hàng tháng chỉ với mâm cơm gia đình "bốn mùa rong ruổi chôn rau dưa" cộng thêm vài chục nghìn tiền điện, dăm nghìn tiền nước, chị Thoa vợ anh cũng đã phải tắt tả chạy "giặt nóng" quanh bà con lối xóm. Thơ anh đành nằm chờ...

Nhưng tôi quyết tâm in bằng được thơ anh. Tôi sẽ đi khắp Trung, Nam, Bắc đọc rong thơ của anh và quyên góp tiền. Tôi ước tính muốn có đủ tiền để in hai trăm bài thơ ngắn, tôi sẽ phải đọc thơ và quyên tiền đến một năm, trong khi đó bao nhiêu chuyện có thể xảy ra làm cho công việc thêm phức tạp.

Quá trình phấn đấu hẳn phải chia thành nhiều đợt đi đi về về. Nhưng tôi đã gặp một chuyện bất ngờ. Một hôm trong bữa cơm gia đình có anh Nguyễn Hữu Đang dự, tôi nói:

- Em sắp đi xa, vắng nhà chừng khoảng một năm. Anh nhớ luôn luôn đến nhà em ăn cơm với vợ con em cho vui.

- Chú có công chuyện gì mà phải đi xa nhà lâu thế?

- Em đi đọc thơ rong, quyên góp tiền để in cho anh Phùng Cung tập thơ. Cả một đời gian khổ vì cái nghiệp bút mực, anh ấy chỉ có một ước vọng được in một tập thơ để tặng bạn hữu và góp mặt với đời trước khi vĩnh biệt chúng ta.

- Tôi gặp chú Cung luôn, sao không thấy chú ấy nói chuyện này với tôi?

- Anh Cung không nói, em cho là anh ấy nghĩ có nói anh cũng không giúp được gì, chỉ làm anh thêm bận tâm.

- Tập thơ chú Cung đâu, chú đưa tôi xem.

Anh Đang chăm chú đọc hết tập thơ. Anh khẽ gật đầu có mái tóc ngắn quen thuộc nói:

- Tôi không ngờ thơ chú Cung khá thế. Theo tôi còn khá hơn văn xuôi chú ấy. Bây giờ thế này chú Quán nhé: chú không phải đi đâu hết. Tôi sẽ cho chú Cung tiền để in tập thơ.

Tôi tròn mắt:

- Thơ không rẻ như bèo đâu anh ơi? In một tập thơ vài trăm trang với hình thức chỉ xoàng xoàng thôi, anh có biết phải mất bao nhiêu tiền không? Từ hai triệu đến hai triệu rưỡi đấy!

Tôi tưởng anh tái mặt tung hứng trước số tiền mà tôi thông báo. Anh vẫn bình tĩnh lật lật những trang thơ, đọc lại một vài bài vừa rồi chưa đọc kỹ, rồi chậm rãi nói:

- Tôi sẽ cho chú Cung đủ tiền để in dù có tốn như chú vừa nói.

Không để tôi hỏi anh lấy đâu ra tiền, anh giải thích luôn:

- Tôi cho chú ấy dùng tất cả số tiền tôi dè sẻn từng đồng dành dụm được trong hai mươi năm qua, nhất là từ bốn năm trở lại đây tôi có lương hưu, lại được những anh chị em cùng hoạt động hội Mặt trận Dân chủ, Hội Truyền bá quốc ngữ, Hội Văn hóa cứu quốc, các đội Tuyên truyền xung phong chống Pháp, ngành Bình dân học vụ cùng những bạn bè xa gần, biết tôi còn sống và nghèo khổ, kẻ ít người nhiều họ gửi tiền đến giúp đỡ. Ngoài những khoản chi tiêu cần thiết hằng tháng, còn lại bao nhiêu tôi gửi tất cả vào quỹ tiết kiệm ngân hàng, phòng xa phải dựng túp lều khi không còn ai cho ở nhờ, phòng xa lúc ốm nặng kéo dài, phòng xa cả lúc chết nữa. Nhờ vậy mà số tiền tiết kiệm của tôi cho đến hôm nay đã lên đến hơn bốn triệu đồng. Số tiết kiệm đây...

Anh móc túi áo bộ đội cũ mặc bên trong, lấy ra cuốn sổ bọc trong ba lần giấy nhựa bóng, chẳng ngang, dọc bốn dây cao su. Anh đặt sổ trước mặt tôi và bảo:

- Chú giữ lấy. Tôi sẽ làm giấy uỷ quyền cho chú rút tiền ra sử dụng. Nếu số tiền này chưa đủ, tôi sẽ về quê đòi vài tạ thóc cho vay, bán đi rồi gửi thêm tiền cho chú. Tôi yêu cầu tập thơ phải in thật đẹp, mà đẹp giản dị, chứ không rườm rà, lòe loẹt như nhiều tập thơ đang bày bán.

Không hiểu sao nghe anh nói tim tôi hồi hộp và cổ tôi như nghẹn ngào. Tôi được quen biết anh đã gần bốn mươi năm nhưng cho mãi tới hôm ấy tôi mới thật hiểu anh là người như thế nào. Nguyễn Hữu Đang là người nếu chi dùng cho bản thân thì một trăm đồng ba quả khế chua để gọi đầu (thay chanh mà anh vẫn sợ đất) cũng tiếc tiền, bắt đực dĩ mới phải mua, nhưng đã là việc nghĩa hiệp thì sẵn sàng san sẻ đến đồng tiền cuối cùng.

Thế đấy. Nếu bản thảo thơ Phùng Cung là "Hàng Nga ngủ trong rừng" thì tấm lòng trợ giúp vô tư của Nguyễn Hữu Đang chính là "Hoàng Tử đẹp trai" đến đánh thức.

Và tập "Xem đêm" sẽ ra đời.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 1994

10. Nhà tiên tri tầm cỡ đại đội

... vì vậy mà có sự rung động bí mật của ý nghĩ, khiến nhà bác học trở thành người thần bí, và thi sĩ thành đấng tiên tri.

(Victor Hugo - Lao động biển cả).

Tôi hằng nghĩ, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, mỗi địa phương lớn nhỏ... đều sản sinh những nhà tiên tri của mình. Họ lưu lại những lời sấm ký, nhiều khi được truyền từ đời này sang đời khác, tiên đoán tương lai, số phận, những bước thăng trầm của cộng đồng. Sấm ký của họ được mã hóa thành tục ngữ, ca dao, cổ tích, huyền thoại... và đôi lúc chỉ là lời nói bất chợt.

Có những nhà tiên tri nổi danh và rất nhiều nhà tiên tri vô danh. Có những nhà tiên tri tầm cỡ thế giới, quốc gia, và rất nhiều nhà tiên tri tầm cỡ thôn xã, chòm xóm. Tuy tầm cỡ nhỏ vậy nhưng đôi khi lời sấm ký của họ cũng làm ta lạnh người...

Trung đoàn 101 chúng tôi cũng có một nhà tiên tri. Anh tên là Trần Vĩnh thư ký của đại đội trinh sát. Anh làm thơ, lấy bút hiệu là Trình Vân, sau đổi là Hồ Vi. Bài thơ Lời quê của anh có mặt trong Tuyển tập Thơ kháng chiến do Nhà xuất bản Hội Nhà văn Việt Nam xuất bản năm 1994.

Nhưng bài thơ Gửi người chín lăm của anh mới là bài thơ được cả trung đoàn truyền tụng. Trung đoàn 95 là quân chủ lực tỉnh Quảng Trị. Chiến dịch Đông Xuân năm đó, 95 bí mật hành quân vào chiến trường Thừa Thiên để phối hợp chiến đấu với 101 chúng tôi. Hồ Vi thay mặt anh em 101 viết bài thơ này, gửi các chiến hữu trung đoàn bạn, khi hay tin họ đã lòng lọng vào ém quân trên đất chiến trường nhà.

" Sông tôi anh đến cắm sào

Nương tôi anh đến xới đào lông cây

Bữa tẻ hai đũa hai trời

Chừ đây chộ mặt mấy lời cho bưa"

Theo tôi, Hồ Vi là nhà thơ có biệt tài sử dụng ngôn ngữ địa phương. Nhiều tiếng địa phương thô ráp, trúc trắc, nặng chình chịch... được anh đưa vào thơ, lập tức trở nên nhuần nhuyễn, ngân nga nhạc điệu và lấp lánh ánh vàng thi ca... Như số phận của tất cả những người nổi tiếng, người yêu anh cũng nhiều mà người ghét anh cũng lắm.

Ngày đó trên tờ báo Giết giặc - tờ báo kháng chiến của tỉnh - hầu như số báo nào cũng có thơ của Hồ Vi, Hải Bằng, Tấn Hoài, văn xuôi của Nguyễn Khắc Thứ - những cây bút cự phách của Trung đoàn. Ngoài những bài thơ đăng báo, Hồ Vi còn làm rất nhiều những bài thơ riêng tư mà

anh gọi là Thơ Sở Tay. Những bài này anh chỉ đọc cho một số bạn hữu thân thiết trong Trung đoàn "nghe chơi". Và mỗi lần đọc xong, anh đều dặn người nghe: "Nhớ là nghe mô bỏ đó! Đừng kể lại với ai, nhất là đối với mấy "xù" cán bộ chánh trị...".

Hồ Vi hăm hai, còn tôi vừa tròn mười sáu. Với con mắt những người lính mười sáu tuổi chúng tôi thì các nhà thơ là những siêu nhân. Tôi rất ngạc nhiên khi nghe anh Hồ Vi dặn những người nghe thơ như vậy. Tôi nói: "Em mà làm được những bài thơ hay như rứa thì em phải mang đi khoe khắp chiến khu!". Anh nhìn tôi, miệng cười mà ánh mắt buồn thiu: "Rứa đó em ạ. Con cá trong lò đồ hoe con mắt - Con cá ngoài lò lúc lắc muốn vô...". Ánh mắt buồn thiu và câu ca dao về con cá trong lò, ngày đó tôi chưa hiểu nhưng đã ám ảnh suốt đời

Một đêm, trời chiến khu mưa tầm tã. Con sông Ô Lâu hiền hòa nước lũ đục ngầu dâng cao, hung dữ chảy ầm ầm tưởng chừng muốn cuốn phăng cả ngọn đồi mà lán trại đội tnh sát chúng tôi dựng chênh vênh bên sườn dốc. Anh ngồi với tôi bên bếp lửa đốt ngay giữa lán trại, đợi mấy củ sắn lùi chín. Anh chợt hỏi tôi:

- Em có biết tại rằng mà trung đoàn mình lại đặt là trung đoàn một trăm lẻ một không?

Tôi đang mãi xắm nắm lật lại mấy củ sắn cho chín đều, vừa lật vừa trả lời:

- Đó là phiên hiệu... Cấp trên muốn đặt số bao nhiêu mà chẳng được. Anh hỏi chi cắc cớ.

Anh ngồi bó gối, nói với tôi, mắt không rời ngọn lửa cháy bập bùng:

- Em đừng tưởng... Người ta đặt như rứa là có ý nghĩa cả đó em ạ. Một trăm là trung đoàn, còn lẻ một tức là nhà thơ Hồ Vi đó.

Tôi bật phì cười. Câu nói tung hứng của anh không ngờ đã ghi khắc vào trí nhớ tôi khác nào một vết bỏng sâu...

Sau khi anh chết và tôi đã lớn khôn hơn, tôi được biết những bài thơ "riêng tư" của anh không biết bằng cách nào đã lọt ra khắp trung đoàn. Rất nhiều chiến sĩ thuộc lòng, ngâm nga khe khẽ trên đường hành quân, chép tặng các "Súy Vân - Súy Kiều" ở các thôn xóm trú quân. Vì tính chất lây lan của những bài thơ riêng tư này mà thơ Hồ Vi được coi là một hiện tượng và cán bộ lãnh đạo tỉnh ngày đó đặc biệt quan tâm, đặt vấn đề cần thiết phải chặn đứng nó lại. Trong nhiều cuộc họp của tỉnh, của trung đoàn có mục phê phán thơ Hồ Vi. Thơ Hồ Vi bị cán bộ lãnh đạo, tuyên huấn lên án gay gắt. Nào là tiểu tư sản lãng mạn, mất lập trường cách mạng, đầu độc tâm hồn chiến sĩ, làm nhục ý chí chiến đấu của quần dân Thừa Thiên...vân vân và vân vân.

Năm đó, trung đoàn chúng tôi đánh một trận phục kích lớn trên đường quốc lộ một Bắc Thừa Thiên. Ta thắng to. Đặc biệt trong trận phục kích này, có một cô nữ cứu thương người Pháp, tuổi chừng mười chín đôi mươi, trúng đạn chết nằm lộn giữa đám xác giặc. Cả người cô ướt sũng máu và bùn, nhưng vẫn đẹp như một thiên thần. Đôi mắt xanh biếc đã chết nhưng vẫn mở to, ngơ ngác nhìn lên bầu trời xa lạ vùn vụt những lớp lớp mây chì...Lúc thu dọn chiến trường, không hiểu sao tất cả chúng tôi đều tránh gặp cặp mắt xanh biếc ngơ ngác của cô. Riêng Hồ Vi, anh đã bế xác cô đặt lên chỗ mặt đường khô ráo, rồi lấy vạt áo quân phục rách tả tơi, lau sạch những vết máu và bùn trên gương mặt trắng như nồn huệ và trên mái tóc màu bạch kim của cô...

Các nhà thơ nổi tiếng của tỉnh, của trung đoàn như Hải Bằng, Tuấn Hoài, Hoàng Thượng Khanh...đều làm thơ về cái chết của cô và cùng lấy đầu đề: Cô nữ cứu thương người Pháp. Theo dư luận của chiến sĩ thì bài thơ của Hải Bằng hay nhất. Nhưng bài thơ của Hồ Vi được đăng trên báo Giết giặc. Báo vừa in xong, chưa kịp phát hành, thì bài thơ được dán chồng lên một bài văn xuôi tường thuật sự thắng lợi giòn dã của trận đánh, kết quả hùng hồn của đợt rền cán chỉnh quân...Tuy vậy, số báo này cũng chỉ được phát hạn chế, từ cấp chính trị viên đại đội trở lên. Tôi làm liên lạc của đơn vị trinh sát. Tôi chạy vào "xê ca" 5, nơi tòa soạn báo Giết giặc đóng. Tôi chờ lúc các anh tòa soạn sơ hở, xoáy được tờ báo cấm kỵ đó, dặt luôn vào cặp quần. Tôi chạy một mạch ra thẳng bờ sông Ô Lâu, tìm một chỗ bờ sông thật khuất vắng, ngâm tờ báo xuống nước. Chờ cho hồ dán đủ thì giờ ngấm nước, tôi cầm tờ báo chui vào một bụi lau sậy rậm rì, nhẹ nhàng, cẩn thận bóc bài văn xuôi dán chồng lên bài thơ. Tôi đọc đi đọc lại nhiều lần bài thơ giữa tiếng gió thổi lau lách xào xạc trên đầu và tiếng con sông Ô Lâu chảy lúc khoan lúc nhặt dưới chân...

Từ hôm đó đến nay, hơn bốn mươi năm trôi qua, bài thơ chia làm nhiều khổ ngắn dài, tôi chỉ còn nhớ được một khổ:

Nhìn mái tóc bạch kim em

Uớt sũng máu và bùn

Đôi mắt Vệ Quốc anh nước mắt lưng tròng

Hòa bình tặng em một nhành hoa tím ngát
Chiến tranh tặng em một viên đạn súng trường
Ơi người em gái Pháp nữ cứu thương!...

Tôi ngồi khóc lặng lẽ, nước mắt giọt ngấn giọt dài rớt xuống bài thơ ướt đẫm nước sông Ô Lâu mà tôi cầm khư khư trong tay. Và mười sáu tuổi đầu, lần đầu tiên tôi được ném cái vị mặn chát kinh người của chiến tranh qua bài thơ của Hồ Vi. Cùng với Hải Bằng (ngày đó anh còn lấy bút hiệu là Văn Tôn) bài thơ Cô nữ cứu thương người Pháp bị cán bộ lãnh đạo đưa ra mổ xẻ, phân tích, phê phán nặng nề. Nó được coi là điển hình của sự dao động, sự mất lập trường kháng chiến "Bây giờ thì anh ta khóc thương kẻ thù, rồi sẽ có ngày anh ta đi hẳn với kẻ thù". Người ta đã kết luận về Hồ Vi như vậy.

Họa vô đơn chí, ngoài cái tội thơ, Hồ Vi còn bị kết tội hủ hóa - một cái tội xấu xa nhất đối với những người lính chúng tôi hồi đó. Nó xấu xa đến nỗi người ta phải gọi chệch là tội "hát-đúp" để nó bớt đi cái vẻ trần trụi đê tiện.

Đầu đuôi cái tội "hát-đúp" của anh là thế này: Sống ở chiến khu, do quá thiếu thốn tình cảm gia đình, chúng tôi bày ra trò nhận anh nuôi, chị nuôi, mẹ nuôi, em nuôi... Tôi cũng có một bà mẹ nuôi và một ông anh nuôi. Hồ Vi nhận chị nuôi là chị Hoài Trinh, y tá bệnh viện chiến khu. Chị Hoài Trinh lớn hơn anh chừng ba, bốn tuổi, anh hăm hai, chị hăm sáu. Trước kia chị là hoa khôi trường nữ sinh Đồng Khánh. Tôi không còn nhớ rõ chị có đẹp thật không, chỉ nhớ là dáng người mảnh mai, gương mặt vàng vốt vì đói ăn và sốt rét; cặp mắt chị to một cách kỳ dị, choán gần hết nửa khuôn mặt và mái tóc chị dài đến chấm gót. Những anh chị cùng hoạt động bí mật với chị ở nội thành Huế kể rằng: chị thường dấu truyền đơn, kíp nổ, cả lựu đạn nữa, vào búi tóc tiếp tế cho các đơn vị biệt động ở nội thành.

Nhận chị em nuôi được ít lâu, anh Hồ Vi và chị bỗng đâm ra yêu nhau. Hai người cố giấu mối tình mà chính họ cũng cảm thấy "vụng trộm". Nhưng họ càng giấu, càng lộ. Chẳng mấy chốc cả chiến khu đều biết mối tình "bất chính" của hai chị em nuôi. Nghiêm trọng hơn, người ta đồn là "cô y tá chị nuôi đã có mang với nhà thơ em nuôi". Cả chiến khu đổ dồn vào phê phán tội lỗi của hai người. Mấy người cán bộ chính trị, cán bộ tuyên huấn thì hẳn học mĩa mai: "Cũng là do ba cái thứ thơ tiểu tư sản, mất lập trường, ơ em gái Pháp nữ cứu thương, mà ra hết!". Chỉ riêng tụi liên lạc trinh sát con nít chúng tôi thì hoang mang, ngỡ ngác. Chúng tôi không biết nên ủng hộ hay nên chống mối tình của hai người. Chúng tôi chỉ thấy thương cả hai, và tìm mọi cơ hội để tỏ với anh chị tình thương đó.

Mỗi lần chúng tôi chạy liên lạc vào các cơ quan đóng sâu trong núi, đều tạt vào bệnh viện thăm chị, áp a áp úng hỏi chị: "Có nhận chi ra xê-ca-một" không?" (Xê-ca-một có nghĩa là anh Hồ Vi). Thành Mừng hay hỏi: "Chị có hay ra sông Ô Lâu giặt áo quần không, em bụng giúp chị?". Chị kéo cái đầu bù rối khét lẹt mùi nắng và mùi tanh tróc đầu của nó vào lòng. Ôm rất lâu. Cặp mắt to mênh mông của chị bỗng ướt nhòe như xông phải khói cay... Tụi tôi, thằng Hiền, thằng Bồng-da-rần, thằng Châu-sém mỗi lần về đồng bằng trinh sát, trở về chiến khu, đưa thì mang cho anh mảnh giấy trắng, cuốn vở học trò, đưa thì cái bút máy Cao lô, lọ mực Pake...để anh viết thơ. Những thứ này chúng tôi xin được của mấy chị hàng xén ở các chợ quê vùng hậu địch. Anh cất tất cả vào cái túi dệt vải da mà chúng tôi đều biết của chị Hoài Trinh khâu tặng anh. Anh nói: "Khi mô anh trở thành nhà thơ thiên tài như Rem-bô thì anh mới dám dùng giấy mực các em cho".

- Rem-bô là cái ông mô rứa? Chúng tôi hỏi.

- Ông ấy người Tây, chỉ mới bằng tuổi các em mà thơ ông đã lừng danh thế giới, - anh nói.

Thành Bồng-da-rần bỗng đưa ra một ý kiến ngộ nghĩnh:

- Lỡ cái ông ấy cũng vô lính Lê dương qua đây đánh mình, bị quân mình bắn chết trong trận Cầu Nhi - Đồng Lâm thì uống quá anh hè?

Anh Hồ Vi xoa xoa đầu nó, cười: "Thiệt may! Ông ấy đã chết cách đây gần trăm năm rồi".

Chúng tôi nghe lồm các anh lớn bàn tán: trên quyết định sẽ bố trí đưa chị Hoài Trinh ra vùng tự do khu 4 để học lớp y sỹ. Nhưng mục đích là để cách ly hai người khỏi phải dấn sâu thêm nữa "mối tình tội lỗi". Cái tin này làm tụi con nít chúng tôi buồn lắm. Không hiểu sao chúng tôi đều có ý nghĩ: Nếu vắng chị Hoài Trinh chiến khu sẽ vắng đi một nửa. Nhưng chị chưa kịp ra khu 4 thì đã phải vĩnh viễn nằm lại dưới chân một ngọn đồi xào xạc lau sậy bên bờ sông Ô Lâu.

Chúng tôi, những người lính dãi dầu trận mạc, đã chứng kiến biết bao nhiêu cái chết, nhưng chưa có cái chết nào để lại trong ký ức một ấn tượng kinh hoàng đến như cái chết của chị. Sáng hôm đó, chiến khu vụt hừng nắng sau suốt mười ngày mưa thổi núi thổi rừng. Chị Hoài Trinh từ

trong núi, vách cái rỗ thưa đưng áo quần dơ, bên trên đậy chiếc chiếu cá nhân và tấm m lông màu nơn chuối, đi ra sông Ô Lâu.

Ngày đó những người chiến khu chúng tôi, mỗi lần ra sông giặt giũ, không mang theo chậu hoặc xô (vì không có), mà mang cái rỗ thưa và một tấm ni lông. Lót ni lông vào lòng rỗ rồi múc đầy nước. Cái rỗ thưa liền biến thành cái chậu giặt, tắm, nhẹ nhàng biết mấy, giản tiện biết mấy Con sông Ô Lâu dâng cao, nước đục ngầu, chảy xiết. Các coọng nước dọc bờ sông dốc đưng, quay trong tiếng rền rĩ, rền xiết vì phải làm việc quá sức

Lán của đội thiếu niên trinh sát chúng tôi nằm ngay trên lối mòn xuống bên sông. Các chị ở bệnh viện, bào chế, quân lương thích ra giặt giũ ở bên sông chúng tôi vì có một tảng đá lớn, bằng phẳng từ vách núi chồm hẳn ra mặt sông.

Lúc chị Hoài Trinh ngang qua lán, thằng Mừng đang ngồi trước bậu cửa học đánh vần trên tờ báo Giết giặc, hấn ngẩng lên chào chị, nói: "Khi mô chị trở vô bệnh viện, chị nhớ gọi em với, chị nghe". "Em vô bệnh viện có việc chi?" Hấn làm mặt nhăn nhó nói: "Em bị ho... chắc là ho lao chị ạ...". Chị cười: "Chị cho uống muỗng thuốc ho là khỏi thôi". "Anh Tư-dát nói, ho lao phải uống hai muỗng mới khỏi". Chị lại cười: "Ừ thì chị cho uống hai muỗng". Chẳng là chiến khu, tụi chúng tôi thêm đường quá Thằng Hòa-đen là đũa đầu tiên nghĩ ra cái mẹo giả đồ mắc bệnh ho, vô bệnh viện xin uống thuốc ho. Thuốc ho cũng ngọt gần bằng đường. Hấn phải lị bốn con suốt, trèo ba dốc núi mới vô thẩu bệnh viện, xin đưng một thìa canh thuốc ho, uống tại chỗ. Hấn về khoe ầm với cả đội: "Mỗi muỗng thuốc ho cũng ngọt gần bằng nửa chén chè gạo của mẹ Tào!". Mừng hỏi: "Mi khai bệnh như răng mà các chị tin, cho mi uống thuốc?". "Tao khai mắc bệnh ho gà. Ho gà là bệnh ho nặng nhưt!".

Ngày hôm sau thằng Mừng chạy vô bệnh viện khai với các chị y tá hấn mắc phải bệnh ho gà rất nặng. Một chị y tá cười cười cầm chai thuốc ho rót một muỗng, bắt hấn há miệng, ngửa cổ cho uống luôn. Đưng là ngọt thật - hấn vừa liếm môi liếm mép ngẫm nghĩ - nhưng hơi chua chua. Chỉ tội muỗng thuốc chị rót lụng quá, hấn tị nạnh: "Thằng Hòa- đen cũng mắc bệnh ho gà như em, mà hấn khoe chị cho hấn uống cả một muỗng đầy...". Chị y tá lại cười nói: "Tại em chưa mắc phải bệnh ho gà, em chỉ mới ho vịt. Ho vịt chỉ cần uống nửa muỗng là lành". Mừng ầm ức chạy về đội kể lại với Tư-dát. Tư- dát ôm bụng cười ngất. Hấn liền láu nói: "Tại mi ngu. Mi phải khai là ho lao. Ho lao còn nặng gấp mấy lần ho gà. Nhất đưng các chị phải cho mi uống hai muỗng đầy! Chưa chừng còn cho mi thêm cả một ve đưng về cho đội uống dần!".

Sáng hôm đó, chiến khu hửng nắng. Thằng Mừng xắm nắm đưng lị rừng vô bệnh viện để khai mình mắc bệnh ho lao...Không ngờ lại gặp chị Hoài Trinh, hấn mừng rơn. Hai muỗng thuốc ho coi như cầm chắc. Hấn ngồi trước bậu cửa để cùng vô bệnh viện với chị. Hấn đã đánh vần hết cả tờ báo Giết giặc mà vẫn chưa thấy chị lên. Hấn thắc mắc chị giặt chi mà lâu rứa hè...Hấn gấp tờ báo, dất cặp quần rồi đi xuống bên sông. Bên sông vắng tanh. Chỉ thấy rỗ áo quần với chiếc chiếu vắt ngay miệng rỗ, trên tảng đá gần mí nước. Hấn đoán chừng chị đi việc riêng, ngồi khuất sau bụi cây mô đó. Hấn kiên nhẫn đưng chờ. Chờ mãi không thấy chị bước ra, hấn liền gọi toáng lên. Chỉ có tiếng lau lách xào xạc trả lời hấn. Hấn chợt nhìn thấy tấm ni lông màu nơn chuối bị những miệng nước xoáy dưới chân tảng đá, quay tròn như chong chóng, lúc chìm xuống lúc nổi lên... Hấn lập tức hiểu ra. Như bị ma đũa, hấn chạy ngược lên dốc bên, miệng la thất thanh: "Chị Hoài Trinh chết trôi! Chị Hoài Trinh chết trôi!".

Chỉ mười phút sau, các anh lớn, bọn nhóc trinh sát chúng tôi đưng chen chúc trên tảng đá để rỗ áo quần. Anh Hồ Vi về đồng bằng công tác hai hôm trước đó.

Chúng tôi, các anh lớn, cởi quần áo, nhào ào xuống sông, hụp lặn, mò tìm xác chị. Chúng tôi mò tìm cho đến lúc mặt trời gần lặn, vẫn không thấy tấm hơi xác chị.. Chiều hôm sau. Thằng Bông-da rần đi bám đưng quốc lộ trở về, hấn ở dưới đó đã ba hôm nên không biết chuyện chị Hoài Trinh chết đuối. Hấn kiếm đưng một cục xà bông thơm, hí hửng đưng về để biếu chị. Hấn chọn quăng sông phía bờ chiến khu có một coọng nước quay để lị qua, vì quăng này đồng bào đắp thành cái đập đá để dồn sức nước vào coọng. Hấn cởi áo quần đội lên đầu, mắt chăm chú nhìn xuống dòng nước chảy xiết tìm những chỗ đá ít rêu để bám chân khỏi trượt ngã. Lị ra đến gần giữa sông, hấn chợt ngẩng lên. Miệng hấn há hốc, đưng gần như chết lạng giữa dòng nước ào ào chảy quanh người. Cái coọng nước đưng kính đến sáu bảy mét, quay kéo kẹt nặng nề, kéo từ từ dưới vực nước lên một cái đầu phụ nữ tóc ướn sững quẩn chặt vào cái gióng tre ngang. Khuôn mặt người chết trôi trắng bọt như bụng cá chết nhưng hấn vẫn nhận ngay ra chị Hoài Trinh. Coọng nước nhấc từ từ cả người chị lên khỏi mặt nước, đưng lên cao, lên cao mãi, như treo lủng lẳng giữa bầu trời chiều chiến khu đầy sương mù, rồi đổ dần về phía bên kia.

Hắn hét lên một tiếng thất thanh, liệng bộ áo quần rách như tổ đĩa có gói cục xà bông thơm xuống nước, bươn rẽ nước nhào tới, chụp lấy một cái gióng ngang đình rì giữ coong nước lại, không cho nó chìm tiếp chị theo đà quay...

Nhưng cái coong nước coi hắn chẳng khác nào một cái cọng đu đủ, nhẹ nhàng kéo kẹt từ từ nhắc hắn lên khỏi mặt nước và đưa hắn lên cao. Ngộp quá hắn phải buông tay nhảy vọt xuống vực sông, hắn bơi vào bờ, chạy lên trạm gác tiền tiêu của chiến khu nhờ các anh lớn tiếp cứu, rồi chạy lên lán đội trinh sát gọi chúng tôi.

Sức quay cái coong nước mạnh khủng khiếp. Cả một tiểu đội vừa người lớn vừa con nít, bám vào các gióng ngang gióng dọc mới giữ nó lại được. Một anh cố hết sức gỡ tóc chị khỏi các gióng tre để lấy xác chị ra, nhưng không tài nào gỡ nổi. Mái tóc chị dài quá, quấn ngang quấn dọc như đánh đai vào coong nước. Hết sách, anh phải dùng thanh mã tấu cưa, chặt đứt mái tóc dầm nước đen như huyền của chị...

Chúng tôi đào huyệt chôn chị giữa đám lau sậy xạc xào đổ dốc xuống bờ sông Ô Lâu, cùng với rổ áo quần ướt và chiếc chiếu. Hai hôm sau, anh Hồ Vi mới từ đồng bằng công tác trở về.

Chúng tôi chạy ra đón anh ở đầu dốc núi đi vào trạm gác tiền tiêu. Chúng tôi tranh nhau kể chị Hoài Trinh chết như thế nào, mò xác chị ra sao, cảnh tượng rừng rợn coong nước quấn chặt tóc chị xách cả người chị đưa từ từ lên trời rồi lại từ từ chìm chị xuống nước, cánh dùng mã tấu cưa, chặt mái tóc dài của chị quấn chặt vào các gióng tre coong nước... Chao ôi, chúng tôi ngu dại quá. Chúng tôi đâu có biết kể tỉ mỉ như vậy là chọc ngoáy vào vết thương đang xối xả máu trong lòng anh.

Chúng tôi tưởng anh sẽ khóc lìm. Nhưng thật lạ lùng, hai mắt anh ráo hoảnh! Anh đứng bất động như vụn hóa đá, cặp mắt mở trừng trừng nhìn chúng tôi, không nói, không rằng. Ánh mắt anh làm chúng tôi sợ phát run, bất giác lùi cá lại, bước dạt ra hai bên. "Chôn chị ở mô?" - anh bật hỏi, gần như thì thầm. Chúng tôi kéo nhau chạy trước, dẫn anh ra mộ chị. Hai chân anh như bị đốn, cả người anh ngã sụp xuống bên nắm đất đắp tròn còn in rõ những dấu xềng. Anh khoát khoát tay, nói với chúng tôi gần như van lơn: "Các em về hết cả đi! Về hết cả". Anh ngồi cùng mộ vợ suốt cả đêm hôm đó. Rồi sau đấy, chiều nào anh cũng mang bát cơm chan nước ruốc khâu phần của anh ra mộ, chắc là để cúng vợ trước khi ăn... Có đêm anh ngủ luôn ngoài đó không thấy về lán. Chỉ ít lâu sau, người anh rạc hẳn đi, chỉ còn mắt với răng.

Một hôm, tôi về đồng bằng công tác. Lúc trở lên chiến khu, tôi tạt vào cái miếu gọi là Miếu Cô ở đầu làng, xin ông cụ thủ từ trông coi miếu một thẻ hương. Tôi mang thẻ hương về chiến khu, lẳng lặng đặt cạnh cái mền trần thủ của anh ở sạp nằm góc lán. Tôi đâu có ngờ cái thẻ hương này đã giết anh.

Trước đó hai hôm, có tin của trinh sát, bọn địch tập trung quân chuẩn bị đánh phá chiến khu. Công binh, các đơn vị trực chiến, chôn mìn, gài lựu đạn dọc các lối mòn chuẩn bị chống giặc. Nhưng rồi có tin về bọn giặc càn ba huyện phía nam. Công binh tháo mìn, gỡ lựu đạn, giải tỏa các lối mòn. Buổi chiều, anh Hồ Vi cầm nắm hương của tôi, đi ra mộ vợ. Trời xui đất khiến gì không biết, anh đi vào cái lối mòn vừa tháo gỡ mìn, lựu đạn. Anh vấp phải trái lựu đạn gài gỡ sót. Cả hai chân anh đều bị thương, dập nát đến đầu gối. Chắc anh khát nước vì mất quá nhiều máu, anh bò lết xuống bên sông, đứng cái bến mà chị Hoài Trinh chết đuối. Chúng tôi tìm thấy xác anh nằm vắt ngang trên tảng đá, đầu và hai vai ngập chìm trong nước. Hai tay anh bấu rất chắc vào gờ đá nên mới không tuột xuống sông.

Chúng tôi đào huyệt sát mộ chị Hoài Trinh, chôn anh, xác bọc trong tấm vải bạt áo sụng. Bọn giặc tấn công chiến khu Hòa Mỹ và bao vây nhiều ngày. Chúng tôi rút vào chiến khu Dương Hòa. Khoảng hơn một năm sau, tiểu đội tôi đi công tác ngang qua Hòa Mỹ. Các lối mòn lau lách mọc phủ kín, cao lút đầu người. Chỉ mới hơn một năm mà vùng chiến khu cũ trở nên hoang vu đến rợn người. Chúng tôi đi dọc bờ sông Ô Lâu bạt ngàn lau trắng, vạch cỏ, rẽ gai tìm suốt buổi mà không thấy mộ hai người. Lau lách, cỏ dại đã nuốt chửng cả hai...

Từ khi tôi rời cây súng nối nghiệp anh làm thơ. Rồi vì thơ mà sa vào cảnh chìm nổi gian truân suốt ba chục năm trời. Trong ba mươi năm đó tôi thường hay bắt chợt nhớ đến câu nói kỳ dị của anh Hồ Vi bên bếp lửa chiến khu năm nào: "Một trăm là trung đoàn, còn lẻ một là nhà thơ Hồ Vi đấy!".

Thế rồi dần dần tôi mới vỡ lẽ ra, câu nói kỳ dị của anh chính là sấm ngữ về số phận của ai lỡ mang lấy nghiệp thơ vào thân.

Tôi thường kể câu chuyện trên với bằng hữu và vui miệng nói thêm: "Hồ Vi là nhà tiên tri tầm cỡ đại đội:..

Chép lại bên bờ Hồ Tây- mùa đông năm 1994

11. Một năm lao động ở công trường Cổ Đàm

Từ năm 1958, tôi đã phải đi nhiều đợt lao động ở Hợp tác xã nông nghiệp Thái Lai (Thái Bình), Công trường Nhà máy đường Việt Trì (Phú Thọ), Nông trường cao su - cà phê Thăng Lợi ở Thọ Xuân (Thanh Hóa)... Đợt nào tôi cũng gặp phải chuyện trục trặc, oan ức, đều bị cơ quan quản lý nhận xét là "chưa tiến bộ", "chưa khắc phục được tư tưởng nhân văn", đôi khi còn có "ý định ngóc đầu dậy"... Năm 1964 cho đến đầu năm 1965, tôi tiếp tục được Hội Văn nghệ cử đi lao động cải tạo ở Công trường Trạm bơm điện Cốc Thành, Cổ Đàm. Trạm bơm điện Cốc Thành vào loại lớn nhất miền Bắc ngày đó, tưới tiêu cho hai huyện Ý Yên- Bình Lục tỉnh Hà Nam Ninh. Trước khi mang ba lô về công trường, Võ Hồng Cương trong Ban lãnh đạo Đảng đoàn Văn nghệ căn dặn tôi: "Lần này cậu phải cố gắng lao động cho thật tốt. Cuối đợt sẽ được Đảng bộ công trường nhận xét. Đừng để xảy ra những chuyện lời thôi như mấy đợt trước. Cậu phải nhớ rằng, nếu có nhiều tiến bộ thì tôi sẽ giới thiệu cho cậu về công tác ở Ty Văn hóa Hà Nam. Sau một vài năm phấn đấu, người ta sẽ cho cậu vào biên chế...". Tôi hứa với anh sẽ hết sức cố gắng để khỏi phụ lòng tốt của anh. Tôi đã lao động ở công trường này từ khi san nền, đổ móng cho đến khi công trình được nghiệm thu. Cùng về công trường với tôi đợt này có một tổ ba người ở Viện Văn học và Bộ Văn hóa đi tham gia thực tế theo chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương: Cán bộ đi làm thủy lợi một năm, gồm: N.N, nhà lý luận phê bình lâu năm; Mai Quốc Liên cũng là nhà lý luận phê bình mới bước vào nghề và nhà thơ Trúc Cương. Trong ba người này chỉ một mình Trúc Cương là tôi quen biết từ trước.

Trúc Cương gặp riêng tôi, nói nhỏ: "Anh N.N. là đảng viên, lập trường tư tưởng hết sức vững vàng, cứng rắn, chống nhân văn giai phẩm quyết liệt... Tiếp xúc với anh, Quán nhớ giữ mồm, giữ miệng, không có thì phải vạ đấy!"

- Được, mình sẽ uốn lười 14 lần trước khi nói!

- Còn Mai Quốc Liên thì chơi được, mới lấy vợ. Đặc điểm là rất phục thơ Chế Lan Viên. Quán nhớ không chê thơ Chế Lan Viên trước mặt cậu ta.

- Chính mình cũng thích thơ Chế Lan Viên!

Năm đó tôi đã ngoài ba mươi tuổi. Tôi đã lấy vợ và có đứa con gái đầu lòng lên hai. Thật lòng từ đây, tôi muốn được sống yên thân. Tôi đã quá mệt mỏi vì phải đi lao động hết công trường này đến nông trường khác. Tôi đã chán cái cảnh: "cá trộm, vẩn chui, rượu chịu". Tôi tự hẹn với mình sẽ cố gắng lao động thật tốt, nói năng giữ mồm, giữ miệng. Cuối năm sẽ nhận được bằng khen của công trường vì "lao động tích cực, có tiến bộ rõ rệt về lập trường tư tưởng". Nhờ đó tôi sẽ được Hội giới thiệu vào công tác ở Ty Văn hóa, rồi sẽ được tuyển dụng lại vào biên chế, có thể bắt đầu hưởng lương cán sự 1 - 56 đồng một tháng. Thế là gấp đôi số tiền trợ cấp của Hội Văn nghệ mấy năm nay - 27 đồng một tháng. Với 27 đồng, tôi chỉ đủ nộp tiền ăn cho công trường. Nhưng điều quan trọng nhất mà tôi hy vọng, dần dần tôi sẽ được xóa kỷ luật, được xuất bản sách trở lại và có tiền để đỡ đần vợ. Tôi phải lao động ở đội mộc rồi chuyển sang đội bê tông. Lao động nặng mà không có tiền ăn sáng, tôi đói mềm người. Tôi lại xấu máu đói. Hết đói là tay chân bủn rủn, mồ hôi vã ra như tắm.

Mặc dù lúc nào tôi cũng đinh ninh trong dạ là phải hết sức cố gắng, phải thật quyết tâm phấn đấu để mau chóng thoát khỏi cái cảnh trợ cấp 27 đồng một tháng. Nhưng rồi tôi lại gặp phải vài chuyện trục trặc không đâu, làm mất toi công sức lao động hơn một năm trời...

Tôi về đội mộc được phân công đóng Copp pha. Tay tổ trưởng tên là Hường, đảng viên, người to béo phúc phịch, dân Thanh Hóa, tay nghề khá giỏi và rất tốt bụng. Tay ấy thường giao tôi việc nhẹ và dạy nghề cho tôi rất tận tình. Sau ba tháng, Hường nhận xét tay nghề của tôi: "Cậu có thể xếp vào thợ bậc 1 rồi đấy!". Tôi cười nhin: "Nếu giám đốc công trường có hỏi thì anh nhớ báo cáo tốt cho tôi với nhé. Đại khái là tuy tay nghề còn non nhưng lao động hăng say, nhiệt tình, nói năng đúng lập trường chính sách..."

"Được được, tớ hiểu rồi. Tớ sẽ báo cáo thật tốt cho cậu. Lần nào lên họp ông ấy cũng hỏi thái độ lao động của cậu. Tớ đều báo cậu lao động rất chăm chỉ, cần cù. Tớ còn đề nghị hàng tháng công trường nên phụ cấp cho cậu mấy đồng, cộng với tiền trợ cấp ở trên, cho ngang với lương công nhân bậc một... Ông ấy bảo sẽ xét. Lần nào ông ấy cũng nhắc nhở mình: Phải cảnh giác cao độ với cậu vì cậu là một tên nhân văn "thâm độc" và "nguy hiểm". Mình cãi: Nhưng tôi thấy

hấn hiện khô mà, đồng chí? Ông ấy còn nhấn mạnh với mình: Đồng chí là đảng viên, phải xác định lập trường. Những tên đã viết văn viết báo chống chế độ thì chẳng có tên nào hiện hết! Mình quý cậu nên kể riêng với cậu thôi để cậu đề phòng. Nhớ không được nói lộ ra với ai...". Hường dặn đi dặn lại.

Câu chuyện của Hường làm tôi hết sức lo ngại. Lao động tôi càng chăm chỉ hơn. Nói năng càng thận trọng hơn. Hường có cái thú là mê sáng tác ca khúc. Nghĩa là đặt lời mới theo một số làn điệu dân ca quan họ. Hường khoe với tôi, hồi đi nghĩa vụ quân sự, anh ta đã được giải thưởng văn nghệ của tiểu đoàn vì đã sáng tác được một bài hát phục vụ chủ đề gìn giữ tác phong quân nhân. Bài hát theo điệu "Trèo lên trái núi Thiên Thai". Hường hát luôn: "Ra đường phải thắt xanh tuya này xanh i i i tuya...".

Ngày Tết sắp đến. Công trường thông báo sẽ tổ chức một đêm văn nghệ quần chúng, tiết mục tự biên tự diễn. Hường say sưa sáng tác bài hát cho đêm văn nghệ. Nội dung bài hát là ca ngợi đội mộc đóng góp pha đúng kỹ thuật, năng suất cao. Bài hát theo điệu "Tình bằng có cái trống cơm". Đã lâu quá rồi tôi không còn nhớ cả bài hát, chỉ nhớ câu đầu: "Tình bằng có cái búa đình, khen ai khéo gõ ấy mới đình nên đình, ấy mới đình nên đình...". Nhưng rồi hình như công việc đặt lời cho bài hát của anh không được suôn sẻ, gặp phải chỗ bí. Tôi để ý, nhiều lúc đang làm việc Hường bỗng ngừng ra, buông đục, bỏ cưa, bỏ riu, rút trong túi áo ra tờ giấy nhàu nát, trải lên mặt tấm ván, nhắm nhắm nước bọt cây bút chì thợ mộc vót nhọn hoắt mà lúc nào anh cũng cài trên vành tai, cúi xuống tờ giấy gạch gạch xóa xóa, miệng lẩm nhẩm hát cái gì đó tôi không nghe rõ lời, trán cau lại. Cũng là người sáng tác nên tôi thông cảm ngay.

Điệu này là anh ta đang bí đây. Tôi thấy thương anh, muốn giúp anh gỡ bí. Bước đến gần, tôi hỏi: "Sáng tác gặp khó khăn à? Thử nói xem anh bí chỗ nào, tôi có thể giúp anh được không? Tôi không rành sáng tác bài hát lắm, nhưng việc đặt lời cho bài hát nói cũng gần với văn thơ". Anh chỉ đầu bút chì vào tờ giấy, nói: "Mình đang vấp cái chỗ: lội, lội lội sông ấy mấy đi tìm..., không biết đặt cái tiếng gì vào đó cho đúng giọng. Mình muốn dùng chữ đóng, đóng, đóng hay cưa, cưa, cưa, nhưng đều không đúng điệu dẫu nặng. Nghĩ nát cả óc mà không ra. Tôi góp ý: Hay anh dùng chữ đéo, đéo, đéo. Nếu hát lên thì đéo có thể hát thành đẹo, người nghe cũng hiểu.

Anh gật gù: Đúng, đúng. Ý kiến của cậu hay. Vượt qua được chỗ bí, anh hoàn thành được bài hát ngay chiều hôm đó. Anh chọn trong đội mộc của anh năm cậu có khả năng hát hò nhất, cho nghỉ một buổi làm để tập hát. Anh lãnh nhiệm vụ chỉ huy tốp ca, vừa huấn luyện, vừa bắt nhịp, vừa lĩnh xướng.

Đêm văn nghệ bài hát của đội mộc làm cho mọi người cười vỡ trời vì khi hát đến chỗ đẹo, đẹo đẹo, khán giả ngồi bên dưới sân khấu liền rộ lên hát theo đėjo đėjo, đėjo muốn vỡ hội trường. Ban tổ chức phải la hét đến khản cổ mới giữ lại được trật tự, nhưng không sao giữ yên được hoàn toàn. Thỉnh thoảng bên dưới khán giả vẫn rúc rích: đėjo, đėjo, đėjo...

Hường bị giám đốc công trường gọi lên xạc cho một trận toi bời, kết tội anh là cố ý phá rối đêm văn nghệ chào mừng thắng lợi của công trường. Hường hoảng quá phải thú thật: ba tiếng đėjo, đėjo, đėjo ấy là cậu Phùng Quán nó góp ý kiến cho tôi. Lúc đầu tôi định đặt là cưa, cưa, cưa, nhưng hẳn bảo hát là đėjo... nó đúng điệu hơn...

Giám đốc công trường gầm ghè: "Đấy, đồng chí cứ khen hẳn là hiền nữa đi. Nó xỏ mũi đồng chí mà đồng chí không biết. Tôi đã cảnh giác với đồng chí nhiều lần mà đồng chí đều bỏ ngoài tai, không nghe?". Sau sự việc này, Hường giận tôi lắm. Anh cũng tin là tôi chơi xỏ anh, muốn hại anh. Anh cương quyết không nhận tôi ở đội mộc nữa. Thế là tôi phải chuyển sang đội đổ bê tông. Công việc lao lực nặng nhọc gấp ba gấp bốn lần ở đội mộc. Tôi thực sự điên đầu. Nhưng cũng thật đáng đời cho tôi: Đã mù nhạc lại còn dám chơi trèo, sáng tác ca khúc! Chưa hết chuyện rắc rối này đã lại tiếp chuyện rắc rối khác. Mà cũng chỉ tại tôi quá ngu.

Còn một tuần nữa là Tết. Các bạn N.N, Mai Quốc Liên, Trúc Cương đều được công trường cho nghỉ Tết, về Hà Nội. Tôi ở đội bê tông nghỉ Tết theo công nhân. Sáng 29 Tết mới được về, sáng mừng Ba Tết đã phải có mặt ở công trường.

Ông Tám, giám đốc công trường lên Bộ họp rồi nghỉ Tết luôn trên đó. Chỉ huy công trường giao cho phó giám đốc Hộ. Ông Hộ trước cũng là bộ đội chống Pháp, tính tình hiền lành, xuê xoa. Thấy hoàn cảnh rắc rối của tôi, ông cũng có ý thương nhưng không giám tỏ rõ thái độ, mà chỉ thông cảm một cách lặng lẽ. "Tại sao hẳn đi bộ đội từ nhỏ, lại viết được cuốn Vượt Côn Đảo đọc rất xúc động, bỗng thoát một cái trở thành tên phản động, chống chế độ?, Tôi được cậu Na, phụ trách công tác tổ chức cán bộ kể lại có lần ông Hộ đã đặt vấn đề với nhà lý luận phê bình văn

học N.N như vậy. N.N giải thích: "Rất dễ hiểu, lúc đó hấn còn trẻ, lại kiêu căng vô tổ chức, vô kỷ luật, chống đối lãnh đạo, mang sẵn trong người mầm mống xấu, gặp được đất tốt là mọc ngay. Về Hà Nội hấn bị bọn phản động, gián điệp, tờ-rót-kit, tư sản mại bán kích động, lôi kéo, dùng gái, dùng tiền mua chuộc. Hấn đã khai trong bản tự kiểm điểm về vụ "nhân văn giai phẩm" là nếu nổ ra cuộc biểu tình chống đối chế độ, thì hấn sẽ cầm cờ đi đầu".

Lời giải thích của N.N rất đanh thép, nhưng hình như vẫn chưa hoàn toàn thuyết phục được người lính chống Pháp xuề xòa, tốt bụng này. Thành thạo gặp tôi ở chỗ vắng vẻ, ông lại dúm cho tôi khi thì bao Tam Đảo, khi thì nửa bao Điện Biên. Những đợt giám đốc đi vắng, ông thay mặt chỉ huy công trường, tôi thường tranh thủ xin ông nghỉ vài ba ngày phép về thăm vợ con. Ông đều ký giấy cho tôi đi và dặn: "Nhớ về cho đứng phép đấy!". Ông Hộ có đặc tính là thích vui, thích văn nghệ. Ông có ý định trước khi cho công nhân nghỉ Tết, sẽ tổ chức một cuộc mít tinh nhỏ. Ông sẽ lên diễn đàn đọc mấy lời thật rôm rả về những thắng lợi to lớn của công trường, tổng tiền năm cũ, đón mừng năm mới. Sau đó sẽ có ngâm thơ, hát hò. Ông cho gọi tôi lên văn phòng, nói: "Cậu viết cho tớ một bài diễn văn. Nội dung như sau, như sau... Cậu gắng viết cho hay vào để tớ đọc trong buổi tiễn công nhân về ăn Tết. Cho cậu nghỉ hấn một ngày lao động để viết".

Tôi sướng mê người. Tôi hy vọng nhờ bài diễn văn sẽ chuộc lại được cái tội "đạo, đạo, đạo" vừa rồi. Khi hết thời hạn lao động, chỉ còn hơn một tháng nữa, ông sẽ có cảm tình hơn với tôi, ghi tốt vào bản nhận xét và cấp bằng khen. Vì tuy là phó, nhưng ông là bí thư đảng uỷ đồng thời phụ trách công tác tổ chức. Tốt nhất là đúng dịp ấy, ông Tám đi vắng. Tôi cầu Trời khẩn Phật cho ông Tám đi vắng đúng vào dịp ấy!

Tôi vận dụng hết tài ba văn chương để viết bài diễn văn này. Bao nhiêu từ ngữ hoa mỹ, đại ngôn, khoa trương tôi tưng hắt vào bài diễn văn. Tôi mở đầu bài diễn văn như sau: "Thời gian trôi chảy trên công trường như dòng sông Đáy êm đềm trong xanh (công trường nằm bên bờ sông Đáy) trôi trên cánh đồng Bình Lục, Ý Yên chiêm khê mùa thối (ý nói là hạn và úng). Nó như đàn ngựa đang phi nước kiệu. Nhưng rồi với quyết tâm vượt năng suất thi công để chào mừng năm mới, năm bản lề của giai đoạn quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, Ban lãnh đạo cùng với công nhân đã quất cho đàn ngựa thời gian lồng lên phi nước đại...v.v.. và v.v...".

Bài diễn văn được công nhân xuýt xoa khen hay, vỗ tay dài, vỗ tay ran. Ông Hộ sướng phồng mũi. Sau kỳ nghỉ Tết, ông đưa bài văn ra khoe với nhà lý luận văn học N.N: "Các đồng chí đi vắng, tôi phải nhờ Phùng Quán viết. Tôi thấy hấn viết được đấy chứ. Xem ra lập trường tư tưởng hấn đạo này tiến bộ vững vàng hơn nhiều so với ngày mới xuống công trường. Đúng là lao động chân tay rất có tác dụng sâu sắc trong việc cải tạo con người".

N.N đọc xong bài văn liền sa sầm nét mặt: "Hấn viết xỏ đồng chí mà đồng chí không biết. Hấn dùng thể văn biểu tượng hai mặt, tiếng Pháp gọi là xanh- bon ê-ki-vốt (Symbole équivoque). Đây là một chủ trương hấn hoi của bọn nhân văn mà chúng đã thú nhận trên báo chí. Hấn ví công nhân như một bầy ngựa và lãnh đạo công trường chặn ngựa bằng roi vọt. Trước "phát hiện" của nhà lý luận phê bình N.N, ông Hộ tím mặt vì giận. Ông cho là tôi đã lừa ông như lừa con nít bằng thứ văn chương "biểu tượng hai mặt" đó. Khi được nghe Trúc Cương kể lại sự việc này, tôi cũng ngạc nhiên. Tôi không ngờ cơ sự lại diễn ra theo chiều hướng đó! Chuyện này thì một năm trời lao động cực nhọc hóa thành công cốc. Việc được vào biên chế, được xóa án kỷ luật trở lại với nghề văn, được in sách để có tiền nhuận bút càng xa vời. Tuy vậy tôi vẫn còn chút hy vọng ở ông Hộ, người chiến hữu một thời của tôi sẽ nghĩ lại, sẽ thông cảm mà nhận xét tốt cho tôi, mà ông có mắt gì cho cam! Tôi hỏi hoi khi được biết tin khoảng một tuần nữa, tổ Văn nghệ sĩ tham gia "một năm làm thủy lợi" sẽ hết hạn trở về Hà Nội và tôi cũng sẽ được về cùng. Ngày tiễn đưa chúng tôi đã được ấn định. Hôm đó, Ban chỉ huy công trường sẽ phát bằng khen cho mỗi người. Sau đó là một cuộc liên hoan nhẹ chuối, bánh ngọt, nước trà. Phòng tổ chức đang chuẩn bị giấy khen. Chờ lúc vắng người, tôi vào phòng hỏi nhỏ cậu Na, người phụ trách công tác bằng khen. Tôi hỏn hỏn như người hực hơi: "Minh có được bằng khen không?". Cậu Na nói: "Không thấy tên anh, chỉ có tên các anh N., Cương, Liên". Tôi chết điếng. Thế là bao nhiêu hy vọng tan thành mây khói. Không có bằng khen mang về trình Đảng đoàn Hội sau hơn một năm trời lao động cải tạo nghĩa là tôi là phần tử nhân văn giai phẩm không thể cải tạo được nữa. Trong khi đó các nhà văn nhà thơ khác có dính dáng đến nhân văn như Trần Lê Văn, Quang Dũng... đều đã được trở lại công tác trong biên chế, được in tác phẩm.

Càng nghĩ tôi càng giận thân. Làm văn mà viết câu văn không sáng sửa đến nỗi gây nên tai họa. Ôi giá như tôi đừng làm văn mà làm lính thì bây giờ, chắc mình đang ngang dọc ở chiến trường

đánh Mỹ. Tôi được tin sư đoàn 325 của tôi đã vào đến chiến trường. Cậu Hòai, tiểu đội phó của tôi bây giờ đã là tiểu đoàn trưởng, huân chương đầy ngực. Buổi chiều về, tôi và Trúc Cương rủ nhau ra sông Đáy tắm giặt. Tôi nói với hắn: Cậu giúp tớ với. Cậu thử gặp ông Tám, ông Hộ nói tốt cho tớ, đề nghị các ông ấy nghĩ lại, cấp bằng khen cho tớ. Với các cậu, cái bằng khen chỉ là một tờ giấy viết chữ đẹp, có đóng dấu đỏ treo lên tường cho vui. Còn với tớ là được thêm gần 30 đồng lương mỗi tháng, được trở lại nghề văn, được in tác phẩm, thêm được chút tiền nhuận bút đóng góp với vợ nuôi con và được chấm dứt cái cảnh phải đi lao động hết công trường này đến nông trường khác.

Trúc Cương buồn rầu nói: "Chính mình cũng đang khó khăn, suýt nữa không cũng được bằng khen vì chuyện cô Hòa. Mình không giúp được Quán đâu. Quán thông cảm với mình đi. Đừng giận mình". Thôi được, mình sẽ tự phần đầu lấy. Và trong giây phút ấy, tôi bỗng thấy mình đơn độc khung khiếp. Tôi bật ngâm lên một câu thơ: Tôi đơn độc giữa biển người! Đêm tiễn đưa, ông Tám giám đốc đứng lên nói mấy lời đưa tiễn tốt đẹp tỏ văn nghệ sĩ do Trung ương cử về tham gia chủ trương lớn của Đảng: Một năm làm thủy lợi. Rồi ông phát bằng khen trao tận tay từng người. N.N thay mặt tổ phát biểu cảm tưởng, nói lên những thu hoạch sâu sắc trong thời gian đi thực tế được cùng chia sẻ niềm vui cũng như khó khăn gian khổ với bà con, anh em ở công trường trên bước đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chờ N.N dứt lời, tôi thu hết cam đảm đứng lên nói: "Bản thân tôi, trong quá trình lao động cải tạo hơn một năm vừa qua, tôi đã hết sức cố gắng lao động hăng say, tích cực không ngại khó ngại khổ. Tôi tự nhận xét so với các anh khác, tôi cũng xứng đáng được công trường cấp bằng khen.

Ông Tám không đứng lên mà ngồi yên tại chỗ, vừa hút thuốc vừa nói, không nhìn vào mặt tôi: "Đảng uỷ công trường đã xét kỹ trường hợp của đồng chí. Tuy đồng chí có chịu khó lao động, nhưng về mặt lập trường tư tưởng vẫn còn nhiều thiếu sót nghiêm trọng, cần phải tiếp tục lao động cải tạo để khắc phục sửa chữa. Mặc dù như vậy, chúng tôi cũng chiếu cố biểu dương tại chỗ đồng chí, còn bằng khen, chúng tôi đã hội ý với trên, đồng chí chưa đủ tiêu chuẩn...".

Giọng của ông thật rành mạch, thật dứt khoát.

Từ công trường muốn về Hà Nội, tôi phải đi bộ 25 cây số dọc theo đê sông Đáy 5 cây lên đến cầu Gián Khuất. Từ Gián Khuất theo Quốc lộ Một 20 cây số nữa đến ga Phủ Lý. N. N, Liên, Cương có xe đạp đi nhả nha chỉ mất hơn hai tiếng. Tôi cũng có chiếc xe nhưng đã bán mất rồi để thuốc thang cho con gái hồi nó mới lên một. Vì thế tôi phải đeo ba lô lên đường từ lúc trời chưa rạng sáng. Sông Đáy còn mờ mịt khói sương và thấp thoáng ánh lửa chài. Lên đến cầu Gián Khuất trời mới hửng sáng. Tôi trút cái ba lô vải bạt thùng và nhiều chỗ còn giữ được từ ngày làm lính xuống rệ cỏ ướt sương.

Tôi tụt xuống bờ sông dốc đứng, cúi người vốc nước sông Đáy rửa mặt. Tôi bỗng phì cười với ý nghĩ miên man: Hơn ba chục tuổi đầu đời tôi đã rửa mặt trên không biết bao nhiêu bờ suối, bến sông. Có lẽ vì vậy mà một đứa trẻ chần trâu, một anh lính i- tờ rít sinh ra làm thơ, làm thơ.

Đời tôi có một cái nghiện là nghiện rửa mặt. Hễ thấy suối, sông, đầm, hồ là mặt tôi cứ nóng phừng, ngứa ngáy, và tôi phải tìm cách rửa mặt cho bằng được!

Hễ thấy nước là tôi thèm rửa mặt.

Rửa mặt nhiều dị ứng thành thơ!

Tôi ngồi lên chóp cái cột cây số sứt mẻ, chữ đã tróc, mờ: Phủ Lý 21 km, lòi trong ba lô ra một cái bánh bao không nhân đường đậu, to bằng hai bát ăn cơm. Nói cho chính xác là cục bột mì luộc. Nó cũng có lai lịch của nó.

Từ ngày có công trường, mậu dịch huyện Ý Yên mở cửa hàng ăn uống để phục vụ công nhân. Phụ trách cửa hàng là cô Hòa vừa béo vừa lùn, đen trùi trùi, mặt to tròn như mặt thổ địa. Cô ta yêu nhà thơ Trúc Cương mê mết. Nghe Trúc Cương là nhà thơ, cô liền làm thơ tình tặng Trúc Cương theo kiểu "Đôi thông hai mộ":

Anh Trúc Cương giờ đây đâu nhỉ

Anh của em yêu quý nhất đời

Anh đi biệt xa khơi

Em ngồi xào nấu bồi hồi nhớ anh

Mỗi lần Trúc Cương ra chơi cửa hàng, cô đều dúm cho khi cái bánh mì, khi cái bánh bao - cục bột mì, kèm theo một bài thơ tình kiểu "Đôi thông hai mộ". Chiều qua, cô dúm cho Trúc Cương những hai chiếc với ý thơ: trước kia yêu một, nay yêu gấp đôi. Trúc Cương chia cho tôi một chiếc để sáng mai ăn đường. Tôi bẻ từng miếng bánh nhỏ bỏ miệng. Nhả nha nhai. Vừa nhai vừa ngẫm

con đường quốc lộ Một ngổn ngang ổ gà, hun hút chạy về phía thị trấn Phủ Lý. Tự nhiên một nỗi buồn ghê gớm dâng lên làm nghẹn cả cổ.

Đúng 10 năm trước, cũng cái ba lô này, đôi dép cao su này, tôi đã đi bộ trên con đường này từ thị xã Thanh Hóa ra Hà Nội. Và có lẽ tôi cũng đã tụt bờ dốc xuống đúng con sông này rửa mặt. Nhưng ngày ấy tôi trẻ bao nhiêu, hạnh phúc bao nhiêu! Nhưng cũng chỉ vì một cái cột cây số giống như cột cây số tôi đang ngồi lúc này mà cuộc đời tôi đã phải rẽ một khúc quanh thật đột ngột.

Nếu buổi sáng hôm đó, tôi không dừng lại cái quán nước bên đường ăn một củ khoai luộc, và trước mặt quán không có cái cột cây số sứt mẻ, chữ khắc phai mờ vì cả chục năm trời kháng chiến đã bị bỏ quên nhưng vẫn còn đọc được: HÀ NỘI 157 km, thì có lẽ lúc này tôi đang chỉ huy một đại đội trinh sát quân giải phóng, đang cùng đồng đội sư đoàn nổ súng công đồn diệt viện hoặc đã ngã gục dưới làn đạn trong tiếng hò hét xung phong ở một địa danh quen thuộc nào đó tại quê nhà, đâu đến nỗi phải khốn khổ vì một mảnh giấy khen của cái công trường xây dựng trạm bơm điện Cốc Thành này...

12. Những ngày cuối năm, tìm thăm người dựng Lễ đài Tuyên ngôn Độc lập

Phùng Quán

Tôi là người viết văn nhưng lại đặc biệt say mê nghệ thuật kiến trúc. Đầu năm 1990, Đại hội kiến trúc sư toàn quốc, tôi có gửi một bức điện 300 chữ, chào mừng Đại hội. Mở đầu bức điện văn, tôi viết: "Nếu đất nước xây dựng một Đền đài Nghệ thuật, tôi xin được làm thủ từ. Ngày Lễ hội, tôi xin được trải chiếu để văn nghệ sĩ ngồi. Chiếu một tôi dành riêng cho các kiến trúc sư. Vì các anh chị là những người trước tiên đem lại vinh quang, niềm tự hào hoặc ô nhục cho xứ sở, bằng chính các tác phẩm kiến trúc của mình...". (Ở nhà tôi, ngoài những) (1) Kim tự tháp, Vạn lí trường thành, Đền Ăngco, Chùa Vàng Miến Điện, Cốc cung, Tháp Eiffel, Khải Hoàn Môn... tôi có chừng vài chục tấm hình cắt ra từ các báo như Nhân Dân, Quân Đội, Lao Động, Hà nội Mới... chụp cảnh Lễ đài Độc lập với tổng thể vườn hoa Ba Đình trong ngày Mồng hai tháng Chín năm Một nghìn chín trăm bốn lăm. Mỗi lần ngắm nhìn cái công trình kiến trúc mỏng mảnh được xây dựng bằng gỗ, ván, đinh, vôi; được thiết kế và thi công trong vòng 48 giờ - nếu chậm lại một giờ là hỏng - rồi sau đó biến mất khỏi mặt đất như một lâu đài trong cổ tích, cặp mắt mờ đục của người lính già tôi bao giờ cũng cay lệ. Lòng tôi dâng trào biết bao niềm cảm xúc và suy tưởng miên man... về Tổ quốc và Nhân dân, về Cách mạng và Khởi nghĩa, về máu xương của lớp lớp anh hùng hào kiệt đã thấm đẫm giang sơn kể từ khi trên mặt đất xứ sở Việt nam xuất hiện công trình kiến trúc mỏng manh này. Nó biến khỏi mặt đất, nhưng tầm vóc, hình dáng cùng với tổng thể kiến trúc của nó, đã tạc khắc đời đời vào kí ức của cả dân tộc...

Ba Đình nắng thu vàng rực rỡ, một biển người vừa bước từ đêm dài trăm năm nô lệ ra bình minh Độc lập Tự do, cờ hoa trong tay và câu hát trên môi... Người Hiệp sĩ vĩ đại của Nhân dân và hai triệu người chết đói, bước vào tuổi năm mươi lăm, râu đen, mắt sáng, lễ phục kaki... đứng trên lễ đài, mở đầu bản "Tuyên ngôn Độc lập" bắt hủ: "Mọi người sinh ra đều bình đẳng..."

Ai có thể tái tạo công trình kiến trúc Lễ đài Độc lập cùng với tổng thể kì vĩ đó? Không một ai! Kể cả thánh thần... Theo ngụ ý của tôi, Lễ đài Độc lập là cái cột mốc giữa đêm dài trăm năm nô lệ và bình minh của Độc lập Tự do của cả dân tộc. Kể từ khi trên mặt cỏ nắng Ba Đình mọc lên cái cột mốc này, số phận của cả dân tộc đã thay đổi, và số phận nhỏ bé, hèn mọn của cả thằng tôi cũng đã thay đổi. Từ một đứa trẻ chăn trâu mù chữ (... tôi đã trở thành) một nhà văn... Cũng từ cái mốc kiến trúc mỏng manh này, cả dân tộc đã xuất phát, bước vào cuộc trường chinh sáng láng nhất, lâu dài nhất và dữ dội nhất của thế kỉ, với gánh nặng lịch sử trên vai: "Ta vì ta ba chục triệu người/ Cũng vì ba ngàn triệu trên đời"(2).

Ngắm nhìn một công trình kiến trúc như vậy, những người lính già dãi dầu chiến trận chúng tôi, làm sao không ứa lệ tự hào?

*

Vậy ai là tác giả cụ thể công trình kiến trúc Lễ đài Độc lập? Từ mấy chục năm nay, tôi luôn bị thôi thúc bởi niềm mong ước tìm hiểu cho ra. Nhưng cái khó bó cái khôn, và trong điều kiện và hoàn cảnh trắc trở của đời mình, tôi không sao thực hiện nổi niềm mong ước đó.

Thế rồi cách đây ba năm, tôi được một người bạn tặng tôi những tư liệu có liên quan đến sự kiện lịch sử mồng 2 tháng 9.1945 anh vừa tìm thấy trong Thư viện Quốc gia, Thư viện Bảo tàng Lịch

sử, Viện Sử học, Viện Khoa học Xã hội Việt nam, và kho Lưu trữ Quốc gia. Trong số những bản sao chụp, có mấy tư liệu tôi đặc biệt chú ý:

Thư của Bộ tuyên truyền có tiêu đề VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ đề ngày 31.8.1945 gửi Thị trưởng Hà nội, về việc tổ chức Ngày Độc lập (Đây là bản chính được đánh máy bằng giấy than đen trên giấy trắng, khổ rộng 130x210 mm, đóng dấu tròn với dòng chữ “Ngày Độc lập” và C.P.C.H.D.C. vòng quanh con dấu, một ngôi sao năm cánh ở giữa, nổi lên dòng chữ BAN TỔ CHỨC). Nội dung thư:

“Kính gửi ông Thị trưởng Hà nội,

Bộ Tuyên truyền của Chính phủ Lâm thời sẽ tổ chức ngày 2-9-1945 một “Ngày Độc lập”.

Muốn cho ngày ấy có một tính cách thiêng liêng, Ban tổ chức chúng tôi yêu cầu Ngài hạ lệnh cho các chùa chiền, nhà thờ cho mở cửa, quét tước sạch sẽ và đốt trầm hương suốt ngày hôm ấy để mừng Ngày Độc lập.

Kính thư,

Nguyễn Hữu Đang”

Một thư khác của Ban Tổ chức “Ngày Độc lập” thuộc Bộ Thông tin và Tuyên truyền, đề ngày 31.8.1945. Hình thức và con dấu như trên. Nội dung thư:

“Kính gửi ông Thị trưởng Hà nội,

Nhân “Ngày Độc lập”, chúng tôi yêu cầu Ngài cho treo cờ ở vườn hoa Ba Đình và hai bên những phố lân cận.

Còn về lễ chào Quốc kỳ, chúng tôi nhờ Ngài cho sửa soạn cho chúng tôi một chiếc cột cao 12 thước tây đủ cả giây và bánh xe (poulie); sẽ có chỉ thị về chỗ dựng cột cho phu toà Thị chính.

Kính thư,

Nguyễn Hữu Đang”

Một thư khác, hình thức, tiêu đề và con dấu giống hai bức thư trên, với nội dung:

“Kính gửi ông Thị trưởng Hà nội,

Muốn cho Ngày Độc lập tổ chức vào ngày 2-9-1945 tới đây được hoàn hảo, chúng tôi yêu cầu Ngài thông báo ngay cho các Phố trưởng để các ông ấy báo tin cho các nhà trong khu vực mình biết rằng Cụ nào trong nam giới hay nữ giới muốn đi dự lễ ấy sẽ đến họp ở Hội quán Khai trí hồi 13 giờ trước khi đi lên vườn hoa sau Sở tài chính.

Kính thư,

Nguyễn Hữu Đang”

Sau khi đọc kỹ những tư liệu trên, tôi suy luận: ông Nguyễn Hữu Đang là Trưởng ban tổ chức Ngày Độc lập, vậy chắc ông phải biết ai là tác giả công trình kiến trúc Lễ đài. Cần phải tìm gặp ông để hỏi cho ra.

Anh Nguyễn Hữu Đang thì tôi được biết mặt từ mấy chục năm trước, nhưng rất ít khi được chuyện trò với anh. Mỗi lần tôi được anh hỏi chuyện, tôi bối rối, sượng mề người, đầu không khiến mà chân cứ rụt về tư thế đứng nghiêm, như ngày còn làm trinh sát mỗi lần được Chính uỷ Sư đoàn hỏi chuyện. Tôi nghĩ bụng: Tôi là cái thá gì mà được một người như Nguyễn Hữu Đang hỏi chuyện? Nguyễn Hữu Đang, người tham gia hoạt động cách mạng từ khi tôi chưa đẻ; nhà hoạt động báo chí công khai của Đảng cùng thời với Trường Chinh, Trần Huy Liệu; một trong những người tổ chức và lãnh đạo chủ chốt của Hội Truyền bá Quốc ngữ cùng thời với Phan Thanh, cụ Nguyễn Văn Tố. Một trong những người sáng lập và tổ chức Hội Văn hoá Cứu quốc cùng với Nguyễn Huy Tưởng và Nguyễn Đình Thi. Và cuối cùng là Trưởng ban Tổ chức ngày Đại lễ của Đất nước: 2-9-1945.

Cách đây khoảng mười lăm năm, anh từ cao nguyên Hà Giang trở về, tá túc tại quê nhà. Hàng năm vào dịp giáp Tết, lại thấy anh đèo lên Hà nội trên chiếc xe đạp thiếu nhi Liên Xô (cũ). Anh mang đến cho mấy bạn cũ mỗi người một cân gạo nếp. Một lần tôi cũng được anh cho một cân. Tôi cảm động và ngạc nhiên hỏi anh: “Anh kiếm đâu ra gạo nếp mà cho chúng em thế?”. Anh cười: “Mình sống ở nông thôn cũng phong lưu ra phết. Không những có gạo nếp biếu bạn, lại còn có cả thóc và rơm cho nông dân vay”. - “Hiện nay anh đang làm gì ở dưới đó?”. “Mình nghiên cứu Lão Trang và dịch lại cuốn Lịch sử Đảng Cộng sản Liên xô qua bản tiếng Pháp. Đối chiếu thấy bản dịch đã in sai nhiều quá” .

Hai năm trở lại đây không thấy anh lên Hà nội nữa. Mấy anh em quen cũ chúng tôi hỏi nhau: “Không biết anh Đang có gặp chuyện gì trắc trở dưới đó không?”

Nỗi lo lắng này thường xuyên ám ảnh tôi. Nhân thể tôi muốn tìm hiểu về công trình Lễ đài Độc lập, năm đó tôi nhất quyết phải về thăm anh, mặc dầu đã gần giáp Tết. Tôi nói khó với vợ: “Em bớt cho anh một phần lương hưu tháng này; lấy tiền tàu xe, ăn đường, về Thái Bình tìm thăm anh Đàng...” “Nhưng tết nhất đến nơi rồi, chờ ra giêng anh đi có được không?”. “Anh bỗng nhiên thấy nóng ruột quá... đợi đến ra giêng e chậm mất. Anh Đàng đã gần cái tuổi tám mươi, mà lại một thân một mình...”. “Anh có biết địa chỉ của anh Đàng không?”. “Anh chỉ biết anh ấy ở Thái Bình, địa chỉ cụ thể thì không biết”. “Cả cái tỉnh Thái Bình rộng mênh mông với hơn hai triệu dân, không có địa chỉ cụ thể làm sao anh tìm được?”. “Trời đất! Một người như anh Nguyễn Hữu Đàng thì anh tin rằng về dưới đó hỏi đứa con nít nó cũng biết”. Vợ tôi đành trao cho tôi nửa số tiền lương hưu tháng cuối năm vừa lĩnh, với vẻ mặt nhậm nhẹn của người vợ phải trao cả một nửa sản nghiệp cho chồng tiêu hoang vào một việc không đâu! Tôi vội nhét mấy tờ giấy bạc vào túi, nhẩy lên xe đạp, cầm đầu đạp thẳng ra ga vì sợ vợ thay đổi ý kiến.

Vừa đi tàu, vừa ô-tô, xe đạp... sáng 26 Tết, tôi có mặt tại thị xã Thái Bình. Để đỡ bớt thì giờ tìm kiếm, tôi hỏi đường đến Sở văn hoá và Hội văn nghệ tỉnh, hỏi địa chỉ của anh. Tôi thực sự ngạc nhiên khi thấy nhiều anh chị em cán bộ ở hai cơ quan này không biết Nguyễn Hữu Đàng là ai. Có vài người biết nhưng lại rất lơ mơ: “Hình như ông ta ở Quỳnh Phụ, Kiến Xương hay Tiền Hải gì đó...”. Ở Hội văn nghệ tỉnh, tôi làm quen với một nhà thơ trẻ. Khi biết rõ ý định của tôi, anh háng hái nói: “Cháu sẽ đưa chú ra cái quán thịt chó, ở đó thường có mấy anh cán bộ về hưu, chắc sẽ hỏi ra”. Đến quán thịt chó, tôi đành móc số tiền còn cõ trong túi, gọi một đĩa thịt chó luộc và hai chén rượu cho phải phép. Đợi chừng nửa tiếng, có một người đứng tuổi để chiếc xe cúp trước cửa, đi vào quán. Nhà thơ trẻ bật dậy nói với tôi: “Ông này ở cơ quan an ninh tỉnh, hỏi chắc biết”. Tôi vội níu tay anh lại, dặn nhỏ: “Câu đừng giới thiệu mình là ai, sẽ rách việc”. “Biết rồi, biết rồi, chú không phải dặn”. Anh bạn trẻ đi đến gặp anh ta, nói cái gì đó, và chỉ tay về phía tôi. Anh cán bộ an ninh tươi cười bắt tay tôi, ngồi đối diện và niềm nở hỏi: “Xin lỗi cụ, năm nay cụ hưởng thọ bao nhiêu tuổi ạ?”. Tôi đoán chắc anh ta thấy tôi ăn vận nhếch nhác - áo quần bà ba nâu, chân dép lốp - râu tóc bạc trắng, nên hỏi vậy. Tôi liền nói phura lên: “Cám ơn đồng chí - tôi cười - cũng thất thập cổ lai hi (3) rồi đồng chí ạ”. “Trước cụ công tác ở đâu ạ?”. “Tôi làm thường trực cho một cơ quan thương nghiệp trên Hà nội... về hưu đã gần chục năm rồi”. “Cụ là thế nào với ông Nguyễn Hữu Đàng ạ?”. “Tôi có quen biết gì ông ta đâu. Thậm chí cũng chưa biết mặt. Chẳng là ở tổ hưu của tôi có một cụ nghe đâu hỏi bí mật cùng hoạt động với ông ta. Biết tin tôi về thăm đứa cháu họ công tác giáo viên ở Quỳnh Côi, ông cụ gửi tôi mười ngàn bạc để biếu ông ấy, mà giao hẹn phải đưa tận tay. Tôi tưởng ông ấy ở thị xã, hỏi loanh quanh mãi không ai biết...”. Anh cán bộ cười: “Ông ấy đâu có ở thị xã. Hiện ông ấy đang ở thôn Trà Vy, xã Vũ Công, huyện Kiến Xương... cách đây gần hai chục cây số. Ngược gió này mà cụ đạp xe về đó cũng vất vả đấy...”. Thấy tôi chăm chú lắng nghe, anh cán bộ trở nên cởi mở: “Nói để cụ biết, trước kia cái ông Đàng ấy cũng là người hoạt động cách mạng có tên tuổi... Nhưng rồi ông ta giữ chứng, làm báo làm văn chống đối Đảng và Nhà nước, bị xử phạt 15 năm tù ngồi, đưa lên giam trên trại tù Hà Giang. Mãn hạn tù, ông ta xin về cư trú tại quê quán. Tuy vậy cách đây mấy năm ông Đàng này tự tiện đi sang Nam Định không có giấy đi đường, đến nhà một đối tượng mà công an đang theo dõi. Công an hai tỉnh liền phối hợp, hỏi giấy tờ đi đường của ông ta, rồi bắt giam giữ bốn tháng ở nhà lao hai tỉnh để cảnh cáo, và tổ chức khám nhà. Sau đó thả cho về...”. Tôi tỏ ý sợ hãi gãi đầu gãi tai: “Chà... biết rắc rối thế này thì tôi chẳng gặp ông ấy nữa... đem tiền về trả lại thôi...”. Anh cán bộ xuê xoa: “Không sao đâu cụ ạ, chính sách của ta bây giờ là đổi mới tư duy. Nghe đâu trên cũng đang sửa soạn cho ông ấy được hưởng lương hưu. Nếu cụ muốn về thăm ông ấy, cứ việc về. Tôi sẽ chỉ đường cho cụ”. Anh cán bộ chấm ngón tay vào li rượu, vẽ lên mặt bàn, chỉ vẽ cho tôi rất cận kề con đường từ thị xã về chỗ anh Đàng tá túc. Tôi đứng lên rồi rít cảm ơn anh...

*

Con đường đá mười mấy cây số chi chút ổ gà. Gió cuối đông buốt như kim châm tấp thẳng vào mặt. Nhưng vừa đạp xe tôi vừa nghĩ ngợi miên man về sự thăng trầm của những kiếp người tình nguyện dấn thân vì nghĩa lớn, nên con đường cũng như bớt xa... Đến chỗ ngã ba rẽ vào trường phổ thông cấp I, II xã Vũ Công - Nơi anh Đàng tá túc - tôi vào cái quán bên đường uống li rượu cho ấm bụng. Ông cụ chủ quán khi biết tôi từ Hà nội về tìm thăm anh Đàng, rót rượu tràn li và nói: “Ông ấy thỉnh thoảng vẫn ngang qua đây, tôi đều mời vào uống nước. Ông ấy tần tiện khét tiếng cái xã Vũ Công này. Mới cách đây dăm hôm, ông ấy đèo sau xe cái rổ tre ràng buộc rất kỹ. Ông ấy kể với tôi tối qua bắt được con rắn gì dữ lắm, phun phè phè bỏ vào nhà mình. Định làm

thịt ăn nhưng tiếc, chở lên chợ bán cho một tay buôn rắn độc, kiếm lấy mấy nghìn mua mấy lạng mỡ lá...". Tôi bật phì cười: "Ông ấy bây giờ lại thêm cái tài bắt rắn độc, mà mắt công đập xe mini những mười mấy cây số để đổi lấy mấy lạng mỡ lá... Vui thật! Tôi có người bạn làm thơ tên là Tuấn Nguyễn, chết lâu rồi, làm câu thơ nghe thật vô nghĩa, nhưng cứ bắt chợt hiện ra trong trí nhớ tôi: Cuộc đời vui quá không buồn được!". Ông chủ quán rót thêm li rượu nữa, giọng hào hiệp: "Li này tôi đãi cụ!... Mà khổ, ông ấy có bán được đâu. Chiều tối ông ấy đập xe về phân nân: nó không chịu mua, nó bảo loại rắn này không nằm trong bộ tam xà!". Tôi cười ngất.

Anh Đăng ở gian đầu hồi cái nhà bếp của khu tập thể giáo viên, trước mặt là ao cá Bác Hồ của xã. Đứng bên kia bờ ao, một cô giáo chỉ cho tôi: "Bác ấy đang ngồi ở bậc cầu ao kia kia! Đăng cọ rửa cái gì mà chăm chú thế không biết...". Tôi dắt xe đạp qua sân trường, vòng ra sát sau lưng anh. Anh đang dùng nắm rơm cọ rửa những viên gạch vỡ đôi, xếp thành chồng cao cạnh chỗ ngồi. Tôi đứng lặng nhìn anh. Đầu anh đội cái mũ cối méo mó, khoác cái ruột áo bông thùng be bét, quần lao động màu cháo lòng, hai ống chân ôm vòng hai dây cao su đen nom như vòng cùm sắt; chắc hẳn để nhét hai ống quần vào đó chống rét, lưng anh không hình chữ C viết nghiêng... Tôi chợt nhớ cách đây rất lâu, tôi được nghe những người cùng thời với anh kể. Hồi Mặt trận Bình dân, Nguyễn Hữu Đăng là cán bộ Đảng được cử ra hoạt động công khai, ăn vận sang trọng như công tử loại một của Hà thành, thất cả vật đồ chói, đi khắp Trung Nam Bắc diễn thuyết, oai phong, hùng biện, tuyên truyền cách mạng... Mỗi lần cách mạng cần tiền để hoạt động, Nguyễn Hữu Đăng có thể đến bất kỳ một nhà tư sản Hà nội nào giàu có, vay vàng, tiền. Mà những người này trao vàng, tiền cho anh đều không đòi hỏi một thứ giấy tờ gì, vì họ tin sâu sắc rằng trao vàng, tiền cho anh là trao tận tay cho cách mạng... Và bây giờ, anh ngồi đó, gần tám chục tuổi, không vợ, không con, không cửa không nhà, lưng không chữ C viết nghiêng, tỉ mỉ cọ rửa những viên gạch vỡ - chẳng hiểu để làm gì - như người bố già trong truyện "Hương cuội" của Nguyễn Tuân cọ rửa những viên cuội trắng để tẩm kẹo mạch nha vào dịp tết niên... Miên man nghĩ như vậy và tôi bật phì cười... "Anh Đăng!", tôi ghen ngào gọi. Anh quay lại, chớp chớp mắt, răng vàng sần, cùn mòn gần nửa vì năm tháng... "Phùng Quán! Chú về đây từ lúc nào thế?". Hai anh em chúng tôi ôm chặt nhau giữa bậc cầu ao. Và cả hai gương mặt già nua phút chốc đắm lẹ...

*

Cái chái bếp căn hộ độc thân của anh rộng chỉ khoảng 5 mét vuông, chật kín những tư trang, đồ đạc. Mấy cây sào ngọn tre gác dọc ngang sát mái, treo vắt cả chục cái khăn mặt rách xơ như giẻ lau bát, áo may-ô thùng nát, quần lao động vá vúi. Cặp quần đeo lưng lủng lẳng một chùm lục lạc làm bằng vỏ hộp dầu cao Sao vàng xuyên thủng, buộc dây thép, bên trong có hòn sỏi nhỏ. Đụng vào, chùm lục lạc rung lên leng keng, nghe rất vui tai. Sau đó tôi được anh giải thích tác dụng của chùm lục lạc: Đi lại trong đường làng những đêm tối trời, anh thường bị cánh thanh niên đi xe đạp, xe máy phóng ầu ẩu đâm sầm vào, làm anh ngã tẹo tay, sảy gối. Học tập sáng kiến của đồng bào các dân tộc ở Việt Bắc, treo mỡ vào cổ trâu - trâu gõ mỡ, chó leo thang - anh Đăng chế chùm lục lạc đeo vào cặp quần, báo hiệu có người để họ tránh xe. Tác dụng thứ hai, quan trọng không kém... Mỗi lần đạp xe trên đường vắng, nghe tiếng lục lạc loong coong ngang thất lưng, tự nhiên cảm thấy đỡ cô độc. Chính giữa gian chái kê cái tủ gỗ tạp nhỏ, hai cánh mở rộng không khép kín được, khoá một chiếc khoá lớn như khoá nhà kho. Trên nóc tủ, xếp một chồng mũ cối, mũ vải, mũ lá mà ở Hà nội người ta thường quăng vào các đồng rác. Cạnh tủ là một cái giường cá nhân, bốn chân giường được thống cổ thêm bốn chông gạch. Trên giường một đồng chần bông trần rách thủng, và một xấp quần áo cũ làm gối... Sát chân giường kê chiếc bàn xiêu vẹo chỉ có hai chân, hai chân kia được thay bằng hai sợi dây thép buộc treo vào tường. Anh nói, giọng Lão Trang: "Một cái bàn bốn chân là một con vật. Khi nó chỉ còn hai chân nó là một con người". Trên mặt bàn xếp kín những chai lọ, vỏ đồ hộp, hai cái đèn dầu làm bằng lọ mực Cửu Long, vài con dao làm bằng mẩu lưỡi liềm gãy, và ba bốn cái bát hương, nắp đây là những viên gạch vỡ. Anh chỉ nắp đây, giới thiệu với giọng trang trọng của thuyết trình viên giới thiệu hiện vật trong các bảo tàng nghệ thuật: "Nó là loại gạch nung rất già, gần đạt tới tiêu chuẩn của sành sứ cổ, sức nặng và độ bền của nó làm cho các loại chuột, mối, dán phải vị nể". Bây giờ tôi mới hiểu anh cọ rửa những viên gạch vỡ để làm gì. Dưới gầm bàn là mấy chục đôi dép cao su hư nát, đứt quai, được bó thành từng bó, hai cái vại muối dưa rạn nứt, sứt miệng, một đồng bản lè cửa, sắt vụn, đinh còng queo, mẩu dây thép han rỉ... Tất cả những đồ lè đó, phủ lên một lớp bụi tro... Lúc tôi bước vào, gian buồng mờ mịt khói. Anh giải thích: "Giờ này các cô giáo nấu ăn. Bếp tập thể ở sát bên kia tường. Tôi đã trộn rơm với bùn trát những khe hở sát mái, nhưng khói vẫn cứ lọt sang - anh cười - Chịu khói một chút nhưng cũng có cái lợi. Thỉnh thoảng lại được ngửi mùi xào

nấu lẫn với khói, cái mũi được bồi dưỡng. Trong việc dở nào cũng có việc hay, và ngược lại". "Để em đạp xe ra chợ mua cái gì về ăn". "Thôi khỏi cần. Chú về chơi hôm nay là rất gặp may. Sáng nay tôi vừa chế biến được một mẻ thức ăn ngon vô địch. Chú nếm rồi sẽ biết. Cơm cũng có sẵn rồi. Tôi mới nấu lúc sáng, ủ vào lồng ủ rơm, còn nóng nguyên. À, tôi lại có cả rượu cho chú, rượu cam hần hoi, quà của Hội Nhà văn gửi biếu vào dịp Tết năm ngoài... Tôi chỉ mới mời mấy thầy giáo mấy chén, còn đủ cho chú say sưa suốt mấy ngày ở chơi". Anh xăng xai lấy chùm chìa khoá buộc chung với chùm lục lạc, mở khoá tủ tìm chai rượu. Tôi liếc nhìn vào mấy ngăn tủ. Những xấp quần áo cũ nát để lẫn với những chồng báo, giấy má, sách... ó vàng. Ngăn dưới cùng để rất nhiều chai lọ, vỏ đồ hộp, vỏ lon bia, và nhiều chồng các loại bao thuốc lá. Anh cúi húi tìm một lúc khá lâu mới lôi ra được chai rượu cam còn gần nửa: "Đây rồi! Bây giờ già hoá ra lắm cảm. Để chỗ này lại tìm sang chỗ kia". Tôi cười, nói: "Nhìn anh, em cứ tưởng là một nhà quý tộc Nga thời Sa Hoàng, tự tay tìm chọn loại rượu quý cất giữ một trăm năm trong hầm rượu, để đãi khách quý". Tôi chỉ những chồng vỏ bao thuốc lá, hỏi: "Anh chơi sưu tập vỏ bao thuốc lá à? Thế mà em không biết. Trên nhà em, các bạn đến chơi, hút các loại thuốc lá ngoại hảo hạng, vỏ bao vứt lung tung, vợ em ngày nào cũng phàn nàn vì phải dọn nhặt đem đốt". Anh kêu lên: "Thế có tiếc không! Lần này chú về trên đó nhớ dặn cô, có vỏ bao thuốc lá ngoại cứ cất giữ cho anh Đàng, càng nhiều càng tốt. Nó là hàng đổi lưu của tôi đấy...". "Hàng đổi lưu?", tôi ngạc nhiên hỏi. "Để tôi dọn cơm cho ăn rồi tôi giảng cho chú nghe thế nào là hàng đổi lưu. Tôi xem ra chú mù tịt về môn kinh tế chính trị học". Tôi ngắm nhìn căn hộ độc thân đầy khói của anh, hỏi: "Hơn mười lăm năm qua anh vẫn sống ở gian buồng này à?". "Ngày tôi mới về xã, tôi sống ở trại lợn của Hợp tác xã. Chẳng là cán bộ xã cũng thông cảm hoàn cảnh khó khăn của tôi, nên đề nghị tôi ra đó trông coi giúp như nhân viên thường trực của trại. Ở đó một thời gian. Nhà kho cũng thoáng mát, tôi có thể ăn ở, đọc sách, viết lách kết hợp với trông coi trại. Mỗi mùa hợp tác xã trả công điểm mấy chục cân thóc, mấy chục cân rơm làm chất đốt. Số thóc, rơm này tôi không phải dùng đến, trong mấy năm tiết kiệm được hai ba tạ thóc, hai trăm sáu chục cân rơm cho bà con vay. Ngoài ra, vào dịp tết, Hợp tác xã bồi dưỡng thêm ít thóc nếp, đem lên Hà nội biếu các chú... Khi bắt tay vào việc dịch thuật lại cuốn Lịch sử Đảng Cộng sản Liên Xô, tiếng lợn kêu âm ỉ quá làm tôi mất tập trung tư tưởng, nên phải xin thôi công việc trông coi trại, chuyển về đây để được yên tĩnh hơn".

Anh lôi dưới gầm giường ra một cái xô tôn thùng đáy, đặt lên miệng xô tấm gỗ dán. "Đây là bàn ăn - anh giới thiệu và vẫn tiếp ra hai cái vai muối dưa sút miệng - Còn đây là ghế ngồi. Bà con nông dân mình nghèo mà phí phạm thế đấy. Hai cái vai còn tốt như thế này mà đem quẳng bụi tre... Tôi nhặt về, cọ rửa sạch sẽ, lật đít lên, làm thành cái ghế ngồi vừa vững chãi lại vừa mát. Chú ngồi thử mà xem, có khác gì ngồi trên đôn sứ đời Minh?". Anh dọn ra hai cái đĩa, rồi chọn trong hai cái bát hương đầy viên gạch vỡ gấp ra năm sáu viên gì đó tròn tròn, đen xỉn, nom rất khả nghi. Anh chỉ vào một đĩa, giới thiệu thực đơn: "Đĩa này là chả cóc, đĩa này là chả nhái. Nhờ ăn thường xuyên hai thứ đặc sản này mà tôi rất khoẻ, còn khoẻ hơn cả chú".

Anh nhắc trong cái rổ phủ đầy rơm để ở góc nhà, xoong cơm đã ăn mất một góc mà anh giới thiệu vẫn nóng nguyên. Nói đúng hơn là một thứ cháo rất đặc, có thể xắn thành từng miếng như bánh đúc. "Ba năm trở lại đây, tôi phải ăn cơm nhão, nếu ăn cơm khô thì bị ghen. Tôi nấu cơm với nước vo gạo nên rất bổ. Chẳng là các cô giáo thường bỏ phí nước vo gạo. Tôi đưa cho các cô cái chậu, dặn đổ nước vo gạo vào đấy cho tôi, để tôi chắt ra nấu lẫn với cơm. Tinh túy của gạo nằm trong nước vo, bỏ đi thật phí phạm". "Nhưng cóc nhái đâu ra mà anh bồi dưỡng được thường xuyên thế?", tôi hỏi. "Ấy chỗ này mới là bí quyết. Phải huy động lực lượng quần chúng, tức là các cháu thiếu nhi. Biết các cháu ở đây thích chơi vỏ bao thuốc lá, nhất là các loại vỏ bao đẹp. Mỗi lần lên thị xã hoặc sang Nam Định chơi, tôi đều nhặt nhạnh về, đổi cho các cháu lấy cóc, nhái. Cũng đề ra tiêu chuẩn hẳn hoi. Một vỏ bao ba số đổi 3 con cóc hoặc 5 con nhái. Các loại khác 2 cóc, 3 nhái. Bởi vậy tôi mới nói là hàng đổi lưu, chú hiểu chưa. Mỗi tháng tôi chỉ cần ba bốn chục cái vỏ bao là thừa chất đạm, mà là loại đạm cao cấp... Hôm nào chú về tôi gửi biếu cô, chú Cung(4), mỗi nhà mấy viên nếm thử. Cô chú ăn thịt cóc của tôi rồi sẽ thấy các thứ thịt khác đều nhạt hoét!".

Anh rót rượu, chọn gấp viên chả cóc, nhái bỏ vào bát cho tôi, ân cần, âu yếm, trang trọng, làm tôi ứa nước mắt. Anh hỏi: "Chú đi đâu mà lại lặn lội về tận đây, vào lúc tết nhất sắp đến nơi?". "Em về đây chỉ một mục đích là thăm anh. Hơn hai năm nay không thấy anh lên Hà nội, chúng em rất lo. Không biết anh ốm đau gì, liệu anh có còn sống không? Về đây thấy anh vẫn khoẻ mạnh, em

rất mừng... Anh là nhân chứng của một quá khứ hào hùng của đất nước. Nếu anh chết đi, tàn lụi như cỏ cây, không nhắn gửi gì lại cho các thế hệ sinh sau, theo em là một tổn thất không gì bù đắp được...". Tôi lấy đưa anh xem sổ tài liệu liên quan đến ngày Đại lễ mừng 2 tháng 9 năm 1945, vừa sao chụp: "Em suy luận ra anh là Trưởng ban Tổ chức Ngày Độc lập như trong tư liệu hiện còn giữ được. Em muốn được tận tai nghe anh kể lại những kỉ niệm, những hồi ức mà anh cho là sâu sắc nhất... mà nếu anh không dùng đến thì cho em xin".

Anh im lặng rất lâu, dùng đũa tếm lại những mảnh vụn thịt cóc, nhái trong đĩa, gấp bỏ vào bát mình những mảnh khác rút xuống mâm ván. Anh chăm chú nhìn vào cái đĩa đã tếm gọn, như đang gắng đọc những hồi ức in lại trong lớp men sành... Anh chợt nói, mắt vẫn không rời cái đĩa: "Thảm thoát thế mà đã bốn mươi bảy năm trôi qua... Tôi còn nhớ như in ngày hôm đó là ngày 28 tháng 8... Tại sao tôi nhớ, vì đó là thời khắc lịch sử phải được tính từng phút một... Năm đó tôi bước vào tuổi băm ba. Chính phủ cách mạng lâm thời họp tại Bắc Bộ phủ, để quyết định ngày lễ ra mắt quốc dân đồng bào... Hôm đó, tôi có việc cần phải giải quyết gấp, nên đến nơi thì phiên họp vừa giải tán. Vừa bước lên mấy bậc thềm thì thấy cụ Nguyễn Văn Tố từ trong phòng họp đi ra. Cụ mừng rỡ chụp lấy tay tôi, nói: "Anh vào ngay đi, cụ Hồ đang đợi anh trong đó". Tôi theo cụ Tố vào phòng họp. Đó là lần đầu tiên tôi được gặp mặt ông Cụ. Ông Cụ ngồi ở ghế tựa, mặc bộ quần áo chàm, tay chống lên ba toong. Cụ Tố kéo tôi lại trước mặt Cụ, giới thiệu: "Thưa Cụ, đây là ông Nguyễn Hữu Đang, người mà phiên họp quyết định cử làm Trưởng ban Tổ chức ngày lễ". Cụ Hồ nhìn tôi một lúc với cặp mắt rất sáng, cặp mắt mà về sau này nhân dân cả nước đồn rằng có bốn con người - như muốn cân nhắc, đánh giá người mà Cụ quyết định giao trọng trách. Cụ hỏi tôi với giọng Nghệ pha, rất giống giọng cụ Phan Bội Châu mà có lần tôi đã được nghe: "Chính phủ lâm thời quyết định làm lễ ra mắt quốc dân đồng bào vào ngày mùng hai tháng chín. Chú có đảm đương được việc tổ chức buổi lễ không?". Tôi tính rất nhanh trong đầu: tháng 8 có 31 ngày, như vậy là chỉ còn 4 ngày nữa thôi... Tôi suy nghĩ cân nhắc trong từng phút. Hình dung ra tất cả những khó khăn như núi mà tôi phải vượt qua... để tổ chức được một ngày đại lễ như vậy, trong khi mình chỉ có hai bàn tay trắng. Tôi nói với Cụ Hồ: "Thưa Cụ, việc cụ giao là quá khó vì gấp quá rồi". Cụ Hồ nói ngay: "Có khó thì mới giao cho chú chứ!". Anh Đang ngẩng phắt lên nhìn tôi. Về già nua cùng quần trên con người anh như được trút bỏ hết. Dáng dấp oai phong, khí phách của người chiến sĩ cách mạng luôn luôn đứng ở hàng xung kích lại hiện nguyên hình.

"Như chú biết đấy - giọng anh vụt trở nên sang sảng - tôi là một nhà tuyên truyền, động viên thiên hạ, chuyên nghiệp. Thế mà lần này tôi lại bị ông cụ động viên một cách tài tình, bằng một lời thật ngắn gọn, giản dị! Nghe ông Cụ nói vậy lúc đó tôi thấy trong con người mình bừng bừng khí thế, muốn lập nên được những kì tích, những chiến công thật vang dội... Tôi nói với ông Cụ: "Thưa Cụ, Cụ đã nói như vậy con xin nhận nhiệm vụ. Con xin hứa sẽ cố gắng hết sức để hoàn thành trọng trách". Cụ Hồ đứng lên, bắt tay tôi, dáng bộ, gương mặt nom rất vui vẻ, bằng lòng: "Thế thì chú trở về bắt tay ngay vào việc đi. Đến sáng ngày kia, chú đến đây báo cáo với tôi công việc được tiến hành như thế nào". Tôi chào Cụ, ra về, lòng rạo rức lâng lâng... Nhưng khi vừa bước xuống hết những bậc thềm rộng thênh thang của Bắc Bộ phủ, tôi chợt nghĩ ra một điều. Tôi liền quay trở lại phòng họp. Cụ Hồ vẫn còn đứng đó. Cụ hỏi ngay: "Chú còn cần gì nữa?". "Thưa Cụ, để hoàn thành trọng trách, xin Cụ trao cho con một quyền...". "Quyền gì, chú cứ nói đi!". "Thưa Cụ, quyền được huy động tất cả những gì cần thiết cho buổi lễ, về người cũng như về của...". "Được, tôi trao cho chú cái quyền đó. Nếu ai hỏi huy động theo lệnh của ai, cho phép chú được trả lời: Theo lệnh của Chủ tịch Hồ Chí Minh!".

- Công việc đầu tiên là tôi thảo một thông cáo ngắn gọn - anh gấp thêm mấy viên chả cóc trong bát hương, bỏ ra đĩa rồi kể tiếp - Nội dung như sau: ngày 2 tháng 9 năm 1945. Chính phủ cách mạng lâm thời sẽ làm lễ ra mắt quốc dân đồng bào, tuyên ngôn Độc lập tại vườn hoa Ba Đình. Đồng bào nào có nhiệt tâm, muốn đóng góp sức, góp của vào việc tổ chức ngày lễ lịch sử trọng đại này, xin mời đến Hội quán Trí Tri phố Hàng Quạt gặp Ban tổ chức. Thông cáo được gửi ngay đến tất cả các báo hàng ngày, yêu cầu đăng lên trang nhất, với hàng tit thật lớn chạy hết trang báo (... mất một dòng...) ngoài chật kín Hội quán. Người ghi tên vào các công tác, người góp tiền, góp vàng, góp vải vóc, gỗ ván. Nhiều người từ chối không lấy giấy biên nhận: "Biết bao anh hùng, liệt nữ đóng góp cho nền độc lập của dân tộc, đâu có lấy giấy biên nhận", họ nói vậy. Tôi mời mọi người dự cuộc họp chớp nhoáng, và đưa ra ý kiến: Việc cần thiết trước tiên là phải dựng một lễ đài Độc lập thật đẹp, thật lớn, thật uy nghi, xứng đáng với ngày lịch sử trọng đại này, tại trung tâm vườn hoa Ba Đình để Chính phủ cách mạng lâm thời đứng lên ra mắt. Vậy đồng bào nào hiện có mặt tại đây có thể đảm nhiệm trọng trách đó? Một người trạc ngoài ba mươi, ăn

mặc lối nghệ sĩ, đeo kính trắng, bước ra nói: “Tôi là họa sĩ Lê Văn Đệ (5). Tôi xin tình nguyện nhận việc dựng lễ đài. Trưa nay tôi sẽ mang bản phác thảo lễ đài đến ban tổ chức xem xét”. Tôi bắt tay họa sĩ, nói: “Tôi được biết tên tuổi anh từ lâu và cũng nhiều lần được xem tranh của anh. Tôi xin thay mặt Ban tổ chức hoan nghênh nhiệt tâm đóng góp của anh. Nhưng Lễ đài Độc lập là một công trình kiến trúc, tuy dựng gấp rút, tạm thời, nhưng phải đạt những tiêu chuẩn không thể thiếu của nó như sự vững chắc, sự hài hoà công trình với tổng thể... Nói ví dụ nếu như không vững chắc, mấy chục con người đứng lên, nó đổ sụp xuống thì ngày lễ coi như thất bại. Bởi vậy cần một kiến trúc sư phối hợp với anh”. Một người trẻ tuổi ăn vận chỉnh tề, từ trong đám đông bước ra, tự giới thiệu: “Tôi là kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh(6), cùng hoạt động trong Hội Văn hoá Cứu quốc với anh Phạm Văn Khoa. Hôm qua tôi được anh Khoa cho biết ý đồ của Ban tổ chức, tôi đã vẽ xong bản đề án thiết kế lễ đài”. Anh Quỳnh trải cuộn giấy can cầm sẵn trên tay lên mặt bàn. Đó chính là toàn cảnh lễ đài Độc Lập mà sau này chú được nhìn thấy in hình trên báo chí. Bản vẽ thật đẹp, thật chi tiết, tỉ mỉ... Lễ đài với tổng thể vườn hoa Ba Đình, vị trí dựng lễ đài, chiều cao, chiều rộng, mặt bằng, mặt cắt ngang, cắt dọc lễ đài, độ lớn các xà gỗ, tổng diện tích mặt ván ốp lát v.v... Sau khi nghe anh Quỳnh thuyết trình, tôi xem xét, cân nhắc rồi đặt bút kí duyệt bản thiết kế, đóng dấu Ban tổ chức. Tôi nói với anh Lê Văn Đệ và anh Ngô Huy Quỳnh: “Ban tổ chức quyết định giao việc này cho hai anh (Các anh cần gì, chúng tôi) sẽ lo chạy đầy đủ. Hiện nay chúng tôi có một kho ba ngàn thước len đỏ (7), cần dùng bao nhiêu các anh cứ lấy dùng. Lễ đài phải được dựng xong trong vòng 48 giờ đồng hồ. Đúng 5 giờ sáng ngày mùng 2 tháng 9, tôi sẽ đến nghiệm thu. Chúc các anh hoàn thành nhiệm vụ”.

Sáng ngày 31 tháng 8, tôi đến Bắc Bộ phủ gặp Cụ Hồ như Cụ đã chỉ thị. Sau khi nghe tôi báo cáo ngắn gọn, đầy đủ về tất cả mọi việc có liên quan tới ngày lễ, Cụ nói giọng hết sức nghiêm trang: “Chú phải nhớ ngày Mùng hai tháng Chín tới sẽ là một ngày lịch sử. Đó là ngày khép lại cuộc Cách mạng tháng Tám, và ngày khai sinh nước Việt nam Dân chủ Cộng hoà”.

*

“Ông Đàng ơi! Ông Đàng ơi!”, tiếng con nít gọi nheo nhéo ngoài cửa, ngắt ngang câu chuyện của anh. Tôi nhìn ra, thấy hai chú bé chạc 9, 10 tuổi, mỗi chú cầm một cành tre, đầu cành tre thông thọt một con rắn nước, mình nhô bằng chuôi dao, đầu bị đập đập còn rỉ máu tươi: “Ông có đổi rắn nước không ạ?”. Anh Đàng bỏ đĩa bước ra cửa, xem xét cẩn thận hai con rắn nước, rồi hỏi: “Các cháu định đổi như thế nào?”. “Ông cho cháu mỗi con hai cái vỏ bao ba số”. “Các chú đừng có giỡn thôi bắt chệt”, giọng nói vá dánh bộ của anh đã chuyển sang giọng của dịch vụ đổi chác, “Mỗi con rắn này chỉ giá trị bằng hai con cóc. Nhưng thôi, thì ông cũng đành chịu thiệt vậy, mỗi con một vỏ bao ba số, các chú có đổi thì đổi, không đổi thì thôi”. Hai chú bé ngần ngừ một lúc, rồi nói: “Chúng cháu đổi ạ”. Anh quay vào mở khoá tủ, chọn lấy ra hai cái vỏ bao ba số, đưa cho mỗi chú một chiếc, và cầm lấy hai con rắn. Hai chú bé cũng xem xét hai cái vỏ bao cẩn thận không kém ông Đàng xem xét hai con rắn. Một chú nói: “Ông đổi cho cháu cái vỏ bao khác, cái này bên trong không có tờ giấy vàng”. Anh cầm lấy cái vỏ bao xem lại, cười: “Được, ông sẽ đổi cho vỏ bao khác. Sau này chú mà làm cán bộ thu mua thì Nhà nước sẽ không phải chịu thua thiệt”. Anh cầm hai con rắn bỏ vào cái rổ con ở góc nhà, mặt tươi hẳn lên, như người buôn bán vừa vớ được món hời: “Thịt rắn còn bổ hơn thịt nhái. Tối mai tôi sẽ đãi chú món rắn om riềng mè. Ăn vào chú sẽ thấy tăng lực gấp đôi, có thể đạp xe một mạch lên đến bến phà Tân Đệ”.

*

Tôi ở lại chơi với anh Đàng ba ngày, thuê một anh phó nháy ở xã trên xuống chụp mấy pô ảnh làm kỉ niệm. Bữa cơm tiễn tôi, anh có vẻ buồn. Vừa dùng đĩa tém tém mấy khúc rắn om mặn chát nổi muối trong đĩa, anh vừa nói: “Hiện nay tôi đang cố gắng hoàn thành thiên hồi ký thuật lại tất cả những gì có liên quan đến thế sự, kể từ khi tôi bước chân vào con đường hoạt động cách mạng cho đến những năm tháng gần đây... Trong hồi ký, tôi sẽ đề cập đến những việc mà từ trước đến nay tôi chưa hề tiết lộ với ai. Ví dụ như bản thảo “Tuyên ngôn Độc lập” Cụ Hồ viết... còn hay mất, nếu còn thì bây giờ đang ở đâu... Hoặc cụ định sửa hai câu trong bản “Tuyên ngôn”, nhưng không kịp vì bản chính đã đưa in mất rồi. Là Trưởng ban Tổ chức ngày lễ, tôi phải phụ trách việc in ấn những tài liệu có liên quan đến vận mệnh đất nước này, nhưng... như chú biết đấy, hiện nay trong Bảo tàng Hồ Chí Minh cũng như Bảo tàng Lịch sử, không có bản thảo “Tuyên ngôn Độc lập”... Tôi sợ sẽ làm không kịp mất, gần tám chục tuổi đầu rồi còn gì, mà lại không có điều kiện làm việc, ban đêm coi như chịu chết, đèn đóm tù mù, đúng là đóm thật”... Anh im lặng một lúc lâu, rồi ngẩng lên nhìn tôi, hỏi tiếp: “Chú có biết điều lo lắng nhất của tôi hiện nay là gì không?”, không đợi tôi đoán, anh nói luôn: “Tôi lo nhất là không biết chết ở đâu. Lúc sống thì

tôi ở nhờ nhà ai chẳng được, ở đây cũng như ở trên Hà Nội... Nhưng lúc chết thì người thân mấy cũng làm phiền người ta. Có ai muốn một người không phải ruột ra máu mủ lại nằm chết trong nhà mình? Ngay cả cái chái bếp này cũng vậy, tôi nằm chết sẽ làm phiền đến nhà trường, các thầy các cô, các cháu học sinh... Bởi vậy mà hai năm nay tôi không muốn lên Hà Nội. Ở đây, tại quê hương bản quán, tôi đã chọn sẵn chỗ để nằm chết... Chú ra đây tôi chỉ cho, đứng ở đây cũng nhìn thấy...".

Tôi theo anh ra đứng trên cái trụ xi măng cầu ao cá. Gió mùa đông bắc lạnh thấu xương thổi thốc vào mặt hai anh em. Anh chỉ tay về phía một bụi tre gần cuối xóm, đờn độc giữa cánh đồng, ngọn tre đang vật vã trong gió buốt. "Đấy, dưới chân bụi tre ấy có một chỗ trống nhưng bằng phẳng, phủ đầy lá tre rụng, rất vừa người tôi... Tôi sẽ nằm đó chết để khỏi phải phiền ai... Tôi đã chọn con đường ngắn nhất để có thể bò kịp đến đó, trước khi nhắm mắt xuôi tay..."

Trở vào nhà, cả người tôi nổi gai, ớn lạnh, chắc là bị cảm... Tôi dốc hết rượu ra bát uống ực một hơi chống lạnh. Rượu vào lời ra, tôi cất giọng ngâm to mấy câu thơ của Phùng Cung gửi tôi mang về tặng anh:

Mặt ra giông chớp

Rạc mái phong lưu

Gót nhọc men về thung cũ

Quỳ dưới chân quê

Trăm sự cúi đầu

Xin quê rộng lượng

Chút thổ phần bò xéo cuối thôn!

Tháng 12.1992 (8)

PHẦN VIẾT THÊM

Nấn ná mãi, sáng 27 Tết tôi phải rời thôn Trà Vy trở về Hà Nội. Đạp xe ngược gió trên con đường đất sỏi trâu dọc bờ sông Máng, tôi bỗng thấy lạnh kinh khủng. Hai ba lần, tôi ngoái lại nhìn làn khói mỏng trên cái chái bếp, bên dưới làn khói đó là một bậc hào kiệt của đất nước đang ngồi trầm tư vì thế sự giữa một đồng giẻ rách, dép lốp đứt quai, đỉnh công queo, chai lọ bụi bám đầy, những cái vỏ lon bia, những mẩu sắt han rỉ chẳng biết để làm gì. Hai mắt tôi tự nhiên cay lệ. Tôi chỉ muốn quay xe lại với anh nhưng sợ anh mắng. Từ chiều hôm qua, anh giục già tôi suốt: "áng mai chú phải về Tết nhất đến nơi. Chú không thể để cô ấy cúng tất mên một mình như cảnh nhà những người góa bụa cô đơn...".

Đăm đăm nhìn anh, tôi tự hỏi: "Trên thế gian này, không biết còn ai cô đơn hơn anh?". Tôi khẩn khoản: "Anh cùng về Hà Nội với em, ăn Tết cùng với nhà em, nhà anh Cung có vui hơn không?". "Chú cứ về trước đi, chậm lắm sáng mùng hai Tết, tôi sẽ có mặt ở nhà chú hoặc ở nhà chú Cung".

"Nhưng anh còn vướng víu gì ở đây mà không về cùng với em được?". "Chuyến này lên Hà Nội tôi sẽ ở lại. Tôi muốn tìm gặp lại anh em thời Truyền bá quốc ngữ xem ai còn ai mất, hên hệ với những anh em hiện đang sống ở nước ngoài như Hoàng Xuân Hãn. Ông ta có công lớn lắm đấy. Ông được Hội giao soạn thảo học chữ quốc ngữ theo lối mới, làm sao cho dễ học, dễ thuộc, dễ nhớ và ông đã soạn thảo rất thành công. Tài tình nhất là ông đã vận về hóa được cách nhận diện các chữ cái:

"i t giống móc cả hai

ngắn có chấm, t dài có ngang"

hoặc:

"O tròn như quả trứng gà

Ô thì đội mũ, Ơ là thêm râu"

Tôi ngạc nhiên: "Hồi còn đi giữ trâu ở làng quê em học truyền bá quốc ngữ cũng thuộc lòng những câu vần về đó. Nhưng em thật không ngờ tác giả của nó lại là nhà toán học nổi danh Hoàng Xuân Hãn". "Đó chính là tấm lòng thương nước, thương dân của người trí thức chân chính". Anh nói thêm: "Tấm lòng của họ đối với nước, với dân trong suốt như thủy tinh, không gợn một chút bợn đặc quyền đặc lợi. Lần này lên Hà Nội, tôi có một mục đích là tổ chức một cuộc gặp gỡ những người trước đây tham gia Hội Truyền bá quốc ngữ. Chúng tôi sẽ ôn lại hồi ức và viết hồi ký. Mà muốn làm như vậy thì phải có..."

(Bài viết đến đây thì dừng vì Phùng Quán bệnh nặng không còn sức để viết tiếp)

(*) Bài viết trên được Phùng Quán viết xong tháng 12.1992, đến tháng 1.1995, trong lúc nằm trên giường bệnh, chưa hài lòng với những gì đã viết, Phùng Quán viết thêm bằng bút chì trong tư

thể nằm giữa viết lên giấy đặt dưới tấm ván treo úp xuống trước mặt ở đầu giường. Đây chính là những dòng cuối cùng của Phùng Quán. Di cảo do bà Vũ Thị Bội Trâm, vợ nhà văn Phùng Quán cung cấp (BT)

Chú thích:

(1) Bản in này căn cứ vào bản sao ảnh bản thảo 19 trang viết tay của Phùng Quán, Một vài trang chụp thiếu một hai dòng chót. Chúng tôi phải ghi (... mất một dòng...), hoặc khôi phục đoạn câu bị mất đi, nhưng vẫn để trong ngoặc. (BT)

(2) Thơ Tố Hữu

(3) Bảy mươi tuổi xưa nay hiếm, thơ Đỗ Phủ

(4) Phùng Cung, nhà văn

(5) Họa sĩ Lê Văn Đệ (theo tạp chí Bách Khoa Sài Gòn 1963) sang La Mã, được phong họa sư, được chính Giáo hoàng Pie XI giao cho trang hoàng điện Vatican.

(6) Kiến trúc sư Ngô Huy Quỳnh sau này có thời là thứ trưởng Bộ Xây dựng.

(7) Sổ len này lấy được ngày 19-8-1945, khi tấn công chiếm Trại lính khổ đở ở phố Hàng Bài. (Chú thích của tác giả)

(8) Năm 1993, ông Nguyễn Hữu Đăng đã được Nhà nước cấp nhà ở Hà Nội và được hưởng lương hưu. Nhưng qua bài viết này giúp cho độc giả hiểu thêm về một chi tiết cụ thể của lịch sử Cách mạng tháng Tám và tấm lòng của nhà văn Phùng Quán. (Chú thích của Ngô Minh)

13. Người bạn lính cùng tiểu đội

Vào những năm đầu của thập kỷ sáu mươi (1960), trên các mặt báo trung ương và địa phương các trang thơ tràn ngập đề tài sản xuất, chiến đấu, ca ngợi các hợp tác xã điển hình, các nông trường, các nhà máy, hầm mỏ tiên tiến, nào "sóng Duyên Hải, gió Đại Phong", nào gương người tốt việc tốt, tố cáo tội ác Mỹ Diệm..., thoi thoi đủ thứ. Bỗng dưng, trên một trang thơ tuần báo Văn Nghệ của Hội Nhà văn Việt Nam xuất hiện một bài thơ tứ tuyệt, nhan đề: Nghe nhạc Strauss. Tên tác giả lạ hoắc: Tuấn Nguyễn.

Đã hơn ba mươi năm trôi qua kể từ ngày ấy, nhưng bài thơ nọ vẫn đọng lại tinh khôi trong trí nhớ của tôi.

Sóng sông Hồng bỗng xanh màu Danube

Nhạc bỗng bình trôi tới các vì sao...

Trời lung linh khẽ chao mình theo nhịp

Những người nước lạ phải lòng nhau...

Đề tài và nội dung bài thơ lạc lõng giữa biển thơ- hiện-thực sôi, nóng bỏng, thơ cho cuộc đấu tranh giai cấp "long trời lở đất", khẳng định con đường "ai thắng ai".

Như thể tự thấy mình chẳng giống ai, bài thơ đã tứ tuyệt rồi mà vẫn còn nép mình ở góc cuối trang báo, khiêm nhường, nhỏ thó với vẻ ngơ ngác, 10 lằng, nhìn lên những bài thơ bốc lửa, hùng hực khí thế đấu tranh, sang sảng lạc quan cách mạng của những tên tuổi thời thượng...

Có điều lạ là ngay sau khi xuất hiện, bài thơ nhỏ bé nọ lập tức nổi tiếng, được nhiều độc giả mến mộ thơ ngày đó nhắc nhở, truyền tụng, nhiều đôi trai gái chép vào sổ tay tặng nhau... Mùa hè năm 1950, Trảng cát Phong Chương bắc Thừa Thiên bị rang bỏng dưới cái nắng như dội lửa. Gió Lào khô rát thổi tung cát thành những đám mây, phủ trùm lên một vùng cỏ cây cằn cỗi, nhuộm màu cháy xém. Tôi lúc đó là tiểu đội trưởng một tiểu đội mũi nhọn trong đại đội chủ công trung đoàn quân chủ lực 101. Tôi cùng tiểu đội dầm mình trong cát bỏng, gió Lào, mãi mê luyện tập môn đánh bộc phá, chuẩn bị cho chiến dịch hè thu.

Tiểu đội tôi trẻ nhất đại đội, toàn những chàng trai 17, 18, 19... Tôi đang làm thị phạm động tác ôm thủ pháo chuẩn bị lao lên đột phá khẩu thì cậu Tiệm, liên lạc viên của đại đội, tay xách tiểu liên "Tuyn", đầu đội mũ nan giắt đầy lá ngụy trang, chạy như ngựa tể băng qua những động cát, nhảy phóc qua những dây xương rồng gai mặt nguyệt, chạy thẳng đến bãi tập. Tiệm đứng nghiêm, đưa tay lên vành mũ chào, vừa nói, vừa thờ: "Báo cáo tiểu đội trưởng? Đại đội trưởng triệu tập đồng chí về ngay đại đội bộ! Hết!".

Tôi giao tiểu đội lại cho tiểu đội phó tiếp tục khoa mục tập. Khoác lên vai khẩu tiểu liên "Mát" tôi học tốc chạy theo Tiệm về đại đội bộ. Tôi đoán chừng đại đội trưởng điều động tiểu đội tôi đi phối hợp chiến đấu với một đơn vị nào đó.

Đại đội trưởng chỉ hơn tôi ba bốn tuổi, cũng trẻ măng, nhưng đã được tặng thưởng huân chương Quân công. Anh đang ngồi trước bộ tràng kỷ bằng tre. Trên bàn một siêu nước lá vàng và mấy cái bát sành. Ngồi đối diện với anh là một thanh niên trạc tuổi tôi, dáng dấp học trò, tóc chải ộp, áo sơ mi màu trứng sáo, quần tây xám, chân dận dép sáng đan da. Anh ta đeo kính trắng, cái miệng thật rộng và thật tươi:

- Báo cáo Đại đội trưởng! Tiểu đội trưởng Quán có mặt!

Đại đội trưởng chỉ chiếc ghế tre chỗ cạnh anh, nói:

- Quán ngồi xuống đây.

Anh rót cho tôi một bát nước lá vàng đắng ngắt vị bộc phá.

Chờ tôi uống cạn bát nước và kéo vạt áo quân phục sũng mồ hôi lau gương mặt sạm đen, đầy bụi cát, anh giới thiệu một thanh niên lạ mặt ngồi đối diện:

- Đồng chí Nguyễn Tuân đây hoạt động trong phong trào học sinh kháng chiến nội thành. Tuân học trường Providence, đỗ tú tài toán. Vừa rồi, sau vụ học sinh bãi khoá, Tuân bị lộ. Thị uỷ Huế bố trí cho Tuân theo đường dây lên chiến khu. Nguyễn vọng của Tuân là được gia nhập quân đội. Trung đoàn tiếp nhận, bố trí đồng chí ấy làm việc tại phòng Chính trị. Nhưng Tuân lại tha thiết muốn được cầm súng chiến đấu. Trên cử đồng chí ấy về đại đội ta. Tôi đã trao đổi với chính trị viên. Chúng tôi quyết định: Tuân sẽ về tiểu đội của Quán. Qua thư giới thiệu của Phòng chính trị trung đoàn, thì Tuân giỏi tiếng Pháp, tiếng Anh, biết cả chữ Hán, lại có khả năng sáng tác văn thơ... Chúng tôi nghĩ hai đồng chí cùng trạc lứa tuổi, lại cùng thích văn thơ, chắc sẽ hợp nhau...

Tôi dăm dăm nhìn người đội viên mới của tiểu đội mình. Ý nghĩ đầu tiên là cậu ta quá thư sinh, đã thế dáng dấp lại còm nhom, hai cánh trần nom như hai ống quyển, và hai cẳng chân chắc cũng không to hơn. Thế mà hành trang một người lính trận thì nào súng, cơ số đạn, lựu đạn, bộc phá, ruột tượng gạo, ống muối, ba lô... Khi cần tuýt một tiếng còi chỉ huy, tất cả phải nằm gọn trên lưng, trên vai, quanh thắt lưng chỉ trong vòng ba phút. Và phải lên đường hành quân bất kể ngày đêm, bất kể sấm chớp, mưa bão, lửa đạn... Tự nhiên tôi dăm giận hấn. Chắc khi ngồi mài đũng quần trên ghế nhà trường, cậu ta say sưa đọc câu thơ "Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa", mơ mộng thấy đời lính trận mê ly lắm. Chỉ cần mấy hôm thôi, cậu ta sẽ thấm đôn thể nào là "phai bạc áo hào hoa". Sao hấn ta không ở lại trung đoàn bộ làm lính văn phòng có hơn không?

"Đồng chí Quán vào Vệ Quốc đoàn từ trước ngày Huế nổ súng - lời giới thiệu của Đại đội trưởng về tôi cho Tuân nghe cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi - Quán đã tham gia chiến đấu ở mặt trận Huế, rồi mặt trận phía Nam, đèo Phát Tượng, Truồi, Nong... Tuy cùng trạc lứa tuổi với đồng chí, nhưng Quán là cựu binh của Trung đoàn, giải đấu trận mạc không thua chúng tôi đâu. Quán còn là cây văn nghệ quần chúng của đại đội. Chúng tôi mong hai cậu sẽ thân thiết nhau". Tôi và Tuân Nguyễn biết nhau từ đó. Khi hai chúng tôi đã khá thân nhau, tôi thường đọc cho Tuân nghe thơ tôi làm. Những bài thơ tràng giang đại hải, sặc mùi lính tráng. Một hôm, nhân bàn chuyện thơ, Tuân hỏi tôi:

- Này, cậu có biệt hiệu không?

- Có chứ, tôi đáp. Lúc đầu mình lấy biệt hiệu là Lúa Xanh. Nhưng sau đó nghe nó thối thối làm sao ấy, nên bỏ. Đang cố rặn ra một biệt hiệu khác, nghe đỡ nặng mùi hơn, nhưng chưa ra... Khi mới tập tọng làm thơ, người ta ai cũng nghĩ rằng việc quan trọng đầu tiên là phải có một cái biệt hiệu thật kêu, kiểu như các thi sĩ nổi danh: Tấn Đà, Kinh Kha, Xuân Diệu, Chế Lan Viên, T.T.K.H., Hoàng Cầm...

Tuân nói:

- Mình cũng từng nghĩ vậy. Rồi thấy biệt hiệu, biệt hiếc, vô duyên òm... Tên cha mẹ đặt cho thế nào cứ để nguyên nó thế ấy. Khốn nỗi, tên mình lại trùng với ông Nguyễn Tuân Vang bóng một thời quá nổi tiếng. Mình đành xoay ngược nó thành Tuân Nguyễn. Tuân Nguyễn! Nghe cũng vô duyên, nhưng thôi, đành vậy.

- Cậu thấy thơ mình thế nào? - tôi hỏi hớp hớp Tuân, trong bụng chờ được Tuân khen. Cả đại đội khen thơ mình, nhiều cậu còn chép để học thuộc đấy.

Tuân Nguyễn nhìn tôi qua tròng kính cận dày cộp, chột mồm cười. Cái miệng Tuân cười thật rộng, thật tươi...

- Thơ của cậu, hai mươi câu đầu để giữ gìn trật tự, hai mươi câu cuối chuẩn bị cho người nghe vỗ tay, còn đoạn giữa là vè...

Tôi không ngờ thơ của mình bị ông bạn mới "mạt sát" đến thế. Tôi đau quá, nổi sùng, chỉ muốn đập cho hấn một đập. Nhưng tôi đã ghim được, vì nhớ đến chức danh Tiểu đội trưởng của mình. Tiểu đội trưởng mà đập đội viên vì thơ bị chê thì ê quá. Nhưng Tuân hình như không để ý gì đến

thái độ giận dữ của tôi. Cậu ta đọc cho tôi nghe những bài thơ cậu ta làm, đủ các thể loại: tứ tuyệt, ngũ ngôn, thất ngôn bát cú, lục bát, những bài thơ mỗi đoạn bốn câu ba vần... Mặc dầu tự ái một cây, tôi phải cay đắng nhận rằng bên cạnh những bài thơ ý tứ hàm súc đầy nhạc điệu của Tuân, thơ tôi đúng là những bài về trăng giang đại hải, không chối vào đâu được. Từ đó đến nay đã hơn bốn mươi năm trôi qua, mỗi lần tôi đặt bút định viết một bài thơ, lời nhận xét vừa nghiêm khắc, vừa giễu cợt của Tuân lại vang vọng bên tai tôi, làm tôi chùn bút.

Một đêm ở chiến khu Cầu Nhi, hai chúng tôi nằm trên sạp nửa, gác vế lên nhau, Tuân khuyên tôi:

- Cậu phải học luật thơ Đường làm cái vốn cơ bản, sau đó phát huy thành các thể thơ tự do, mới hy vọng thơ có thể khá lên được.

Tôi mộng ước được làm nhà thơ, tôi chấp nhận lời khuyên của Tuân. Tôi hạ quyết tâm phải học thành thực luật thơ Đường. Ban ngày tôi dạy Tuân các môn xạ kích, ném lựu đạn, đâm lê, đánh bộc phá... Đêm đến, bên bếp lửa bập bùng chiến khu, Tuân giảng dạy tôi luật bằng trắc, luật các vế đối, luật cấu trúc các thể loại thơ Đường: tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, ngũ ngôn... Tôi dùng mũi đinh nhọn ghi lời giảng dạy lên bảng sừng để lúc nào cũng có thể ôn lại được. Tôi tập làm thử một số bài thơ theo cách Tuân dạy. Nhưng làm xong tôi phải vo viên liệng ngay vô bếp, không dám đọc cho ai nghe. Trong nghề thơ, tôi tự ví mình như anh chàng ham trò đánh phau nhưng chỉ quen dùng đục một môn "vô dân gian" là đá củ đậu, ba năm võ tầu không bằng một châu đá củ đậu. Bây giờ tôi phải học đâm lê theo đúng quy tắc, một bước tiến, hai bước lùi... gạt trái, đâm phải... làm sao tiếp thu nổi.

Mỗi lần nghĩ về người đội viên mới của mình, lòng tôi lại thấy buồn vì ghen tài và đố kỵ: "Hắn mới là người được trời sinh ra để làm thi sĩ. Tên tuổi hắn nay mai sẽ lẫy lừng trên thi đàn đất nước. Còn mình dù cố gắng đến hết đời cũng chỉ là một anh văn nghệ quần chúng, ca dao, hò, vè...". Để dịu bớt đau khổ, tôi tự an ủi: "Nhưng về mặt binh nghiệp mình sẽ hơn hắn. Khi hắn nổi danh về văn thơ, thì mình sẽ lên đến chức Sư đoàn trưởng. Vậy là huề!".

Những năm 1950, 1951, 1952 là những năm gian lao nhất của chiến trường Thừa Thiên. Những trận lụt bão chưa từng thấy cuốn phăng cả một làng ở bên Phá Tam Giang. Biển Thuận An nổi sóng thần, ném những thuyền đánh cá lớn lên bãi cát như ném cái vỏ trứng. Giặc Pháp hòa với thiên tai tổ chức những trận càn lớn, phối hợp cả thủy lục không quân, tăng pháo; quyết xoá sổ trung đoàn 101 chúng tôi. Chúng tôi phải đánh những trận đẫm máu và tổn thất khá nặng nề.

Nhưng nỗi gian lao thường trực của chúng tôi chưa phải là lụt bão, bom đạn, mà là đói. Đói là người. Đói mờ mắt. Có đạn sáu tháng liền, chúng tôi phải ăn thứ mủn, có mùi hôi thối như phân người ôi, mà muốn có thứ gạo mục thối đó, chúng tôi phải vượt qua những hệ thống đồn bót dày đặc, luồn sâu vào hậu địch, nhn rập hàng trăm họng súng phục kích... Nhiều anh em chúng tôi bị giặc bắn gục trên đường đi lấy gạo. Nhiều ruột tượng gạo mang về đến đơn vị, xỏ ra, đổ lòn những máu, nhưng không thể bỏ đi. Chúng tôi tìm đủ cách để vuốt gạo cho sạch máu. Những hạt gạo mục xóp hút máu như giấy thấm. Chúng tôi ngâm gạo xuống suối, nhờ nước rửa máu. Ngâm suốt đêm, sáng vớt gạo lên vẫn có màu hồng hồng. Chúng tôi bưng bát cơm chan máu đồng đội, nhắm mắt nhắm mũi lùa vào miệng thật nhanh và nuốt chửng... Mỗi chén cơm chúng tôi trộn một phần tư chén ớt bột, loại ớt hiểm, cho dịu bớt vị tanh của máu...

Từ ghé nhà trường, Tuân Nguyễn nhảy thẳng vào đơn vị tôi đúng thời điểm khốc liệt đó. Hôm đầu tiên, tôi còn nhớ như in, Tuân bưng bát cơm chan máu đồng đội lên ăn, mới và được hai miếng, anh nôn thốc nôn tháo. Tôi nói với Tuân: "Cứ trộn thật nhiều ớt vô lùa thật nhanh, không nên chần chừ". Tuân ứa nước mắt nói: "Nhưng mình không quen ăn vậy... Mình chỉ sợ anh em cho mình là học sinh tiểu tư sản, không chịu được gian khổ... Cậu nói giúp với anh em thông cảm cho mình... lần sau mình sẽ cố gắng không như thế nữa...".

Đêm đó, họp tiểu đội, Tuân đứng lên xin lỗi, đã làm cho bữa ăn của anh em mất ngon. Tuân còn nói thêm: "Ngay cả trong thiên anh hùng ca bất hủ Odyssee của Homère, cũng không có hình ảnh nào dữ dội và bi tráng như bát cơm thấm máu mà chúng ta ăn... Tôi sẽ ghi khắc nó vào ký ức; và nếu qua cuộc chiến tranh mà tôi còn sống, nhất định tôi sẽ đặt nó vào trong tác phẩm của tôi". Anh em trong tiểu đội chẳng hiểu Tuân muốn nói gì, nhưng về mặt và giọng nói của cậu ta làm họ cảm động. Họ còn xúm lại an ủi, động viên: "Đồng chí cứ ăn năm, bảy lần rồi sẽ quen thôi".

Điều làm tôi lo lắng băn khoăn hơn cả là chuyện cử Tuân đi lấy gạo, Tuân chưa quen chiến trận, vừa chậm, vừa yếu, lại cận thị. Nếu cử cậu ta vào địch hậu lấy gạo, chết dễ như chơi. Nhưng tôi

là tiểu đội trưởng, việc phân công anh em mình vào địch hậu lấy gạo, phải hết sức công bằng. Mỗi lần họp tiểu đội phân công, tôi phải tìm đủ cách để tránh cho Tuấn công việc nguy hiểm này: "Đồng chí Tuấn ở nhà làm bích báo cho đại đội". "Đồng chí phải viết xong cho cả tiểu đội khẩu hiệu: Rèn cán chính quân để cài lên mũ trong đợt tổng diễn tập sắp đến". "Đồng chí phải hoàn thành bài thơ nói lên lòng quyết tâm, tinh thần hăng say luyện tập trong thời gian qua của tiểu đội ta, để đọc vào dịp liên hoan văn nghệ kết thúc đợt luyện tập!".

Tuy vậy, cứ làm mãi cách đó, anh em bắt đầu xì xào phản ứng. Họp tiểu đội, anh em pillê bình tôi hết sức gay gắt: "Đồng chí tiểu đội trưởng thiên vị đồng chí Tuấn!". Có anh còn chua chát hơn: "Dù đồng chí Tuấn có đậu tú tài, có văn hay chữ tốt, nhưng đã ăn thì cũng phải đi lấy gạo như anh em". Tuấn đứng bật ngay dậy, yêu cầu được phân công đi lấy gạo, nhưng tôi cương quyết gạt đi. Tôi đành giọng, nói: "Tôi không thiên vị ai hết! Làm bích báo, viết khẩu hiệu, làm thơ cũng cần thiết như việc đi lấy gạo. Tôi sẽ phân công đồng chí Tuấn đi lấy gạo tối nay. Nhưng hiện đồng chí phải dịch truyền đơn địch vận ra tiếng Tây, do phòng Chính trị trung đoàn yêu cầu, mà phải dịch gấp. Đây, truyền đơn địch vận trung đoàn mới giao về hôm qua đây. Giấy bút đây! Đồng chí nào có thể đảm nhiệm công việc này thay đồng chí Tuấn, xin giơ tay cho biết!" Thế là cả tiểu đội ngồi ngay như phỗng. Quá nửa tiểu đội tôi trình độ văn hóa lớp một, lớp hai, số còn lại vừa đọc vừa đánh vần. Trong cuộc đời chiến sĩ của tôi, nếu có một niềm tự hào nào đó đáng ghi nhớ, thì đó chính là niềm tự hào: trong những năm gian truân nhất của cuộc kháng chiến chín năm, tôi đã tận dụng quyền lực tiểu đội trưởng để bảo vệ một nhà thơ tương lai của đất nước. Sang cuối năm 1953, hai chúng tôi phải xa nhau vì nhiệm vụ của chiến trường. Tôi được cử đi học trường Quân chính Bình Trị Thiên. Tuấn Nguyễn được bổ sung vào đơn vị tình nguyện quân mặt trận Trung Lào.

Mãi đến năm 1957 chúng tôi mới gặp lại nhau. Hòa bình lập lại, Tuấn ra khỏi quân ngũ, đi học tiếp và tốt nghiệp Đại học Sư Phạm, làm thầy giáo. Sau đó được điều về Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Lương của Tuấn Nguyễn năm đó là 93 đồng. Còn tôi, lâm vào cảnh khổ nạn văn chương Nhân văn Giai phẩm phải về tá túc bên bờ hồ Tây, nhập phường câu cá trộm...

Trong khi bạn bè thân thích, kể cả máu mủ ruột thịt, người yêu, đều xa lánh tôi, thì Tuấn Nguyễn vẫn gắn bó, cứu mang tôi. Mặc dầu lúc này anh là người có chức danh của một cơ quan quan trọng, bắt đầu có tiếng tăm trên thi đàn. Tuấn mò tìm được nơi tôi tá túc, thường xuyên mang cho tôi áo quần, tem gạo, phiếu thịt, kẹo, thuốc lá căng tin... (kẹo, thuốc lá do cơ quan bán theo tiêu chuẩn bậc lương). Mỗi lần đem cho như vậy, Tuấn rất sợ tôi méch lòng, tủi thân, nên bao giờ cũng tìm cách nói thác. "Có bộ áo quần mình thuê may hồng, mặc rộng thùng thình cứ như áo té. Cậu đừng ngại hơn mặc giúp mình cho đỡ phí". "Một nhà báo ngoại quốc có nhận xét người Việt Nam ta rất có đầu óc hài hước. Hài hước ngay cả trong việc sản xuất bánh kẹo. Ngoài bao bì đề kẹo cứng thành kẹo mềm muốn chảy nước. Nếu đề kẹo mềm thì cần muốn vỡ răng. Này, cậu khoẻ răng ăn giúp mình hai gói kẹo mè này".

Một lần, tôi hỏi Tuấn: "Cậu hay gặp mình, thế nào cơ quan họ cũng biết. Cậu không ngại à?" Tuấn Nguyễn vốn là người ăn nói hết sức nhã nhặn, lịch sự ở cơ quan cấm ai thấy cậu ta vắng tục. Nhưng chỉ khi hai đứa với nhau, hoài niệm cuộc sống lính tráng, cậu ta vắng tục ào ào: "Có ngại cái con cặc. Đù mạ, mình cảm ghét nhất là thói vô ơn! Nếu ngày đó cậu không chơi trò "Nhân danh tiểu đội trưởng" thì chắc mình đã nằm mục xương giữa trắng cát Phong Chương, Thanh Lam Bồ, Phú Đa, Hà Thanh... với một ruột tượng gạo thổi mục đầy máu... Cậu quên rồi à, đúng cái hôm cậu phịa chuyện Phòng chính trị giao mình dịch truyền đơn địch vận, bốn cậu được cử đi lấy gạo, tụi phục kích xơi tái mất hai, cậu gì nhỉ, à cậu Lượng, cậu Vinh... Có đâu mình còn sống đến bây giờ mà đại học đại hiếc, nhà thơ nhà thiếc, phát thanh phát thiếc?... Cút!".

Năm 1963, vợ chồng tôi sinh con gái đầu lòng. Đến đón cháu ở nhà hộ sinh A, có bà ngoại cháu (bà đã mất năm 1986), tôi và Tuấn Nguyễn.

Vợ tôi vui lắm, nói với hai người:

- Bà với chú Tuấn thấy cháu có xinh không?

Tuấn cúi xuống nhìn gương mặt nhỏ xíu còn đỏ hồng của cháu, cười cười. Bà ngoại cháu vốn suốt đời chỉ biết công việc nội trợ, và gần như không biết chữ, buột miệng nói:

- Bây giờ thì mẹ mừng mừng rỡ rỡ thế đấy, không biết đời con rồi có góc đầu dậy được không!...

Bà ngoại và hai mẹ con đi xích lô về nhà. Tôi và Tuấn lững thững đi bộ dọc đường Ngô Quyền. Đáng vẻ cậu ta trở nên trầm ngâm và lặng lẽ. Im lặng một lúc khá lâu, Tuấn chợt nói:

- Bà cụ nói thật khủng khiếp! Đó là lời tiên đoán về số phận những nghệ sĩ quyết định: "Yêu ai cứ bảo là yêu. Ghét ai cứ bảo là ghét. Dù ai ngon ngọt nuông chiều. Cũng không nói yêu thành ghét. Dù ai cầm dao dọa giết. Cũng không nói ghét thành yêu..."

Lời nhận xét bất ngờ của Tuấn làm tôi bất giác rùng mình. Một câu Kiều chọt ập đến trong đầu: "Đường xa nghĩ đến đoạn trường mà kinh!".

Tuân bảo tôi:

- Bắt đầu từ hôm nay, mỗi tháng mình gửi cậu 5 đồng mua sữa cho cháu. Hàng tháng cứ đến ngày mùng ba - ngày mình lĩnh lương - cậu chịu khó đến chỗ mình. Sợ có khi mình mắc việc, không xuống chỗ cậu được. Nếu mình đi công tác vắng, mình sẽ gửi lại chỗ cậu V. ở tổ thợ.

Ngày đó, 5 đồng mua được ba hộp sữa Ba Vi. Lúc chia tay, Tuấn còn dặn thêm:

- Lỡ khi nào cậu kéo không được gì, nếu tiện đường tạt vào chỗ mình mà ăn cơm. Cơm tập thể chỗ mình khá lắm...

Từ đấy, hôm nào cận túi, tôi lại đạp xe lên 20 phố Tràng Tiền, bếp ăn tập thể của cơ quan Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam. May mắn được gặp Tuấn là no bụng.

Tuân Nguyễn sống trong một gian buồng nhỏ, rộng chừng 8 mét vuông, ở tầng gác hai, ngay đằng sau gian nhà ăn tập thể. Buồng kê một giường cá nhân, một giá sách lớn che kín mặt tường chiều ngang. Cạnh giá sách là bàn viết. Đối diện cửa ra vào treo chân dung Dostoevsky lồng khung kính trên tường, phía đầu giường treo ảnh của cậu ta, phóng to, cũng lồng khung kính. Đó là hai vật trang trí độc nhất trong gian buồng.

Trên giá sách, có khoảng vài chục cuốn sách tiếng Việt. Còn lại là sách tiếng Pháp, tiếng Anh. Tiền lương tháng, ngoài tiền ăn, một ít dùng may mặc, tiền cho tôi, Tuấn dồn hết vào việc mua sách. Tuấn là khách quen của cửa hàng sách ngoại văn. Toàn tập Dostoevsky, toàn tập Chekhov, toàn tập Brecht, Maxim Gorki, Jack London...

Tôi đến, hầu như lúc nào cũng bắt gặp Tuấn hí hoáy trước bàn viết. Trước mặt, hai ba cuốn sách mới... Tôi biết lúc này cậu ta hoàn toàn đắm mình trong suy tưởng, mộng mơ.

Đã từ lâu, Tuấn chuẩn bị viết tác phẩm văn xuôi quan trọng của đời mình, anh tâm sự. Chủ đề tác phẩm là một thanh niên trí thức say mê cách mạng, lúc nào cũng sống trong mộng tưởng san phẳng hết mọi điều phi lý xúc phạm con người, và xây dựng một cõi địa đàng nhân loại.

Tuân Nguyễn đọc đến nát như toàn tập Dostoevsky. Cậu ta đọc Đốt đến rạc cả người. Nhà văn mà Tuấn đặt thành tích để vươn tới là Đốt. Tuấn nói với tôi:

- Điều này mình chỉ nói riêng với cậu thôi. Nhiều đêm mình nằm mơ, cuốn sách của mình được in ra, và được những người sành văn đánh giá là xấp xỉ với Đốt.

Bạn hữu chúng tôi không ai bảo ai cùng gọi đùa Tuấn là cụ Đốt. "Ta đến chơi cụ Đốt đi. Cụ Đốt vừa có thơ được in trên báo Văn Nghệ, ta đến bắt cụ khao một châu thít chó".

Một bữa, tôi và một người bạn đến chơi, bắt gặp cụ Đốt trong tình trạng bút rút, buồn bã. Tôi hỏi: "Có chuyện gì thế, Tuấn? Hay tại chúng mình đến chơi hơi nhiều, quấy rầy cậu?". Và chúng tôi nháy nhau, dợm đứng lên, định chào ra về. Tuấn vội đưa tay ngăn lại: "Các cậu chẳng có liên quan gì hết, Tuấn nhìn đồng hồ đeo tay, nhà ăn sắp mở cửa rồi, đợi tý ta xuống ăn cơm".

Tôi thầm đoán cậu ta chắc gặp chuyện gì rắc rối ở cơ quan. Nghe nói, trong đợt học tập Nghị quyết 9, cậu ta xin báo lưu ý kiến, bị cơ quan đưa ra kiểm điểm vì những luận điệu ủng hộ chủ nghĩa xét lại Liên Xô. Cậu ta làm thơ ca ngợi Khrutsov, đả kích Mao và Stalin... Nói chung, vào thời gian ấy, những chuyện như thế là chuyện chết người cả.

Như đoán biết chúng tôi đang nghĩ gì, Tuấn giải thích:

- Cách đây hai hôm, mình dọn dẹp lại gian buồng, quét tước mạng nhện... Mình gỡ chân dung Dostoevsky và bức ảnh của mình xuống, lau sạch bụi rồi treo lại. Vừa dọn dẹp xong thì có mấy cô sinh viên văn khoa đến chơi. Một cô nhìn lên giá sách, hỏi mình: "Anh đọc nhiều sách, thế theo anh nhà văn nào lớn nhất, anh khâm phục nhất?". Lúc đó mình đang ngồi gần cửa ra vào. Theo thói quen, mình đưa thẳng tay chỉ lên chỗ treo chân dung Dostoevsky: "Ông này, chỉ một mình ông này thôi! Đó là thiên tài của các thiên tài!". Các cô nhìn theo tay chỗ mình chỉ, không nói gì, nhưng đều quay lại nhìn mình với ánh mắt rất lạ, lúc đó mình không để ý...

Các cô về rồi, mình nhìn lên tường, thấy chân dung Dostoevsky treo hơi bị lệch. Mới bắt ghé đứng lên sửa lại. Nhìn gần mới biết té ra đó là ảnh của mình, chứ không phải chân dung Đốt. Thì ra, mình treo nhầm chỗ, do cận thị nên không nhận ra. Thế có chết người không chứ? Thảo nào, mấy cô đều quay lại nhìn mình với ánh mắt rất lạ, mà lúc đó mình không hiểu tại sao. Không nói

ra miệng, nhưng chắc chắn trong bụng các cô phải cho mình là một thằng cha kiêu căng đến ngu xuẩn!

Kể đến đó, nét mặt Tuấn càng rầu rĩ, ủ rũ hơn. Tôi không sao nhịn được cười, tôi ôm bụng mà cười, tôi cười lăn lộn, cười chảy nước mắt nước mũi!

- Thì đã sao! Thì đã sao!... - tôi nói, càng cười dữ hơn - Cậu cũng là một cụ Đốt thứ hai đấy chứ! Nga thì Đốt Tôi, Việt Nam thì Đốt Tuấn! Ha! Ha ha! Ha ha ha! Đó là một lầm lẫn vĩ đại!

Tuân nổi quạu, giận dữ nói:

- Cậu thì chuyện chi cũng tếu được!

Tôi cố nhịn cơn cười, đưa ống tay áo quạt nước mắt nước mũi, lấy giọng nghiêm túc nói:

- Theo mình, biết đâu chính sự lầm lẫn này là cái điều báo hiệu xuất hiện một tài năng lớn. Có lần cậu đã kể với mình, nhà thơ Nekrasov sau khi đọc tác phẩm đầu tay của Đốt, đã đội tuyết Petersburg đến nhà Belinsky lúc một giờ sáng, mà reo lên: "Tôi đến báo với anh một tin vui: Nước Nga xuất hiện một Gogol mới! Belinsky càu nhàu: các anh làm như Gogol là nắm không bằng. Quả nhiên, sau này Đốt còn vượt cả Gogol. Cũng có thể cậu rơi vào đúng trường hợp này. Mình biết cậu từ thuở 18, 19 tuổi. Mình không có cái tài tiên tri thấu thị của Nekrasov, nhưng mình có cái trực giác của người lính dãi dầu trận mạc. Mình đã tiên cảm trong tương lai, cậu sẽ là nhà văn làm sáng danh đất nước. Bởi vậy mà mình mới quyết định chơi trò "Nhân danh Tiểu đội trưởng".

Cung cách Tuấn Nguyễn trợ cấp tiền cho tôi hàng tháng mua sữa nuôi con, cũng rất... Tuấn Nguyễn. Mỗi lần đưa tiền cho tôi, Tuấn đều có vẻ ngượng nghịu, xấu hổ như anh đang làm một điều gì không phải với bạn. Tiền cậu ta bỏ sẵn trong phong bì dán kín - thứ phong bì vẫn dùng để viết thư trả lời các cộng tác viên của Đài. Tuấn dúm phong bì vào túi áo tôi, mắt tránh không nhìn tôi. Dúi xong, cậu ta nói lảng ngay sang chuyện khác, thường là lấy cớ phải đến ngay cơ quan có cuộc họp quan trọng gì đó. Vừa bước vội xuống cầu thang Tuấn vừa bắt tay tôi: "Hôm nào rồi đến chơi. Bữa nay mình có chút việc bận, không vắng mặt ở cơ quan được". Tôi biết Tuấn không muốn ngồi lại với tôi, khi số tiền cậu ta cho vẫn còn nằm cộm trong túi áo tôi. Con gái tôi uống sữa của chú Tuấn chu cấp cho đến lúc cháu bập bẹ biết nói. Rồi chú Tuấn gặp nạn cho đến lúc cháu học hết cấp I, mới được gặp lại chú.

Tuân Nguyễn là người vỡ lòng cho tôi về Dostoievsky, cũng như hơn mười năm trước đó đã vỡ lòng cho tôi về niêm luật Đường thi. Nhờ cậu ta mà từ những năm 1961, 1962, tôi được biết nội dung tóm tắt những tác phẩm quan trọng nhất của Đốt. Từ tác phẩm đầu tay Những người cùng khổ đến các tác phẩm viết sau khi bị lưu đày ở Tây Bá Lợi Á mười năm: Kỷ niệm ngôi nhà những người chết, Những người bị lãng nhục và bị xúc phạm, Tội ác và hình phạt, Con bạc, Thằng ngốc, Đầu xanh tuổi trẻ, Lũ người quỷ ám, Anh em nhà Karamazov... Những câu văn của Đốt Tuấn trích dẫn đã in khắc vào trí nhớ tôi cho mãi đến hôm nay: "Địa ngục nằm trong lòng những con người không còn biết yêu thương", "Liệu chúng ta có quyền xây dựng lâu đài hạnh phúc cho nhân loại trên một giọt nước mắt của trẻ con?". "Những con người đơn giản là những con người hết sức nguy hiểm", "Cái đẹp sẽ cứu chuộc nhân loại", v.v...

Về sau này, tôi được đọc khá nhiều những tác phẩm nghiên cứu về Đốt của các chuyên gia nổi tiếng, cả xã hội chủ nghĩa lẫn phương Tây, nhưng chưa một tác giả nào gây nên trong lòng tôi một ấn tượng kinh hoàng về thiên tài vô song, phong phú và phức tạp của Đốt, như Tuấn Nguyễn. Một lần tôi đến chơi, đúng vào chiều ngày mùng ba... Bước vào buồng, tôi thấy Tuấn đang tiếp ba cô gái, nữ sinh hay sinh viên gì đó. Cửa buồng mở rộng cả hai cánh, và ngọn đèn trên trần bật sáng chói. Tôi đứng khựng lại một chút ở ngưỡng cửa, liếc nhìn ba cô. Cô nào cũng đẹp ngời ngời. Tôi định chào xin lỗi bước ra, nhưng hai chân cứ như bị trói, không bước ra nổi. Tôi chưa bao giờ được nói chuyện với một, chứ đừng nói đến ba cô gái đẹp đến thế. Một ý nghĩ ganh tỵ chợt ập đến trong đầu: "Hắn với mình cùng lứa mà mình sao kém thế, còn hắn sao mà ngon thế!".

Tuân Nguyễn thì hình như chẳng chú ý gì đến sắc đẹp ba cô gái. Cậu ta mời ba cô ăn bánh, chuối, kẹo, và... rao giảng Đốt. Bao giờ "bập" vào Đốt - mà bập thường xuyên - gương mặt Tuấn cũng sáng lên một cách khác thường. Đó là gương mặt của những nhà truyền giáo lớn - tôi nghĩ. Cậu ta rao giảng Đốt như các nhà truyền giáo rao giảng Thánh Kinh. Có một khác biệt là Tuấn rao giảng Đốt, không cần quan tâm người nghe có nghe và có hiểu hay không. Tôi thường nói đùa: "Tuân Nguyễn đang nhập đồng Đốt". Chốc chốc Tuấn ngừng lời, đưa tay lên giá sách, không cần nhìn, mà rút rất trúng tác phẩm nào đó của Đốt mà cậu ta cần dẫn chứng. Cậu ta lật

lật rất nhanh những trang sách, đọc lên cái đoạn cần trích dẫn bằng tiếng Pháp rồi dịch miệng rất lưu loát. Để khỏi quấy rầy "cụ Đốt", tôi ngồi nép mình ở góc buồng, chốc chốc lại ngược mắt nhìn những cái miệng xinh đẹp như bông hồng hàm tiếu, những hàng răng trắng như ngọc trai nhỏ nhè cắn bánh, nhai kẹo... những cặp mắt long lanh như mắt trẻ nít chăm chú nhìn "cụ Đốt" nhập đồng...

Tôi thì hầu như chẳng nghe thấy gì. Đốt điếc với tôi lúc này trở thành vô nghĩa. Tôi chỉ thèm rợn rục được hôn lên một trong ba cái miệng hé hé mở có mùi thơm trái chín cây kia, chỉ một lần thôi, rồi nằm lẩn ra chết thẳng cẳng cũng đáng đời! "Các cô ăn chuối, ăn bánh đi...", Tuân đưa tay lịch sự mời, cốt để lấy hơi rao giảng tiếp. Cậu ta đang giới thiệu với ba cô chương Ngài Đại pháp quan trong Anh em nhà Karamazov mà theo cậu ta, là khúc giao hưởng văn xuôi sáng giá nhất trong nền văn xuôi cổ kim của nhân loại. Cậu ta đọc một mạch cuộc đối thoại dữ dằn và hài hước giữa ngài Đại pháp quan đại diện của quyền lực vô song của Giáo hội và Pháp đình tôn giáo ở Y Pha Nho thế kỷ 15, với Chúa Trời giáng thế lần thứ hai: "Ông đấy à?". Ông già Đại pháp quan gằn giọng hỏi. Chúa không trả lời. Ông ta nói tiếp: "Ông đừng nói gì mà lại hơn. Và chẳng ông biết nói gì bây giờ? Ông đã trao tất cả quyền năng cho Giáo hội chúng tôi. Chúng tôi đã mất 15 thế kỷ mới thiết lập được một trật tự như hiện nay, thiết lập nhân danh ông. Bởi vậy ông không có quyền xuất hiện lần thứ hai, và nói thêm bất cứ điều gì trước đây ông đã nói. Tại sao ông còn xuống đây gây rắc rối cho chúng tôi? Ông có biết ngày mai sẽ xảy ra chuyện gì không? Tôi chỉ cần chỉ vào mặt ông, lên án ông: Đây là một tên tà giáo! Và tôi chỉ cần phẩy tay ra hiệu, là đám quần chúng hôm qua cuồng nhiệt hôn dấu chân ông, sẽ trói nghiêng ông lại ném ông vào giàn hoả!..."

Gương mặt, giọng nói của Tuân sáng rực niềm cảm xúc do đoạn văn tác động. Nom cậu ta lúc này thật quyết liệt, thật dữ dội. Cậu ta im lặng trân trân nhìn ba cô gái, như muốn ba cô chia sẻ niềm cảm xúc lớn lao đang rần rần trong huyết quản mình... Một trong ba cô, cô xinh nhất, đã chia sẻ niềm cảm xúc của cậu ta. Cô ngừng cắn trái chuối tiêu trưng cuốc, hỏi:

- Anh đã đọc cuốn Nam tước Phôn Gôn Rinh chưa? Cũng chuyện của Liên Xô. Sách dày ba tập mà em chỉ đọc có một đêm!

Cô ngồi cạnh liền đặt miếng bánh xuống, góp:

- Theo mình thì tác phẩm Chiếc khuy đồng còn hay hơn. Đọc mà tim cứ giật thon thót!

Mặt Tuân Nguyễn tự nhiên nghếch ra. Miệng hơi hé mở mà không nói được, như bị cầm khẩu. Cậu ta đỏ bừng mặt, nhìn ba cô như những sinh vật kỳ dị lạc vào buồng mình. Tôi thì sướng tình cả người, nhảy vào chuyện luôn:

- Các cô đã đọc Chiến dịch Phụng Hoàng chưa? Sách vừa xuất bản, mới toanh. Nam tước Phôn Gôn Rinh và Chiếc khuy đồng còn phải gọi bằng cụ!

Cả ba cô lập tức quay sang tôi, như bất ngờ vớ được người cùng hội, cùng thuyền. Nét mặt ba cô vụt trở nên nhẹ nhõm, rạng rỡ như vừa trút được gánh nặng kinh người. Cả ba cô lúc này nom lại càng đẹp.

Cả ba cô tranh nhau thuật lại những chi tiết giật gân của mấy anh chàng tình báo vườn. Còn tôi thì tranh thủ bồi dưỡng cặp mắt mà hàng ngày không nhìn thấy gì khác ngoài mặt hồ rong rêu, tấm cá và khuôn mặt dữ dằn của mấy tay tuân hồ, chuyên rình rập tóm cổ bọn câu cá trộm chúng tôi. Tuân Nguyễn nổi quạu thật sự, đút Đốt vào giá sách, lẳng lặng ngồi vào bàn viết chú ý đầu xuống cuốn sách đọc dở. Chốc chốc cậu ta quay lại hết nhìn các cô lại nhìn tôi như nhìn mấy con ruồi con muỗi cứ vo ve bên tai. Tôi cứ tăng lời như không hay biết, cười nói hể hả góp chuyện với ba cô.

Tuân Nguyễn tiễn các cô về với vẻ lạnh nhạt cố ý. Còn tôi thì xằng xái theo các cô xuống hết các bậc cầu thang, tranh thủ ngắm các cô đằng sau. Eo, lưng, mông - lưng mềm như ngọn lửa - mông tròn như trứng chim - và những cặp đùi, nói theo kiểu trường ca Tây Nguyên - nếu gió thổi tung váy sẽ sáng chói như tia chớp!...

Lúc tôi trở lên, Tuân Nguyễn quạu cộ nói:

- Những chuyện bá láp như thế mà cậu cũng rồi hơi bàn luận!

Tôi cười trần:

- Cậu vẫn rao giảng cho mình điều rao giảng của Đốt: "Cái đẹp sẽ cứu chuộc nhân loại!". Theo mình thì chỉ với ba cô này thôi cũng đủ cứu chuộc cho cả nhân loại rồi!

Sau cái đận "cứu chuộc nhân loại" kể trên, có đến hơn nửa tháng tôi mới đến thăm Tuân. Cậu ta bước ra hành lang đón tôi, gương mặt hốc hác, phờ phạc, hai mắt thâm quầng. Tôi lo lắng hỏi:

- Cậu ốm hay làm sao thế?

Tuân vuốt mớ tóc rũ xuống trán, nói:

- Dostoevsky thì năm đêm trắng, mình thì mười đêm trắng cậu ạ!

- Nhưng đầu đuôi thế nào?

Tôi đăm đăm nhìn người chiến hữu cùng tiểu đội năm nào, tên một tác phẩm của Đốt chọt hiện ra trong đầu: "Những người bị quỷ ám". Tôi nghĩ cậu ta bị Đốt ám. Cái ma lực văn chương của thiên tài này thật kinh dị! Hai chúng tôi ngồi xuống mép giường còn buông màn, Tuân rầu rĩ kể:

- Thế này, mình gọi nhầm tên người và bị tát!... Mà là gọi nhầm tên người yêu mới chết chứ! Cách đây đúng mười hôm, mình mời cô ta đến chơi... Mình có ý định cầu hôn với cô ấy... Mình đang bối rối chưa biết mở đầu thế nào, thì nghe tiếng trẻ con reo hò dưới sân. Mình mới bước ra hành lang để nhìn xuống xem có chuyện gì. Mấy đứa trẻ trong khu tập thể đang vây quanh hai con gà trống xù lông, vượn cổ chọi nhau rất hăng. Mình vốn mê xem gà chọi từ nhỏ, thích quá liền ngoái đầu gọi cô ta cùng ra xem. Nhưng đáng lẽ gọi A ơi, ra xem hai con gà chọi nhau hay lắm! Mình lại nhịu ra thành B ơi. B. là tên một cô gái cũng có cảm tình với mình, cô A của mình cũng biết, hai cô này không ưa nhau... Thế là cô ta bước ngay ra, mắt nảy lửa, rít lên: "Anh là thằng đê! Anh đang ngồi với tôi, nhưng đầu óc anh vẫn nghĩ đến con B., nên anh mới gọi nhầm ra thế? Mình chưa kịp phân trần thì đã bị ngay một cái tát. Rồi cô ta ùng ùng bỏ về... Suốt mười đêm nay mình thức trắng vì chuyện đó...

- Nhưng cô ta tên là gì mà cậu gọi nhầm là gì? - tôi thắc mắc hỏi.

Tôi là đưa ham cười. Nghe những chuyện như thế là tôi không sao nhịn được cười. Nhưng tôi sợ Tuân giận nên cũng cố làm bộ mặt đưa đám để chia sẻ nỗi khổ tâm của bạn.

Tuân lắc đầu, phẩy tay:

- Cậu không cần đi vào chi tiết làm gì. Chỉ cần biết đáng lẽ gọi là A., thì mình gọi là B.

Chúng tôi ngồi với nhau khoảng tiếng đồng hồ, nói đủ chuyện linh tinh. Nhưng tôi không sao tập trung được tư tưởng. Tôi quá tò mò muốn biết tên của cô gái bị gọi nhầm tên. Chọn đúng vào lúc cậu ta bất ngờ nhất, tôi làm như vô tình buông một câu:

- Nếu cô ta tên An mà gọi nhầm thành Lan, thì cũng dễ thanh minh thôi! Người ta lỡ miệng là thường...

Tuân buột miệng:

- Không, cô ta tên Nguyệt, mà mình lại gọi là Huệ, thanh minh thế nào được!

Đến đây thì tôi không sao nín nhịn được nữa. Tôi cười đến nỗi phách ốm chặt lấy bụng sợ lỡ đứt ruột như Trình Giảo Kim ba búa. "Đúng!... Đúng", vừa nói tôi vừa nắc, "nhầm thế thì đến thánh cũng không thể thanh minh được! Nguyệt - Huệ! Hai vằn tréo trẹo hẳn nhau!".

Lâu lâu không thấy Tuân xuống Nghi Tàm chơi. Sợ cậu ta ốm đau gì chẳng, tôi tìm lên Tràng Tiền. Cậu ta đang cầm cúi trước bàn viết.

Tuân đặt bút, tiếp tôi.

- Mình bắt đầu viết cuốn tiểu thuyết mà mình vẫn nói chuyện với cậu... Mình hy vọng trong năm nay sẽ hoàn thành bản thảo lần thứ nhất... Thời tiết này mà đóng cửa buồng lại ngồi viết văn thì nhất. Nhưng khổ nỗi thời gian cứ bị cắt vụn vì những công việc của cơ quan...

Tôi buồn cười:

- Thời tiết này đối với dân câu chúng mình cũng nhất. Hồ Tây đêm đêm mờ mịt mưa xuân. Chúng mình đang hồi hộp đón vụ cá vật đẻ đầu tiên trong năm.

- Cậu bỏ văn rồi à? - Tuân bần khoản hỏi tôi.

- Không bỏ cũng coi như bỏ, tôi nói: viết mà không ai in thì viết làm gì?

Lần đó, tôi dùng năm đồng Tuân trợ cấp sữa cho cháu sắm thêm mấy bộ lưới câu chum, loại chuyên dùng để giật cá vật đẻ.

Tháng ba. Trời nồm ẩm ướt gần suốt cả tháng. Đường phố Hà Nội lép nhép bùn. Thềm nhà xi măng, đá hoa các nhà chảy nước. Dân trong Thành phố bực dọc nguyên rửa thời tiết. Dân câu ven Hồ Tây chúng tôi lại vui mừng hết chỗ nói. Hồ Tây cá trở mình suốt đêm. Cá cái như chép, diếc, thầu dầu... bụng căng trướng nôn nóng chờ mưa rào...

Ngày hôm đó, trời đổ mưa rào, trận mưa rào đầu tiên. Người ta gọi trận mưa rửa bùn. Dân câu chúng tôi gọi là trận mưa tiền. Đêm nay, sẽ bắt đầu từ lúc nửa đêm, cá từ giữa hồ sẽ lao thẳng vào bờ vật đẻ dưới các vùng bãi do chúng tôi chuẩn bị sẵn, trong các đám rong đuôi chó, cây niễng, cây sậy nước mọc gần bờ... Bọn cá vật đẻ từ nửa đêm cho đến rạng sáng chúng hoàn tất vụ sinh đẻ đầu tiên trong năm.

Khoảng bảy giờ tối, tôi đang dùng đá mài chuốt lại mấy bộ lưới câu. Tuấn Nguyễn đột ngột dắt xe bước vào. Cậu ta lấy trong túi xách ra một bao thuốc Điện Biên và một gói trà Thanh Hương:

- Cậu pha trà đi. Đêm nay mình sẽ tra tấn cậu đây Minh đọc cho cậu nghe hai chương đầu cuốn tiểu thuyết vừa chép sạch xong!

Tôi suýt buột miệng: "Hay cậu để đến đêm mai có được không?", nhưng kịp ghìm lại. Tôi cũng đã từng viết văn, tôi biết rõ cái tâm trạng háo hức, hồi hộp của người viết khi quyết định đọc những trang viết đầu tay cho bạn mình nghe. Đó là mối tình đầu của chàng trai mới lớn. Tôi không muốn bạn mình cụt hứng. Nhưng, tôi thầm nghĩ, tại sao hẳn lại chọn đúng cái đêm nay mà đọc văn cơ chứ? Với dân câu chúng tôi, mỗi năm chỉ có một vài đêm như đêm nay.

Tôi đang hy vọng sẽ kiếm được một yếm cá chép. Năm ngoái, cũng đúng vào thời điểm này tôi kiếm được hơn mười sáu cân cá, và một con rắn cạp nong lớn đi ăn trứng cá. Tôi bán tất mang tiền về cho vợ. Vợ tôi mừng ứa nước mắt. Với tôi, những đêm như đêm nay, mọi chuyện văn chương thơ phú chẳng có ý nghĩa gì hết so với một yếm cá chép!...

Tôi đành xếp dọn đồ nghề câu, nấu nước pha trà.

Tuân rút tập bản thảo, lật lật từng trang, bên ngọn đèn dầu tù mù, vẻ mặt căng thẳng.

- Tên tác phẩm: Một người mơ mộng. Nhân vật chính là Lê Tuấn. chương một dài hai mươi bốn trang... Chương hai dài hai mươi sáu trang... - Tuấn khẽ khàng giới thiệu.

Cậu ta háng giọng, đọc chậm rãi, rõ từng dấu chấm phẩy. Chốc chốc lại bỏ kính trắng xuống đăm đăm nhìn tôi ánh mắt dò hỏi: "Minh viết thế có được không?". Tôi làm bộ chăm chú nghe nhưng tâm trí để hết ngoài bờ hồ, chỉ cách cái túp của tôi một vườn quất của anh Cả Tụ, hàng xóm. Cá ngoài hồ trở mình mỗi lúc một căng. Chúng đang từ giữa hồ lao vào bờ. Những nàng chép cái, mỗi nàng nặng cỡ hai, ba ký, bụng chửa vượt mặt, dắt theo cả chục chàng chép đực rồn cương sẹ (tinh trùng của cá) - cá cái vật để phun trứng vào rế bèo, vào những lùm rong đuôi chó, vào gốc các bụi cây mềng, cây sậy mọc chìm dưới nước... Cá cái phun trứng đến đâu, cá đực xô nhau tưới sẹ lên trứng. Chúng hoàn toàn đắm mình trong cuộc giao hoan, không còn biết trời đất là gì. Chúng tôi chỉ việc thả lưới câu chùm xuống, nhắc ngang, nhắc dọc, kéo cổ chúng lên khỏi mặt nước. Để tranh thủ thời gian, giật được con nào, chúng tôi vớt luôn chúng xuống giữa các rãnh cây, nấn vùi lại bộ lưới câu chùm thả xuống giật tiếp. Ít có một giống vật nào say mê tình dục như bọn chép đực. Năm phơi mình trên mặt đất chờ chết, chúng vẫn giẫy đành đạch, tiếp tục phun sẹ đọng thành vũng trắng loang lổ màu sữa...

Nhưng chỉ một lát sau, những trang viết của Tuấn bắt đầu cuốn hút tôi, làm tôi quên phứt bọn cá vật đẻ, và cái sương run người khi nhắc cái cần câu nặng trĩu, ngọn cần cong chúi xuống nước vì bị một anh chép cỡ một, hai ký lôi kéo sợi dây câu, cổ sức vùng vẫy thoát khỏi những lười câu có ngạnh sắc như gươm báu, cắm ngập vào da thịt? Đồng thời với cái sương của bản năng giết chóc, sẵn sẵn nằm sẵn trong máu của con người có từ thời nguyên thủy, là cái sương ước lượng tức khắc số tiền mà các anh chàng, cô nàng sẽ mang lại sáng hôm sau, khi đặt các "chàng, nàng" lên bàn cân mấy bà buôn cá... Và tiếp đó là ánh mắt rạng rỡ của con gái được bố cho tiền ăn quà sáng, và nụ cười sắp- chết-đuối-vớ-được-cọc của vợ, lương tháng giáo viên đã tiêu đến đồng cuối cùng, và ngày mai đến kỳ đóng gạo số mà chưa biết vay ai... Tôi ngồi, hai cánh tay bó gối, nghe Tuấn đọc văn mỗi lúc một chăm chú hơn. Không hiểu sao tự nhiên tôi ứa nước mắt. Những trang văn thấm đượm chất thơ của Tuấn làm sống dậy trong tôi niềm mơ ước được trở thành nhà văn, mà cuộc sống nghiệt ngã đã chôn vùi từ lâu. Tuấn đã đọc xong hai chương đầu cuốn tiểu thuyết đậm màu sắc tự truyện, tôi vẫn ngồi bó gối không nhúc nhích. Tôi muốn nói một điều gì mà cổ tự nhiên nghẹn tắc. Từ đáy lòng tôi dâng lên một nỗi buồn kinh khiếp. Đó là nỗi buồn khi đọc một nhà văn đồng thời, và tự phát hiện mình không bao giờ viết nổi những trang viết như anh ta? Buồn vì tủi thân, và cả vì đổ ky...

Tôi đâm giận thân, giận đời... Tôi nghĩ: nếu hoàn cảnh không xô đẩy mình đến cảnh huống cùng quẫn như hiện nay, thì có lẽ mình cũng đã viết được một cái gì, có thể không bằng nhưng cũng suýt soát được như Một người mơ mộng. Hai mươi tuổi mình đã viết được Vượt Côn Đảo kia mà... Để khỏi phải nói ra với Tuấn những đau đớn, dằn vặt vọt nổi lên trong lòng như một cơn lốc Hồ Tây, tôi đứng lên, đi xuống bếp.

- Chắc cậu đói rồi - mình nấu nồi cháo cá đái cậu. Mình còn con chép hơn nửa ký đang rọng dưới cầu ao... - vừa nhóm bếp, tôi vừa nói vọng lên - Còn tiểu thuyết thì mình muốn nghe thêm vài chương nữa. Mình sẽ để hẳn một buổi để thảo luận với cậu!

Thế mà không ngờ đó là hai chương tiểu thuyết đầu tiên mà cũng là cuối cùng - tác phẩm mộng tưởng của cả đời Tuấn Nguyễn - mà tôi được nghe.

Cho đến tận khi ngồi viết những dòng này, tôi vẫn không nguôi hối tiếc tại sao hôm đó tôi không mượn và chép giữ lại hai chương tiểu thuyết đó?... Được vậy thì độc giả hôm nay, ngoài thơ ra có thể thưởng thức văn xuôi của Tuân Nguyễn. Và tôi tin rằng độc giả sẽ bị thuyết phục, vì văn xuôi của Tuân được tôi rèn kỹ lưỡng trong lò văn Dostoievsky. Nhưng, nói như người xưa, có ai học được chữ ngờ...

Ngày 21 tháng 10 năm 1964, Tuân Nguyễn bị bắt. Và sau đó là thời gian đi tù chín năm bảy tháng...

Tôi còn nhớ rõ được như vậy vì lúc Tuân bị bắt, con gái tôi, - được Tuân chu cấp sữa hàng tháng - mới chưa đầy hai tuổi. Lúc Tuân được thả về cháu đã học hết cấp một. Tội danh của Tuân và vì sao Tuân bị bắt, ngày đó tôi không được biết tường tận cho lắm: Tôi chỉ biết Tuân Nguyễn bị bắt vào buổi sáng, thì buổi chiều tôi lò dò đến 20 phố Tràng Tiền. Hôm đó tôi cạo tóc, định ghé vô ăn chực Tuân một suất cơm tập thể... Tôi đang loay hoay tìm chỗ dựng xe đạp trước cửa nhà ăn thì nhà thơ Trần Nguyên Vấn, cũng là dân Huế và làm cùng cơ quan với Tuân, từ bên trong nhà ăn sải bước chân ra, vẻ mặt thất sắc, hớt hải. Vấn đến sát bên tôi, ghé sát tai thì thào: Quán về ngay đi. Tuân Nguyễn vừa bị bắt sáng nay...

Tôi lây nổi khiếp hãi của Vấn, nháy phóc lên xe đạp phóng như điên về Nghi Tàm. Tôi chệch choạng dựa xe vào phen liếp, hai chân bồng bồng như bị đốn... Tôi nằm dài ra nền nhà, mặt úp xuống đất, khóc nức lên, một nỗi đau đớn không tên, quặn thắt trong tim tôi...

Tôi còn lưu giữ trong ký ức một chuyện khá tức cười về Tuân Nguyễn, trước khi chúng tôi gặp lại nhau, sau gần mười năm... Một buổi chiều thu Tây Hồ trời se lạnh...

Đó là mùa cá diếc bằng giun đở. Thôn Nghi Tàm vàng một màu hoa cúc. Tuân đạp xe về Nghi Tàm thăm tôi.

Tôi hỏi:

- Có mang theo chương mới nào của Một người mơ mộng không đấy?

Tuân lắc đầu:

- Mình tạm gác tiểu thuyết lại để dịch một truyện vừa tuyệt hay của Solzhenitsyn mới đăng trên Les Nouvelles de Moscou.

Tuân Nguyễn tóm tắt cho tôi nghe Solzhenitsyn là ai. Tôi dắt Tuân đi loanh quanh trong xóm xem hoa.

Lúc sắp ra về, Tuân chợt hỏi tôi, giọng hơi ngập ngừng:

- Cậu có đồng tiền vàng không, cho mình một đồng...

Tôi ngạc nhiên:

- Đồng tiền vàng? Cậu làm như mình là tay sưu tập tiền cổ không bằng?

Tuân đỏ mặt:

- Không phải. Nó là... cái ấy ấy mà...

Tôi chợt hiểu ra, bật cười. Cái ấy, là cái bao cao su của Tiệp Khắc sản xuất. Mỗi cái được đựng trong cái hộp nhỏ, tròn và dẹt, in hình đồng tiền vàng cổ trên giấy kim. Ngày đó, "đồng tiền vàng" là loại hàng cung cấp đặc biệt. Muốn mua nó phải có giấy của Công đoàn cơ quan, hoặc của chi hội phụ nữ sở tại chứng nhận: người mua đã có vợ, mua để dùng cho sự sinh đẻ có kế hoạch. Nơi bán là các cửa hàng dược phẩm quốc doanh. Số lượng mua cũng rất hạn chế, để tránh nạn đầu cơ tích trữ. Trẻ con thỉnh thoảng nhặt được một hai chiếc của người lớn dùng rồi vứt đi, thì lấy làm thích thú lắm. Chúng thổi to lên, làm bong bóng bay...

Tôi hỏi Tuân:

- Nhưng cậu cần "đồng tiền vàng" làm gì? Chắc có đối tượng nào cậu định tòm tem hẳn?

Tuân càng đỏ mặt tợn:

- Ở cơ quan mình nghe tụi nó thì thảo hỏi xin nhau đồng tiền vàng... Mình không biết hình thù nó thế nào, muốn xem cho biết. Để miêu tả khi cần đến, trong văn xuôi chẳng hạn...

Tôi nói:

Rất tiếc, mình lại không có... Mình có thuộc biên chế cơ quan nào đâu mà được công đoàn giới thiệu cho mua?

- Thế trong chuyện sinh hoạt vợ chồng cậu giải quyết thế nào?

- Thú thật với cậu, tôi nói, tính mình vốn không ưa "khoa học kỹ thuật" can thiệp vào chuyện tế nhị đó. Thứ nữa, mình là loại "đêm bảy ngày ba, vô ra không kể", đồng tiền vàng đâu mà xài cho xuê? Nhưng mình biết ở cơ quan cậu có thằng H. lúc nào trong túi cũng có "đồng tiền vàng". Cậu cứ hỏi xin hẳn, thế nào cũng có.

Một sự rủi ro đầy tính chất bi hài mà hình như số phận đặc biệt dành cho loại người như Tuấn Nguyễn.

Sáng ngày 21 tháng 10 năm 1964, trước giờ làm việc Tuấn Nguyễn gặp H. ở cổng cơ quan. Tuấn rất ngạc nhiên, H. vốn là tay "đại nghệ sĩ" thường xuyên đi mượn về sớm, thường xuyên bị thủ trường phê bình, sao bữa nay lại chăm chỉ thế không biết? Có lẽ hôm nay trời đi vắng!

Về sau này, mỗi lần hồi tưởng lại sự việc ngày hôm đó, Tuấn không sao quên được chi tiết này. Tuấn kết luận: cuộc đời mỗi người là một kịch bản phim truyện đã được số phận đạo diễn phân cảnh. H. phải xuất hiện đúng lúc đó để tăng thêm chất bi hài của truyện phim.

Sau một phút ấp úng, Tuấn hỏi xin H. một "đồng tiền vàng":

- Sao cậu biết là tờ có sẵn của "gia bảo" ấy? - H. cười hỏi.

- Phùng Quán nó bảo thế.

H. không thôi cười, nói:

- Thằng ấy tờ cứ tưởng chỉ nắm vững lý lịch tụi cá mú Hồ Tây, không ngờ với bạn hữu hần cũng nắm vững gớm... Hôm nào gặp hần, cậu nhấn hộ chịu khó lên tờ chơi, tờ sẽ tặng một cái áo bông của bộ đội biên phòng, tha hồ chống chơi với sương gió Hồ Tây.

H. rút cái ví ở túi quần sau, mở ra lấy một "đồng tiền vàng" mới toe đưa cho Tuấn:

- Trước khi dùng cậu nhớ K.T (1) cẩn thận, H. dặn, không lỡ nó thủng thì bỏ mẹ.

Tuấn đỏ mặt nói:

- Mình chỉ muốn xem cho biết thôi...

H. nói:

- Ba mươi tuổi đầu mà chưa biết mặt mũi "đồng tiền vàng" như thế nào thì cậu là thằng hâm. Thời buổi này, Roméo Juliette nếu không ở trong biên chế, không có công đoàn cơ sở giới thiệu, thì cũng phải lùng mua "đồng tiền vàng" theo giá chợ đen!... Cậu phải bơn bốt sách vở, thêm chất sống sít của cuộc đời thường vào mới hy vọng với tay đến Đốt được!

Tuấn dứt vội đồng tiền vàng vào túi áo, cài cúc cẩn thận, định bụng đợi đến tối, đóng chặt cửa buồng lại mới mở ra xem mặt mũi nó... Không ngờ...

Sau lệnh bắt, người ta yêu cầu Tuấn bỏ hết đồ đạc mang theo trong người, kể cả kính cận để lập biên bản. Về sau này, Tuấn kể lại cho tôi nghe giây phút nhớ đời đó:

- Như cái máy, mình móc hết túi áo túi quần, bỏ đồ đạc lên mặt bàn. Nhưng khi bỏ cái "đồng tiền vàng" lên mặt bàn, mình bỗng tỉnh trí lại. Chính nỗi hổ thẹn đã làm cho mình tỉnh trí...

(...)

Tuấn Nguyễn vốn tinh tế. Cậu ta cảm thấy nhục nhã ghê gớm. Cậu ta mấp môi định thanh minh, nhưng kìm lại được.

" Một chi tiết khó tin trong tác phẩm Kỷ niệm ngôi nhà những người chết của Dostoevsky vụt hiện ra trong ký ức mình. Có một người tử tù sắp sửa phải thụ hình. Y bị trói vào cọc hành hình, cổ vươn ra chuẩn bị đón lưỡi dao bén ngọt của đao phủ. Y chột ngoảnh lại, run rẩy nói với đao phủ: Trên gáy tôi có cái nốt đang mừng mủ. Ông làm ơn đừng chém vào cái chỗ cái nốt!".

Rất nhiều năm sau, Tuấn kể lại với tôi chuyện này, rồi trầm ngâm:

- Rất đúng với hoàn cảnh mình lúc đó. Sắp sửa phải đi tù chưa biết bao nhiêu năm, thế mà mình lại không cảm thấy đau khổ bằng sự việc trong túi có "đồng tiền vàng"... Và cũng nhờ sự kiện "đồng tiền vàng" mà mình có dịp kiểm chứng thêm tài năng vô song của Dostoevsky. Chỉ với một chi tiết cái nốt đang mừng mủ trên gáy người tử tù, Dostoevsky đã soi rọi cho chúng ta thấy vực thẳm vô tận, đầy bí ẩn và kỳ dị trong tâm thức con người...

Một buổi vào giữa trưa, tôi đang ngồi đtm bếp, thì cửa liếp xích mở. Tôi ngẩng lên, ngồi lặng đi một lúc khá lâu. Tôi bật gọi, cổ nghẹn tắc:

- Trời... Tuấn!

Phải, người đang đứng trước mặt tôi là Tuấn Nguyễn. Da mặt vàng úa và hơi phù nề. Cặp kính cận vành đồng rỉ xanh và hai gọng được thay bằng hai vòng dây gai xe. Cái miệng vẫn rộng nhưng không còn tươi nữa. Cặp môi nhợt nhạt vì thiếu máu. Như bưng tỉnh, tôi loạng choạng đứng dậy. Và hai chúng tôi ôm chặt lấy nhau lúc nào không biết. Phút chốc hai gương mặt dãi dầu, bầm dập khổ nạn trần gian, đầm lệ. Tôi thì thậm qua nước mắt:

- Thế mà đã gần mười năm rồi... Mười năm tốt đẹp nhất của một đời người...

Tuấn cười buồn:

- Chắc cậu không tin mình còn có ngày trở về?

- Cậu gầy yếu quá... Người của sách vở, của mộng mơ... Cậu đâu được chuẩn bị để nhận một đòn chí mạng như vậy...

Tuần ngồi xuống cạnh bếp lửa, hơ hơ hai bàn tay gầy guộc, nói:

- Sức thích nghi vô tận cũng là một điều bí ẩn của con người, cậu ạ.

Tôi thổi cơm, rán cá, nấu canh chua. Hai đĩa ngồi ăn ngay bên bếp.

- Nghĩ cho cùng, không có cái rủi nào lại không chứa sẵn ít nhiều cái may. - Tuần nói - Có lẽ nhờ vậy mà con người mới có thể tồn tại trong những hoàn cảnh nghiệt ngã nhất.

- Cậu thử nói cái may cậu tìm thấy trong mười năm qua xem nào - tôi hỏi.

Trước hết, mình có dịp suy gẫm thêm về cuốn tiểu thuyết mình định viết, vì đã viết được hai chương đầu như cậu biết. Thực tế mười năm đã chỉ cho mình thấy nội dung cuốn tiểu thuyết của mình quá hiền lành, quá nông cạn. Theo mình, nếu không có mười năm lưu đày ở Siber, tài năng của Dostoevsky không đạt đến độ viên mãn như vậy. Mình tin, nếu viết lại, cuốn tiểu thuyết của mình sẽ hay hơn, sâu sắc hơn rất nhiều. Nó sẽ là Kỷ niệm ngôi nhà những người chết của mình. Hai nữa, nhờ mười năm qua mình đã tự học được tiếng Nga. Bây giờ mình có thể đọc được Dostoevsky từ nguyên bản. Nhưng điều may mắn này mới là quan trọng hơn cả: trong mười năm qua, mình đã sống giữa những con người vô cùng phong phú và phức tạp, chất liệu sống vàng ròng cho các nhà văn. Mình chỉ đơn cử với cậu một người...

"... Anh ta vào trại trước mình khá lâu, bị trừng phạt vì tội gì, mình không rõ. Người thì bảo anh ta phạm tội hình sự, người lại bảo mắc tội chính trị. Nhưng cả hai tội mình đều thấy khó tin. Anh ta không có dáng dấp của kẻ cướp bóc, sát nhân, và cũng không có phong độ của người làm chính trị. Bộ dạng anh ta ngu ngơ, dở dại dở khùng. Mình có cảm giác anh ta là một khúc củi rêu, do một trận lũ cuốn từ một xó rừng nào về, trôi ngang qua trại, bị vướng vào hàng rào của trại rồi mắc kẹt luôn ở đó. Nhìn anh ta, rất khó đoán tuổi, có thể ba mươi, mà cũng có thể năm mươi. Gương mặt anh ta gầy choắt, rúm ró, tàn tạ, như một cái bị cói rách, lẩn lóc ở các đồng rác. Người anh ta cao lóng không, tay chân trắng đuồn đuồn, đen cháy, chỉ toàn da, gân với xương. Trên người, từ thời một mớ giẻ rách thay cho quần áo. Lúc đầu mình cứ tưởng anh ta bị câm vì suốt ngày ít khi thấy anh ta mở miệng dù là chỉ để nhếch mép cười. Thật ra anh ta chỉ là người quá ít lời. Gặp ai trong trại, cả cán bộ quản giáo lẫn phạm nhân, anh ta đều cúi chào cung kính, nhưng không chuyện trò với bất cứ ai. Nhưng không hiểu sao, ở con người anh ta có một cái gì đó làm mình đặc biệt chú ý, cứ muốn làm quen... Nhiều lần mình định bắt chuyện, nhưng anh ta nhìn mình với ánh mắt rất lạ, rồi lảng tránh sau khi đã cúi chào cung kính. Hầu như tất cả các trại viên, kể cả những tay hung dữ nhất, cũng đều thương anh ta. Những trại viên được gia đình tiếp tế người để dành cho anh ta viên kẹo, miếng bánh, người cho điều thuốc. Ở trại, anh ta có một đặc quyền không ai tranh được, và cũng không ai muốn tranh. Đó là khâu liệm tù chết. Mỗi lần có tù chết, giám thị trại đều cho gọi "thằng khùng (tên họ đặt cho anh ta) và giao cho việc khâu liệm. Với bất cứ trại viên chết nào, kể cả những trại viên đã từng đánh đập anh ta, anh ta đều khâu liệm chu đáo giống nhau. Anh ta nấu nước lá rừng, tắm rửa cho người chết, kỳ cọ ghệt trên cái cơ thể lạnh ngắt cứng queo, với hai bàn tay của người mẹ tắm rửa cho đứa con nhỏ. Lúc tắm rửa, kỳ cọ, miệng anh ta cứ mấp máy nói cái gì đó không ai nghe rõ. Anh ta rút trong túi áo một mẫu lược gầy, chải tóc cho người chết, nếu người chết có tóc. Anh ta chọn bộ áo quần lạnh lặn nhất của người tù, mặc vào rồi nhẹ nhàng nâng xác đặt vào áo quan được đóng bằng gỗ tạp sơ sài. Anh ta cuộn những bộ áo quần khác thành cái gói vuông vắn, đặt làm gói cho người chết. Nếu người tù không có áo xống gì, anh ta đẽo gọt một khúc cây làm gói. Khi đã hoàn tất những việc trên, anh ta quỳ xuống bên áo quan, cúi hôn lên trán người tù chết, và bật khóc. Anh ta khóc đau đớn và thống thiết đến nỗi mọi người đều có cảm giác người nằm trong áo quan là anh em máu mủ ruột thịt của anh ta. Với bất cứ người tù nào anh ta cũng khóc như vậy. Một lần giám thị trại gọi anh ta lên:

- Thằng tù chết ấy là cái gì với mày mà mày khóc như cha chết vậy?

Anh ta chấp tay khúm núm thưa:

- Thưa cán bộ, tôi khóc vờ ấy mà. Người chết mà không có tiếng khóc tổng tiền thì vong hồn cứ lẩn quẩn trong trại. Có thể nó tìm cách làm hại cán bộ. Lúc hấn còn sống, cán bộ có thể trừng trị hấn, nhưng đây là vong hồn hấn, cán bộ muốn xích cổ, cũng không xích được.

Thằng khùng nói có lý. Giám thị trại mặc, cho nó muốn khóc bao nhiêu thì khóc. Nhưng mình không tin là anh ta khóc vờ. Lúc khóc, cả gương mặt vàng úa, nhăn nhúm của anh ta chan hòa nước mắt. Cả thân hình gầy guộc của anh ta run rẩy. Mình có cảm giác cả cái mớ giẻ rách khoác

trên người anh ta cũng khóc... Trong tiếng khóc và nước mắt của anh ta chan chứa một niềm thương xót khôn tả. Nghe anh ta khóc, cả những trại viên khét tiếng lý lợm, chai sạn, "đầu chày, đít thốt, mặt bù loong" cũng phải rơm rớm nước. Chỉ có nỗi đau đớn chân thật mới có khả năng xuyên thẳng vào trái tim người. Mình thường nghĩ ngợi rất nhiều về anh ta. Con người này là ai vậy? Một thằng khùng hay người có mối từ tâm lớn lao của bậc đại hiền?... Thế rồi, một lần, mình và anh ta cùng đi lừa trâu xuống con sông gần trại cho đầm nước. Trời nóng như dội lửa. Bãi sông đầy cát và sỏi bị nóng rang bỏng như than đỏ. Trên bãi sông mọc độc một cây mùng già gốc sần sùi tán lá xác xơ trải một mảng bóng râm bằng chiếc chiếu cá nhân xuống cát và sỏi. Người lính gác ngồi trên bờ sông dốc đứng, ôm súng trú nắng dưới một lùm cây. Anh ta và mình phải ngồi trú nắng dưới gốc cây mùng già, canh đàn trâu ngụp lặn dưới sông. Vì mảng bóng râm quá hẹp nên hai người gần sát lưng nhau. Anh ta bỗng lên tiếng trước, hỏi mà đầu không quay lại:

- Anh Tuấn này - không rõ anh ta biết tên mình lúc nào - sống ở đây anh thèm cái gì nhất?
- Thèm được đọc sách - mình buột miệng trả lời, và chợt nghĩ, có lẽ anh ta chưa thấy một cuốn sách bao giờ, có thể anh ta cũng không biết đọc biết viết cũng nên.
- Nếu bây giờ có sách thì anh thích đọc ai? - anh ta hỏi.

- Voltaire! - một lần nữa mình lại buột miệng. Và lại nghĩ: Nói với anh ta về Voltaire thì cũng chẳng khác gì nói với gốc cây mùng già mà mình đang ngồi dựa lưng. Nhưng nhu cầu được chuyện trò bộc bạch với con người nó cũng lớn như nhu cầu được ăn, được uống... Nhiều lúc chẳng cần biết có ai nghe mình, hiểu mình hay không. Đó chính là tâm trạng của anh công chức nết rượu Marmeladov bất chợt nói to lên những điều tủi hổ nung nấu trong lòng với những người vớ vẩn trong một quán rượu tồi tàn, mà Dostoievsky miêu tả trong Tội ác và trừng phạt. Anh ta ngồi bó gối, mắt không rời mặt sông loá nắng, hỏi lại:

- Trong các tác phẩm của Voltaire, anh thích nhất tác phẩm nào?

Mình sững sốt nhìn anh ta, và tự nhiên trong đầu nảy ra một ý nghĩ kỳ lạ: một người nào khác đã ngồi thay vào chỗ anh ta... Mình lại liên tưởng đến một cậu làm việc cùng phòng hồi còn ở Đài phát thanh, tốt nghiệp đại học hẳn hoi, đọc tên nhạc sĩ Chopin (Sôpanh) là Cho Pin.

Mình trả lời anh ta:

- Tôi thích nhất là Candide.

- Anh có thích đọc Candide ngay bây giờ không?

Không đợi mình trả lời, anh ta nói tiếp:

- Không phải đọc mà nghe... Tôi sẽ đọc cho anh nghe ngay bây giờ.

Rồi anh ta cất giọng đều đều đọc nguyên bản Candide. Anh đọc chậm rãi, phát âm chuẩn và hay như mấy cha cố người Pháp, thầy dạy mình ở trường Providence. Mình trân trân nhìn cái miệng rúm rỏ, răng vàng khè đầy bựa của anh ta như nhìn phép lạ. Còn anh ta, mắt vẫn không rời dòng sông loá nắng, tưởng chừng như anh ta đang đọc thiên truyện Candide nguyên bản được chép lên mặt sông...

Anh đọc đến câu cuối cùng thì keng ở trại cũng vang lên từng hồi, báo đến giờ lừa trâu về trại.

Người lính gác trên bờ cao nói vọng xuống: "Hai đứa xuống lừa trâu, nhanh lên!".

- Chúng mình lừa trâu lên bờ đi! - anh nói.

Lội ra đến giữa sông, mình hỏi anh ta:

- Anh là ai vậy?

Anh ta cỡi lên lưng một con trâu, vừa vung roi xua những con trâu khác, trả lời:

- Tôi là cái thanh ngang trên cây thập tự đóng đinh Chúa.

Rồi anh ta tiếp:

- Đừng nói với bất cứ ai chuyện vừa rồi...

Giáp mặt người hnh canh, bộ mặt anh ta thay đổi hẳn - ngu ngơ, đần độn như thường ngày.

Cuối mùa đông năm đó, anh ta ngã bệnh. Nghe các trại viên kháo nhau mình mới biết.

Thằng chuyên gia khâm liệm e đi tong. Thế là nếu bọn mình nghèo, sẽ không còn được khâm liệm tử tế và chẳng có ai khóc tống tiễn vong hồn... - những người tù nói, giọng buồn.

Mình gặp giám thị trại, xin được thăm anh ta.

Giám thị hỏi:

- Trước kia anh có quen biết gì thằng này không?

Mình nói:

- Thừa cán bộ, không. Chúng tôi hay đi lừa trâu với nhau nên quen nhau thôi.

Giám thị đồng ý cho mình đến thăm, có lính đi kèm. Anh ta nằm cách ly trong gian lán dành cho người ốm nặng. Anh ta nằm như dán người xuống sạp nằm, hai hốc mắt sâu trũng, nhắm nghiền, chốc chốc lại lên cơn co giật...

Mình cúi xuống sát người anh ta, gọi hai ba lần, anh ta mới mở mắt, chăm chăm nhìn mình. Trên khoé môi rúm ró như thoáng một nét cười. Nước mắt mình tự nhiên trào ra rơi lã chã xuống mặt anh ta. Anh ta thè lưỡi liếm mấy giọt nước mắt rớt trũng vành môi. Anh ta thều thào nói:

- Tuân ở lại, mình đi đây... Đưa bàn tay đây cho mình...

Anh ta nắm chặt bàn tay mình hồi lâu. Một tay anh ta rờ rảm mở giẻ rách khoác trên người, lấy ra một viên than củi, được mài tròn nhẵn như viên phấn viết. Với một sức cố gắng phi thường, anh ta dùng viên than viết vào lòng bàn tay mình một chữ nho. Chữ NHẼN.

Viết xong, anh ta hoàn toàn kiệt sức, đánh rớt viên than, và lên cơn co giật.

Người lính canh dẫn mình lên giám thị trại với bàn tay có viết chữ Nhẻn ngửa ra. Người lính canh ngờ rằng đó là một ám hiệu.

Giám thị hỏi:

- Cái hình nguệch ngoạc này có ý nghĩa gì? Anh mà không thành khẩn khai báo, tôi tống cổ anh ngay lập tức vào biệt giam.

Mình nói:

- Thừa cán bộ, thật tình tôi không rõ. Anh ta chỉ nói: tôi vẽ tặng cậu một đạo bùa để xua đuổi bệnh tật và tà khí.

Nghe ra cũng có lý, giám thị trại tha cho mình về lán...

Kể đến đó, Tuân Nguyễn chợt mở lòng bàn tay phải, nhìn đăm đăm như muốn tìm lại dấu vết chữ Nhẻn, rồi lắc lắc đầu, nói như chl cốt cho mình nghe:

- Ngay cả trong tác phẩm Kỷ niệm ngôi nhà những người chết, cũng không có được một nhân vật như vậy.

Tuân Nguyễn cho tôi biết về Hà Nội đã được gần một tháng.

Tôi nói:

- Thế mà đến hôm nay cậu mới gặp mình. Tệ quá!

- Vừa đặt chân xuống Hà Nội, mình đã nghĩ về với cậu - Tuân nói - Nhưng nghĩ lại thấy chưa nên. Cậu đang gặp khó khăn, mình lại về tụ bạ với cậu, sẽ không hay cho cả hai... Tiện đường, mình ghé vào nhà vợ chồng Tạ Vũ. Vừa trông thấy mình cả hai đều khóc. Vợ Tạ Vũ nói: "Anh cứ ở lại đây, chúng ta rau cháo nuôi nhau". Nhưng có lẽ mình phải tìm một chỗ ở khác. Cuộc sống của vợ chồng Tạ Vũ cũng quẩn quá. Hai vợ chồng, ba đứa con chui rúc trong cái túp chỉ hơn chục mét vuông, và gần như sống trên một đồng giẻ rách...

Sắp đứng lên ra về, Tuân Nguyễn như chợt nhớ điều gì.

- Ở này, cậu có "đồng tiền vàng" nào không?

Tôi ngạc nhiên:

- Đồng tiền vàng nào?

- Thì... "đồng tiền vàng" ấy mà... Cuối cùng, đến hôm nay mình vẫn chưa được biết mặt mũi nó thế nào...

Tôi bật cười mà hai mắt cay lẹ. Tôi ôm lấy đôi vai lục cục những xương của bạn nói:

- Chán quá, mình không có... Một ước muốn nhỏ nhoi như vậy mà mười năm không thực hiện được thì kể ra cũng... vui thật. Cuộc đời vui quá, không buồn được. - tôi ngâm to câu thơ của chính cậu ta làm - Nhưng mình nhất định sẽ lòng cho cậu hẳn một chục đồng tiền vàng, xem thoải mái!

- Lần này không phải chỉ để xem, - Tuân nói - mà mình sẽ dùng. Được hẳn một chục đồng thì còn gì bằng! Mình lại sắp lấy vợ...

- Lấy vợ? Mới một tháng trở về với cõi tục mà cậu đã tìm được vợ thì tài thật! Không phải cái cô mà cậu gọi nhầm tên ấy chứ?

- Người mình định lấy chắc cậu cũng biết.

- Ai thế?

- Phương Thủy, con cụ Hoài Chân, một trong hai tác giả cuốn Thi nhân Việt Nam.

- Phương Thủy thì mình biết quá, làm thơ, dạy đàn tam thập lục ở nhạc viện Hà Nội. Nhưng chồng cô ta là một tiến sĩ vật lý danh tiếng kia mà.

- Phương Thủy vừa làm xong thủ tục ly dị...

- Bỏ một tiến sĩ vật lý danh tiếng để lấy một anh tù vừa được tha sau mười năm...! - tôi cười to - Ngay cả thiên tài như Đốt cũng không nghĩ ra được một tình huống các cơ đến như vậy?

Tuân Nguyễn và Phương Thúy lấy nhau sau đó một tháng, Thúy đem tất cả số tiền dành dụm được rồi bạn hữu gom góp thêm, mua một gian buồng sáu mét vuông gần ga Hàng Cỏ. Bạn hữu xúm lại xây "tổ ấm" cho cặp vợ chồng muộn màng. Người góp nôi, người góp xoong, bếp dầu, chén bát, bàn viết, ghế ngồi, giá sách, giường... bằng gỗ tạp. Hoạ sĩ Chu Hoạch góp một bức chân dung Đốt, treo trước bàn viết. Tôi và hoạ sĩ Huy Quang chở từ Nghi Tàm lên mấy cây tre, đóng một cái chạn để bát đĩa xoong nôi... Gian buồng tuy hẹp nhưng xem chừng cũng tươm. Ngày còn ở trại, Tuân Nguyễn học thêm được nghề đánh véc-ni. Tuân cùng một người bạn, một nhà thơ cũng thất cơ lỡ vận, tên là Lương Vĩnh, đi đánh véc-ni thuê. Nghề đánh véc-ni cũng kiếm được ngày hai bữa gạo. Tuân nói với tôi:

- Chỉ sợ một nôi làm nghề này lâu, nó nhiễm vào văn chương thì bỏ mẹ.

Tuân lại bắt tay vào ghi chép và chuẩn bị làm lại cuốn tiểu thuyết dở dang. Nhưng cậu ta không còn có cái háo hức, say mê như mười năm trước đây. Nhiều lúc tôi đến thăm, bắt gặp Tuân nằm thừ trên giường, mắt lơ đãng nhìn lên trần nhà, mặt buồn rười rượi. Trên bàn viết, tập giấy trắng, cuốn sổ tay nằm chổng chơ với quần bút...

Một hôm, chỉ có hai đứa với nhau, tôi hỏi:

- Cậu có hạnh phúc không?

Tuân một tay chống má, ánh mắt lơ đãng, khẽ lắc đầu trả lời giọng xa vắng:

- Mình đang định nghĩa lại hạnh phúc... Mình như người ngủ và đang mơ một giấc mơ quá đẹp, bỗng có người dựng cổ mình dậy một cách thô bạo... Cho đến lúc này mình vẫn bàng hoàng chưa tỉnh hẳn. Điều cảm nhận đầu tiên sau khi bị lôi ra khỏi giấc mơ là trong người mình có cái gì đó rạn vỡ, gãy nát, giống như một thứ đồ chơi trẻ con ruột bị gãy mất bánh xe, đứt mất dây cót... Hình dáng bên ngoài vẫn còn đấy nhưng không cử động được nữa...

(...)

"Ở hiền gặp lành". Đạo lý này tôi được dạy dỗ từ thuở ấu thơ. Nhưng khi nhận được tin Tuân Nguyễn chết vì tai nạn giao thông, niềm tin vào đạo lý này lung lay trong tôi. Tôi đau đớn tự hỏi: "Người bạn thân thiết của tôi sống hiền đến như vậy, tại sao chỉ gặp toàn điều dữ?"

Sau ngày đất nước thống nhất được ít lâu, một người học trò cũ của Tuân từ Sài Gòn ra Hà Nội, tìm gặp thầy và nói: "Thưa thầy, hiện nay em là Hiệu trưởng một trường vừa học vừa làm. Nếu thầy chuyển vào Sài Gòn, em xin hứa sẽ bố trí thầy vào làm việc ở trường, đưa thầy vào biên chế. Như vậy thầy sẽ có lương tháng đều đặn, và có một chỗ ở tử tế trong khu tập thể của cán bộ trường. Em tin rằng chỉ mất một thời gian ngắn, cuộc sống của thầy sẽ đi vào ổn định, và thầy có thì giờ để thực hiện tác phẩm mà suốt đời thầy mơ ước".

Vợ chồng Tuân Nguyễn nghe theo lời khuyên của bạn hữu, quyết định vào cư trú ở Sài Gòn. Tuân để lại gian buồng cho người chủ cũ, cũng với giá bán 600 đồng; mặc dầu lúc này giá nhà đang lên, có thể bán lại cho người khác từ 800 đến 1.000 đồng. Tuân nói:

- Mình mua của người ta sáu trăm, mình có quyền gì được bán lại một nghìn?

Chúng tôi đành cười trước lý lẽ gàn dở của cậu ta. Tôi nói:

- Cậu là người của thời Nghiêu Thuấn còn sót lại trên thế gian này.

Trước hôm vợ chồng Tuân lên tàu liên vận vào Nam, chúng tôi dọn sạch gian buồng để trả lại cho chủ cũ, và tổ chức một buổi liên hoan tiễn đưa. Bạn hữu đến dự ngồi chật kín gian buồng. Người nào cũng mang theo quà bánh, áo quần, tiền, thơ, tranh... tặng hai vợ chồng làm vốn dặt lạng. Tiệc chia tay chỉ có mấy chai rượu trắng, một ít lạc rang.

Tôi nhớ, hôm đó tôi mang tất cả số tiền bán cá định đưa về cho vợ, biểu vợ chồng Tuân. Đâu chỉ có hơn chục đồng, toàn tiền lẻ nhàu nát và tanh sực mùi cá. Tuân hỏi:

- Cậu không có thơ tặng mình à? Bây giờ mình lại thấy yêu những bài thơ tràng giang đại hải, sặc mùi lính tráng của cậu.

Tôi cười:

- Bạn hữu hôm nay đã làm thơ về cậu quá hay. Nói như kiểu Lý Bạch hôm định đến đề thơ ở Hoàng Hạc lâu: "Trước mặt có Tuân Nguyễn, nhưng vì thơ của bạn hữu đã xếp đầy nhà, nên không thể nói nên lời". Sau khi uống cạn ba chén đầy, niềm cảm hứng thơ chợt òa đến trong tôi.

Tôi nói:

- Tôi không làm nổi thơ để tặng hai vợ chồng cậu, nhưng chợt nghĩ được mấy vần nôm na, tặng gian buồng khốn khó này.

Có nơi nào trên trái đất này
Mật độ nhà thơ như ở đây ~
Ba thước vuông sáu nhà thơ ngồi
Hai phải đứng vì không đủ chỗ...
Có nơi nào trên trái đất này
Mật độ cô đơn như ở đây ~
Một đám trẻ bơ vơ không nhà cửa
Sống bằng thơ đau với rượu cay...
Có nơi nào trên trái đất này
Mật độ yêu thương như ở đây?
Mỗi tác đất có một người quỳ gối
Dâng trái tim và nước mắt
Cho nỗi đau của cả loài người..:
Có nơi nào trên trái đất này?
Có nơi nào trên trái đất này?
Có nơi nào trên trái đất này?

Một buổi chiều cuối tháng ba âm lịch 1981, một buổi chiều định mệnh - đúng vào năm Tuân bốn mươi chín tuổi..., cậu ta đạp chiếc xe mini tòng tọc đi lấy báo về cho sạp báo của vợ. Xấp báo xếp đầy trước giỏ xe. Đường phố Sài Gòn xe cộ như mắc cửi. Tuân đạp rất chậm, gần sát lề đường. Cậu ta biết mình có tật vừa đạp xe vừa nghĩ ngợi miên man, lại thêm cận thị nặng nên "tránh xe chằng xấu mặt nào". Đến một quãng đường vắng, Tuân đạp xe nhanh hơn. Một chiếc xe tải cài số lùi, vừa lùi vừa bóp còi inh ỏi. Tuân Nguyễn không nghe thấy gì. Có lẽ cậu ta còn mê mải nghĩ đến một ý thơ hoặc một chi tiết tiểu thuyết chợt ập đến trong đầu... Cậu ta cứ mãi miết đạp xe, và đạp thẳng đến dít thùng xe. Cậu ta bỗng thấy trán mình va phải vật gì cứng cứng. Chưa kịp hiểu vật gì thì cậu ta đã ngã lăn ra lề đường, kính trắng văng một nơi, xấp báo văng khỏi giỏ xe.

Người lái xe hốt hải phanh xe lại, bánh xe sau cách Tuân đầu chỉ hơn một mét.

Người lái xe giúp Tuân đứng lên, lo lắng hỏi:

- Ông có sao không? Tuân nói không sao, chỉ thấy đầu văng vất. - Tôi bóp còi liên tục mà sao ông không nghe tiếng? - Xin lỗi anh, tại tôi đang trí... Tất cả là lỗi tại tôi - Tuân áp ứng. Người lái xe ngỡ ngác nhìn nạn nhân của mình. Có lẽ đây là lần đầu tiên trong lịch sử tai nạn giaĐ thông người bị đụng xe lại đi xin lỗi tài xế. "Hay ông ta bị bệnh tâm thần?" Một ý nghĩ thoáng hiện trong đầu anh tài xế. Bây giờ tốt nhất là lên xe phóng đi, tránh được mọi chuyện rắc rối rầy rà. Nhưng cái về hiện lành đến ngỡ ngác của nạn nhân đã giữ chân anh ta lại.

- Ông công tác gì?

- Tôi chẳng công tác gì cả. Tôi làm... thơ - Tuân lau cặp kính trắng, trả lời - May quá, nó văng xa thế mà không vỡ.

- Nhà ông ở đâu, để tôi đưa ông về?

Tuân nói địa chỉ nhà mình, rồi xoa tay:

- Tôi về một mình được, nhà tôi ở gần đây thôi. Anh cứ lái xe đi, chắc anh đang có việc vội.

Tuân đạp xe về nhà, kể cho vợ nghe chuyện vừa xảy ra. Vừa ngồi xuống mâm cơm, cậu ta bỗng thấy buồn nôn. Tuân bỏ bát đũa, lên giường nằm, rồi một cơn sốt bắt đầu. Đêm đó Tuân chìm vào mê sảng.

Sáng hôm sau, Phương Thúy đưa Tuân vào cấp cứu ở Bệnh viện Chợ Rẫy. Sau khi khám nghiệm, bác sĩ cho biết Tuân bị xuất huyết não. Suốt một tuần liền, Tuân Nguyễn lúc mê, lúc tỉnh. Người lái xe tìm đến thăm nạn nhân của mình ở bệnh viện. Nhiều lần anh ta xin với vợ và bạn hữu nạn nhân cho được chịu hết phí tổn, nếu cần phải thực hiện ca mổ. Nhưng bác sĩ lắc đầu: "Muộn mất rồi!".

Chiều ngày 27 tháng 3 âm lịch, Tuân Nguyễn trút hơi thở cuối cùng trên giường bệnh viện. Trước khi chết, Tuân chỉ để lại độc một lời trần trối:

- Đừng bắt tội người lái xe. Cái kết cục buồn thảm này là lỗi tại tôi... Tôi là người có lỗi...

Nghe Phương Thúy và bạn hữu kể lại giây phút cuối cùng của Tuân, tôi bàng hoàng chợt nhớ lại hôm Tuân về chơi với tôi ở Nghi Tâm.

Hôm đó Tuân ở lại với tôi suốt ngày.

Tuân nói:

- Mình định viết một bài thơ dài, nhan đề: Tôi có lỗi. Tuân nói rõ thêm: chữ Tôi ở đây phải viết hoa. Vì Tôi ở đây là nghệ sĩ và trí thức chân chính của đất nước. Tôi có trách nhiệm với tất cả những lỗi lầm, những oan uổng, đớn đau, những xấu xa, hèn mạt, đáng lảng nhục và xúc phạm con người. Trong mọi chuyện, chính Tôi là người có lỗi. Vì Tôi chưa đem hết sức mình thực hiện sứ mệnh cao cả mà Thượng đế đã đặc trao cho người nghệ sĩ.

Chú thích:

(1) Kiểm tra

14. Bản hùng ca bị mối xông và mười bảy bộ hài cốt

Nội dung bài này đã được báo Tiền Phong chủ nhật đăng 2 kỳ, số 47- 48 năm 1992 với tựa đề "Bản trường ca năm xưa" (hay tư liệu mới về 17 bộ hài cốt vừa tìm thấy ở Huế) nhưng bị lược bớt. Cũng nội dung này, tháng 5/1993, Nxb Trẻ đã xuất bản với tựa đề "Bản hùng ca về 17 anh hùng Vệ quốc đoàn" (Tủ sách Tuổi hồng). Bài này chúng tôi in theo bản gốc chữ viết tay của Phùng Quán tặng cho Chi Đoàn TNCS HCM của UBKHKT Tỉnh Bình Trị Thiên (cũ) sau đây được trao lại cho nhà văn Nguyễn Khắc Phê lưu giữ. (Chú thích của Ngô Minh)

Dạ thưa văn hữu Nguyễn Đắc Xuân cùng các chiến hữu Trung đoàn Trần Cao Vân cũ. Mới đây do tình cờ tôi được đọc bài viết của văn hữu đăng trên trang nhất báo Lao Động chủ nhật ra ngày 7-7-1992, thuật lại một sự kiện làm chấn động cả thành phố Huế. Và sự kiện này có một chi tiết nhỏ liên quan đến bản thân tôi:

"Ngày 4-6-1992, trong lúc đào đất cải tạo một công trình phụ của cơ quan Ủy ban Khoa học Kỹ thuật tỉnh Thừa Thiên Huế, công nhân xây dựng bất ngờ chạm phải 17 bộ hài cốt nằm lẫn với súng, đạn, lựu đạn, dao găm, kiếm Nhật, khóa thắt lưng, mũ sắt... Trong mười bảy bộ, có một bộ to lớn quá cỡ; và một bộ khác nơi xương ống tay đeo lưng lẳng một cái "lập lắc" bằng nhôm có khắc chữ: "Phùng Huấn- VQĐ.Thuận Hóa". Bài báo ghi chú: "Phùng Huấn là bác của nhà văn "Tuổi thơ dữ dội" Phùng Quán. Chính nhờ di vật này mà những người khai quật xác định ngay được đây là hài cốt của quân ta. "VQĐ" là Vệ quốc đoàn. Ngày 16-6, một cuộc tọa đàm khoa học được tổ chức tại hiện trường khai quật và đã nhất trí một số nét đại cương: "Mười bảy bộ hài cốt là Trung đội 9, Tiểu đoàn Tiếp phòng quân, Trung đoàn Trần Cao Vân, nay là Trung đoàn 101, sư đoàn 325. Trung đội trưởng là Nguyễn Ngọc Giao, chính trị viên là Vĩnh Tập... đã hy sinh trong những ngày toàn quốc kháng chiến, năm 1946. Nhưng ai đã chôn cả một trung đội Vệ quốc đoàn mà mãi 46 năm sau, hoàn toàn do tình cờ mà phát hiện được? Theo ý kiến của một số người tham dự cuộc tọa đàm, là do chính đồng đội của họ chôn; nhưng không may sau đó những người chôn họ cũng hy sinh luôn, nên không còn ai biết chuyện này nữa...".

Nhân sự kiện này tôi có đôi điều muốn thưa chuyện cùng văn hữu và những đồng đội cũ của tôi. Tôi chỉ là một người lính già thất học, mù tịt về mọi khoản khoa học. Nhưng tôi cả quyết rằng, Trung đội Vệ quốc đoàn này không phải do đồng đội của họ chôn. Vì một lẽ giản đơn là những người lính chúng tôi những ngày đó không bao giờ chôn đồng đội của mình với vũ khí. "Súng là vợ, đạn là con" là đạo lý chiến trận của chúng tôi ngày đó. Không ai đem chôn "vợ con" cùng với người lính chết trận. Có một nhà thơ đã từng viết "Chết còn trao súng đạn cho nhau".

Vậy thì ai chôn?

Đọc bài báo của văn hữu, rồi sau đó được xem ảnh của Trung đội trưởng Nguyễn Ngọc Giao và chính trị viên Vĩnh Tập và nhiều bức ảnh chụp các góc độ của khuôn viên khai quật, cùng vị trí và địa điểm cơ quan Ủy ban KHKT (18- Hà Nội, Huế), toàn thân tôi ớn lạnh. Tôi bỗng nhớ lại tất cả...

Cách đây trên ba mươi năm có lẽ, trong những ngày gian khó nhất của đời mình, trong nỗi buồn bã và thất vọng khôn cùng, tôi khởi công viết một thiên hùng ca... "Có những phút ngã lòng- tôi vịn câu thơ mà đứng dậy". Thiên hùng ca kể lại một câu chuyện có thật, những người anh hùng có thật. Hơn nữa, những người anh hùng mà tôi quen biết, và tôi có mối hăm ớn sâu nặng vì một lần họ đã cứu tôi... thoát khỏi đạn đại liên giặc trong trận đánh kinh hồn vào vị trí Miếu Đại Càng... Năm đó tôi vừa tròn 14 tuổi, là đội viên Đội thiếu niên trinh sát của Trung đoàn Trần Cao Vân, mà tôi có dịp kể lại sự tích của toàn đội trong tiểu thuyết Tuổi thơ dữ dội. Không có họ chắc xương thịt tôi cũng mục nát từ lâu, như xương thịt các bạn tôi trong truyện: Quỳnh-sơn-ca, Vĩnh-sưa, Bồng-da-rắn...

Thiên hùng ca gồm 10 chương, khoảng nghìn câu thơ, với một Khai từ và một Hậu từ. Từ năm 1958 đến năm 1988, tôi mắc phải khổ nạn văn chương. Tôi bị mất quyền in sách nên thiên hùng ca chịu chung số phận với nhiều tác phẩm khác của tôi: Mối xông! Nghìn câu thơ nay tôi không còn nhớ nữa (ba mươi năm có lẽ rồi còn gì?). Nhưng cốt truyện, đoạn Khai từ và lác đác dăm câu thơ, đoạn thơ khắc họa ý tưởng chính, tôi vẫn còn nhớ như in...

Đất nước ta đâu chừng ấy nghĩa trang!

Đâu chừng ấy nấm mồ liệt sĩ!

Hãy đi từ ải Nam Quan

Thăng đến tận Hàng dương Côn Đảo

Nhặt lên từng hòn đất nếm xem

Có hòn nào không hăng nồng vị máu?

Đó là đoạn Khai từ của Thiên hùng ca HUYỆT LỬA CHÔN CHUNG?

Ngày đó... Cổ đô núi Ngự sông Hương trầm mặc, hiền hòa, bỗng nổi giận, vùng dậy dựng chiến lũy chống giặc ngoại xâm. Trên vùng trán xanh ngọn núi Tam Thai sáng rực lên dòng chữ xếp bằng đá vôi: Thà chết không quay lại đời nô lệ!. Trung đoàn Vệ quốc quân Trần Cao Vân, quân chủ lực của Thừa Thiên, gan dạ, khí phách "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh" có thừa, nhưng vũ khí thì quá thiếu. Họ được trang bị phần lớn là súng khai hậu, mót-cơ-tông, mã tấu, dao găm, lựu đạn nội hóa mười quả chỉ nổ hai ba, mìn ba càng, chai xăng ngâm kếp...và cả rom rạ và ớt bột để xông giặc cho chết ngạt như kiểu xông chuột. Vũ khí hạng nặng của Trung đoàn là một khẩu sơn pháo 75 ly, một máy ngắm, được gọi mật danh là "Ông già Bảy lăm". Bởi vậy, muốn tiêu diệt được quân xâm lăng được trang bị đến tận răng vũ khí hiện đại, xe tăng, máy bay... Vệ quốc đoàn không còn cách nào khác là phải liều thân.

Đoàn vệ quốc quân một lần ra đi...Nào có mong chi đâu ngày trở về...Ra đi ra đi bảo tồn sông núi... Ra đi ra đi thà chết không lui...

Cả Trung đoàn Trần Cao Vân đã hát như vậy trước giờ xuất kích. Ban chỉ huy mặt trận ngày đó mà một số người hiện nay còn sống: Hoàng Anh, Trần Hữu Dực, Hà Văn Lâu..., quyết định tuyển chọn những chiến sĩ gan dạ nhất, dám liều thân nhất, thành lập những đơn vị cảm tử quân. Cảm tử quân lãnh nhiệm vụ đêm đêm luồn sâu vào tận sào huyệt giặc, đánh cận chiến bằng dao găm, lưỡi lê, lựu đạn, dùng mìn ba càng; bom tự tạo phá huỷ xe tăng, đại bác; dùng chai xăng ngâm "kếp" đốt phá các kho hàng... Trong số những đơn vị cảm tử quân có Trung đội do anh Ngọc chỉ huy, và một chính trị viên rất trẻ con nhà Hoàng tộc, nổi tiếng gan liều và đánh cận chiến giỏi. Trong thiên hùng ca, trung đội trưởng Ngọc còn có biệt danh "Người-yêu-nước-không-lò" vì tầm vóc anh đặc biệt cao lớn. Anh đứng trong hàng quân thường cao vượt đồng đội một đầu và một vai. Quê anh ở miền Bắc. Anh đến mặt trận Huế trong đoàn quân Nam tiến. Anh luôn đội chiếc mũ sắt chiến lợi phẩm thủng một lỗ toang hoác trước trán giống hình cái miệng cười ngạo, vừa cười vừa hát: Trông chết cười ngạo nghễ... Anh che bớt cái miệng- sắt cười ngạo bằng chiếc quân hiệu ngôi sao vàng trên nền đỏ hình trăng. Khẩu tiểu liên "Tuyn" anh khoác trên vai nom như khẩu súng đồ chơi. Đôi giày ba-ta ngoại cỡ anh đi nom như hai chiếc xuồng... Một con người có tầm vóc như vậy tưởng chừng hét phải sập cầu Trường Tiền như Trương Phi hét sập cầu Trảng Bần. Nhưng hoàn toàn ngược lại, anh nói năng dịu dàng, nhỏ nhẹ, ngay cả khi đứng trước hàng quân phổ biến lệnh chiến đấu. Và giữa câu nói anh thường chen vào một vài tiếng Tây như thói quen những người có học thời đó. Anh thương tội liên lạc nhóc chúng tôi lắm. Anh nạt nộ la mắng khi bắt gặp chúng tôi chạy liên lạc, ngại đường xa, liều lĩnh chạy tắt qua những đường phố trong tầm súng của giặc. Giống hệt như mẹ chúng tôi ngày còn ở nhà nạt nộ la mắng khi bắt gặp chúng tôi trèo tít lên ngọn cây bắt tổ chim: "Lần sau mà anh còn trông thấy các em chạy tắt qua mấy đường phố đó, anh sẽ dùng que thông nòng súng quất cho nát mông đấy!"

Trận đánh vị trí miếu Đại Càn đêm đó trời mưa rét. Tối như bưng. Trung đội anh Ngọc là lực lượng chủ công, được Mặt trận tăng cường hỏa lực gấp đôi, lĩnh nhiệm vụ sẽ đánh vào điểm xung yếu nhất của vị trí. Tôi và thằng Bồng-da-rắn chạy liên lạc truyền tin. Hai đứa chúng nào vẫn tạt ấy, ngại chạy đường vòng, rủ nhau chạy tắt theo con đường mà anh Ngọc đã ra lệnh cấm vì nằm trong tầm đạn súng máy của giặc và địa hình trống trơn. Chạy được hai phần đường thì vấp phải đèn pha giặc quét kiểm soát dọc đường. Chúng tôi vừa kịp nằm sấp xuống lề đường, đạn đại liên của địch đã kêu chiu chiu trên đầu, cày tung đất đá quanh chỗ nằm. Đạn bay một lúc một dày đặc và hạ thấp xuống chỉ còn cách người chúng tôi vài gang tay. Trong một nỗi hoảng sợ ghê gớm, chúng tôi cùng kêu thét lên: "Các anh ơi, cứu em với!". Trung đội trưởng Ngọc lúc

này đã áp sát được đến vị trí tấn công. Nghe chúng tôi hoảng loạn kêu cứu, anh Ngọc liền chỉ huy trung đội nhào trở lại con đường chúng tôi đang nằm bẹp dí chờ chết. Anh hô trung đội dồn hết hỏa lực bắn xả vào phía hai nòng đại liên đang chớp lửa. Trước sự phản công bất ngờ, hai khẩu đại liên vụt câm chùng một phút, đủ thời giờ cho hai đứa chúng tôi chồm dậy, nhẩy vọt xuống con hào đầy nước mưa phía bên kia lề đường... Sự cố này đã làm lộ kế hoạch đánh vị trí trước giờ nổ súng. Các đơn vị phải rút về. Hai đứa tôi theo trung đội anh Ngọc rút về địa điểm giấu quân. Vừa kéo xuống tầng hầm chiếu sáng lờ mờ bằng ngọn đèn bão treo ở góc hầm, đã thấy ông Điều, tiểu đoàn trưởng Tiếp phòng quân đứng chực sẵn giữa nhà. Ông xuất thân là lính khổ xanh, tầm vóc nhỏ con, tính nóng như lửa, hay thét lác và đôi khi đánh đập lính. Nét mặt ông giận phùng phùng. Vừa nhìn thấy anh Ngọc, ông đã hét toáng lên: "Ai cho phép anh được thay đổi kế hoạch tấn công? Tôi sẽ xử bắn anh tại chỗ!" Ông đưa tay chụp lấy báng súng lục đeo bên hông. Anh Ngọc bước sải một bước đến sát bên ông, đưa bàn tay hộ pháp nắm chặt lấy cổ tay ông đang định rút súng. Anh nói dần giọng: "Đồng chí tiểu đoàn trưởng, tôi yêu cầu đồng chí dẹp thói quân phiệt! Hãy bình tĩnh nghe tôi nói đây! Đồng chí coi việc hạ cái vị trí của bọn chó chết ấy hơn mạng sống hai thằng nhỏ này hay sao?". Anh đưa tay trở hai đứa chúng tôi đang đứng run rẩy nép sát vào nhau ở góc tầng hầm. "Tôi sẽ đưa đồng chí ra xét xử trước tòa án binh!". Ông Điều rít lên và sầm sập nện giày đinh cồm cộp quay ngoắt ra cửa tầng hầm. Hai đứa chúng tôi nhẩy nhau và định chuẩn theo ông. Nhưng anh Ngọc quát (tôi chưa bao giờ nghe anh quát to đến vậy): "Hai chú đứng lại đó! Nằm sấp xuống nền!". Anh rút cái que thông nòng súng, dần giọng: "Bao nhiêu lần tôi đã ra lệnh cho các chú tuyệt đối không được chạy tắt qua những con đường cấm. Tại sao các chú không tuân lệnh? Chỉ vì các chú mà lỡ mất một trận đánh lớn. Tôi phạt các chú theo kỷ luật Vệ quốc đoàn!" Anh quát chúng tôi mỗi đứa ba que thông nòng súng, quần mông đít. "Cho các chú đứng lên, và về đi!". Anh nhìn theo chúng tôi leo lên các bậc cửa tầng hầm, nói với chính trị viên: "Tôi phải lên gặp anh Lâu, yêu cầu anh đưa hết tụi nhóc này ra khỏi mặt trận, gửi ra ngoài vùng tự do cho đi học. Chỗ của chúng đâu phải ở đây...". Nhưng anh chưa kịp làm điều đó thì sự cố quan trọng nhất của đời người lính đã xảy. Cạnh nhân vật anh Ngọc là nhân vật chính trị viên trung đội con nhà Hoàng tộc, người đảng viên cộng sản độc nhất trong đơn vị. Tôi đặt biệt danh cho anh là "Chàng-cộng-sản-mệ". Nhân vật mà tôi mất nhiều công sức nhất để miêu tả và khắc họa tính cách với cả trăm câu thơ, là nhân vật chiến sĩ Anh tên là Phùng Huấn, xuất thân nông dân quê ở làng Thanh Thủy Thượng. Phùng Huấn yêu một cô gái làng sấp làm lễ cưới. Mặt trận Huế bùng nổ, anh hoãn ngày cưới, cùng nhiều trai làng xung phong gia nhập Vệ quốc đoàn. Anh được tuyển chọn vào cầm tử quân...

Bài thơ HÔN là đoạn thơ tôi trích ra từ thiên hùng ca ấy. (Bài thơ này nhiều lần đăng trên báo, và mới đây được in trong tuyển tập Parorama de la Littérature Vietnamism do dịch giả Hữu Ngọc dịch ra tiếng Pháp: (Le Baiser):

Em ơi rất có thể
Anh chết giữa chiến trường
Đôi môi tươi đạn xé
Chưa bao giờ được hôn!
Nhưng dù chết em ơi
Yêu em anh không thể
Hôn em bằng đôi môi
Của một người nô lệ!

Đó là lời của Phùng Huấn nói với vợ chưa cưới trước giờ xung trận. Phùng Huấn là bác họ của tôi. Trong thiên hùng ca tôi không nói chi tiết này, chi miêu tả mỗi lần chúng tôi đứng cạnh nhau, cả đơn vị ai cũng lầm là hai anh em ruột. Vì chúng tôi giống nhau như hai cục bùn móc dưới ruộng sâu lên. Dù đã được che kín quân phục và ướp mùi chiến trận, nhưng cả con người Phùng Huấn và tôi vẫn bốc ra đậm đặc mùi bùn, mùi cứt trâu, mùi rơm rạ ủ mục, mùi áo quần chằm vá đầy rạn và ướt sũng mồ hôi, mùi bình dân học vụ... Trong đội cầm tử, Phùng Huấn được phân công vào tổ "vũ khí nặng".

Vũ khí nặng Phùng Huấn phụ trách là một cặp đầu đạn đại bác 75 ly tịt ngòi được công binh xưởng biển báo thành mìn đánh xe tăng. Hai trái đạn đựng trong cái rọ heo được đan bằng tre cật, dây đeo bên bằng dây điện thoại to bằng ngón tay cái. Phùng Huấn chăm sóc hai trái đầu đạn còn hơn ngày còn đi cày thuê ở làng, chăm sóc con trâu đực tên là ô, nuôi rế của một nhà giàu. Phùng Huấn gọi nựng chúng là "Hai thằng đẻ sinh đôi của tau". Hể rảnh rỗi phút nào là

Phùng Huấn lại lôi "cặp con sinh đôi" trong rọ heo ra, lau chùi bằng mỡ súng, dầu "luyn", làm chúng bóng ngời lên, soi gương được Anh em trong đội thường xúm lại trêu chọc: "Cậu lau chùi nhiều rứa, có ngày tụi hấn mòn thủng, thuốc súng trong bụng cháy ra hết, thành hai trái đạn tọng-bộng..."

Tổ "vũ khí nặng" là siêu cảm tử, nên mỗi chiến sĩ được mặt trận cấp phát một chiếc "lập lắc" bằng nhôm cứng, trên mặt khắc tên họ, dây đeo bằng thép không rỉ, để lỡ hy sinh xác người nọ khỏi lan với xác người kia. Các anh "vũ khí nặng" rất hãnh diện với việc cấp phát ưu tiên này. Trời rét căm căm mà anh nào cũng xắn cao tay áo quân phục để khoe. Tôi còn nhớ trong thiên hùng ca tôi viết cả một đoạn thơ dài về những chiếc "lập lắc" này và những chiến sĩ đeo nó trên cườm tay. Tôi gọi chúng là cửa hồi môn của cuộc chiến tranh Vệ quốc tặng cho những đứa con hiếu nghĩa tình nguyện kết duyên với Tử Thần!

Một buổi sáng, mặt trận Huế chìm trong mưa. Bùn đất lép nhép trong các chiến hào. Tôi từ chỉ huy sở Mặt trận chạy liên lạc xuống trung đội anh Ngọc đưa mặt khẩu chiến đấu đêm hôm đó. Mặt khẩu đưng trong phong bì dán kín, có gắn xi, con dấu đồng của Mặt trận đóng lên xi đảm bảo tuyệt mật. Phùng Huấn ngoác tay gọi tôi: "Bê! Bê." (tên gọi tôi ngày còn ở nhà), rồi ghé sát tai tôi nói nhỏ: "Tối ni đơn vị tau đi cảm tử vị trí nhà hàng Sáp- phăng-xông (Bây giờ là cửa hàng Bách hóa số 1, thành phố Huế), Mặt trận sẽ đãi tụi tau một bữa thịt bò, thịt heo với xôi ở sân chùa Vạn Phước. Để lỡ có chết thì anh em được chết no. Tắt mặt trời, mi nhớ chạy xuống mà ăn chực". Tụi liên lạc nhóc chúng tôi, hể nghe nói được ăn thì có phải chui qua lưới lửa của đạn súng máy, chúng tôi cũng chẳng từ. Chúng tôi thường lý sự: "Bắn chưa chắc đã trúng. Trúng chưa chắc đã chết. Không trúng, không chết thì được ăn?".

Tôi ngờ bữa ăn tối hôm đó chính là bữa ăn mà Nguyễn Đắc Xuân đã kể lại trong bài báo nói trên: "Vợ chưa cưới của đồng chí Phùng Huấn, đã 70 tuổi, từ xã Thủy Dương (tên mới của làng Thủy Thanh Thượng) chống gậy lên thăm hài cốt của người yêu xưa. Bà kể: Chiều đó tôi lên đơn vị thăm anh ấy. Tôi rủ anh đi ăn hàng. Anh ấy nói: "Tối ni đơn vị anh đi cảm tử với tụi Tây. Mặt trận hẹn đãi Trung đội một bữa thịt bò thịt heo ê hề. Chừ đi ăn hàng, sợ ngang bụng tối không ăn được, phí đi. Anh ấy nhất định không đi. Tôi ngó cổ tay anh ấy, hỏi: "Người ta đeo vòng vàng xuyên bạc, anh đeo cái miếng sắt, miếng chì nớ mần chi rứa?. Anh nói: Miếng sắt miếng chì ni nhưng ai đem vàng bạc đổi, đừng hông tui đổi. Chỉ có mấy thằng lính cảm tử như tụi anh mới được Mặt trận phát cho đeo. Trên ni người ta khắc tên họ, để lỡ anh có chết, em nhận đúng xác anh đem về chôn, không thì em lại chôn lộn một thằng chổng chưa cưới khác, mà cứ khóc hu hu: "Anh Huấn ơi là anh Huấn ơi... Nỡ bỏ em mà đi tội nghiệp em lắm anh nờ...". Tôi tưởng anh nói bông lơn chơi ai ngờ anh nói thiệt..."

Nếu bữa ăn bà kể lại với văn hữu đúng là bữa ăn cuối cùng của Trung đội cảm tử ở sân chùa Vạn Phước đêm đó, thì tôi còn nhớ rất rõ có cả Trung đoàn trưởng Hà Văn Lâu và chỉ huy trưởng Mặt trận khu C, Phùng Đông... cũng là bác họ tôi dự. Bữa ăn đêm đó rất lạ. Không ồn ào, nhộn nhạo như những bữa liên hoan thường lệ khác của lính tráng chúng tôi. Cả trung đội ngồi ăn rất lặng lẽ trong ánh sáng chập chờn của mấy ngọn đuốc dầu hỏa. Nghe được cả tiếng đĩa bát chạm lách cách. Tiếng nhai nuốt vội vàng. Họ ăn mà nghiêm trang như hành lễ. Hình như họ dự cảm một điều gì đó vô cùng nghiêm trọng sắp xảy ra trong cuộc đời chiến trận của họ. Chính cái không khí lặng lẽ bất thường này đã tạc khắc vào ký ức tuổi thơ của tôi một ấn tượng buốt nhói mà thời gian không thể làm phai mờ...

Trận "cảm tử" vào nhà hàng Sáp-phăng-giông đêm đó không kết quả. Các anh xung phong nhiều đợt định chiếm tầng dưới rồi dùng mìn đánh sập ngôi lầu. Nhưng lưới lửa phòng thủ của giặc quá dày đặc, các anh đều bị đánh bật ra. Ba giờ sáng, toàn mặt trận phải rút quân ra ngoài. Trung đội anh Ngọc vừa rút đến ngôi lầu cạnh nhà tên trùm mật thám So-nhi, thì chạm trán bọn giặc mai phục sẵn ở đó. Chúng dàn thành thế gọng kìm, kẹp chặt trung đội, với hỏa lực cực mạnh, với ý đồ bắt sống hoặc tiêu diệt gọn. Lúc này các đơn vị chiến đấu quanh khu vực này đã rút hết, không còn ai cứu viện. Các anh ở vào cái thế đơn độc, một chọi mười.

Một ta chống với mười thằng

Mười con thú dữ nó quần một ta...

Tôi còn nhớ câu thơ lục bát mở đầu chương hùng ea mô tả trận thế hiểm nghèo này.

Năm giờ sáng, cả Mặt trận nhận được thông báo: Trung đội cảm tử anh Ngọc bị mắc kẹt trên đường rút lui. Các đài quan sát bí mật đặt trên cao điểm khu A, khu B, khu C, được lệnh chỉa hết ống nhòm về phía khu vực Trung đội đang bị bao vây. Trời hừng sáng. Tiếng súng vang lên dồn dập dưới tầng trệt của ngôi lầu hai tầng. Đó là một ngôi lầu mái lợp đá đen rất dốc. Trên nóc lầu

có cây cột thép thu lôi nhọn như ngọn giáo Búp-đa. Chúng tôi đoán các anh bí thế phải nhào vô ngôi lầu này để cố thủ. Tiếng súng nổ mỗi lúc một căng. Cả tuần liền trời mưa tầm tã không ngớt. Bầu trời Cổ đô u ám giăng kín lớp lớp mây chì. Sáng hôm đó tự dưng trời nắng. Bầu trời sạch lau mây như được ai quét dọn, cao vút, xanh màu trứng sáo. Rặng núi phía tây tím ngát, in bật lên nền trời đường uốn lượn sắc gọn như được cắt bằng kéo. Nắng mới óng ánh như vàng nấu chảy, tưới hào quang lên mặt sông Hương. Cây cầu Trường Tiền ta dùng bom chặt đứt hai nhịp chính giữa, sắt cầu sáng rực lên trong nắng như được đúc bằng bạc. Thời tiết Huế cuối đông mà có một ngày đẹp trời đến như vậy, thật hiếm. Nhìn núi, nhìn sông, nhìn thình không lộng lẫy trong suốt như thủy tinh, chúng tôi cứ ngỡ rằng, chính ông Trời (nếu có một ông trời thật) đã cố tình bố trí một ngày tuyệt đẹp như vậy để cho cả Mặt trận được nhìn thật rõ cuộc đọ sức bi hùng của những người con quê hương "Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh".

Mười giờ sáng, tiếng súng bắt đầu vang dội ở tầng trên ngôi lầu. Chúng tôi đoán bọn giặc đã chiếm được tầng dưới. Các anh phải rút lên tầng trên cố thủ. Đạn súng máy các cỡ từ các vị trí giặc xung quanh bắn xối xả vào tầng lầu, với cường độ mỗi lúc một tăng. Tiếng súng chống trả từ trong tầng lầu lẻ tẻ từng phát một, chêm một vài tiếng nổ lựu đạn. Các cánh cửa quanh tầng lầu bị trúng đạn vụn vụn tung. Mảnh gỗ, mảnh kính bị xé nát bay chấp chới trong nắng. Đạn các loại súng cầu vòng rớt xuống mái lầu dày đặc đến nỗi cây cột thép thu lôi bị tiện phẳng đến gốc. Mảnh đá đen lợp mái nhà văng tung tóe lẫn với màu khói đạn. Chỉ chốc lát, mái lầu dốc đứng bị đạn chém phạt, bầm vằm thấp hảm xuống.

Trung đoàn trưởng Hà Văn Lâu hét lên trong máy điện thoại, gọi khẩu đội "ông già Bảy lăm" bố trí trên lưng núi Ngự Bình, bắn cấp tập chi viện cho Trung đội cảm tử. Khẩu đội trưởng báo cáo lại là súng không có máy ngắm, không thể nào bắn trúng một mục tiêu quá nhỏ như vậy. Nếu bắn đạn có thể rơi vào đầu quân ta.

Chiến sĩ lớn nhỏ trên các đài quan sát nhìn ngôi lầu phủ kín khói đạn, đều khóc, nước mắt nhòe nhoẹt ống nhòem. Anh Thân Trọng Hàm, xuất thân là học sinh trường dòng, được Tòa Thánh Vatican chọn sang La Mã học để trở thành cha cố. Cách mạng tháng Tám bùng nổ, anh bỏ La Mã xung phong vào Vệ quốc đoàn, làm công tác đồ bán ở Ban tham mưu Mặt trận. Lúc này anh đang đứng trên đài quan sát của tổ chúng tôi. Anh bỏ ống nhòm xuống, nước mắt lưng tròng. Anh quỳ lên cái bao cát chất làm công sự, làm dấu thánh, làm rằm cầu nguyện: "Lạy Chúa tôi... Con xin chịu nhận lãnh mọi cực hình trên thế gian, để các thế hệ sinh sau chúng con không bao giờ còn phải chứng kiến cảnh tượng mà lúc này chúng con đang phải chứng kiến. Một bày lang sói nhe nanh, dương vuốt, thả sức cắn xé đồng đội mình ngay trước mắt, mà chúng con phải chịu cúi đầu, khoanh tay". Nhìn gương mặt đẫm lệ nguyện cầu của vị cha cố huyệt này, chúng tôi tự nhiên cũng muốn quỳ xuống cầu nguyện theo... Hứng chịu chừng ấy đạn lửa trong từng ấy thời gian thì đến Chúa trời cũng phải nát thành cám. Nhưng lạ lùng thay, bên trong tầng lầu lại đột ngột vang lên tiếng súng, tiếng lựu đạn đánh trả, tuy thưa nhưng rất đanh. Đúng vào lúc này xảy ra một sự việc làm chấn động cả Mặt trận: Thăng Vịnh-sư, đưa giới môn cờ tín hiệu nhất của đội thiếu niên trinh sát chúng tôi, không rõ bằng cách nào và từ lúc nào, lòn được sang khu vực trường Thiên Hữu. Khu vực này áp sát vị trí giặc nên ban ngày cả ta và địch ít khi dám bén mảng đến. Hắn trèo lên chốt vót ngôi lầu cao nhất, trên nóc có dựng một cây Thánh giá khổng lồ, với hai cây cờ tín hiệu trong tay. Hắn đứng dựa lưng vào chân cây thánh giá, mặt hướng về phía ngôi lầu Trung đội cảm tử đang bị vây hãm, phát phát cờ tín hiệu đánh đi nhiều lần bức điện mà tôi chắc hẳn tự nghĩ ra: "Các anh hãy đánh đến người cuối cùng! Đừng hàng! Hàng nhục lắm!". Liệu các anh có nhận được bức điện này hay không? Điều này vĩnh viễn không ai biết. Có điều là đúng ba hôm sau, Vịnh-sư hy sinh cũng trong tư thế đó, và trên một cao điểm khác của Mặt trận. Sự việc này tôi đã kể lại trong tiểu thuyết Tuổi thơ dữ dội.

Ba giờ rưỡi chiều, tiếng súng chống trả vẫn tiếp tục vang lên trong tầng lầu. Như vậy là các anh còn đứng vững. Lệnh của Trung đoàn trưởng Hà Văn Lâu được truyền đi khắp Mặt trận. Các đơn vị sẵn sàng xuất kích cứu viện vào lúc mặt trời lặn. Chúng tôi nhìn vừng mặt trời chói lọi đang ngả dần về phía dãy núi tím, lòng phấp phỏng hy vọng: Nếu các anh cầm cự thêm được chừng ba tiếng đồng hồ nữa, các anh có thể thoát. Chiến sĩ cả mặt trận lòng như lửa đốt.

Các đài quan sát bỗng phát hiện có hai xe cứu hỏa của giặc chạy đến, đổ khuất sau bức tường cao phía trái ngôi lầu. Rồi chúng dùng vòi rồng phun nước lên đến tận nóc ngôi lầu. Hai vòi nước đan chéo nhau lấp lóa trong nắng chiều vàng rượi, như hai cây roi khổng lồ đúc bằng kim loại quá tơi tấp xuống mái lầu đã bị bom đạn bầm nát. Hai cây roi quá thấp dần xuống chân ngôi lầu. Các đài quan sát tới tấp gọi điện thoại, báo cáo với Trung đoàn trưởng lúc này đang túc trực

tại chùa Từ Đàm: "Không biết tụi hấn định làm cái chi mà phun nước lên tằm cả ngôi lầu các anh đang cố thủ?". Tiến Trung đoàn trưởng hét vang trong máy: "Không phải nước! Xăng?". Và quả nhiên chúng tôi người thấy mùi xăng thoảng trong không khí. Chúng tôi chết lặng. Thế là hết, bọn giặc đã hạ độc thủ! Chúng phun xăng chừng nửa giờ. Ngôi lầu lúc này ướt sũng như vừa tắm xuống sông Hương. Tiếng súng đột ngột im hẳn. Và bất ngờ, tiếng loa phóng thanh cực lớn vang lên oang oang, hấn bọn giặc muốn cho cả mặt trận nghe tiếng: "Chúng mày hãy hàng đi! Ném tất cả vũ khí xuống sân! Từng đứa một, hai tay chấp sau gáy, bước ra khỏi nhà! Không hàng, tất cả sẽ bị thiêu ra tro! Cho chúng mày năm phút để quyết định". Tiếng loa giặc gọi hàng được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Đài quan sát chúng tôi đứng trước gió, nghe tiếng loa lúc gần lúc xa, nhưng vang dội thấu con tim. Chúng tôi tự đặt mình vào hoàn cảnh các anh lúc này, và tự hỏi: "Chịu chết cháy hay ra hàng?".

Và ngay lúc đó, chúng tôi như cảm thấy lửa xăng nóng rát đang tấp thẳng vào mặt mình. Bao nhiêu năm đã trôi qua nhưng không hiểu làm sao cái cảm giác này tôi nhớ kỹ càng đến vậy? Chi vì đó là lần đầu tiên những đứa trẻ chúng tôi, ở lứa tuổi 13, 14, 15, trước ngày trốn theo Vệ quốc đoàn làm đủ nghề: giữ trâu, bán đậu phụng rang, bán báo, đánh giày..., biết suy nghĩ một cách nghiêm túc cái sống và cái chết, về danh dự và Tổ quốc, về tiếng thối và tiếng thơm mình còn để lại, nếu không may mà phải chết...

Tất cả chúng tôi hướng mặt về phía ngôi lầu đang bị vây hãm, và người thấy mùi xăng phả vào mũi mỗi lúc một nồng nặc. Tim chúng tôi đau thắt vì khắc khoải chờ đợi câu trả lời của các anh: Chịu chết hay ném súng ra hàng!

Ôi, nếu các anh cầm cự được thêm chừng hai tiếng đồng hồ nữa, thì tất cả Mặt trận, không trừ một ai, từ bọn đội viên liên lạc nhóc chúng tôi cho đến Trung đoàn trưởng, sẵn sàng liều mạng sống để cứu các anh ra khỏi ngôi nhà bị vây hãm! Nhưng thật lạ lùng, khi nhìn thấy những tràng đạn lửa sáng chớp chớp bay vun vút vào tầng lầu, và ngọn lửa xăng vàng khé bùng lên, chúng tôi lại suýt nhảy dựng lên mà reo hò... Giống hết như ngày nào ở sân vận động Đất Mới, thấy đội bóng đơn vị mình làm một bàn thắng quyết định vào một giây phút quyết định. Nhưng chỉ một phút sau đó chúng tôi đã khóc như trẻ nít.

Đúng lúc ngọn lửa xăng sáng rực lên trên nóc lầu, từ trong tầng lầu tiếng súng đồng loạt nổ vang, chen lẫn tiếng nổ chát chúa của lựu đạn. Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên, không hiểu các anh phải cầm cự với giặc gần suốt một ngày trời mà còn đâu ra lựu đạn và lựu đạn đến thế? Có lẽ các anh đã linh cảm được màn kết thúc không tránh khỏi của cuộc đọ sức bi hùng này. Nên đã dè sẻn trữ đạn và lựu đạn lại, nổ thay cho câu trả lời gọi hàng của giặc. Câu trả lời của các anh chỉ vền vền trong vòng năm phút rồi im bật. Thay vào đó là tiếng nổ, tiếng réo hú dữ dằn của của lửa xăng ngày một lan rộng, bốc cao.

Lửa lan nhanh khủng khiếp. Trong chớp mắt đã phủ kín ngôi lầu. Hàng trăm nghìn lưỡi lửa thè lên tua tủa như muốn hém thủng bầu trời.

Thực sự là một ngọn Hỏa Diệm Sơn mọc lên giữa thành phố Huế. Ánh lửa hắt xuống dòng Hương Giang nhuộm bóng chiều tà. Các đỉnh sóng đỏ rực lên như cũng đang bốc cháy. Rồi bất ngờ cả ngôi lầu phủ lửa bỗng sụm xuống trong tiếng nổ rung chuyển cả Mặt trận. Tàn lửa và tro bụi khét lẹt mùi xăng bốc cao đến tận trời, bay sang tận bên kia cầu Gia Hội. Chúng tôi lạ quá. Ngôi lầu vốn được xây dựng kiên cố với bê tông và gạch đá, lửa cháy làm sao có thể làm sập đổ? Mãi sau đó chúng tôi mới sực nhớ, lúc đi đánh nhà hàng Sáp-phăng-giông, các anh có mang theo hai khối mìn đeo khá lớn. Thứ mìn này đeo và mềm như sáp nặn, màu vàng nhạt, phong thành từng thỏi như bánh khảo, ném hơi ngọt ngọt, sức công phá của nó còn mạnh hơn bom. Các anh định dùng chúng đánh sập vị trí giặc nếu xung phong vào được tầng dưới. Nhưng các anh không xung phong vào nổi nên mang chúng về. Bây giờ trong tình thế tuyệt vọng, trước lúc hy sinh các anh đã dùng hai hai khối mìn đánh sập ngôi lầu từ bên trong. Biến vị trí cố thủ thành nắm huyết chôn chung. Nắm huyết chôn chung ấy vẫn tiếp tục bốc cháy mãi đến trưa hôm sau... Nhưng tất cả cũng chỉ là phỏng đoán. Sự thật ra sao vĩnh viễn không có câu trả lời. Nó đã cùng với thân xác các anh, cháy thành tro bụi... Ngày đó tất cả chúng tôi đều tin chắc như vậy. Nằm giữa một ngọn Hỏa Diệm Sơn gần hai ngày đêm, thì đất phải hóa thành gạch nung, đá phải hóa thành vôi bột, huống chi xương thịt con người! Hơn ba mươi năm đã trôi qua, nhưng tôi vẫn còn nhớ được, đoạn kết thúc cuộc đọ sức bi hùng này tôi miêu tả trọn hai chương thiên hùng ca, theo thể thơ cổ phong và tất cả đều vần trắc. Đó là hai chương thơ đã hành hạ tôi đến khốn khổ. Tôi gạch xóa nát các trang giấy, xé bỏ rồi viết lại không biết bao nhiêu lần. Tôi viết trong nỗi phiền muộn, cay đắng về sự bất lực của mình. Tôi đọc lại những trang viết, lòng vô cùng buồn

bã, nghĩ bụng: Một đề tài như thế này mà vào tay một nhà thơ khác, chắc họ đã viết thành một thiên I-li-át. Thế mà vào tay mình, nó biến thành một bản diễn ca tầm thường kể chuyện người thật việc thật.

Trong lòng tôi dâng lên một niềm hối tiếc khôn nguôi... Giống tình cảnh người thợ kim hoàn tôi làm hỏng mất một viên trân châu. Tôi tìm đến anh Thanh Tịnh và anh Bửu Tiến, người cùng quê và bậc thầy của tôi về nghề văn. Tôi kể lại đầu đuôi câu chuyện và tha thiết đề nghị với hai anh, hãy vì những gì tốt đẹp nhất của cuộc đời này, viết nó ra thành thơ, thành văn, thành kịch. Hai anh hỏi tôi: "Sao em không viết?". "Đó là một đề tài quá sức em- Tôi trả lời- Em không kham nổi sau khi đã thử sức. Vả lại có viết được người ta cũng chẳng in...". Hai anh ghi chép câu chuyện, hỏi thêm nhiều chi tiết về Mặt trận Huế ngày đó, và đều hứa sẽ viết... Con gái tôi lên chín, học sinh lớp ba, trong lúc đi kiểm giấy loại để nhóm bếp đã phát hiện thiên hùng ca Huyệt lửa chôn chung bị mối xông nát bét. Nhìn đàn mối trắng bệch, lúc nhúc, lũ lĩ cả ngàn con, ngang nhiên bò đi bò lại, cắn xé, nhai nuốt không thương tiếc sự tích anh hùng hào kiệt một thời của Tổ quốc và Cách mạng, lòng tôi ngập lụt căm giận. Căm giận đến muốn phát điên. Tôi tưới lên ghê tởm cả một chai dầu hỏa. Chưa đủ, tôi dốc cạn chút dầu còn lại trong ngọn đèn trên bàn viết và châm lửa. Tôi nghiên chặt rằng, dùng cây que sắt xới tung bọn chúng đang cuồng cuồng, quân quai rúc trốn vào những mảnh vụn sự tích anh hùng mà chính chúng đã huỷ hoại, tàn phá, để chúng cháy thật hết, thật sạch. Một mảnh bản thảo bị chúng cắn nham nhờ bay ra khỏi đồng lửa. Con gái tôi nhặt lên, reo to: "Bố ơi, mảnh này còn đọc được bố ạ!" Rồi nó đọc to với giọng trong trẻo ngân nga như kiểu đọc bài tập đọc ở lớp ba của nó:

Đất ơi! Con nguyện yêu người với tất cả máu xương

Với tất cả cuộc đời con mười tám tuổi

Con vui sao khi nghĩ tới gương mặt người trong tương lai

Rửa sạch hết lửa, máu và bùn tươi vui chói lọi

Người sẽ hát cho những thế hệ mai sau nghe về Thế giới Đại đồng

Mà thế hệ chúng tôi hôm nay không tiếc máu để sửa soạn cho lời ca...

Đây là đoạn thơ tôi tả cái chết của người chính trị viên trung đội, đảng viên Đảng Cộng sản độc nhất của đơn vị cảm tử quân. Trước lúc hy sinh anh cúi phục xuống hôn đất quê hương bị lửa giặc thiêu đốt sấp thành gạch nung...

Với các nhà văn khác thế nào tôi không rõ. Với riêng tôi, trong suốt cuộc đời làm văn của mình, có vài ba đề tài ám ảnh tôi không phút nào nguôi. Nó giống món nợ "bát cơm Phiếu mẫu", không trả được chết không nhắm mắt. Nó giống mối tình "khắc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào". Giống cái lưỡi câu có ngạnh dài và sắc, xóc vào trí nhớ, vào con tim... Muốn gỡ được nó ra chỉ còn một cách là phải cầm lấy bút, chấm mực, trải nó trên trang giấy. Mặc dù tôi biết chắc chắn rằng đây là một công việc sẽ làm mình hao tâm tổn lực gấp mười lần thực hiện những đề tài khác. Mà kết quả rồi sẽ chẳng ra sao. Nhà xuất bản sẽ từ chối không in vì là một đề tài lỗi thời: "Ăn cơm mới, nói chuyện cũ". Nó là bài hát không còn ai hát nữa; là câu thơ không còn ai đọc nữa. Nó ám ảnh anh chỉ vì nó chỉ có ý nghĩa với riêng anh. Nó đè trĩu lên vai anh gánh nặng nghĩa tình quá khứ, kỷ niệm một thời sống chết trận mạc. Nó giống chiếc chìa khóa của gian buồng anh. Anh có đánh rơi cũng chẳng ai buồn nhặt, nhưng mất nó, anh sẽ khóc dở, mếu dở. Câu chuyện về Trung đội cảm tử quân anh Ngọc, về bác Phùng Huấn tôi... bị giặc thiêu cháy thành tro bụi trong "Huyệt lửa chôn chung" là một đề tài như vậy đối với đời văn của tôi.

Thiên hùng ca tuy bị mối xông nát, nhưng cũng đã hoàn thành. Tôi những tưởng như vậy là thoát món nợ "bát cơm Phiếu mẫu", là đã rút được cái ngạnh câu ra khỏi con tim, ký ức. Tôi hy vọng từ đây đầu óc tôi sẽ được thanh thản để chăm bẵm cho một cuốn sách khác, một đề tài khác. Nhưng không ngờ nó vẫn còn nằm nguyên ở đó.. Nó dằn vặt, hành hạ, làm tình làm tội tôi hết năm này qua năm khác đến mức không chịu thấu. Hai chục năm đã trôi qua mà tôi đành phải dẹp cuốn sách đang viết dở dang về một đề tài mà tôi hy vọng có thể bán được cho một nhà xuất bản phía nam, để trở lại với nó. Lần này tôi quyết định kể lại câu chuyện bằng văn xuôi. Tôi phải vật lộn với nó đến gần kiệt sức. Viết rồi xóa, xóa rồi viết, dàn đi xếp lại, đảo ngược đảo xuôi.

Cuối cùng tôi cũng hoàn thành được "cuốn sách nợ đời" (tôi gọi nó là như vậy). Tôi đọc đi đọc lại bản thảo, cảm thấy vừa ý, vì đã viết hết sức mình. Nhưng rồi tôi bắt đầu hoang mang, tự hỏi: "Liệu người đọc có tin câu chuyện tôi kể là có thật hay không?" Để né tránh điều này, không khó. Tôi chỉ cần đề vào dưới tên sách: Tiểu thuyết, và đổi các nhân vật như anh Ngọc thành anh Ngọc, Phùng Huấn thành Phan Hòa chẳng hạn. Nhưng tôi không đủ sức làm việc đó. Tôi cảm

thấy làm như vậy là có tội với Trung đội Vệ quốc đoàn có phiên hiệu hấn hoi, đã một lần cứu tôi thoát khỏi đạn đại liên giặc ăn thịt. Tôi sẽ trở thành kẻ vô ơn và hèn nhát vì không dám đưa đầu ra bảo đảm cho một sự thật hiển nhiên!

Để nhẹ bớt gánh nặng hoang mang này, tôi thừa một bữa tiệc nhỏ, vài chai rượu gạo với nồi cháo cá Hồ Tây. Tôi mời một số nhà văn, nhà thơ, nhà lý luận phê bình văn học thân quen, đến chơi nhà. Phần lớn họ đều ít tuổi hơn tôi, và đều có tác phẩm được xuất bản. Tác phẩm của họ từng gây nên nhiều cuộc tranh luận trên văn đàn. Tôi thật lòng ngưỡng mộ tài năng cũng như học vấn của họ. Có người kém tôi đến vài chục tuổi, nhưng xem văn họ rồi nhìn lại văn mình, thấy văn mình cũ kỹ, quê mùa hết như anh lính đánh giặc bằng mã tấu, gậy tầm vông, xem anh sĩ quan điều khiển tên lửa. Sau khi các bạn đã an tọa quanh chiếu rượu, tôi trình trọng nói: "Hôm nay mời các bạn đến uống rượu là tôi có mục đích. Tôi muốn các bạn chịu khó nghe giúp tôi cuốn sách vừa mới viết xong và cho ý kiến. Sách nhỏ thôi, chừng trăm trang in, kể một câu chuyện có thật, những nhân vật có thật. Nó là một tác phẩm chí cốt trong đời văn sắp tàn của tôi, bởi vậy, tôi mong các bạn góp ý kiến thẳng thừng, không nể nang gì hết".

Tôi đã đọc trọn cuốn sách. Các bạn đều chăm chú lắng nghe. Rồi sau đó họ không phụ lòng tin cậy của tôi, "phang" tôi thẳng thừng...

Sau đây là một số ý kiến của họ về cuốn sách:

- Về văn phong của anh tôi xin miễn bàn. Đó là văn phong quen thuộc của cái thời "Chuyện anh hùng chiến sĩ thi đua, "Người tốt việc tốt, Thượng Cam Lĩnh, Sự biến đổi ở Lý Gia Trang, Truyện một người chân chính, Đội thanh niên cận vệ"... Tôi chỉ muốn bàn về nội dung. Nếu đây là cuốn tiểu thuyết thì còn khả dĩ là trong tiểu thuyết tác giả tha hồ bịa tạc, miễn là bịa cho hay, bịa mà như thật, nhưng là sự thật không có địa chỉ cụ thể. Nhưng anh khẳng định câu chuyện anh kể là chuyện người thật việc thật thì tôi không tin. Một cá nhân anh hùng, không hạ vũ khí hàng giặc, điều đó có thể xảy ra. Nhưng cả mấy chục con người cũng quyết định như vậy, là bịa đặt. Anh hùng đâu ra mà lắm thế! Anh không nghe dân gian người ta tổng kết sao: "Thạch Sanh thì ít, Lý Thông thì nhiều!".

- Thế hệ nhà văn các anh đa số không làm văn mà làm công tác tuyên truyền. Các anh dùng văn thơ, thêm chút dấm ớt, tý tình yêu, tí tí tiêu cực cốt làm cho văn chương có vẻ như thật để tuyên truyền chủ trương chính sách. Các anh hư cấu các nhân vật tích cực, chính diện, tô vẽ nhằm mục đích nêu gương. "Đấy, ở đơn vị này, hợp tác xã kia, có người có tên tuổi, địa chỉ hấn hoi, đã làm những việc tốt như thế đấy. Họ đã xả thân vì cách mạng, vì lý tưởng như thế đấy... Câu chuyện Trung đội cảm tử quân anh hùng của anh cũng không ra ngoài quỹ đạo đó.

- Để người đọc có thể nuốt trôi câu chuyện khó tin, anh đã khôn khéo chọn một kết thúc bất khả tranh cãi: Tất cả các anh hùng đều bị thiêu cháy thành tro. Cháy hết thành tro thì con ai có thể tranh cãi với anh được nữa? Nhưng biện pháp nghệ thuật của anh là con dao hai lưỡi. Nếu câu chuyện này vào tay tôi, tôi sẽ viết ngược lại, và tôi cũng khẳng định là hoàn toàn sự thật. Tôi sẽ viết khi nghe tiếng loa bọn giặc gọi hàng, cả trung đội cảm tử tranh nhau ném hết vũ khí xuống sân, kể cả con dao nhíp nhỏ. Rồi từng người một, hai tay chấp sau gáy chạy ra khỏi nhà. Họ còn tranh nhau mà chạy nữa kia. Chỉ huy xô lính, lính xô chỉ huy, mạnh ai nấy chạy. Trước nguy cơ bị chết cháy, kỷ luật, tình đồng đội, đồng chí chẳng là cái đĩnh gì hết!

Tôi không nhịn được, cắt ngang: "Nhưng ngôi lầu bị thiêu cháy, hôm đó cả mặt trận đều nhìn thấy?"

Sao anh ngây thơ thế? Ừ, đúng là ngôi lầu bùng cháy, một ngọn Hỏa Diệm Sơn như anh đã tả. Nhưng bọn giặc chỉ đốt ngôi lầu khi cả trung đội đã ra hàng. Chúng đốt để bịt mắt các anh, bảo vệ cho những người ra hàng chúng. Chúng làm cho các anh quan sát từ xa, tưởng lầm rằng đồng đội của mình đã chết bất khuất, anh hùng... Trong khi đó, chúng bí mật đưa họ vào vị trí, cho ăn uống, băng bó các vết thương, rồi tiến hành khai thác tài liệu. Sau đó, chúng đưa họ đến một thành phố chúng chiếm đóng như Sài Gòn, Đà Lạt chẳng hạn... Chúng cho họ ăn chơi xả láng, cơm no rượu say, gái đẹp. Chúng lọc ra những anh nông dân nông nặc mùi bùn ruộng sâu như ông bác Phùng Huấn của anh, cho sung vào lính ngự, hoặc làm cai tù, cai ngục. Chẳng mấy chốc, chúng biến họ thành những tên ác ôn. Đánh đập tra tấn những người trước đó chưa lâu, đã từng là đồng chí, đồng đội của họ. Rồi càn quét, bắn giết, hãm hiếp đồng bào từng cu rư mang nuôi sống họ! Anh ngạc nhiên à? Thì Hoàng Văn Hoan đây thôi. Tham gia cách mạng từ thời Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, từng là uỷ viên Bộ chính trị, Phó chủ tịch Quốc hội. Nhưng rồi y đã bị nhà nước ta tuyên án tử hình vắng mặt vì tội phản bội Tổ quốc! Thế thì ông

bác Phùng Huấn tiểu tốt vô danh của anh thành một tên lính ngự ác ôn có gì là lạ? Còn trung đội trưởng Ngọc, chúng cho đi học các trường võ bị Thủ Đức, Đà Lạt... Ra trường, y trở thành quan hai, quan ba, chỉ huy những đoàn quân cơ động ứng chiến, quay lại, cùng với bọn Pháp tiêu diệt cả Trung đoàn 101 của anh, trong trận căn Thanh Hương mà có lần anh đã kể với chúng tôi. Còn chính trị viên trung đội, con nhà Hoàng tộc, chàng-trai-cộng-sản, người anh hùng lý tưởng của anh, thì được chúng gửi ra nước ngoài học các trường tinh báo, gián điệp và sau đó trở thành một điệp viên nhà nghề. Hoặc y sống lưu vong, lập các Hội văn bút hải ngoại, viết văn, biết báo chống Cộng. Chuyện này đã từng xảy ra với cả những con người mà ta bắt ngờ nhất. Họ là con cưng của chế độ. Được chế độ đặc biệt ưu đãi, tin cậy cử họ ra công tác ở những quốc gia đối địch, với hy vọng họ sẽ làm thêm vinh danh cho Tổ quốc. Nhưng vừa ra khỏi biên giới Tổ quốc, họ quay lại cản trở chế độ một cách dũ dằn, độc địa với những bài báo, cuốn sách, mà họ nhân danh sự thật! Thế thì chàng trai cộng sản tiểu tốt vô danh của anh trở thành một cây bút chống Cộng, có gì đáng ngạc nhiên?! Đấy, tôi sẽ viết về cái Trung đội cảm tử quân Anh hùng, Nghĩa khí của anh theo chiều hướng đó. Anh hãy tranh cãi với tôi đi! Tôi tin rằng anh không thể tranh cãi nổi! Vì trong tay anh không có một chút bằng chứng để chứng minh rằng, câu chuyện anh kể là đúng sự thật. Ngược lại tôi có thể chứng minh với anh bằng hàng chục, hàng trăm chứng cứ về những việc và những người tương tự xảy ra hên tiếp trong những năm gần đây...

Có lẽ vì nhìn thấy vẻ mặt thảm hại của tôi khi phải nhận liên tiếp những cú đấm tới tấp của sự thật không thể chối cãi đó, một anh bạn trẻ làm công tác phê bình văn học cười phá lên và đọc nhại câu thơ của Nguyễn Khuyến:

"Khốn nạn thân anh!

Đéo mẹ cha chúng!"

Nếu anh còn muốn được chúng tôi coi trọng như một nhà văn đích thực, thì anh nên theo gương một nhà văn cùng thời với anh "Ai điếu nền văn học minh họa!". Nền văn học đã đẻ ra những tác phẩm tô vẽ hiện thực...?

Tôi rót đầy một ly rượu, uống cạn một hơi để có thể nuốt trôi những ý kiến về tác phẩm của mình. Như thể dùng một cốc nước lã đầu để chiêu những viên thuốc quá đắng. Tôi buồn rầu nói: "Phải, tôi là người bộ hành còn sót lại trên con đường không còn ai đi nữa. Tôi không đủ sức để minh chứng những điều tôi viết là đúng sự thật. Trước hết vì tôi bất tài. Sau nữa vì trong tay tôi không có lấy một mảy may chứng cứ, dù chỉ là một nắm tro của hình hài đồng đội tôi chết thiêu trong lửa giặc. "Các anh ơi, sao các anh chết đi. mà không buồn để lại cho thằng em các anh một nắm tro nhỏ hài cốt, để nó có thể chứng minh được với các thế hệ sinh sau để muộu rằng, các anh đã sống hào kiệt và chết anh hùng?". Có tiếng vọng gay gắt: "Nhưng chứng minh để làm gì? Và tại sao cần phải chứng minh? Khi chúng tôi quyết định thà bị thiêu cháy trong lửa xăng nhưng quyết không hạ vũ khí, hai tay chấp sau gáy ra hàng giặc. Chúng tôi đâu có ý định làm anh hùng lưu danh muôn thuở! Chúng tôi quyết định như vậy vì Tổ quốc kêu gọi, vì chúng tôi muốn con, cháu, chắt, chít... chúng tôi được sống trong danh dự. Sự sống là vĩ đại. Và cơm và bánh mì là cội nguồn của sự sống. Nhưng danh dự cũng vĩ đại không kém. Chính em đã viết đúng về thế hệ Vệ Quốc quân chúng tôi:

Nhưng dù chết em ơi

Yêu em anh không thể

Hôn em bằng đôi môi

Của một người nô lệ!

Chúng tôi không quen với ý nghĩ: Nô lệ hay Tự do chẳng là cái gì! Miễn là được hôn! Vì danh dự mà Bá Di và Thúc Tề chịu chết đói, chứ không thèm ăn thóc và cả rau Vi của nhà Chu. Có lẽ ngày nay, người ta cho đó là những kẻ gàn dở. Nhưng chúng tôi yêu quý sự gàn dở đó...! Nếu rơi vào hoàn cảnh cay cực, con người có thể hành khát cơm và bánh mì, nhưng không thể hành khát danh dự! Chúng tôi nghĩ vậy, nên chúng tôi đã lựa chọn cực hình của hỏa ngục để bảo toàn danh dự. Làm của gia bảo để lại cho con cháu, chắt, chít, chít... chúng tôi như nghe văng bên tai tiếng trả lời rành rọt của các anh Cảm tử quân ngày đó về những ý nghĩ trách cứ của tôi. Tôi uống cạn ly rượu tràn đầy thứ hai rồi nói tiếp ý nghĩ của mình:

- Dù các bạn có khinh để tôi cho tôi là loại nhà văn lỗi thời, tôi cũng không thể noi gương nhà văn họ "ai điếu" tác phẩm của mình. Tôi viết với niềm tin không gì lay chuyển nổi. Tôi không hề minh họa. Tôi kể lại sự thật. Có những sự thật quá lớn lao của một thời, đến nỗi hậu thế nhìn qua lớp sương mù của thời gian, không thể nào tin nổi.

Thật ra, một nhà văn có tài vẫn có thể thuyết phục được người đọc tin những điều họ viết, ngay cả khi không có một chút bằng chứng trong tay. Tôi vừa bắt tài lại vừa không có bằng chứng, các bạn không tin tôi là phải lắm. Bởi vậy, nếu cần ai điều thì tôi chỉ ai điều cho sự bắt tài của tôi... Nồi cháo cá đã nguội ngắt mà bếp lửa đã tắt ngấm. Tiện tay tôi cầm tập bản thảo chằm vào ngọn đèn dầu, và đốt vào bếp. Tôi cười buồn, nói với các bạn: "Không phải tôi định ai điều nó đâu, mà đơn giản là nhờ nó giúp hâm nóng lại nồi cháo cá để các bạn được ngon miệng...".

Thưa văn hữu Nguyễn Đắc Xuân và các chiến hữu cùng Trung đoàn Trần Cao Vân năm xưa. Kể từ buổi sáng trong cái phút giận thân, tôi đốt thành tro tác phẩm người thật việc thật của tôi đến nay đã nhiều năm trôi qua. Tôi cố gắng không nhắc nhở đến nó nữa, như không muốn nhắc đến kỷ niệm buốt lòng về một người ruột thịt đã quá cố Nhưng thi thoảng bất chợt nhớ đến, tôi vẫn thấy cổ họng mình đắng nghét nỗi niềm... Thế rồi vào một lúc bất ngờ nhất, tôi được đọc bài báo tường thuật việc phát hiện 17 bộ hài cốt hết sĩ nằm sâu trong lòng đất đã 46 năm. Sau đó tôi lại được nhìn các tấm hình gửi từ Huế ra, chụp các góc độ của khuôn viên khai quật. Người tôi ớn lạnh! Thì ra, các anh Cẩm tú quân thành Huế chưa cháy thành tro như ngày đó chúng tôi tưởng. Các anh đã kịp rút xuống tầng hầm của ngôi lầu và kịp dùng mìn đánh sập cái khối bê tông, gạch, đá, sắt đồ sộ phủ lên tầng hầm, như ngày đó chúng tôi phỏng đoán, làm cho lửa xăng không bén được đến xương thịt và vũ khí của các anh, dù nó đã cháy suốt một đêm và nửa ngày hôm sau.

Bây giờ thì tôi không những chỉ có một nắm tro, mà có những mười bảy bộ hài cốt để chứng minh câu chuyện tôi kể là có thật. Một tập thể anh hùng, hào kiệt thà bị thiêu cháy, quyết không hàng giặc là có thật. Người chiến sĩ cộng sản từ bỏ giai cấp mình, xả thân vì lý tưởng Thế giới đại đồng là có thật! Qua lời tường thuật của bài báo và các bức ảnh chụp khuôn viên khai quật, chúng ta thấy rất rõ ràng, ngay cả khi lửa xăng cháy rừng rực phủ kín quanh mình, các anh vẫn tổ chức cuộc rút xuống tầng hầm một cách bình tĩnh, kỷ luật, trật tự, xứng danh là những người lính cảm tử của Tổ quốc. "Đào xuống độ sâu 0,7 mét, hai bộ hài cốt nằm cạnh nhau. Bộ hài cốt quá cỡ là Trung đội trưởng Nguyễn Ngọc Giao (chúng tôi quen gọi là anh Ngọc). Chị Nguyễn Thị Dung, em gái ruột của anh Ngọc Giao hiện là bác sĩ Viện Tai mũi họng, cho biết anh trai mình cao một mét tám ba. Bộ hài cốt thứ hai nhỏ thó cùng nằm với khẩu súng lục ru-lô và con dao găm chính là chính trị viên Trung đội Vĩnh Tập. Vĩnh Tập là đảng viên cộng sản duy nhất của đơn vị và là chất nòng của vua Hiệp Hòa. Nếu không có cuộc Cách mạng tháng Tám, và nếu anh còn sống, có thể anh làm vua. Anh ruột anh là Vĩnh Mẫn, tức đại tá Phan Thắng, chính uỷ Hải quân Cửa Việt, bạn chiến đấu của tôi từ ngày còn ở chiến khu Hòa Mỹ. Đào sâu xuống thêm 0,5 mét là mười lăm bộ hài cốt nằm sát bên nhau, cùng với vũ khí. Trong đó có hài cốt của ông bác tôi Phùng Huấn với chiếc "lập lắc" bằng nhôm cứng, lủng lẳng nơi xương cổ tay. Như vậy là chiến sĩ rút trước, chỉ huy rút sau cùng. Có thể chính hai anh Ngọc Giao, Vĩnh Tập đã đánh mìn ngôi lầu trước khi rút.

Đội hình hài cốt của Trung đội cảm tử quân nằm sâu dưới đất 46 năm, gửi lại hậu thế bức thông điệp: "Những chiến sĩ quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh". Chúng tôi khi cần phải chết, chúng tôi đã chết đĩnh đạc, đàng hoàng, chết trong danh dự, với đội hình chiến đấu". Tôi nghĩ rằng, ngay cả cái chết của các anh cũng nặng trĩu ý nghĩa nêu gương!

Ngày 27-7-1992, học tục lệ của nhân dân quê tôi cúng tế các chiến sĩ trận vong, tôi chờ đến đêm khuya thanh vắng, lập một bàn thờ nhỏ trước sân nhà: Một cái khay đặt bông, muối, rượu trắng, một bát nhang. Tôi thấp hương, ngóảnh mặt về hướng Nam, quỳ phục xuống đất, lạy bốn lạy rồi khấn: "Em là Phùng Quán, thằng em nhỏ đội viên liên lạc ngày nào ở Mặt trận Huế cùng với các anh, nay đã sáu mươi hai tuổi. Các anh đã sống về vang, chết anh hùng, treo cao gương nghĩa liệt cho hậu thế. Em nguyện cầu vong linh các anh được siêu thoát, và về đây chứng giám cho lòng biết ơn sâu nặng, thủy chung của em. Các anh đã cứu sống em hai lần. Lần thứ nhất trong trận đánh vị trí miếu Đại Càn, các anh cứu em thoát khỏi đạn đại liên giặc ăn thịt. Lần thứ hai, bốn mươi sáu năm sau, chính bằng hài cốt của mình, các anh đã minh chứng được cho em, những điều em viết về các anh là hoàn toàn sự thật.

Vì một nhà văn viết ra những điều mà không còn ai tin nữa, thì nhà văn đó coi như đã chết!

Hồ Tây, 14-8 Âm Lịch

Năm Nhâm Thân

15. Tuổi thơ dữ dội - bản di chúc chiến sĩ của tôi

(Tuổi thơ dữ dội, 3tập, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế, 1987)

Mười tám tuổi, trước giờ xuất kích đánh một trận công kiên lớn nhất trên chiến trường quê hương, tôi đã viết những vần thơ di chúc sau đây:

Nếu tôi chết, xin các đồng chí đừng đưa

tôi đi đâu hết cả

Hãy chôn tôi nơi chính tôi đã ngã!

Nếu mộ của tôi là vị trí tốt để đánh mình

Xin các đồng chí đừng do dự gì hết cả

Hãy đào mộ tôi lên!

Quẳng hài cốt tôi đi!

Và thay vào đó cho tôi một trăm cân

thuốc nổ.

Hai mươi bốn tuổi, trong một trận đánh khác còn dữ dội hơn, tôi phải sa vào một hoàn cảnh thật khùng khiếp, bị ra khỏi hàng ngũ nhà văn. Đàng đẵng suốt hai mươi năm trời, với nghị lực và lòng can đảm chiến sĩ, tôi tận sức chiến đấu để tự minh oan cho mình.

Trong túp lều bên bờ Hồ Tây, tôi quyết định viết bản di chúc chiến sĩ thứ hai của đời mình. Tôi viết di chúc trên những trang giấy một mặt, hoen ố, lấm láp, nhặt nhanh mua lại của bà chè chai đồng nát, như Quỳnh-sơn-ca, viết vở nhạc kịch mộng tưởng của đời mình trên những lá cây vả rừng nhặt nhanh bên bờ sông Ô Lâu ở chiến khu Dương Hòa. Bản di chúc hơi dài, những tám trăm trang, và tôi phải viết mất mười tám năm. Rồi Đại hội Đảng lần thứ VI đã đến mở ra những hướng mới. Hội Nhà văn Việt Nam tuyên bố phục hồi hội tịch cho tôi. Bản di chúc chiến sĩ được nhà xuất bản quê hương tôi in ra hai mươi ngàn bản với cái tên: Tuổi thơ dữ dội.

Rồi một hôm, tôi được Hội Điện ảnh Việt Nam mời đến dự buổi chiếu phim Tuổi thơ dữ dội tại trụ sở Hội. Xem phim tôi đã khóc như con nít. Trong bóng tối phòng chiếu, trong tiếng đạn nổ, bom gầm, lửa cháy, máu chảy, lá rụng, chim hót, tiếng cười trong trẻo trẻ thơ, tiếng nhạc bi thiết fấu lên với cây đàn tự tạo bằng những cái vỏ chai đựng thuốc sốt rét, thuốc ghê, thuốc ho..., tôi thì thảo qua nước mắt: "Cảm ơn các bạn nhỏ Vũ Thanh Bình, Nguyễn Hoàng Anh, cảm ơn Nguyễn Vinh Sơn, Huy Thành và tất cả các bạn khác trong đoàn làm phim, mà tôi chưa từng gặp mặt. Các bạn đã phiên dịch bản di chúc của tôi thành ngôn ngữ nghệ thuật của các bạn một cách tài hoa và sâu sắc đến kinh ngạc. Còn hơn thế, các bạn đã đọc chuẩn xác, trọn vẹn bức thông điệp của tôi được mã hóa bằng từ ngữ, đánh đi từ bản di chúc. Các bạn là những tay thám mã tuyệt vời!... Thì ra những gì thật sự chân thành, lương thiện, trong sạch và cao thượng đều có khả năng kỳ diệu tự mở lấy con đường đến thẳng trái tim các thế hệ, mà chẳng cần giảng giải, biện minh. Các bạn đã dựng tôi sống lại từ đáy huyết những tháng u ám nghiệt ngã, cùng các bạn ném chung vị thanh sạch của hạnh phúc sáng tạo; giống Quỳnh- sơn-ca sống lại từ đáy mồ chiến sĩ phủ kín lá rụng, cùng với Mừng, ném chung vị ối rừng vừa chát đắng, vừa ngọt ngào tình chiến hữu. Tôi và Nguyễn Vinh Sơn lần đầu tiên gặp nhau tại Chòi-ngắm-sóng của tôi bên bờ Hồ Tây. Chúng tôi lặng lẽ ôm nhau. Cùng là dân Huế cả. Tuổi Vinh Sơn bằng tuổi con gái đầu lòng của tôi. Vinh Sơn nói: "Thoạt nhìn chú, cháu cứ ngỡ là ông lão làm vườn ở vùng Lái Thiêu, Thủ Đức". Tôi cười: "Còn chú, thoạt nhìn cháu, chú ngỡ ngỡ là thằng bạn giữ trâu của chú ở làng Thanh Thủy Thượng, quê nội chú".

Chia tay nhau, tôi tặng Vinh Sơn một mảnh trầm hương cất giữ đã lâu, kèm với mấy câu thơ vịnh trầm:

Thoạt nhìn tưởng củi mục

Cháy lên mới thấy thơm

Kiếp trước trầm đích thực

Anh hùng và thi nhân.

Chòi-ngắm-sóng

Tháng 7-1990

16. Sinh ra trong một gia đình cách mạng

PHỤ LỤC

NGUYỄN VĂN (*)

(*) Nguyễn Văn, tức Lê Bốn, tên thật là Phùng Lưu, sinh năm 1916, là chú ruột của nhà văn Phùng Quán, đã nghỉ hưu) hiện đang sống tại 70 Hai Bà Trưng, Huế. Ông Phùng Lưu tham gia hoạt động cách mạng từ phong trào Dân chủ 1936-1939, thoát ly gia đình đi làm cách mạng từ tháng 5-1945 Trong 30 năm kháng chiến chống Pháp chống Mỹ, thì gần 24 năm ông chiến đấu tạt chiến trường quê hương Thừa Thiên - Huế. Nguyên là Khu uỷ viên Khu uỷ Thừa Thiên - Huế, Bí thư Tỉnh uỷ Thừa Thiên - Huế...

(Chú thích của Ngô Minh).

Gia đình tôi là nhà nông nghèo, bố tôi Phùng Kiểm là nhà nho, mẹ tôi Lê Thị Me là bần nông. Bố mẹ tôi vay tiền của nhà giàu, thuê ruộng ô ruộng đầm để làm ăn với giá rất rẻ, nếu may mắn được mùa thì trở nên giàu có, nhưng chẳng may bị mất mùa liên tiếp, vì lụt sớm nên ruộng bị ngập không thu hoạch được, bị vỡ nợ, phải bán hết tài sản để trả nợ. Gia đình bị bần cùng, thường bị thiếu đói. Bố tôi xin làm lính hộ lăng của nhà vua ở lăng Minh Mạng, được cấp một mẫu ruộng công, gọi là ruộng lương điền, ruộng hạng nhất. Mẹ tôi chăm lo làm ruộng rẫy, được màu, đủ nuôi con ăn học...

Bố tôi bị giặc Pháp bắt hai lần, bị tra tấn dã man, có lần bị địch đốt cả râu tóc, chúng bắt phải đi gọi con cháu về, nhưng bố tôi giữ vững khí tiết của một nhà nho yêu nước, kiên quyết chịu đựng, kiên quyết không khuất phục. Ông qua đời năm 1957. Hàng năm cứ đến ngày 28 tháng 5 âm lịch là ngày lễ tế âm hồn, lễ tế chiến sĩ vong trận, mẹ tôi đem xôi, gà, bánh đến cúng ở các đền âm hồn của làng... Mỗi lần cúng giỗ, mẹ tôi khóc lóc thảm thiết, cúng giỗ xong anh tôi hát về thất thủ kinh đô, giọng ca lên bổng xuống trầm, lúc thì oán hờn giặc Pháp, lúc thì như rên n nghe mà xót xa trong lòng. Mẹ tôi thường kể chuyện lính Tây đi tập trận, phá nương rẫy sắn khoai, tự do nhổ củ đậu, hái dưa leo để ăn, đuổi bắt phụ nữ để hãm hiếp. Mẹ tôi còn kể chuyện những thằng Cò Tây bắt người nhốt vào buồng cho chó becger cắn vì không trả đủ nợ cho con mụ mẹ Tây vợ nó... Mẹ tôi say sưa kể chuyện, vừa kể vừa chửi rủa thằng Tây... Ôi, mẹ tôi dạy cho tôi lòng yêu nước, chí căm thù giặc từ khi tôi còn bé... Anh cả tôi Phùng Văn Nguyễn, học lớp đệ tam niên nội trú Trường Quốc Học, hăng hái tham gia các phong trào truy điệu cụ Phan Chu Trinh, đòi thả cụ Phan Bội Châu, tham gia các cuộc bãi khóa, xuống đường biểu tình chống chế độ thực dân Pháp năm 1926. Sau đó bị bắt giam, bị kết án 2 năm tù treo, và bị bồi thường 3 năm tiền học phí là 360 đồng bạc Đông Dương. Số tiền quá lớn, vì giá thóc hồi đó một tấn chỉ 25 đồng, bố mẹ tôi phải bán hết gia tài và phải vay thêm mới đủ 360 đồng để nộp cho thực dân Pháp. Thế là gia đình tôi lại lâm vào cảnh nghèo khó, mẹ tôi quá đau buồn, ốm rồi chết. Bố tôi bị bệnh rất rét kinh niên, xin thôi làm lính hộ lăng nhà vua, phải trả lại một mẫu ruộng lương điền. Nhưng nhờ có 6 suất ruộng khẩu phần (2 mẫu 4 sào) là ruộng công điền xã chia cho dân, bố tôi cố gắng lao động, cấy cấy số ruộng đó để nuôi sống gia đình, nhưng vì nợ nần chồng chất nên vẫn nghèo nàn.

Anh tôi bị quản thúc ở xã nhưng trốn vào Sài Gòn, đổi tên là Phùng Quý Đông thi đỗ vào ngạch công chức của Pháp, được bổ nhiệm làm Thông phán số kho bạc Sài Gòn. Sau mấy năm làm công chức Pháp, anh tôi tưởng là hết hạn tù treo rồi thì không còn gì rắc rối nên xin chuyển về Huế để lập gia đình, không ngờ bị tên cường hào Lý Hòe tố giác anh tôi can án chính trị mà trốn vào Sài Gòn đổi tên làm công chức, phạm tội "cải danh tòng dịch". Anh tôi xin chuyển vào Hội An để tránh né nhưng vẫn bị mật thám theo dõi, phải đi trốn. Định chạy sang Lào nhưng đến Đà Nẵng thì bị bắt và bị giam ở nhà lao Đà Nẵng. Sau hai tháng bị tra tấn thì chết trong lao tù. Năm 1932, khi anh tôi chết, đưa con trai duy nhất của anh chưa biết đi, mới biết bò. Sau này nó chính là Phùng Quán - Phùng Quán tham gia thiếu sinh quân...vào bộ đội vệ quốc quân Trung đoàn 101 rồi trở thành nhà văn, nhà thơ có tên tuổi, nay đã qua đời.

Em trai tôi là Phùng Thị, sau Cách mạng tháng Tám làm Trưởng ban quân sự huyện Hương Thủy, tham gia Thương vụ Thành uỷ Huế, cán bộ văn phòng Liên khu uỷ 4, cán bộ Bộ Văn hóa Thông tin, nay nghỉ hưu tại thành phố Hồ Chí Minh. Cháu ruột tôi là Phùng Văn Lép (Châu), tham gia vệ quốc quân Trung đoàn 101, là liệt sĩ, anh dũng hi sinh ở chiến trường. Tôi phải nói đến

người anh con bác ruột tôi thường ở với gia đình tôi là Phùng Đông, Tham mưu trưởng chi đội Trần Cao Vân, là liệt sĩ hy sinh năm 1947.

Con trai tôi Phùng Ngọc Bích là liệt sĩ trong kháng chiến chống Mỹ, chiến sĩ E95A, hy sinh ngày 30-12- 1968...

(Trích hồi ký "Đời người cách mạng của Nguyễn Vạn, NXB Thuận Hóa năm 2000 - trang 10,11, 12)

17. Yêu đến tận cùng

18. Mẫu chuyện vui về Phùng Quán: ẮN VỤNG

Bảo Ngọc

... "Cô Trâm dạy văn lớp chúng tôi có một năm, nhưng đối với riêng tôi, cô là người mẹ hiền thứ hai của tôi. Cô Trâm của chúng tôi là một người đặc biệt. Tình yêu của cô đối với chú Phùng Quán, sự chịu đựng những dị nghị, thành kiến xã hội trong suốt cuộc đời của cô thật vĩ đại không gì có thể miêu tả và so sánh nổi"...

Trên đây là hồi ức của Bùi Việt Hà - Giám đốc Công ty SchoolNet, nguyên học sinh lớp 10I chuyên toán Trường cấp 3 Chu Văn An (Hà Nội) khoá 1970-1973 - trong cuốn sách của anh tự xuất bản kỷ niệm 30 năm ngày ra trường. Đây là lớp học sinh để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong sự nghiệp dạy văn của bà Vũ Thị Bội Trâm, bởi họ là học sinh chuyên toán nhưng học văn cũng rất hay - theo nhận xét của bà. Nhưng cũng chính lớp 10I này còn gắn với một kỷ niệm vừa buồn lại vừa vui. Bà Trâm kể: Năm ấy, tôi được Ban giám hiệu phân công dạy lớp 10 là lớp cuối cấp. Nhưng có một đồng chí trong chi bộ e ngại, nói: "Phân công như vậy thì đến phần văn học hiện đại, Phùng Quán phụ nhân sẽ dạy thế nào?". Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn lúc ấy là anh Giang Văn Nguyên vẫn bảo lưu ý kiến để tôi dạy lớp 10. May mà, cái lớp 10 ấy lại đạt kết quả tốt nghiệp môn văn rất tốt. Anh Nguyên được một phen hù vía.

Trong cuộc đời làm giáo viên văn của bà, còn nhiều "tai nạn" kiểu như thế, nhưng rồi bà vượt qua hết, để giữ (và cũng vì) cả hai tình yêu trong mình: với nghề dạy văn và với người chồng tài hoa, nhân ái. Bà bảo: Khi mà mình đã tự nguyện thì không gì có thể ngăn cản được mình vượt qua mọi khó khăn thử thách.

Vũ Thị Bội Trâm là con gái Hà Nội cổ. Đình làng họ nội ở 90 Hàng Đào, còn đình làng họ ngoại là đình Bạch Mã ở phố Hàng Buồm. Bà sinh ra và lớn lên ở phố Hàng Cân trong ngôi nhà thừa kế của họ nội. Có điều lạ là bà sống cùng bố mẹ suốt 50 năm, trong đó 20 năm là "gái có chồng" hảnh hoi. Bà Bội Trâm tự nhận vợ chồng mình đích thực là ông Ngâu bà Ngâu tân thời. Chồng ở Nghi Tàm với mẹ nuôi, vợ và con ở "nhà ngoại", chỉ thứ bảy, chủ nhật mới đoàn tụ cùng nhau tại ngôi nhà nhỏ sát Hồ Tây. Cái sự lạ này là hậu quả của một sự cũng lạ, đó là việc ông Quán nên vợ nên chồng với bà Bội Trâm.

Sau ngày tiếp quản Thủ đô, chàng Vệ quốc quân Phùng Quán từ Khu 4 về Hà Nội cùng với người bạn của mình - anh Vũ Hường, em trai giáp Bội Trâm. Vũ Hường đưa bạn về nhà mình, và như nhiều gia đình Hà Nội lúc đó, anh bộ đội Quán được nhận làm con nuôi.

Tôi coi anh như một người bạn, đối xử với nhau tự nhiên, bình đẳng. Còn anh lịch sự gọi tôi bằng chị, khoe đã có người yêu cũng là người Hà Nội, là diễn viên múa của một đoàn văn công. Rồi tôi yêu anh lúc nào không hay. Đến khi anh "gặp hạn" thì tôi không thể xa anh được nữa. Mẹ tôi thương cả hai đứa, nhưng lo lắng không biết tương lai sẽ ra sao với chúng tôi. Còn bố tôi đạp xe lên tận Nghi Tàm, lấy hết can đảm nói với người có ý định làm con rể mình: Bố mẹ rất quý anh, nhưng con Trâm lấy anh thì nó khổ quá. Nói xong, cụ quay xe đạp vội đi như chạy trốn chính mình.

Anh Quán kể lại với tôi như vậy.

Có người ở Sở Giáo dục đến nhà khuyên gia đình không nên cho Bội Trâm lấy anh Quán vì như thế có thể bị thôi dạy học. Biết tin, tôi nói với mẹ: Con còn lành lặn, đủ mắt mũi chân tay, không cho dạy học thì con làm việc khác. Năm ấy là 1957. Hằng hụi và ám ảnh, anh Quán đòi về Quảng Bình câu cá sinh sống. Tôi sợ quá, chỉ sợ anh chết. Phải ràng buộc vào anh để anh bỏ ý định tự sát.

Đến năm 1962, sự việc đã nhạt bớt đi, chúng tôi mới được lấy nhau. Chỉ có coi trâu chạp ngô và đăng ký kết hôn chứ cũng không làm đám cưới, vì anh chẳng có tư cách gì mà hỏi vợ: không gia

đình, không tiền, không nhà cửa, không lương, lại cũng không thể in thiệp mời vì không ai dám in tên anh lên thiệp. Thế là tôi trở thành vợ anh mà không được làm cô dâu. Chiếc giường tân hôn là giường cá nhân mượn lại của anh Phan Vũ (anh Vũ mượn lại của xưởng phim). Khi sắp sinh con đầu lòng, tôi được phân phối 7m vải giá 14 đồng, nhưng không có tiền mua. Dịp ấy chuẩn bị Tết thiếu nhi, một anh bạn đặt anh Quán viết truyện ngắn để có nhuận bút mua tã cho con. Dù đang chữa vượt mặt, tôi vẫn phải ngồi chép truyện do anh đọc để bản thảo gửi đi mà không có chữ anh Quán. Thế là có cho con được 8 tã chéo và 4 tã vuông.

Đau nhất cho anh Quán là lúc đón con từ tay bà ngoại. Bà nói nhỏ nhưng vẫn đủ nghe: Chẳng biết rồi có ngóc đầu lên được không? Thế là anh Quán tủi thân, 15 ngày sau mới đến lại thăm vợ con.

Có một "nỗi khổ" nữa với người thơ mà bà Trâm phải vui vẻ vượt qua, đó là tiếp khách. Nhiều năm bị xa lánh, nhà thơ Phùng Quán từng tuyên ngôn quá lời như ông vẫn hay thế: Con bỏ hung bước qua cửa nhà khi có tôi ở nhà cũng là thượng khách của tôi. Vậy nên, phải chiều ông thôi. Cho ông khỏi buồn. Lọ lác bà rang sẵn để sáng sáng ông nhấm vài hạt trước khi uống rượu cho đỡ hại gan, nhưng chẳng khi nào tồn tại đến hôm sau. Tuy nhiên, "được hóng chuyện bạn văn thơ của chồng cũng rất thích" - bà nói thế. Bây giờ, đã 10 năm ông ra đi, nhưng bạn bè đủ mọi lứa tuổi vẫn đến với ông luôn, dù chỉ để thắp một nén nhang tỏ lòng ngưỡng mộ và thương tiếc. Bà Trâm nói vui: Tôi được hưởng nhiều lộc của anh ấy lắm!

Còn nỗi đau muôn thuở của phụ nữ là phải chia sẻ tình yêu cho người đàn bà khác, bà Trâm cũng "Lĩnh đủ". Do chồng đã tài hoa lại hay cả nể. Cũng khó phen phải "đánh đồng dẹp bắc" ghê lắm. Nhưng bà tự an ủi mình: Quan tha ma bắt. Đi với cô nào ra thơ thì cảm ơn, còn ra cái khác là "Liệu hồn". Nhưng anh Quán là người rất vị tha, nhân ái nên khó mà giận anh hay buộc anh phải giận ai. Mỗi khi tôi tức giận ai đó "xấu chơi", anh lại cười xòa, bảo: "Lỗ Tấn nói: "Trẻ con lấy khóc làm cơm, còn đàn bà lấy hận làm cơm", đúng lắm. Nhưng, em có giận anh cũng được. Anh thì chẳng hận ai, oán ai bao giờ. Làm thế mình khổ trước". Ngẫm ra, anh nói đúng.

Tự nguyện đến với ông, bà dám chấp nhận hết thảy, vượt qua hết thảy. Tình yêu với chồng là thế - một tình yêu duy nhất. Còn tình yêu với nghề dạy học, ở bà, cũng vậy. Ban đầu, bà vào nghề bằng một sự bắt buộc: do thi hai lần không đỗ tú tài nên đi dạy học để đỡ gánh nặng cho cha mẹ, dành việc học cho 6 đứa em dưới mình. Sau đó, bà quyết học cao lên nữa, vừa đi dạy, vừa đi học, cả chính quy lẫn hàm thụ. Thi bằng đỗ tú tài. Rồi thi vào Đại học văn khoa khóa đầu tiên, đỗ. Không biết có phải do được học với toàn những người thầy nổi tiếng như Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Trương Tửu, Trần Văn Giàu..., hay do Trường Đại học Văn khoa đổi thành trường sư phạm, mà cuối cùng bà vẫn theo tiếp nghề dạy học... Dạy cấp 2, rồi đến cấp 3, từ trường Trưng Vương đến Chu Văn An, toàn những ngôi trường nức tiếng đến tận ngày nay. Nhưng tình yêu nghề đến với bà không dễ dàng. Xác định đi với nó trọn đời, mà cứ hờ hững thì không được, bà quyết tìm ra trong nghề dạy học một cái gì đó đáng yêu, để yêu. Bà lao vào công tác chủ nhiệm. Và đã tìm được niềm say mê trong đó do gần bó nhiều với trẻ. "Đã làm giáo viên phải làm chủ nhiệm mới gọi là nhà giáo". Đến tận bây giờ, sau khi đã về hưu hai chục năm mà các thế hệ học sinh cũ vẫn nhớ cô để về thăm cô, đặc biệt là cái lớp 10I chuyên toán Chu Văn An, với nhiều cái tên nổi tiếng như Trương Gia Bình, Bùi Quang Ngọc, Bùi Việt Hà, Nguyễn Chí Quang, Nguyễn Khang v.v... Có em mời bằng được cô đến dự ngày giỗ đầu của mẹ mình với mục đích giới thiệu cô giáo mình với họ hàng. Có em lo lắng cho cô với nỗi lo của mẹ người con với cha mẹ. Làm sao cô lau dọn nổi nhà cửa khi không có người giúp việc, cô nằm giường không đệm có đau lưng không? Có em vào mạng, gọi cho cô: Cô ơi, có bài viết về chú Quán đấy, em mang về cho cô đây v.v... Sung sướng lắm, vui lắm. Chuyện nghề xen lẫn chuyện đời, cuối cùng lại quay về với nhà thơ Phùng Quán. Bà đưa tôi vào căn phòng đầy ắp những kỷ niệm về ông, toàn những kỷ vật từ Chòi-ngắm-sóng mang về căn hộ mới này, phòng 204, D3, Vĩnh Phú, Hà Nội. Trên tường là những mảnh ván gỗ đầy bút tích bạn văn, những ký họa chân dung ông do bạn vẽ tặng. Còn trong tủ kính, nào chiếc quần chống muỗi bằng bao tải bột mì do ông tự khâu lấy, đôi guốc dày nặng chịch, chiếc bị cói chl có phecmotuya đến hai phần ba (cũng do ông tự khâu lấy), một phần còn lại để chỗ cho cái chai rượu thò cổ lên; nào cái mũ lá, mũ cói, mũ cối; nào con dao làm bằng mảnh máy bay... Và nhiều nhất là các tác phẩm về Phùng Quán và của Phùng Quán (cả in chui lẫn in công khai sau này). Bà Trâm tâm sự: Phần lớn thời gian còn lại của cuộc đời, tôi dành cho việc sắp xếp lại di cảo của anh Quán, nhiều lắm, tập hợp lại và nếu có thể thì đem in. Cuốn "Nhớ Phùng Quán" do Nhà xuất bản Trẻ vừa ấn hành năm 2003 gây được sự chú ý của nhiều bạn đọc đã và chưa từng biết Phùng Quán.

Chuyện của ông, kể đến bao giờ cho hết? Và, không ai khác, chỉ có bà - một cô gái Hà Nội con nhà gia giáo xưa, yêu đến tận cùng con người chân thật đến tận cùng, đến lạ kỳ ấy, mới có thể làm được

(Báo Giáo dục & Thời đại, số 125 ngày 16-10-2004).

18. Mẫu chuyện vui về Phùng Quán: ĂN VỤNG

Trong kháng chiến chống Pháp, có một thời gian Phùng Quán ở cùng đơn vị văn công với nhà thơ Thanh Tịnh. Thanh Tịnh tuy tuổi đã khá cao nhưng ông luôn vui tính, thích bông đùa, nói tếu rất hóm hỉnh. Hai người hợp tính nhau, thân quý nhau rồi thành anh em kết nghĩa. Đơn vị phân công cho hai anh em phụ trách tiết mục đọc tấu, trình diễn vào những lúc sân khấu buông màn để đối cảnh, cốt sao lấp chỗ trống cho khán giả khỏi phải chờ đợi sốt ruột. Thanh Tịnh vừa sáng tác, vừa biểu diễn tấu rất hấp dẫn, nổi tiếng một thời với bài "Lão dân quân Đông Bắc". Nhờ đó Phùng Quán cũng theo anh sáng tác một số bài tấu ca ngợi chiến công của các anh hùng dũng sĩ như bài: Đình Công phá cầu, Đình Công cắm chông.v.v... Có thể nói Thanh Tịnh vừa là người anh, vừa là người thầy dẫn dắt Phùng Quán vào làng thơ.

Có một lần, Phùng Quán và Thanh Tịnh cùng nhau đi công tác. Trời sẩm tối, hai anh em tạt vào một ngôi làng để nghỉ đêm. Sau khi tnh giấy tờ với Ủy ban xã, hai anh em được giới thiệu đến một gia đình có nhà ở rộng rãi để ngủ đạu. Hôm ấy, nhà nọ lại có giỗ. Khi đến nơi, vừa lúc cả nhà đang ăn uống vui vẻ. Cụ chủ nhà lịch sự mời hai anh em dùng bữa. Thanh Tịnh từ chối, nói dối đã ăn rồi. Tối, chủ nhà thu xếp cho hai anh em ngủ ở trên gian thờ, giường ngủ là cái phản kê trước bàn thờ. Trên bàn thờ còn để nguyên một mâm cỗ cúng.

Nằm được một lúc, Phùng Quán lay lay Thanh Tịnh dậy, kêu đói: "Tại anh đấy, người ta mời, còn làm khách. Đói quá, lại mệt nữa, em không ngủ được". Thanh Tịnh dậy nhìn quanh, thấy dưới gầm giường có một đồng khoai lang liền bảo: "Hay em lấy vài củ khoai sống, cạo vỏ đi ăn tạm cũng được". Phùng Quán không chịu, sức trai đang thì mới lớn nhịn bữa làm sao cho nổi. Lại còn phải chịu mùi hôi kéo của thức ăn bày la liệt trên mâm cỗ ở bàn thờ. Cái đói lại càng cồn cào. Phùng Quán mạnh dạn xin với anh cho ăn. Thanh Tịnh vô đầu bút tai nghĩ cách chiều chú em... Nghĩ mình luống tuổi rồi, đói một tí cũng không sao còn Phùng Quán vừa sức trẻ, vừa kham khổ lâu ngày... Anh bảo Phùng Quán dậy rồi cho lấy ở mỗi bát, mỗi đĩa một vài miếng Phùng Quán ăn tạm cho đỡ đói để ngủ được, ngày mai còn đi tiếp.

Phùng Quán ăn xong, Thanh Tịnh bôi bôi cho rơi vãi chút ít thức ăn xuống mâm rồi giục em đi ngủ. Sớm hôm sau, chủ nhà lên mời khách dậy uống nước. Nhìn mâm cỗ bị bôi, rơi vãi, ông cụ than: con mèo nhà này đến là hư, lại ăn vụng rồi! Ô hay, nó lại vọc cả vào bát chè nữa!

Hai anh em nhìn nhau bầm bụng cười...

Hết